

# Việt sử lược

TRẦN QUỐC VƯƠNG  
*dịch*

NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA  
TRUNG TÂM VĂN HÓA NGÔN NGỮ ĐÔNG TÂY



# VIỆT SỬ LƯỢC

VIỆN NGHIÊN CỨU HÁN NÔM

ĐINH KHẮC THUÂN

*Đôi chiếu, chỉnh lý*

TÁC GIẢ KHUYẾT DANH ĐỜI TRẦN  
THẾ KỶ XIV

# VIỆT SỬ LƯỢC

(GỒM 3 QUYỂN)

TRẦN QUỐC VƯỢNG  
*phiên dịch và chú giải*

NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA  
TRUNG TÂM VĂN HÓA NGÔN NGỮ ĐÔNG TÂY

## MẤY LỜI CỦA NGƯỜI DỊCH

*Chúng ta đều biết rằng, nước ta chép sử bắt đầu từ đời Trần. Quyển sử đầu tiên của nước ta - cho đến nay được biết - là sách Đại Việt sử ký do Lê Văn Hưu soạn, đời Trần Nhân Tông, năm Nhâm Thân 1272. Theo lời tựa của Ngô Sĩ Liên trong Đại Việt sử ký toàn thư và phạm lệ của sách đó, ta được biết rằng Đại Việt sử ký của Lê Văn Hưu gồm 30 quyển, chép lịch sử từ Triệu Vũ Đế (Triệu Đà) đến Lý Chiêu Hoàng. Sách ấy ngày nay không còn nữa. Nó đã bị thêm bớt, sửa chữa, bao gồm vào sách Đại Việt sử ký toàn thư.*

*Những sách sử đời Trần còn lại đến ngày nay chỉ còn thấy hai bộ: một là sách An Nam chí lược của Lê Tắc soạn ở Trung Quốc vào năm 1333, nội dung khá phong phú, nhưng đứng trên lập trường một kẻ phản quốc, dùng lời lẽ bợn phong kiến Trung Quốc mà biên chép lịch sử nước ta. Còn bộ sử thứ hai là một bộ sách nhỏ, gọi là sách Việt sử lược mà chúng ta sẽ nghiên cứu sau đây.*

*Việt sử lược là bộ sách soạn đời Trần. Sở dĩ ta biết chắc như thế là vì hai lý do:*

1. Sách này đổi họ Lý ra họ Nguyễn. Việt sử lược gồm ba quyển. Quyển thượng chép tóm tắt sự việc từ Triệu Đà đến Lê Ngọa Triều. Quyển trung và quyển hạ đều gọi là "nhà Nguyễn" (Nguyễn Kỷ) chép sự việc từ Lý Công Uẩn đến Lý Chiêu Hoàng, trong đó các vua, các quan lại họ Lý nhất loạt bị đổi ra họ Nguyễn. Vì sao vậy? Xét sách An Nam chí lược của Lê Tắc có chép rằng: Họ Trần thay lập, tất cả tông tộc nhà Lý và dân chúng có họ Lý đều bắt đổi ra họ Nguyễn để dứt lòng mong mỏi của dân"<sup>(1)</sup>. Nhà Trần lấy cố ông tổ họ Trần tên là Lý, mà bắt dân chúng phải đổi họ Lý ra họ Nguyễn.

Xem thế, sách Việt sử lược - cũng như sách Thiên uyển tập anh đều đổi họ Lý ra họ Nguyễn - là của người đời Trần soạn ra. (Các quan lại người Trung Hoa có họ Lý thì có khi vẫn để nguyên là họ Lý).

2. Cuối quyển III, Việt sử lược có chép phụ lục một bản niên hiệu các vua đời Trần (Trần triều kỷ niên) cuối cùng đề "Kim vương, Xương Phù nguyên niên, Đinh Tị" (Vua nay, hiệu Xương Phù năm đầu, năm Đinh Tị". Xương Phù là niên hiệu của Trần Đế Nghiện. Năm đầu hiệu Xương Phù là năm Đinh Tị, theo dương lịch là năm 1377. Vậy Việt sử lược là bộ sách viết vào cuối đời Trần, khoảng sau năm 1377, sau bộ Đại Việt sử ký của Lê Văn Hưu.

Trong sách không nói tên tác giả, ta không

---

<sup>(1)</sup> An Nam chí lược q.12 - "Thế gia họ Lý".

rõ của ai làm ra. Bộ sách này ở nước ta cũng thất truyền. Đến đời Càn Long nhà Thanh (1736-1795), bộ sách này mới được đem in ra, nói là theo bản của tuần phủ Sơn Đông thu nhật được đem dâng lên vua.

Người hiệu đính Việt sử lược là Tiên Hi Tô, người ở Kim Sơn (thuộc tỉnh Giang Tô), tự là Tích Chi, san định bộ Thủ sơn các tùng thư. Bộ sách Việt sử lược được lưu ở Thủ sơn các tùng thư và ở Khâm định tứ khố toàn thư đời Thanh. Nhiều nhà xuất bản Trung Quốc đã khắc in Việt sử lược.

Theo Tứ khố toàn thư tổng mục để yếu thì bộ sách này nguyên đề là Đại Việt sử lược. Đại Việt là quốc hiệu nước ta đời Lý Trần; cũng như Đại Việt sử ký của Lê Văn Hưu, bộ sách này lấy tên quốc hiệu làm tên sách. Chắc là người Thanh khi in sách này ra đã bỏ bớt chữ Đại đi, vì họ vốn khinh ta là một nước nhỏ mà dám tiếm hiệu, xưng đế như Trung Quốc, cho là nước ta tự xưng là Đại để khoe khoang, nên đã tự động bỏ bớt đi.

Về nội dung, sách Việt sử lược, như đã nói ở trên, chia làm ba quyển.

Quyển I chép những sự thay đổi trong nước buổi đầu, các vua từ Triệu Đà trở xuống, các viên mục thú trong thời Bắc thuộc cùng nhà Ngô, nhà Đinh và nhà Lê (Tiền Lê).

Quyển II và quyển III dành chép truyện nhà Lý.

Việt sử lược chép đoạn về Hùng Vương rất sơ sài, không nói gì đến Kinh Dương Vương, Lạc

*Long Quân, cũng không chép các truyện hoang đường về Âu Cơ và Lạc Long, truyện 100 trứng, Phù Đổng thiên vương; Chủ Đổng Tử, Tiên Dung... Việt sử lược cũng chỉ nói qua loa đến Thục An Dương vương (không chép truyện thần Kim Quy), chứ không chép thành một kỷ (Hồng Bàng kỷ, Thục kỷ...) như Đại Việt sử ký toàn thư. Bắt đầu từ nhà Triệu, Việt sử lược mới chép thành một kỷ. Việt sử lược cũng chấm dứt với việc Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho Trần Cảnh, chỉ thêm một bản Phụ lục kê niên hiệu các vua nhà Trần chứ không chép sự tích các vua đó. Ta biết rằng sách Đại Việt sử ký của Lê Văn Hưu cũng chỉ chép từ Triệu Đà đến Lý Chiêu Hoàng, nên ta có thể đoán rằng Việt sử lược là do một tác giả cuối đời Trần đã lược lại Đại Việt sử ký của Lê Văn Hưu, nên mới đặt nhan đề là Đại Việt sử lược.*

*Vả ta lại thấy Việt sử lược và Đại Việt sử ký toàn thư chép nhiều chỗ rất giống nhau: giống nhau cả từng chi tiết vụn vặt; như những chuyện dâng cóc trắng, quạ trắng, rùa sáu mắt, ngực có chữ "lưu văn"... thì hai sách chép giống hệt như nhau. Lại ví dụ như chuyện Đỗ Anh Vũ, chuyện Nguyễn Quốc, hai sách chép hoàn toàn giống nhau cả về hành văn, câu văn. Dưới chuyện Đỗ Anh Vũ, sách Toàn thư còn chép lại lời bàn của Lê Văn Hưu về việc đó. Điều đó chứng tỏ cả hai sách đều chép theo Đại Việt sử ký của Lê Văn Hưu. Có những đoạn Việt sử lược chép tóm tắt một cách quá rõ rệt, câu văn thành ra khó hiểu,*



thiếu mạch lạc (ví như việc khởi nghĩa của Thân Lợi năm 1139), nhưng dò lại sách Toàn thư thì ta lại hiểu rõ được đầu đuôi câu chuyện. Những ví dụ như thế rất nhiều, khiến trong chừng mực nào đó, ta có thể quả quyết rằng Việt sử lược là bản tóm tắt của Đại Việt sử ký. Duy có những đoạn Việt sử lược có chép mà Toàn thư lại không chép, hay có những đoạn Toàn thư chép mà Việt sử lược không chép. Theo Ngô Sĩ Liên, sách Đại Việt sử ký của Lê Văn Hưu gồm 30 quyển, mà nay phần còn lại trong Toàn thư và Việt sử lược không còn là bao. Điều đó chứng tỏ cả hai sách đã lược bớt sách Đại Việt sử ký rất nhiều. Không những thế, có thể là Ngô Sĩ Liên còn sửa chữa Đại Việt sử ký của Lê Văn Hưu nữa, vì ta thấy Việt sử lược có nhiều đoạn chép khác hẳn sách Toàn thư, ví như đoạn chép về việc vua Lý Thánh Tông đánh Chiêm Thành và nhất là những sự việc xảy ra cuối thời Lý, vào đời Cao Tông và Huệ Tông, thì không những Việt sử lược chép được nhiều chi tiết tỉ mỉ mà sách Toàn thư không có, lại có khi ngược hẳn với Toàn thư (ví như truyện Đoàn Thượng, Nguyễn Nộn). Dưới thời Trần, ảnh hưởng của Phật giáo và Đạo giáo còn rất mạnh, Nho giáo tuy đã phát triển, song chưa chiếm được ưu thế tuyệt đối như từ đời Lê trở về sau. Vì thế, ta thấy sách Việt sử lược - không bị nhà Lê sửa đổi theo tinh thần Nho giáo - đã chép rất nhiều chuyện hoang đường như luôn luôn chép chuyện rồng hiện, voi trắng, sẻ trắng, rùa sáu mắt sáu chân, cau chín buồng,

*lúa chín bông cùng những chuyện mê tín dị đoan như chuyện thăng bé lên ba mà ai nói gì cũng hiểu, vua làm gì cũng biết, chuyện đầu thai... Những chuyện đó đến đời Lê, khi Nho học đã bành trướng, khi vu tràng tả đạo đã bị các vua thời Lê sơ ngăn cấm, thì Ngô Sĩ Liên đã bỏ bớt rất nhiều khi soạn sách Toàn thư. Vì thế, Việt sử lược, ngoài giá trị về mặt sử liệu, còn giúp cho chúng ta hiểu thêm đời sống tinh thần của nhân dân ta dưới thời Lý, Trần.*

*Về nhân danh, địa danh, Việt sử lược chép có nhiều chỗ xuất nhập với Toàn thư. Về ngày tháng, Việt sử lược cũng nhiều chỗ chép nhầm, hoặc là vì tự dạng gần giống nhau, hoặc chép sai hẳn; về năm, Việt sử lược cũng chép nhầm một đôi chỗ, ví như để việc Lý Thường Kiệt đánh Tống vào năm 1074, trong khi các thư tịch đời Tống và sách Toàn thư để vào năm 1075. Trong khoảng từ 1140-1150, trong các sự việc, Việt sử lược chép sớm mất một năm.*

*Trong các bản in Việt sử lược lưu hành hiện nay, các vua Đại Việt chỉ chép là "Vương" (王) chứ không chép là "Đế" (帝) tuy rằng vẫn chép các vua Đại Việt xưng đế hiệu. Chắc rằng người nhà Thanh khi soạn cho in sách này vào bộ Tứ khố toàn thư đã tự tiện đổi chữ "Đế" ra chữ "Vương" cũng như họ đã tự tiện bỏ chữ "Đại" (大) trong nhan đề của cuốn sách, vì trong tư tưởng phong kiến Trung Quốc, chỉ có một đại quốc là Trung Quốc, một hoàng đế là hoàng đế Trung Quốc.*

\*  
\*   \*  
\*

Việt sử lược là một bộ sách nhỏ, song có nhiều chi tiết quý báu, giúp ích cho việc nghiên cứu lịch sử nước nhà, nhất là lịch sử buổi đầu thời kỳ tự chủ. Nó lại là bộ sách lịch sử vào loại xưa nhất do người Việt Nam viết còn lưu truyền được tới ngày nay.

Vì nhận thấy tầm quan trọng của pho sách đó như vậy, chúng tôi thấy nên dịch ra tiếng Việt để các bạn học tập và nghiên cứu sử Việt Nam có thêm một tài liệu tham khảo.

Chúng tôi cũng thấy, đi đôi với việc phiên dịch cuốn sách đó, cần phải đối chiếu với các tác phẩm lịch sử khác, đặc biệt là với sách Đại Việt sử ký toàn thư là sách sử dụng trực tiếp sách Đại Việt sử ký của Lê Văn Hưu, để soi sáng thêm cho phần ghi chép trong Việt sử lược.

Đồng thời chúng tôi cũng cố gắng chú giải một số sự kiện cốt yếu, chú thích một số địa danh để việc nghiên cứu cuốn Việt sử lược được dễ dàng hơn. Chúng tôi chủ trương không chú thích quá dài vì muốn tôn trọng tính chất của cuốn sách, như nhan đề đã ghi rõ, chỉ là tóm tắt lịch sử Đại Việt mà thôi.

Tuy nhiên, vì thiếu thốn tài liệu, khả năng lại có hạn, có một số địa danh ở thời Lý đến nay chúng tôi không rõ duyên cớ ra sao. Chúng tôi đành phải gác lại, chờ khi có thêm tài liệu sẽ bổ

*khuyết vào sau, đồng thời cũng chờ ý kiến của các vị thức giả chỉ bảo cho.*

*Đây là bản dịch Việt sử lược đầu tiên, không khỏi có nhiều sai lầm, thiếu sót, mong các bạn đọc xa gần góp ý kiến nhận xét phê bình cho chúng tôi, để sau này bản dịch sẽ được hoàn hảo hơn. Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn.*

HÀ NỘI, 1959

## TỨ KHỐ TOÀN THƯ TỔNG MỤC ĐỀ YẾU

*Việt sử lược* gồm ba quyển<sup>(1)</sup>, không rõ họ tên người soạn, ghi chép sự việc của nước An Nam.

Quyển I: phần "Những sự thay đổi trong nước buổi đầu" kể các vua từ Triệu Đà trở xuống; phần "Các quan cai trị các đời" nói về họ tên các quan mục thú của Giao Châu từ đời Tây Hán đến đời Thạch Tấn; phần "Nhà Ngô" chép sự tích Ngô Quyền và các con là Xương Ngập, Xương Văn ở cuối thời Ngũ đại; phần "Thập nhị sứ quân" chép sự tích bọn nha tướng Đỗ Cảnh Thạc tranh lập sau khi Xương Văn mất; phần "Nhà Đinh" nói về các vua từ Đinh Bộ Lĩnh trở xuống; phần "Nhà Lê" nói về các vua từ Lê Hoàn trở xuống.

Quyển II và quyển III đều gọi là "Nhà Nguyễn" chép sự tích các vua từ sau khi Lý Công Uẩn được nước, ghi chép rất rõ ràng, duy gọi Lý là Nguyễn thì không hợp với *Sử*.

Xét sách *An Nam chí lược* của Lê Tắc nói rằng: "Họ Trần thay lập, tất cả tông tộc nhà Lý và dân chúng người

---

<sup>(1)</sup> Có lời chua là "Sơn Đông tuần phủ thái tiến bản" nghĩa là: Bản của tuần phủ Sơn Đông thu nhật đem dâng.

họ Lý đều bắt đổi ra họ Nguyễn để dứt lòng mong mỏi của dân". Vậy sách này hẳn là do bề tôi của nhà Trần làm ra. *An Nam chí lược* của Lê Tắc lại viết: "Trần Phổ làm sách *Việt chí*, Lê Hữu sửa sách *Việt chí*, hai người đều là người đời Trần Thái Vương. Thái Vương tên thụy của Trần Nhật Cảnh. Vậy sách này hoặc là do tự tay hai ông Phổ, Hữu, chưa có thể biết rõ được".

Nước An Nam từ Hán đến Đường đều là châu quận (của Trung Quốc) cuối đời Ngũ quý bị thổ hào thiết cứ, đầu đời Tống mới lập nước.

Sách này từ đời Đường trở về trước, đại để là chép theo văn *Sử* (chỉ chính sử Trung Quốc - TQV). Từ Đinh Bộ Lĩnh trở xuống mới là lời lẽ người nước ấy, so với những điều *Sử* chép cũng có chỗ dị đồng. Đó là vì sử thần chỉ theo những lời phó cáo, cho nên những việc như chết mất, thường thường sai nhau một năm. Đến những danh hiệu, quan tước thì hoặc vì chỉ lưu hành ở trong nước mà không đem thông dụng ở thiên triều, cho nên cũng có những chỗ sai nhau. Những chỗ chép không hợp nhau ấy có thể tham khảo với chính sử.

Lại điều *Sử* nói Trần Nhật Tôn<sup>(1)</sup> tự xưng đế ở nước đó, tôn Công Uẩn làm Thái Tổ Thân Vũ hoàng đế, quốc hiệu là Đại Việt. Sách này nguyên đề là "*Đại Việt sử lược*", tức là lấy quốc hiệu làm tên sách, mà chép thứ tự tám vua (vương) từ Công Uẩn đến Hạo Sảm đều tiếm hiệu hoàng đế, chứ không phải một mình đời Trần Nhật Tôn, đó lại càng là điều *Sử* chưa rõ. Lại sách *Ngọc hải*<sup>(2)</sup> chép các niên

---

<sup>(1)</sup> Chỗ này chép nhầm, chắc là Lý Nhật Tôn (Thánh Tông).

<sup>(2)</sup> *Ngọc hải* là bộ sách gồm 200 quyển do Vương Ứng Lân đời Tống soạn.

hiệu của Giao Chỉ: "Thiên Huống Bảo Tượng, Thần Vũ, Chương Thánh Gia Khánh; sách này cũng chép hợp với những điều đó, đặc biệt chép thứ tự các vua Lê, Nguyễn (Lý) không đời nào không có cải nguyên mà sử gia chưa chép được hết, chắc hẳn lúc bấy giờ có điều húy kỵ, nên Trung Quốc không thể biết hết được.

Cuối sách này lại chép một thiên về niên kỷ từ Trần Nhật Cảnh trở xuống, nhưng chỉ chép các tên thụ tiếm xưng, hiệu cải nguyên mà không chép sự tích. Trong đó, người gọi là "Thái thượng", xét ở *Sử* thì là Trần Thúc Minh, gọi là "Kim thượng" ("Kim vương", chép nhầm - TQV) thì phải là Trần Vĩ. Mà *Sử* chép từ Nhật Cảnh đến Vĩ mười hai đời, sách này chỉ có mười đời, không hiểu duyên cớ vì sao. Lại tham khảo sách *Liên Châu phủ chí* chép hiệu Khang Hy năm thứ 13 (1674) ở bờ biển có bắt được một cái chuông đề năm "Hoàng Việt Xương Phù cửu niên, Ất Sửu"<sup>(1)</sup> (năm Ất Sửu hiệu Xương Phù năm thứ 9 của nước Việt). Người chép ngỡ rằng đó là hiệu tiếm xưng sau đời Lý Càn Đức đời Tống. Nay sách này chép "Kim thượng" (Kim vương - chép nhầm - TQV), Xương Phù nguyên niên, Đinh Tị (năm Đinh Tị hiệu Xương Phù, năm đầu của vua nay) tức năm thứ 12 hiệu Hồng Vũ<sup>(2)</sup> nhà Minh (1377), năm thứ 9 hiệu Xương Phù đúng là năm Ất Sửu, vậy đó là hiệu tiếm xưng của Trần Vĩ, không có nghi ngờ gì. Điều đó cũng đủ để khảo chứng vậy.

---

<sup>(1)</sup> Minh chuông này được chép lại trong *Việt Đông toàn thạch lược*, q.9, tr.19-20. Minh văn là bài thơ của Hồ Tông Thốc, danh nhân thời Trần của Việt Nam. ĐKT.

<sup>(2)</sup> Sách chép nhầm, phải là năm thứ 10 hiệu Hồng Vũ nhà Minh.

Nước An Nam từ đời Tống về sau vẫn giữ chức cống, mà dám nhân lúc triều trước loạn lạc, tiếm hiệu ở trong nước, còn ghi rõ trong sử sách, để tự khoe khoang càn, thực là điều nhảm trái, không đáng thu nhật. Nhưng Ngô, Sở tiếm hiệu là vương, sách *Xuân thu* dứt bỏ đi, mà người chép truyện cũng không để mất sự thực về nó.

Cho nên, dựa vào ngục sử, theo lệ mà chép, để rõ tội của nó, và cũng để bổ khuyết cho phần truyện ngoại quốc của hai quyển sử Tống, Nguyên đang còn chưa đầy đủ.



# VIỆT SỬ LƯỢC

## QUYỂN I

(Nguyên bản *Tứ khố toàn thư*) - *Thủ sơn các tùng thư - Sử bộ - Thất danh*

TIỀN HI TỘ, tự là Tích Chi, người Kim Sơn hiệu đính.

\*  
\*   \*  
\*

## NHỮNG SỰ THAY ĐỔI TRONG NƯỚC BUỔI ĐẦU

Xưa, Hoàng đế dựng muôn nước, thấy Giao Chỉ ở xa ngoài cõi Bách Việt, không thể thống thuộc được, bèn chia giới hạn ở góc Tây Nam.

Có 15 bộ lạc<sup>(1)</sup> là: Giao Chỉ, Việt Thường thị, Vũ Ninh, Quận Ninh, Gia Ninh, Ninh Hải, Lục Hải, Dương Tuyền, Tân Xương, Bình Văn, Văn Lang, Cửu Chân, Nhật Nam, Hoài Hoan, Cửu Đức đều là những miền Vũ cống không nói đến.

Đến đời Thành Vương nhà Chu (1024-1005 TCN), Việt Thường thị<sup>(2)</sup> mới đem dâng con bạch trĩ (chim trắng) sách *Xuân thu* gọi là Khuyết địa, *Đái ký* (tức *Lễ ký* do Đại Đái, Tiểu Đái chú - TQV) gọi là Điều đề.

Đến đời Trang Vương nhà Chu (696-682 TCN), ở bộ Gia Ninh<sup>(3)</sup> có người lạ, dùng ảo thuật áp phục được các bộ lạc, tự xưng là Hùng Vương, đóng đô ở Văn Lang, hiệu là nước Văn Lang, phong tục thuần hậu, chất phác, chính sự dùng lối kết nút. Truyền được 18 đời, đều gọi là Hùng Vương.

Việt Câu Tiễn (505-465 TCN) đã sai sứ tới dụ, Hùng Vương chống cự lại.

Cuối đời Chu, Hùng Vương bị con vua Thục là Phán đánh đuổi mà lên thay.

Phán đắp thành ở Việt Thường<sup>(4)</sup>, xưng hiệu là An Dương Vương, không thông hiếu với nhà Chu.

Cuối đời Tần, Triệu Đà chiếm cứ Uất Lâm, Nam Hải, Tượng Quận<sup>(5)</sup>, xưng vương, đóng đô ở Phiên Ngung, quốc hiệu là Việt, tự xưng là Vũ Vương.

Lúc bấy giờ An Dương Vương có người thần tên là Cao Lỗ (皋魯)<sup>(6)</sup> làm được nỏ liểu, mỗi lần giương nỏ bắn ra được mười phát tên, dạy được một vạn quân lính.

Vũ Hoàng (ở trên thì gọi là Vũ Vương - TQV) biết thế, bèn sai con là Thủy sang làm con tin, xin thông hiếu.

Sau Vương đổi dãi với Cao Lỗ hơi bạc bèo, Cao Lỗ bỏ đi. Con gái Vương là My Châu lại tư thông với Thủy. Thủy dụ My Châu cho xem nỏ thần, nhân đó phá hủy lẫy nỏ đi, rồi cho người chạy về báo Vũ Hoàng. Vũ Hoàng lại đem binh tiến đánh. Quân của Vũ Hoàng đến, Vương vẫn tự

nhiên như trước. Nỏ đã gãy, binh lính đều tan vỡ, Vũ Hoàng liền phá được quân của Vương. Vương ngậm sừng tê đi xuống nước, nước liền rẽ ra<sup>(7)</sup>. Đất nước bèn thuộc về nhà Triệu.

### **Chú thích:**

<sup>(1)</sup> *Lĩnh Nam chích quái*, *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi, *Toàn thư* và *Cương mục* đều gọi là 15 bộ. Danh sách các bộ chép ở mỗi sách đều có xuất nhập ít nhiều. Theo H. Maspéro, những tên đó phần nhiều có tự đời Đường. Danh sách ấy là do sự hỗn tạp những tên châu, quận, huyện của các thời, thêm vào đó mấy tên trong tập truyền như Văn Lang, Việt Thường. Tất cả các sử gia Việt Nam đã chọn trong các truyền thuyết một số tên đất rồi ghép lại cho đủ số 15 bộ theo tập truyền, sự chọn đó theo ý riêng của mỗi tác giả (H. Maspéro, *Le royaume de Văn Lang* - BEFEO, XVIII, 1918).

<sup>(2)</sup> Tập truyền vẫn cho là ở miền Nghệ An vì Việt Thường là ở phía Nam Giao Chỉ.

<sup>(3)</sup> Gia Ninh: trị sở Phong Châu đời Đường, tức là đất Mê Linh nhà Hán, quê hương của Trưng Trắc mà theo truyền thuyết là dòng dõi Hùng Vương. Đền Hùng ở Phú Thọ ngày nay, theo tập truyền xưa, Hùng Vương định đô ở đó.

<sup>(4)</sup> Theo lời ghi chép ở đây thì Việt Thường lại là đất Cổ Loa (Đông Ngạn, Phúc Yên), nay thuộc Hà Nội.

<sup>(5)</sup> Uất Lâm: địa phận Quảng Tây, quận trị là Bố Sơn, nay là Quý Huyện.

Nam Hải: Quảng Tây, trị sở Phiên Ngung, nay là Quảng Châu.

Tượng Quận: địa phận Quảng Tây tiếp giáp với Quý Châu.

<sup>(6)</sup> *Giao Châu ngoại vực ký* (thế kỷ IV) dẫn ở *Thủy kinh chú* (q.14) chép: "Người thần tên là Cao Thông xuống giúp chế cho An Dương Vương một cái nỏ thần, mỗi phát giết được 300 người".

(7) Nay ở núi Mộ Dạ (Diễn Châu, Nghệ An) có đền thờ An Dương Vương (đền Cuông), tục truyền đó là nơi An Dương Vương đi vào biển

\*

\*       \*

## NHÀ TRIỆU

### VŨ ĐẾ

Húy là Đà, họ Triệu, người Chân Định nhà Hán. Năm thứ 33 đời Tần Thủy Hoàng (214 TCN), nhà Tần đã gồm được thiên hạ, lược định đất Dương Việt, lấy Nhâm Ngao làm quan úy ở Nam Hải, Đà làm quan lệnh ở Long Xuyên. Đến đời Nhị Thế (209 TCN), Nhâm Ngao chết, lấy Đà thay Ngao. Nhà Tần bị diệt, Đà gồm chiếm đất Quế Lâm, Tượng Quận, tự lập làm Nam Việt Vương.

Hán Cao Tổ đã bình định thiên hạ, sai Lục Giả đem ấn, trao tới Nam Việt, phong cho Đà Nam Việt Vương.

Năm thứ 5 đời Cao Hậu nhà Hán (183 TCN), Đà tự lên ngôi Hoàng đế, đem binh đánh Trường Sa, chiêu dụ Âu Lạc, Mân Việt đều phụ thuộc vào<sup>(1)</sup>. Vua được đất đông tây rộng hơn vạn dặm, ngự ở vạn dặm, ngự ở nhà vàng, ngồi xe tả đạo<sup>(2)</sup>.

Hán Văn Đế lên ngôi (179 TCN), lại sai Lục Giả đem thư sang hỏi. Giả đến nơi, vua thẹn, tạ lỗi, xin trở lại làm phiên vương đời đời tu cống.

Đến khoảng Kiến Nguyên đời Hán Vũ Đế (140-135 TCN) vua mất, tên thụy là Vũ Đế, ở ngôi 18 năm. Cháu là Hồ lên ngôi, tức là Văn Vương.

### VĂN VƯƠNG

Húy là Hồ, cháu Vũ Đế.

Đời Hán Vũ Đế, vua sai con là Anh Tê vào châu vua Hán. Sau vua mất, tên thụy là Văn Vương. Con là Anh Tê lên ngôi, tức là Minh Vương.

### MINH VƯƠNG

Húy là Anh Tê, con Văn Vương. Khi xưa làm Thái tử, vào làm túc vệ ở nhà Hán tại Trường An, lấy con gái họ Cù, sinh con là Hưng. Khi Văn Vương mất, vua lên ngôi, lập Cù thị làm Hoàng hậu, Hưng làm Thái tử<sup>(3)</sup>.

Năm 14 niên hiệu Nguyên Đĩnh nhà Hán (113 TCN), vua mất, tên thụy là Minh Vương. Con là Hưng lên ngôi tức là Ai Vương.

### AI VƯƠNG

Húy là Hưng, con Minh Vương, mới lên ngôi, tôn mẹ là Cù thị làm Thái hậu. Thái hậu lúc chưa lấy Minh Vương, đã tư thông với người ở Bá Lăng là An Quốc Thiệu Quý. Khi vua lên ngôi, nhà Hán sai Thiệu Quý tới dụ vua vào châu. Thái hậu lại tư thông với Thiệu Quý, bèn khuyên

vua vào châu. Thừa tướng Lữ Gia<sup>(4)</sup> nhiều lần can ngăn vua, vua không nghe. Thái hậu sợ Gia không theo, đặt tiệc rượu toan giết Gia. Gia biết thế, ngầm cùng với các đại thần mưu làm loạn.

Hán Vũ Đế nghe tin Gia không nghe lời, bèn sai bọn Hàn Thiên Thu đem 2.000 quân đến đánh Gia. Gia cùng em và người trong nước đánh giết Vua và Thái hậu, giết hết sứ giả nhà Hán, đón con cả Minh Vương là Thuật Dương hầu lập làm vua, đặt tên thụy là Ai Vương.

### THUẬT DƯƠNG VƯƠNG

Húy là Kiến Đức, anh con bà thứ của Ai Vương. Năm thứ 5 niên hiệu Nguyên Đĩnh (112 TCN), tháng 11, Thừa tướng Lữ Gia đem binh đánh bọn Hàn Thiên Thu, giết hết được, niêm phong cờ tiết của sứ giả Hán bỏ vào hòm để ở chỗ biên giới. Năm Nguyên Đĩnh thứ 6 (111 TCN), nhà Hán lấy Lộ Bác Đức làm Phục Ba tướng quân ra Quế Dương, xuống Hoàng Thủy<sup>(5)</sup>, Dương Bộ làm Lâu Thuyền tướng quân ra Dự Chương<sup>(6)</sup>, xuống Hoành Phố, lấy hai người Quy Nghĩa hầu làm Qua Thuyền tướng quân, Hạ Lại tướng quân, ra Linh Lăng, xuống Lại Thủy<sup>(7)</sup>, Trì Nghĩa hầu nhân lấy bọn tội nhân ở Ba Thục, đem quân từ Dạ Lang<sup>(8)</sup> xuống sông Tường Kha<sup>(9)</sup>, tất cả cùng hội họp ở Phiên Ngung để đánh Gia. Gia và vua trốn vào biển. Bác Đức sai người đuổi theo, bắt được vua và Gia. Bấy giờ quân Qua Thuyền, Hạ Lại chưa xuống mà đất Việt đã bình.

(Nhà Hán) bèn chia đất đó làm 9 quận: Nam Hải (Quảng Đông - TQV), Thương Ngô (nay là Ngô Châu)

(huyện Thương Ngô, Quảng Tây - TQV), Uất Lâm (Quảng Tây - TQV), Hợp Phố (nay là Quảng Châu) (miền Hải Khang, Quảng Đông - TQV), Giao Chỉ (Bắc bộ Việt Nam - TQV), Cửu Chân (nay là phủ Thanh Hóa) (Thanh Hóa, Nghệ Tĩnh - TQV), Nhật Nam (nay là phủ Nghệ An)<sup>(10)</sup>, Chu Nhai, Đạm Nhĩ (nay là Đạm Châu) (nay thuộc đảo Hải Nam - TQV).

Trở lên là nhà Triệu, từ Vũ Đế đến Thuật Dương Vương cả thấy 5 đời, bắt đầu từ năm Đinh Tị (184 TCN) cuối cùng là năm Canh Ngọ (111 TCN) cộng là 74 năm thì mất. Từ năm đầu hiệu Nguyên Phong đời Hán Vũ Đế (110 TCN) trở về sau đều là người Bắc được bổ nhiệm cai trị đất ta.

### **Chú thích:**

(1) Theo *Sử ký* của Tư Mã Thiên (q.113, 1a).

(2) Hoàng ốc là nhà vàng; tả đạo là xe vua, bên trái có cấm lá cờ lớn. Đó là nghi vệ thiên tử.

(3) Bấy giờ Lữ Gia làm Thái phó.

(4) Lữ Gia làm Thừa tướng trong ba triều, bà con có đến hơn 70 người làm trưởng lại. Con trai thì lấy con gái vua, con gái thì lấy con trai vua. Lữ Gia được dân tin phục hơn cả vua.

(5) Sông Hoàng nay là sông Khuông, chảy từ Hồ Nam xuống Quảng Đông (*Từ Hải*).

(6) Miền Nam Xương (Giang Tây).

(7) Linh Lăng: huyện Ninh Viễn (Hồ Nam). Lại Thủy: Linh Lăng có sông Ly nối Hồ Nam với Quảng Tây.

(8) Phía Tây tỉnh Quý Châu.

(9) Tức là sông Tây Giang.

<sup>(10)</sup> *Việt sử lược* chủ trương Nhật Nam là đất Nghệ Tĩnh ngày nay. Điều đó không đúng. Nghệ An là đất Hoan Châu đời Đường, Đức Châu đời Lương, quận Cửu Đức đời Ngô, chia đất Nam Cửu Chân mà đặt ra. Nhật Nam đời Tùy mới là chỉ đất Nghệ Tĩnh. Nhật Nam đời Hán là chỉ miền từ Quảng Bình đến Quảng Nam.

\*

\*            \*

## CÁC QUAN CAI TRỊ CÁC ĐỜI

**Thạch Đái**, người đời Hán Vũ đế (140-87 TCN)<sup>(1)</sup>.

**Chu Chương**, người đời Hán Chiêu đế (86-74 TCN).

**Ngụy Lãng**, con là Minh, người đời Tuyên đế nhà Hán (73-49 TCN)<sup>(2)</sup>.

**Tô Định**, người đời Quang Vũ đế nhà Hán (25-57).

**Mã Viện**. Vào đời vua Quang Vũ nhà Hậu Hán, năm thứ 16 hiệu Kiến Vũ (40), người huyện Mê Linh<sup>(3)</sup> là Trưng Trắc, con gái Lạc tướng, lấy chồng người huyện Chu Diên<sup>(4)</sup> là Thi Sách, tính rất hùng dũng, hành động không theo pháp luật. Thái thú Tô Định lấy pháp luật trói buộc. Trắc giận bèn cùng em gái là Nhị đem binh Phong Châu đánh hãm các quận huyện. Cửu Chân, Nhật Nam đều hưởng ứng. (Trắc) lược định được 65 thành ở ngoài phía Nam nhà Hán, tự lập làm vua (vương) đóng đô ở Mê Linh.

Năm thứ 17 hiệu Kiến Vũ (41), nhà Hán phong Mã Viện làm Phục Ba tướng quân, đi đánh Trắc. Năm thứ 18 (42), Viện dọc theo bờ biển mà tiến, phá núi mở đường, đi hơn 1.000 dặm tới Lãng Bạc<sup>(5)</sup>, Viện đánh nhau với Trắc.



Trắc không thể cầm cự được, lui giữ Cẩm Khê. Năm thứ 19 (43), Trắc càng khốn đốn, chạy trốn, bị Viện giết. Viện đuổi đánh dư đảng của Trắc tới Cư Phong<sup>(6)</sup> thì hàng được. Viện bèn dựng cột đồng làm chỗ biên giới cuối cùng, chia đất đó làm hai huyện Phong Khê, Vọng Hải<sup>(7)</sup>. Viện lại đắp Kiển Thành, hình tròn như cái kén. Năm thứ 21 (45) mùa thu, Viện về Bắc.

**Chu Xưởng**, làm Thứ sử ở đời Thuận đế (126-144)<sup>(8)</sup>.

**Trương Kiều**<sup>(9)</sup>. Năm thứ 3 hiệu Vĩnh Hòa (138) đời Thuận đế, rợ man ở Tượng Lâm là Khu Liên làm phản, đánh giết Trương lại, nhà Hán lấy Kiều làm Thứ sử. Kiều đến nơi, an ủi, dụ bảo, chúng đều hàng phục tan đi.

**Hạ Phương**<sup>(10)</sup>. Năm thứ 3 hiệu Diên Hi (160) đời Hoàn đế, Cửu Chân lại làm phản. Nhà Hán cho Phương làm Thứ sử. Mùa đông, tháng 11, hơn hai vạn quân giặc tới đầu hàng.

**Lưu Tháo**, người đời Hoàn đế (147-167)<sup>(11)</sup>.

**Chu Ngung**, người đời Linh đế (168-189)<sup>(12)</sup>.

**Chu Tuấn**. Năm thứ 4 hiệu Quang Hòa (181) đời Linh đế, mùa hạ, tháng 4, rợ man Ô Hử làm loạn. Người trong châu là bọn Lương Long nhân đó làm phản, binh chúng có vài vạn người. Vua sai Tuấn đánh phá được, cho Tuấn làm Thứ sử.

**Giả Tung**. Năm đầu hiệu Trung Bình (184) đời Linh đế, người trong châu đóng binh, bắt Thứ sử. Vua lấy Tung làm Thứ sử. Tung đến nơi, phủ dụ, chiêu tập, trong châu bèn yên. Trăm họ ca hát rằng:

Giả phụ lai văn.

Sử ngã tiên phản,

Kim kiến thanh bình,  
Lại bất cảm phạn.

Dịch là:

*Cha Già tôi muôn,  
Khiến ta phản trước,  
Nay thấy thanh bình,  
Lại chẳng ăn được!*

Tung làm việc được 3 năm, được bổ làm Nghị Lang.

Nguyễn Tiến<sup>(13)</sup>, làm Thứ sử ở thời Trung Bình nhà Hán (184-189).

Sĩ Nhiếp. Nhiếp, tự là Ngạn Uy, người huyện Quảng Tín quận Thương Ngô<sup>(14)</sup>. Cha là Tứ, làm Thái thú Nhật Nam đời Hoàn đế (147-167). Nhiếp lúc bé, du học ở Hán kinh (kinh đô nhà Hán), thích sách *Tả thị Xuân thu*, đã chú giải sách đó, lại thông hiểu đại nghĩa của *Thượng thư*. Sau khi hết tang cha, được cử là Mậu tài, bổ làm quan lệnh ở huyện Vu<sup>(15)</sup>. Đổi sang Giao Châu, Nhiếp khiêm tốn cung kính với kẻ dưới. Những người tránh loạn của nhà Hán, nhiều người sang nương nhờ Nhiếp. Hiến đế nghe tin Sĩ Nhiếp hiền đức, ban cho tử thư<sup>(16)</sup> dụ khen, cho làm Tuy Nam Trung lang tướng, lĩnh chức Thái thú Giao Châu như cũ.

Cuối đời Kiến An (916-220), Nhiếp sai con là Khâm sang làm con tin ở nước Ngô, lại lấy châu báu, sừng tê, ngà voi và hoa quả thơm quý dâng cho Tôn Quyền. Quyền khen ngợi, phong làm Long Biên hầu. Ba người em là Nhất, Vĩ, Vũ đều làm Trưởng quận (Thái thú).

Sĩ Nhiếp học vấn đã uyên bác, chính sự lại giỏi giang, trong thời đại loạn đã bảo toàn được một phương, hơn hai

mười năm trong cũi được vô sự, dân chúng được lạc nghiệp, uy đức hơn người. Khi đi lại thì rung chuông khánh, đủ lễ nghi, trống vang kèn nổi, rầm rộ trên đường, có vài chục vợ ngồi xe căng màn. Đương thời, Nhiếp sang trọng, uy danh vang động Nam man, Ủy Đà cũng không bằng được.

Năm thứ 7 hiệu Hoàng Sơ (226) nhà Ngụy, vương mất, thọ 90 tuổi, trị vì hơn 40 năm. Tôn Quyền nghe tin vương chết, chia đất từ Hợp Phố trở về Bắc thuộc Quảng Châu, cho Lữ Đại làm Thứ sử; từ Hợp Phố trở về Nam là Giao Châu, cho Đái Lương làm Thứ sử, lấy Trần Thời thay vương làm Thái thú. Con vương là bọn Sĩ Huy đem binh chống cự với Lương. Sau Lữ Đại đều dùng mưu giết hết, đưa đầu về Vũ Xương.

**Đái Lương**, người nhà Ngô.

**Lữ Đại**, người nhà Ngô<sup>(17)</sup>.

**Lục Doãn**, người nhà Ngô<sup>(18)</sup>.

**Tôn Tư**, người nhà Ngô<sup>(19)</sup>.

**Đặng Tuân**. Vốn trước nhà Ngô thấy Tôn Tư tham bạo, làm khổ cho dân, nên sai Tuân sang coi xét. Tuân đến nơi, thiện tiện lấy 30 con công (khổng tước) đưa sang Kiến Nghiệp. Dân sợ xa, không đi, cùng với quận lại Ngô Hưng<sup>(20)</sup> giết Tư và Tuân.

**Ngô Hưng**<sup>(21)</sup>.

**Hoắc Dặc**<sup>(22)</sup>.

**Mã Dung**<sup>(23)</sup>.

**Dương Tắc**<sup>(24)</sup>.

**Lưu Tuấn**<sup>(25)</sup>.

**Đào Hoàng**. Năm thứ 3 hiệu Thái Thủy (267) đời Tấn Vũ đế, Tôn Hạo sai bọn Đào Hoàng sang đánh Dương Tắc,

không được, bèn đánh úp dinh của Đông Nguyên, bắt được báu vật, thuyền bè mà về. (Nhà Ngô) cho Hoàng làm Đô đốc Giao Châu. Hoàng lại đánh giết được Nguyên. Tắc cho tướng là Vương Tố thay Nguyên. Hoàng lại lấy được châu Giao. Nhân đó nhà Ngô cho Hoàng làm Thứ sử. Sau Hoàng được vời làm Đô đốc Vũ Xương. Lúc bấy giờ, vua Ngô đã hàng nhà Tấn. Vua Tấn xuống chiếu cho Hoàng giữ chức cũ, phong Hoàng làm Uyển Lăng hầu. Hoàng mất, ở châu 30 năm, ơn oai nổi tiếng. Khi Hoàng chết, cả châu kêu khóc như có tang cha mẹ.

**Ngô Ngạn**, thay Hoàng làm Thứ sử.

**Cố Bí**, thay Ngô Ngạn làm Thứ sử.

**Đào Uy**<sup>(26)</sup>, con Hoàng.

**Đào Thục**, em Uy.

**Đào Tuy**, con Thục<sup>(27)</sup>.

**Đào Khản**. Năm đầu hiệu Đại Hưng (318) đời Tấn Nguyên đế. Tháng 11, vua Tấn xuống chiếu phong Khản làm "Quảng Châu Thứ sử, Đô đốc Giao Châu chư quân sự" (Thứ sử Quảng Châu, coi các việc quân ở Giao Châu)<sup>(28)</sup>.

**Vương Lượng**. Năm đầu hiệu Vĩnh Xương (322) đời Tấn Nguyên đế, lấy Lượng làm Thứ sử, sai bắt Lương Thạc. Thạc vây Lượng ở Long Biên, đoạt cờ tiết của Lượng, Lượng không cho, Thạc bèn chặt cánh tay phải của Lượng mà lấy cờ. Lượng chết.

Năm đầu hiệu Thái Ninh (323) đời Minh đế, vua sai tướng quân là Cao Bảo đánh Thạc, chém được nó.

**Nguyễn Phóng**, làm Thứ sử đời Tấn Thành đế (326-342).

**Nguyễn Phu**, làm Thứ sử đời Mục Đế (345-361).

Chu Phu, làm Thứ sử ở đời Phù (Bồ) Kiên nhà Tần (357-384)<sup>(29)</sup>.

**Nguyễn (Lý) Tồn<sup>(30)</sup>.**

**Đỗ Viện.** Năm thứ 5 hiệu Thái Nguyên (380) đời Tấn Hiếu Vũ đế, Thái thú Cửu Chân là Nguyễn (Lý) Tồn giữ châu làm phản. Năm thứ 6 (381), Đỗ Viện chém được Tồn, trong châu bèn yên.

**Đỗ Tuệ Độ,** là con Đỗ Viện. Năm thứ 7 hiệu Nghĩa Hi (411) (đời Tấn An đế - TQV), Thái thú Vĩnh Gia là Lưu Tuân chạy tới, đánh phá Hợp Phố, đi tắt tới châu trị. Vua Tấn cho Tuệ Độ làm Thứ sử. Tuệ Độ đem phủ binh đánh phá được Lưu Tuân ở Thạch Kỳ, lại đánh nhau với Tuân ở bến Nam của Long Biên. Tuệ Độ dùng đuốc đuổi trĩ đốt thuyền của Tuân, tiến sát bờ bắn phá. Quân của Tuân tan vỡ, Tuân bị chết đuối. Tuệ Độ vớt thây Tuân chém lấy đầu bỏ hòm gửi về Kiến Khang. Năm đầu hiệu Sơ Nguyên đời Hiếu Vũ Đế<sup>(31)</sup>, tháng 7, người Lâm Ấp tới cướp, Tuệ Độ đánh, phá được. Lâm Ấp xin hàng.

Tuệ Độ thi hành chính sự, dân sợ mà lại yêu. Cửa thành ban đêm vẫn mở, trên đường không ai nhặt của rơi.

**Đỗ Hoàn Văn,** là con Tuệ Độ.

**Vương Huy,** thay Hoàn Văn làm Thứ sử.

**Đàn Hòa Chi<sup>(32)</sup>.** Năm thứ 23 hiệu Nguyên Gia (446) đời Tống Văn đế, vua sai Thứ sử Đàn Hòa Chi đánh Lâm Ấp. Người ở Nam Dương là Tông Xác, tính thích việc võ, thường nói rằng: "Muốn nhân luồng gió mạnh, phá làn sóng muôn trùng". Khi Hòa Chi đánh Lâm Ấp, Tông Xác khảng khái xin đi, vua bèn cho Tông Xác làm Chấn Vũ tướng quân. Vua Lâm Ấp là Phạm Dương Mại nghe tin quân đã ra đi, dâng biểu xin trả lại các đất đã lấy cướp.

Hòa Chi tiến quân vây tướng Lâm Ấp là Phạm Phục Long<sup>(33)</sup> ở thành Khu Túc. Tông Xác đánh phá được. Tháng 5, lấy được thành Khu Túc, chém đầu Phục Long, thừa thắng vào Tượng Phố. Dương Mại mang hết quân trong nước ra đánh, dùng áo giáp phủ lên voi, hàng trước, hàng sau đều kín mít. Tông Xác dùng hình sư tử để chống lại, voi quả nhiên sợ hãi bỏ chạy. Quân Lâm Ấp thua to, Dương Mại chạy trốn<sup>(34)</sup>.

Năm thứ 24 (447), Hòa Chi trở về Bắc.

**Lưu Mục**, Thứ sử đời Tống Minh đế (465-472).

**Lưu Bột**<sup>(35)</sup>.

**Nguyễn (Lý) Trường Nhân**<sup>(36)</sup>, Thứ sử đời Tống Minh đế (465-472).

**Thẩm Hoán**<sup>(37)</sup>, Thứ sử đời Tề Cao đế (479-482).

**Nguyễn (Lý) Thúc Hiến**<sup>(38)</sup>. Thúc Hiến là cháu (tụng tử) Trường Nhân. Trường Nhân chết, Thúc Hiến thay coi việc trong châu, thấy hiệu lệnh chưa được chấp hành, nên xin Tống cho làm Thứ sử. Tống cho Thẩm Hoán làm Thứ sử, Thúc Hiến làm Thái thú hai quận Vũ Bình, Tân Xương. Thúc Hiến đã có triều mệnh, bèn đem binh giữ những chỗ hiểm yếu, không nhận Hoán. Hoán dừng ở Uất Lâm, bị bệnh chết. Năm đầu hiệu Kiến Nguyên (479), Tề Cao đế cho Thúc Hiến làm Thứ sử. Thúc Hiến đã thụ mệnh, bèn đoạn tuyệt cống hiến. Năm thứ ba hiệu Vĩnh Minh (485), vua Tề sai Lưu Khải làm Thứ sử đi dẹp Thúc Hiến. Thúc Hiến sợ, đi đường tắt trở về triều.

**Lưu Khải**<sup>(39)</sup>, Thứ sử đời Tề Cao đế (479-482).

**Phòng Pháp Tông**<sup>(40)</sup>, Thứ sử đời Tề Minh đế (494-498).

**Phục Đăng Chi**, là Trưởng sử của Pháp Tông, cho là Pháp Tông nhiều bệnh, giam ở nhà riêng mà đoạt hết

quyền. Pháp Tông thích đọc sách, ở trong tù, xin sách để xem. Đãng Chi nói rằng: "Để ông ngồi yên còn sợ ông đau ốm, há lẽ nào lại để cho ông xem sách được!". Nhà Tề cho Đãng Chi làm Thứ sử. Pháp Tông trở về, qua khỏi Ngũ Lĩnh thì chết.

**Nguyễn (Lý) Khải**<sup>(41)</sup>, Thứ sử đời Tề Minh đế (494-498).

**Nguyễn (Lý) Tắc**<sup>(42)</sup>. Người nhà Lương, Khải làm phản, bị Tắc chém, thay làm Thứ sử.

**Hầu Tư**<sup>(43)</sup>, Thứ sử đời Lương Vũ đế (502-549).

**Dương Phiêu**<sup>(44)</sup>. Xưa người trong châu là Nguyễn (Lý) Bí làm phản, giữ thành Long Biên, tự xưng là Nam Việt đế, đặt trăm quan, cải nguyên là Thiên Đức, quốc hiệu là Vạn Xuân. Lương Vũ đế cho Phiêu làm Thứ sử Giao Châu, Trần Bá Tiên làm Tư mã đi đánh Bí. Bí đem 3 vạn quân ra chống cự, bị thua ở Chu Diên, lại bị thua ở cửa sông Tô Lịch. Bí chạy tới thành Gia Ninh. Phiêu tiến quân tới vây. Bí chạy vào trong rợ Lão ở Tân Xương, lại đem 2 vạn quân ra đóng ở hồ Điển Triệt, làm nhiều thuyền bè, thả dây mặt hồ. Đêm đó nước sông vọt dâng cao, Bá Tiên đem binh theo dòng nước tiến lên, quân lính hò reo mà theo. Bí không chuẩn bị nên tan vỡ, lui giữ động Khuất Lão, bị bệnh chết. Dư đảng sợ thế quân Bá Tiên bèn đem quân ra hàng. Con<sup>(45)</sup> Bí là Thiên Bảo vào Cửu Chân. Bá Tiên đem binh dẹp yên được, đổi Cửu Chân là Ái Châu<sup>(46)</sup>.

**Trần Bá Tiên**. Vì có công dẹp Nguyễn (Lý) Bí, được phong làm Bình uy tướng quân, Giao Châu Thứ sử, sau được triệu về Bắc.

**Lưu Phương**. Năm thứ 2 hiệu Nhân Thọ (602) đời Tùy Văn đế, châu súy là Nguyễn (Lý) Phật Tử giữ thành

Việt Vương<sup>(47)</sup> làm loạn. Con người anh là Đại Quyền giữ Long Biên. Văn đế lấy Phương làm Hành quân Tổng quản đi dẹp Phật Tử. Phật Tử sợ xin hàng.

Khoảng niên hiệu Đại Nghiệp đời Dương Đế (605-617), Lâm Ấp làm phản, vua đổi Nhật Nam làm Hoan Châu<sup>(48)</sup>, lấy Phương làm Hoan Châu đạo Hành quân Tổng quản để đánh dẹp Lâm Ấp. Quân của Phương đến sông Đồ Lê, quân Lâm Ấp đều cưỡi voi lớn, bốn mặt kéo tới. Phương bèn đào nhiều hố nhỏ, phủ cỏ lên trên. Khi đánh nhau, Phương giả vờ thua chạy, quân Lâm Ấp đuổi theo, voi phần nhiều bị sa hố chết, Phương nhân đó đem quân tinh nhuệ đánh. Lâm Ấp đại bại, bị bắt tù kẻ có hàng vạn người. Phương đuổi theo, đánh trận nào cũng thắng, qua cột đồng của Mã Viện đi 8 ngày về phía Nam thì đến quốc đô Lâm Ấp<sup>(49)</sup>. Vua Lâm Ấp là Phàn Chí bỏ thành chạy trốn. Phương vào thành, bắt được 18 thần chủ ở miếu, đều đúc bằng vàng.

Phương khắc đá ghi công rồi về. Đi giữa đường, Phương bị bệnh chết.

**Khâu Hòa.** Năm thứ 5 hiệu Vũ Đức (622) đời Đường Cao tổ, cho Hòa làm Đại tổng quản, tước Đàm Quốc công. Hòa lại tâu xin đặt Đô hộ phủ chúa<sup>(50)</sup>.

**Lưu Diên Hựu.** Năm đầu hiệu Điều Lộ (679) đời Đường, đổi Giao Châu Thứ sử làm An Nam Đô hộ phủ, lấy Diên Hựu làm Đô hộ.

Xưa dân Lí hàng năm chỉ phải đóng một nửa số tô, Diên Hựu bắt phải đóng cả. Dân Lí mới oán hận, Diên Hựu giết cừ súy là Lý Tự Tiên<sup>(51)</sup>. Dư đảng<sup>(52)</sup> bèn làm phản, vây phủ thành giết Diên Hựu.

**Khúc Lãm<sup>(53)</sup>,** làm đô hộ ở đời Trung Tông (705-710)



vì tham bạo mất lòng dân, bị viên Tư lục là Cam Mãnh giết đi.

**Trương Thuận**, làm Đô hộ ở đời Túc Tông (756-763).

**Trương Bá Nghi**, là con Trương Thuận. Năm thứ 2 hiệu Chí Đức (757) đời Túc Tông, đổi An Nam là Trấn Nam Đô hộ phủ, lấy Bá Nghi làm Đô hộ.

Năm thứ 2 hiệu Đại Lịch (767) đời Đại Tông, Trương Bá Nghi lại đắp La Thành. Năm thứ 3 (768), đổi (Trấn Nam) trở lại là An Nam Đô hộ phủ.

**Cao Chính Bình**<sup>(54)</sup>, làm Đô hộ ở đời Đại Tông (763-779).

**Triệu Xương**<sup>(55)</sup>, thay Chính Bình làm Đô hộ. Năm thứ 7 hiệu Trinh Nguyên (791) đời Đức Tông, Xương tâu xin đặt quân nhu viễn.

**Bùi Thái**<sup>(56)</sup>, Bùi Thái thay Xương làm Đô hộ, bị người trong phủ là Vương Quý Nguyên giết. Nhà Đường lấy Triệu Quân làm Đô hộ<sup>(57)</sup>.

**Triệu Quân.**

**Lý Tượng Cổ**, làm Đô hộ ở đời Hiến Tông (816-820), bị người trong phủ là Dương Thanh giết<sup>(58)</sup>.

**Nguyễn (Lý) Nguyên Hỉ.** Năm thứ 2 hiệu Trường Khánh (822) đời Mục Tông, lấy Nguyên Hỉ làm Đô hộ An Nam. Nguyên Hỉ thấy cửa thành có dòng nước ngược, sợ người trong châu hay sinh phản loạn, nhân đó bói chọn được thành bây giờ. Lúc bấy giờ Nguyên Hỉ đang đắp thành con, người thầy phong thủy đoán rằng: "Sức ông không đủ đắp thành lớn. Năm mươi năm sau sẽ có người họ Cao định đô, xây phủ ở thành đó"<sup>(59)</sup>. Đến đời Hàm Thông (860-874), Cao Biền đắp thêm La Thành.

**Hàn Ước**<sup>(60)</sup>, người ở Vũ Lâm thuộc Lãng Châu, vốn

tên là Trùng Cách. Trong khoảng niên hiệu Thái Hòa (827-835) đời Văn Tông, bỏ chức Đô đốc các châu, đều thuộc vào An Nam Đô hộ phủ, lấy Ước làm Đô hộ.

**Vũ Hồn**<sup>(61)</sup>, người đời Vũ Tông (841-846).

**Bùi Nguyên Hựu**<sup>(62)</sup>, người đời Vũ Tông.

**Nguyễn (Lý) Trác**<sup>(63)</sup>, làm Đô hộ Kinh lược sứ ở đời Tuyên Tông (847-860).

**Vương Thúc**<sup>(64)</sup>, bố là Khởi, em Vương Khải; đỗ tiến sĩ. Thúc khéo léo về đường sĩ hoạn, thiên làm Điện trung thị ngự sử. Trong khoảng đời Đại Trung (847-860) làm Thứ sử Tấn Châu, dời sang làm Đô hộ An Nam.

**Lý Hộ**<sup>(65)</sup>. Năm thứ 12 hiệu Đại Trung (858) đời Tuyên Tông, thay Vương Thúc làm Đô hộ. Tháng chạp, thổ man đem quân Nam Chiếu đến đánh úp bản phủ, hạ được phủ thành. Hộ chạy về Vũ Châu. Năm thứ 2 niên hiệu Hàm Thông (861), Hộ chiêu tập thổ binh đánh lũ man, lấy lại được phủ thành. Ý Tông trách tội để mất thành, truất xuống làm Tư hộ Đạm Châu.

Trong đời Hàm Thông, bỏ An Nam Đô hộ phủ, đặt Hành Giao Châu ở Hải Môn trấn, về sau lại đặt lại.

**Vương Khoan**, làm chức Đô hộ thay Lý Hộ.

**Sái Tập**. Trong niên hiệu Hàm Thông đời Ý Tông, Nam Chiếu thống suất rợ Man tới cướp. Vua Ý Tông lấy chức Quan sát sứ Hồ Man là Sái Tập thay Vương Khoan, đem các đạo binh các châu Đôn<sup>(66)</sup>, Hoạt, Từ, Biện, Kinh, Tương, Đàm, Ngạc đi đánh Nam Chiếu. Rợ Man bèn dẫn quân đi. Lúc bấy giờ, Tiết độ sứ Lĩnh Nam là Sái Kinh ghen tị Tập có công, bèn bỏ lính thú. Tập thấy giặc Man chưa bình định được, quân mỗi lương hết, làm tờ trạng "10 điều tất chết" trình bày ở tòa

Trung thư. Bấy giờ ai nấy đều tin lời Kinh, rút lại bỏ không xét tờ trạng đó.

Năm thứ 4 (hiệu Hàm Thông) (863), mùa xuân, tháng giêng Nam Chiếu lại đem 5 vạn quân Man tới đánh, hạ được phủ thành. Viện binh không đến, Tập và tả hữu đều đi chân, cố hết sức đánh. Tập trên mình bị 10 mũi tên, toan xuống thuyền nhưng không kịp, bị chết đuối. Chúc Ngu hầu Kinh Nam là Nguyên Duy Đức bảo với quân lính rằng: "Lũ ta không có thuyền, xuống nước tất là chết, chi bằng quay về thành cùng người Man đánh nhau, đổi một người lấy hai tên Man cũng là có lợi". Bèn từ cửa Đông La vào thành. Rợ Man không chuẩn bị. Duy Đức thả binh đánh, giết được hơn 2.000 người.

Ngày hôm sau tướng Man là Dương Tư Tiến ra đánh Duy Đức bị chết. Rợ Man bắt giết cả thảy 15 vạn người, để 2 vạn quân ở lại phủ thành.

Vua Ý Tông triệu các đạo quân về, bỏ An Nam Đô hộ phủ, đặt Hành Giao Châu ở Hải Môn trấn<sup>(67)</sup>, lấy Tống Nhung làm Thứ sử Giao Châu. Tháng 7, lại đặt lại Đô hộ phủ.

Năm thứ 5 hiệu Hàm Thông (864), nhà Đường lấy chức Kinh lược sứ Dung Quán là Trương Nhân đảm đương việc quân ở phủ An Nam. Nhân dùng dằng không tiến. Hạ hầu (Ti) tiến cử Cao Biên thay Nhân.

**Cao Biên**, tự là Thiên Lý, cháu Sùng Văn, đời đời ở trong quân ngũ. Biên nhún mình, chịu khó đọc sách, thích bàn luận về người xưa. Lúc còn nhỏ, thờ Chu Thúc Minh. Có hai con chim diều cùng bay, Biên giương cung khấn rằng: "Ta sau này mà hiển quý thì phải bắn trúng". Biên bắn một phát xuyên qua cả hai chim. Quân sĩ đều sợ, gọi là Lạc diều thị ngự.

Biên có công, được làm Phòng ngự sứ ở Tần Châu. Bảy giờ Nam Chiếu chiếm tất cả Giao Châu. Năm thứ 5 hiệu Hàm Thông (864), Biên đang làm chức Kiêu Vệ tướng quân, được làm An Nam Đô hộ phủ Kinh lược Chiêu thảo sứ, được giao phó hết quân lính của Trương Nhân đem đi.

Tháng 9, Biên tới phía Nam Phong Châu. Năm vạn quân Man đang gặt lúa. Biên tới đánh, đại phá được, bèn tấn công Nam Chiếu, lại phá được, chém tướng Man là Đoàn Tù Thiên, và chém quân thổ Man tới 3 vạn đầu. (Nhà Đường) bèn bỏ Đô hộ phủ, đặt Tĩnh Hải quân, cho Biên làm Tiết độ sứ.

Biên giữ bản châu, xưng làm vua (vương). Từ khi lữ Man vào cướp đã 10 năm, đến nay mới yên. Biên đắp lại La Thành chu vi 1.980 trượng 5 thước, cao 2 trượng 6 thước, chân thành rộng 2 trượng 6 thước, bốn mặt xây nữ tường<sup>(68)</sup> cao 5 thước 5 tấc, 55 dịch lâu (lâu vọng dịch), 5 môn lâu, 6 ủng môn (cửa tò vò), 3 ngòi nước, 34 con đường đi; lại đắp đê chu vi 2.125 trượng 8 thước, cao 1 trượng 5 thước, chân đê rộng 3 trượng; lại dựng hơn 5.000 gian nhà<sup>(69)</sup>. Cao Biên thấy đường biển từ châu ta đến Ung, Quảng có nhiều đá ngầm làm lật thuyền, vận tải không được thông bèn sai Trương lại là bọn Lâm Phúng khai đào.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 5, bắt đầu đào; độ chừng hơn một tháng đã sắp khai thông, nhưng ở quãng giữa gặp phải tảng đá to dài vài trượng, cứng như sắt, chém dao xuống bị cong lưỡi, đập búa xuống bị gãy cán, bọn phu dịch nhìn nhau dễ muốn chùng bỏ dở. Ngày 26 tháng 5, đang ban ngày, mây đen tuôn dầy, gió lớn ào lên, tiếng sét vang rền vài tiếng, chợt trời lại quang đãng mà tảng đá lớn đã vỡ tan. Nhưng còn hai nơi, đến ngày 21 tháng 6 lại

nổ vang như trước mà tảng đá to đồng thời tan như ngói. Công việc làm xong, nhân gọi nơi đó là kênh Thiên Uy<sup>(70)</sup>.

Năm thứ 9 (868), vua Ý Tông lấy Cao Biên làm Hữu Kim ngô đại tướng quân, gia phong Kiểm hiệu Thượng thư hữu bộc xạ, dời đi làm Tiết độ sứ ở Thiên Bình. Sau Biên mất.

**Cao Tâm**, là cháu họ Cao Biên. Đời Ý Tông, Cao Biên thấy Tâm đã làm tiên phong, tiến cử Tâm thay Biên coi việc châu ta.

**Tăng Cỗn**<sup>(71)</sup>. Đời vua Hi Tông, Tăng Cỗn thay Cao Tâm làm Tiết độ sứ, nổi tiếng võ về yêu mến dân, người trong châu gọi là Tăng Thượng thư<sup>(72)</sup>. Tăng Cỗn có soạn một thiên *Giao Châu ký*.

**Chu Toàn Dục** là anh Toàn Trung, thay Tăng Cỗn làm Tiết độ sứ<sup>(73)</sup>.

**Độc Cô Tôn** làm Tể tướng ở đời Chiêu Tông (889-904) Ai đế phong làm Tĩnh Hải Tiết độ sứ, thay Toàn Dục. Người trong châu đặt cho hiệu là Ngục Thượng thư (thượng thư ác)<sup>(74)</sup>.

**Khúc Hạo**. Năm đầu hiệu Khai Bình nhà Lương (907), làm Tiết độ sứ thay Tôn<sup>(75)</sup>.

**Khúc Toàn Mỹ**, là em<sup>(76)</sup> Hạo. Đời Minh Tông (nhà Hậu Đường) (926-930) thay Hạo làm Tiết độ sứ, sau bị tướng Nam Hải là bọn Lương Khắc Chân bắt nộp cho Nam Hán. Nam Hán lấy Nguyễn (Lý) Tiến thay Toàn Mỹ.

**Nguyễn (Lý) Tiến**. Năm đầu hiệu Trường Hưng đời Minh Tông nhà Hậu Đường (930), chúa Nam Hán là Lưu Nghiễm sai bọn tướng Lương Khắc Chân<sup>(77)</sup> tới đánh châu ta, bắt Tiết độ sứ Khúc Toàn Mỹ, lấy tướng là Nguyễn (Lý) Tiến sang thay.

**Dương Đình Nghệ**<sup>(78)</sup>, người Ái Châu. Trong khoảng niên hiệu Trường Hưng (930-933) đời Minh Tông, nhà Đường, Đình Nghệ đem binh đánh Nguyễn (Lý) Tiến. Nguyễn (Lý) Tiến chạy trốn về Nam Hán, Đình Nghệ tự xưng là Tiết độ sứ. Năm thứ hai hiệu Thiên Phúc nhà Tấn (937), Đình Nghệ bị Kiều Công Tiễn giết.

**Kiều Công Tiễn**<sup>(79)</sup>, người châu Phong. Năm thứ 2 hiệu Thiên Phúc đời vua Cao Tổ nhà Tấn (937), mùa xuân, tháng 3, Tiễn giết Đình Nghệ mà thay (làm Tiết độ sứ), đến sau bị vua Ngô giết.

Trở lên là các quan cai trị các đời, từ năm Tân Mùi, năm đầu hiệu Nguyên Phong đời Vũ đế nhà Tây Hán (110 TCN) đến năm Mậu Tuất, năm thứ 3 hiệu Thiên Phúc đời Cao Tổ nhà Thạch Tấn (938) cả thảy là 1.048 năm thì nhà Ngô bắt đầu dựng lên. Những người đó, hoặc là người phương Bắc (người Trung Quốc) được bổ nhiệm, hoặc là người bản quốc tự xưng lập, độ chừng hơn 100 người, có 83 người thấy ghi chép lại.

### **Chú thích:**

(1) Thạch Đái làm Thứ sử bộ Giao Chỉ (gồm 7 quận) (*Đại Việt sử ký*).

(2) Tác giả *Việt sử lược* không chép hai Thái thú Tích Quang, Nhân Diên là hai người nổi tiếng thời Hán Quang Vũ. Còn Ngụy Lãng làm Đô úy quận Cửu Chân, đàn áp cuộc khởi nghĩa của Chu Đạt vào năm Vĩnh Thọ thứ 3 (157) đời Hoàn đế nhà Đông Hán (*Hậu Hán thư* q.7, 8a; q.97, 12a). *Việt sử lược* đã chép nhầm.

(3) Miền Sơn Tây, Phú Thọ. Truyền thuyết cho rằng hai bà Trưng là đồng dôi Hùng Vương.

(4) Miền Hà Đông, Hà Nam, Hưng Yên.

(5) Miền Tiên Du, Bắc Ninh. Sử cũ thường nhận nhầm Lãng Bạc là Hồ Tây, *Thủy kinh chú* nói: "Mã Viện thấy Lãng Bạc là miền đất cao, bèn từ Tây Lý đến đóng đồn ở đó". Tây Lý hay Tây Vu là miền Tiên Du, Bắc Ninh (xem H. Maspéro: *L'expédition de Ma Yuan*, BEFEO XVIII).

(6) Miền Thọ Xuân, Thiệu Hóa, Đông Sơn (Thanh Hóa). Theo *Thủy kinh chú*: "Mã Viện vào Cửu Chân, đến huyện Vô Công, tướng giặc đầu hàng, lại tiến vào huyện Du Phát. Cờ sù là Chu Bá bỏ quận mà vào rừng sâu cây rậm. Mã Viện lại chia binh vào huyện Vô Biên, đến huyện Cư Phong. Phàm tướng giặc không hàng đều bị chém đầu đến mấy trăm người. Thế là đất Cửu Chân yên". Xem *Hậu Hán thư* (quyển 1 hạ, 10a, 12a).

(7) Theo *Hậu Hán thư* (q.54), Mã Viện tâu rằng: "Huyện Tây Vu có 32.000 nhà, biên giới ở cách xa huyện lỵ hàng nghìn dặm nên xin chia ra để đặt hai huyện Phong Khê, Vọng Hải". *Vọng Hải*: miền Tuyên Quang, Vĩnh Yên. *Phong Khê*: miền Phúc Yên, Từ Sơn (Bắc Ninh).

(8) Năm 136, Chu Xưởng, Thái thú Giao Chỉ tâu xin đổi Giao Chỉ thành Giao Châu. Triều đình không cho, nhưng thăng Chu Xưởng làm Thứ sử (*Tấn thư* q.15, 9a, 9b).

(9) Khu Liên nổi lên từ năm 136. Năm 138, Trương Kiều chiêu dụ người Man ở Nhật Nam hàng (*Hậu Hán thư* q.6, 9b, 10b).

(10) Hạ Phương làm Thứ sử Giao Chỉ từ trước năm 144. Năm 144 đàn áp các cuộc khởi nghĩa của nhân dân Cửu Chân, Nhật Nam. Được thăng làm Thứ sử Quế Dương. Năm 160 lại làm Thứ sử Giao Chỉ (*Hậu Hán thư* q.6, 14a).

(11) Có sách chép là Lưu Tảo. Sau khi Hạ Phương về làm Thứ sử Quế Dương thì Lưu Tháo sang thay làm Thứ sử Giao Chỉ (*An Nam chí nguyên*, tr.149).

(12) Năm 178, Giao Chỉ, Hợp Phố, Ô Hử (người Mán miền Lạng Sơn, Hải Ninh - xem H. Maspéro, BEFEO XVIII) nổi lên, Chu Ngung dẹp không nổi. Nhân đó Lương Long nổi dậy. Chu Tuấn sang cứu Ngung, giết Lương Long. Đến năm 184, binh lính đóng ở

Giao Chỉ giết Chu Ngung. Giả Tung sang thay làm Thứ sử (*Hậu Hán thư* q.8, 6a, 8a, 9b; q.61, 14a; q.101, 7b).

<sup>(13)</sup> Tức là Lý Tiến, người Giao Châu, dâng sớ tâu xin cho người châu Giao được làm quan như người Trung Nguyên.

<sup>(14)</sup> *Tam quốc chí, Ngô thư, Sĩ Nhiếp truyện* (q.49, q.4 của *Ngô thư*, 7a, 9a) chép tiên tổ Sĩ Nhiếp người đất Vân Dương nước Lỗ, hồi loạn Vương Mãng sang lánh nạn ở Giao Châu, sáu đời đến Sĩ Nhiếp.

<sup>(15)</sup> Huyện Vu Dương.

<sup>(16)</sup> Thư có dấu ấn của vua.

<sup>(17)</sup> Sau khi Lữ Đại dẹp xong Sĩ Huy, được nhà Ngô cho làm Giao Châu mục. Giao Châu lúc này gồm cả Quảng Châu đã bị bỏ. Năm 264 mới lại tách Giao Châu, đặt Quảng Châu (*Tam quốc chí, Ngô thư, Lữ Đại truyện* quyển 60 (q.15 của *Ngô thư*) 5b, 8b).

<sup>(18)</sup> Có sách chép là Lục Dận, thay Lã Đại làm Thứ sử, đàn áp cuộc khởi nghĩa của nhân dân Cửu Chân và cuộc khởi nghĩa của bà Triệu cũng ở Cửu Chân tiếp sau đó (*Tam quốc chí, Ngô thư, Lục Khải truyện* (phụ truyện: em là Dận) q.61 (q.16 của *Ngô thư*) 9b, 10b).

<sup>(19)</sup> Tôn Tư, Thái thú Giao Chỉ, tham lam bạo ngược, thường bắt hàng ngàn thợ thủ công đưa sang Kiến Nghiệp (kinh đô nhà Ngô, Nam Kinh nay).

<sup>(20), (21), (22)</sup> Các sách khác chép là Lã Hưng giết Tôn Tư và Đặng Tuân rồi đầu hàng nhà Ngụy. Ngụy cho Lã Hưng làm An Nam tướng quân, cử Hoắc Dặc lĩnh vọng chức Thứ sử Giao Châu (*Tam quốc chí, Ngụy thư* q.4, 27a).

Xin xem *Tấn thư, Đào Hoàng truyện* (q.57, 4b, 5a).

<sup>(23), (24)</sup> Tấn thay Ngụy, cử Mã Dung làm Thái thú Giao Chỉ. Mã Dung bị bệnh mất. Hoắc Dặc đề cử Dương Tắc thay (xin xem *Tấn thư, Đào Hoàng truyện* q.57, 4, 5a).

<sup>(25)</sup> Nhà Ngô cử Lưu Tuấn làm Thứ sử Giao Châu, đánh Dương Tắc của Tấn. Dương Tắc đánh bại được Lưu Tuấn ở Cố Thành (Hợp Phố).

<sup>(26)</sup> Khi Cố Bí mất, người châu Giao ép con Bí là Cố Sâm coi việc trong châu. Khi Sâm mất, con là Cố Thọ cố xin lĩnh việc châu Giao, giết Trưởng lại là bọn Hồ Triệu, lại toan giết cả đốc quân dưới



trưởng là Lương Thạc. Lương Thạc chạy thoát, cất quân đánh giết được Thọ Lương Thạc chuyên quyền, sợ dân không phục, bèn vời con Đào Hoàng là Đào Uy đang làm Thái thú Thương Ngô sang làm Thứ sử Giao Châu.

<sup>(27)</sup> Các sách khác chép Đào Tuy là con Đào Uy. Đào Thục và Đào Tuy nối nhau làm Thứ sử Giao Châu.

<sup>(28)</sup> Theo *Tấn thư*, *Đào Khản truyện* (q.66, 4a, 10b). Vương Cơ, con Vương Nghị, Thứ sử Quảng Châu, thay cha làm Thứ sử Quảng Châu. Bấy giờ dư đảng của Thục là Đỗ Hoàng đem vàng cho Cơ, xin đánh Quế Lâm. Vương Cơ đem việc đó tâu lên triều đình... Vương Đôn, đoạt quyền vua Tấn, cho Cơ khó chế ngự, muốn mượn tay Cơ đánh Lương Thạc, bèn cho Cơ làm Thứ sử Giao Châu. Lương Thạc cho con đón Cơ ở Uất Lâm, Cơ giận đến đón chậm, trách rằng: "Đợi khi đến châu sẽ hỏi tội"; Thạc biết tin nói rằng: "Cái anh chàng họ Vương đã làm nát châu Quảng, nay cố gì lại phá hại châu Giao", bèn cấm người trong châu không được đi đón Cơ, Lương Thạc tự nhận chức Thứ sử Giao Châu.

Vương Cơ chạy về Uất Lâm, cùng Đỗ Hoàng, Ôn Thiệu... làm phản.

Đào Khản đến Quảng Châu, giết được Ôn Thiệu, rồi đánh Vương Cơ, Vương Cơ chạy rồi chết. Đào Khản sai đào mả lên chém.

Vương Đôn cho Vương Lượng làm Thứ sử Giao Châu, lượng bị Lương Thạc đánh thua, chết. Sau Lương Thạc bị Đào Khản đánh giết được. Vua Tấn cho Đào Khản làm Thứ sử Giao Châu.

<sup>(29)</sup> Bồ Kiên là tên của chúa Tiên Tần (rợ Tây nhưng) đời Tấn.

<sup>(30)</sup> Tức là Lý Tồn, Thái thú Cửu Chân, cha con có quyền thế ở Giao Châu, nghe tin Thứ sử Đằng Độn Chi sắp đến đem quân chống cự, bị Đỗ Viện giết (xem *Tống thư* q.92, 2a, 2b).

<sup>(31)</sup> Sách chép nhầm. Đời Hiếu Vũ đế không có niên hiệu Sơ Nguyên, Theo *Tống thư* (q.92, 3a) thì đó là năm đầu hiệu Vĩnh Sơ đời Tống Vũ đế (420).

<sup>(32), (34)</sup> Việc Đan Hòa Chi đánh Lâm Ấp, xin xem *Thủy kinh chú* (q.14), *Tống thư* (q.97), *Lương thư* (q.54) và *Tống thư*, *Tông Xác Huyện* (q.76, 2a, 2b).

<sup>(33)</sup> *Thủy kinh chú* chép là Phạm Phù Long.

<sup>(35), (36)</sup> Sau khi Lưu Mục bị bệnh chết, người trong châu là Lý Trường Nhân giết bộ thuộc của Lưu Mục, tự xưng Thứ sử Giao Châu. Tống sai Nam Khang tướng Lưu Bột sang làm Thứ sử châu Giao, đến nơi bị Trường Nhân chống cự lại, chẳng bao lâu bị chết (*Tống thư* q.8, 7b).

<sup>(37), (38)</sup> Trường Nhân chết, Thúc Hiến (em họ (tòng đệ) Trường Nhân) quyền Thái thú Vũ Bình lên thay Trường Nhân, vì hiệu lệnh không được theo xin Tống cho làm Thứ sử. Tống sai Thái thú Nam Hải là Thẩm Hoán sang làm Thứ sử Giao Châu, cho Thúc Hiến làm Ninh viễn quân tư mã, Thái thú hai quận Tân Xương, Vũ Bình. Thúc Hiến được mệnh lệnh triều đình, thấy lòng dân phục theo, bèn đem quân giữ các nơi hiểm yếu không chịu công nhận Thẩm Hoán (*Nam Tề thư* q.2, 3a).

<sup>(39)</sup> *Nam Tề thư* (q.3, 4b).

<sup>(40)</sup> Các sách khác chép là Phòng Pháp Thừa (*Nam Tề thư* q.3, 7a, 9b).

<sup>(41), (42)</sup> Lý Khải sang thay Phục Đãng Chi. Bấy giờ nhà Tề đã bị nhà Lương (Tiêu Diễn) cướp ngôi. Lý Khải chống cự nhà Lương. Năm Thiên Giám thứ 4 (505) đời Lương Vũ đế, trưởng sử Giao Châu là Lý Tắc đem quân giết Lý Khải. Nhà Lương cho Lý Tắc làm Thứ sử (*Lương thư* q.2, 5b).

<sup>(43), (44)</sup> Tức là Tiêu Tư, tôn thất nhà Lương, tước Vũ Lâm hầu. *An Nam chí lược* cũng chép nhầm là Hầu Tư. Tiêu Tư tham tàn bạo ngược, Lý Bí khởi nghĩa (541). Tiêu Tư đem vàng bạc đút lót rồi chạy về châu Quảng (*Lương thư* q.3, 11b).

<sup>(45)</sup> Theo *Trần thư* (q.1) Thiên Bảo là em chứ không phải là con Lý Bí. Các thư tịch Việt Nam khác đều chép theo *Trần thư*.

<sup>(46)</sup> Điểm này sai. Nhà Lương tại quận Cửu Chân, đặt Ái Châu từ trước (xem *Lương thư*).

<sup>(47)</sup> Thành Cổ Loa còn có tên là Việt Vương thành (*An Nam chí lược* q.1).

<sup>(48)</sup> Nhật Nam đổi làm Hoan Châu từ năm 598 (*Tùy thư* q.31, 7b).

(49) Kinh đô Lâm Ấp bấy giờ ở miền Trà Kiệu (Quảng Nam).

(50) Tức là An Nam Đô hộ phủ thành lập vào năm Vũ Đức thứ 5 (622) thống lĩnh 12 châu (*Tân Đường thư, Khâu Hòa truyện* q.90).

(51) *Tân Đường thư* (q.4, 3a). "*Người Giao Chỉ là Lý Tự Tiên giết An Nam đô hộ phủ là Lưu Diên Hựu, chiếm giữ châu Giao*", vào năm Thủy Cung thứ 3 (687) tháng 7. Theo truyện Lưu Diên Hựu thì: "Xưa dân Lí chỉ đóng nửa số tô hàng năm. Diên Hựu giết người cầm đầu là Lý Tự Tiên. Nhưng dư đảng là bọn Đinh Kiến bèn làm phản, hợp binh vây phủ An Nam. Trong thành quân ít, không thể chống chọi được, giữ lũy thành chờ quân cứu viện. Nhà đại tộc ở Quảng Châu là Phùng Tử Du mong lập công, giữ binh không ra. Diên Hựu bị giết. Tư mã Quế Châu Tào Huyền Tĩnh tiến binh dẹp Kiến, chém được nó" (*Tân Đường thư* q.201, 4b).

(52) Dư đảng của Lý Tự Tiên là Đinh Kiến. Sau Tư mã Quế Châu là Tào Huyền. Tĩnh đem binh sang đánh giết được Đinh Kiến.

(53) *An Nam chí lược, Toàn thư* và *Cương mục* không thấy chép tên Khúc Lãm, nhưng *Thiên uyển tập anh* có chép (truyện *La Quý An chân nhân*).

(54) Cao Chính Bình đánh thuế rất nặng, Phùng Hưng cùng em là Phùng Hải nổi dậy ở Đường Lâm (Phúc Thọ, Sơn Tây), dùng kế của người đồng hương là Đỗ Anh Hàn đến vây phủ thành. Cao Chính Bình lo sợ mà chết. *Việt điện u linh tập* dẫn *Giao Châu ký* của Triệu Công - *Tân Đường thư* (q.7, 7a) chỉ chép đến Đỗ Anh Hàn).

(55) Triệu Xương dụ hàng Phùng An, con Phùng Hưng, rồi làm Đô hộ Giao Châu, ở đó 10 năm, bị đau chân xin về (*Tân Đường thư, Triệu Xương truyện* q.170, 8a).

(56) Bùi Thái thay Triệu Xương làm Đô hộ Giao Châu. Sau bị bộ tướng trong châu là Vương Quý Nguyên đui đi. Đức Tông lại cho Triệu Xương, lúc ấy đã 70 tuổi, sang làm Đô hộ (q.170, 8a).

(57) Theo *Tân Đường thư*, Triệu Xương lại sang ta làm đô hộ năm 803 (Trinh Nguyên thứ 19). Triệu Quân tức là Triệu Xương.

(58) Dương Thanh là tù trưởng thiểu số được làm Thứ sử Hoan

Châu. Tượng Cổ cho làm nha tướng, sai đi đánh người Mán ở Hoàng Động. Dương Thanh thấy lòng người ai cũng oán giận Tượng Cổ, đang đêm quay về đánh úp phủ thành, giết Tượng Cổ. Sau Dương Thanh bị Quế Trọng Vũ giết, tru di cả họ (*Tân Đường thư* q.80, 11a).

<sup>(59)</sup> Truyện Lý Nguyên Hỉ được chép trong *Giao Châu châu ký* của Triệu Công, dẫn ở *Việt điện u linh tập*, *Cựu Đường thư* (q.17 thượng, 5b) chỉ chép: "Năm đầu hiệu Bảo Lịch (825) tháng 5, Lý Nguyên Hỉ ở An Nam tâu dời phủ Đô hộ sang bờ sông phía Bắc".

<sup>(60)</sup> Hàn Ước đánh dẹp cuộc nổi dậy của Thứ sử Phong Châu Vương Thăng Triều. Sau Hàn Ước bị quân lính phủ Đô hộ đuổi đánh phải chạy về châu Quảng (*Tân Đường thư* q.8, 4b, 5a; q.179, *Hàn Ước truyện* 9a). Sau Hàn Ước, Mã Thực làm Đô hộ An Nam (*Tân Đường thư* q.184, 1a).

<sup>(61)</sup> Vũ Hồn làm Kinh lược sứ An Nam (841). Đến nơi, bắt tướng sĩ sửa phủ thành. Quân lính nổi dậy cướp kho đạn (843). Vũ Hồn phải chạy về châu Quảng. Giám quân Đoàn Sĩ Tắc chiêu dụ bọn quân loạn (*Tân Đường thư* q.8, 9a).

<sup>(62)</sup> Bùi Nguyên Hựu (*Tân Đường thư* chép là Bùi Nguyên Dụ) làm Kinh lược sứ, đánh được quân Nam Chiếu năm 846 (tháng 9 năm Hội Xương thứ 6) (*Tân Đường thư* q.8, 10a).

<sup>(63)</sup> Lý Trác làm Kinh lược sứ, cứ mỗi đầu muối đổi lấy một con trâu. Người Mán không chịu được, liên kết với Nam Chiếu cướp phủ thành Đô hộ. Lý Trác lại giết tù trưởng của họ là Đỗ Tôn Thành. Họ càng oán giận, dẫn người Nam Chiếu vào xâm lấn miền biên giới (*Tân Đường thư*, *Nam Chiếu truyện*).

<sup>(64)</sup> *Tân Đường thư*, *Vương Bá truyện*, *phụ Vương Thúc truyện* (q.167, 8b, 9a). "Người làm Đô hộ trước, trời đang hạn hán, đi làm lũy gỗ (mộc sách), bắt dân hàng năm nộp tiền, đã không làm xong kịp thời lại còn trách phạt gắt gao. Thúc lấy một năm tiền phú thuế, mua cây gỗ thực (thực mộc) trồng quanh 12 dặm, bỏ thuế ngoại phụ hàng năm để làm nhẹ cho dân, đào hào, rào lũy sách, bên ngoài trồng tre gai, trộm cướp không vào được".

<sup>(65)</sup> Theo *Tứ trị thông giám*, Lý Hộ sang làm Đô hộ năm Hàm Thông thứ nhất (860). Khi mới đến, giết tù trưởng Man là Đỗ Thủ Trưng. Đồng đảng của Thủ Trưng xui giục người Nam Chiếu đánh phá phủ thành. Hộ chạy về Vũ Châu.

<sup>(66)</sup> *Cương mục (Tiền biên* q.5, 1a) theo *Cương mục* của Trung Quốc chép là châu Hứa. Xem thêm *Man thư*.

<sup>(67)</sup> Hải Môn trấn: nay ở huyện Bắc Bạch, Quảng Đông (Trung Quốc).

<sup>(68)</sup> Nữ tường: bức tường nhỏ xây đắp trên thành lớn. Mỗi trượng là 10 thước, dài chừng 3,3m. Theo *Toàn thư*, thành Đại La chu vi 1.982 trượng 5 thước, cao 2 trượng 6 thước, chân rộng 2 trượng 5 thước. Nữ tường cao 5 thước 5 tấc.

<sup>(69)</sup> *Toàn thư* chép là làm hơn 40 vạn gian nhà (*Ngoại ký* q.5, 15a). *Tân Đường thư*, *Cao Biền truyện* (q.224 hạ) chỉ chép "đắp An Nam thành" chứ không nói rõ kích thước là bao nhiêu (3a, 10b).

<sup>(70)</sup> Tức ghềnh Bắc Thú ở huyện Bắc Bạch (Quảng Đông).

<sup>(71)</sup> Tăng Cồn trước làm Tiểu hiệu dưới quyền Cao Biền.

<sup>(72)</sup> Chữ "Tăng thượng thư" vừa có nghĩa là Thượng thư họ Tăng vừa có nghĩa là Thượng thư hiền lành như Phật. Theo *Toàn thư*, quân ở phủ ta làm loạn, Tiết độ sứ Tăng Cồn bỏ thành chạy. *Cương mục* ngờ rằng *Toàn thư* chép lầm, theo *An Nam ký yếu* chữa lại là Cồn đem uy đức dụ bảo được.

<sup>(73)</sup> Theo *Toàn thư*: "Chu Toàn Trung nhà Đường thấy Tiết độ sứ Giao Châu là Đồng bình chương sự Chu Toàn Dục là người thô lỗ vô tài xin bãi di". Toàn Dục là anh Toàn Trung. *Cựu Ngũ đại sử* (q.12) truyện Chu Toàn Dục, chỉ nói Chu Toàn Dục làm "Lĩnh Nam tây đạo Tiết độ sứ", song cũng không chỉ định rõ Toàn Dục làm Tiết độ sứ Lĩnh Nam tây đạo vào năm nào. *Cương mục* nói Chu Toàn Dục sang thay Tăng Cồn năm Cảnh Phúc thứ nhất (892).

<sup>(74)</sup> *Toàn thư* không chép đến Độc Cô Tổn. Theo *Tân Đường thư*, *Tể tướng biểu*, hạ q.63 (12b, 13a) năm Thiên Phúc thứ 3 (903) Lễ bộ thượng thư Độc Cô Tổn làm Bình bộ thị lang Đồng Trung thư môn

hạ Bình chương sự. Năm đầu hiệu Thiên Hựu (904), Tôn làm Khán hữu tam quân sự, Phán độ chi rồi làm môn hạ thị lang kiêm Hộ bộ thượng thư, viên kiêm Binh bộ thượng thư, rồi làm Kiểm hiệu thượng thư tả bộc xạ, Đồng bình chương sự, Tĩnh Hải quân Tiết độ sứ, Lễ bộ thị lang.

<sup>(75)</sup> *Việt sử lược* và *Toàn thư* đều không biết đến Khúc Thừa Dụ. *Tân Ngũ đại sử, Nam Hán thế gia* chỉ chép Khúc Hạo và con là Thừa Mỹ. *Tư trị thông giám* (q.165) chép rằng: "Năm Thiên Hựu thứ 3 (906) vua Đường thẳng Tĩnh Hải Tiết độ sứ là Khúc Thừa Dụ chức Đồng bình chương sự. Lúc ấy Thừa Dụ nhân loạn, coi giữ đất An Nam".

Khúc Thừa Dụ là một hào trưởng ở Hồng Châu (Hải Dương), nhân nhà Đường loạn tự xưng Tiết độ sứ, rồi sai người đến xin mệnh nhà Đường.

<sup>(76)</sup> *Toàn thư* và *Cương mục* chép Thừa Mỹ là con Hạo. Năm 919, Thừa Mỹ sai sứ sang xin tiết việt ở nhà Lương. Nhà Lương cho làm Tiết độ sứ Giao Châu. Chúa Nam Hán là Lưu Cung giận dữ, sai tướng là Lý Khắc Chính đem quân đánh châu Giao, bắt được Thừa Mỹ (923).

<sup>(77)</sup> *Tân Ngũ đại sử, Nam Hán thế gia* (q.65, 3a) chép là Lương Khắc Trinh và Lý Thủ Dung. Lương Khắc Trinh đánh cả Chiêm Thành cướp nhiều báu vật rồi mới về.

<sup>(78)</sup> Dương Đình Nghệ (*Cương mục* chép là Diên Nghệ) nguyên là nha tướng của Khúc Hạo, thường có chí khôi phục đất nước, báo thù cho họ Khúc. Từ 923 đến 931, nuôi 3.000 giả tử (con nuôi) ở trong nhà (*Toàn thư* q.5, 18b). Lý Tiến báo với chúa Nam Hán. Nam Hán sai Thừa chỉ Trần Bảo (*Tân Ngũ đại sử* chép là Trinh Bảo) đem binh sang cứu, chưa đến nơi thành đã bị hạ. Lý Tiến chạy trốn. Trần Bảo đến vây thành. Đình Nghệ đem quân ra đánh giết được Trần Bảo. Đình Nghệ tự xưng Tiết độ sứ.

<sup>(79)</sup> Kiều Công Tiễn là nha tướng của Dương Đình Nghệ, *Tân Ngũ đại sử* (q.65, 3a) chép là Hiệu Công Tiễn.

\*

\*

\*

## NHÀ NGÔ

### TIÊN VƯƠNG NGÔ

Húy là Quyên, họ Ngô, là con Tiên Phủ<sup>(1)</sup>. Ngô Quyên thờ Dương Đình Nghệ, làm chức Tướng quân. Năm thứ 3 hiệu Thiên Phúc đời Cao Tổ nhà Hậu Tấn (938), mùa đông, tháng chạp, Quyên đem binh từ Ái Châu ra đánh Công Tiễn. Công Tiễn sai người cầu cứu Nam Hán. Lưu Yểm cho con là Vạn Vương Hoàn (Hoàng) Thao<sup>(2)</sup> làm Tĩnh Hải quân Tiết độ sứ, đem binh sang cứu Công Tiễn. Hoàn Thao đem thủy quân từ sông Bạch Đằng vào nước ta toan đánh Quyên, nhưng Quyên đã giết được Công Tiễn.

Quyên nghe tin Hoàn Thao đến, bèn đóng ngầm những cọc lớn đầu bịt sắt ở cửa biển. Khi nước triều dâng cao, Quyên sai người đem thuyền nhỏ ra khiêu chiến, giả vờ thua chạy. Hoàn Thao đuổi theo. Nước triều xuống, cọc nhô ra; Hoàn Thao phải chống cự luôn tay, mà nước triều xuống rất nhanh, thuyền bè đều bị vướng vào trong cọc. Quyên đánh hăng, đại phá được Hoàn Thao, quân Nam Hán bị chết đuối đến quá nửa, giết được Hoàn Thao.

Quyên mới bắt đầu xưng vương<sup>(3)</sup>. Năm đầu hiệu Khai Vạn đời Tấn Xuất đế (944), vương mất, trị vì được 7 năm.

## DƯƠNG BÌNH VƯƠNG

Húy là Chủ Tướng<sup>(4)</sup>, họ Dương, là gia thân của tiên Ngô vương. Khi Ngô vương mất, Chủ Tướng tự lập làm vương. Con Ngô Vương là Xương Ngập chạy về nhà Phạm Lệnh Công ở Trà Hương<sup>(5)</sup>. Chủ Tướng lấy em Xương Ngập là Xương Văn làm con mình. Em Xương Văn là Nam Hưng, Càn Hưng đều còn nhỏ. Lâu về sau, Chủ Tướng sai người đem quân đến nhà Lệnh Công tìm bắt Xương Ngập. Lệnh Công sợ, giấu Xương Ngập vào trong động. Năm thứ 3 hiệu Càn Hựu đời An đế nhà Hậu Hán (950), Chủ Tướng sai Xương Văn và hai quan sứ Dương, Đỗ<sup>(6)</sup> đem binh đánh hai thôn Đường, Nguyễn ở Thái Bình. Đi đến Từ Liêm (Hà Nội), Xương Văn bảo với hai quan sứ rằng: "Đức của tiên vương ta đã thấm vào lòng dân, nay chẳng may từ bỏ quần thần, Chủ Tướng tự làm việc bất nghĩa, tội rất lớn vậy! Nay lại sai ta đi đánh dẹp những ấp vô tội, nếu may mà thắng được thì rốt cuộc kẻ kia cũng chẳng phục, biết làm thế nào?". Hai quan sứ nói rằng: "Xin tuân theo mệnh lệnh của vương". Xương Văn bèn quay binh về đánh úp Bình vương, thắng được. Xương Văn thấy Bình vương có ơn với mình, nên giáng làm Chương Dương sứ<sup>(7)</sup>, ăn lộc ấp đó. Bình vương ở ngôi 7 năm.

## HẬU NGÔ VƯƠNG: NAM TẤN VƯƠNG VÀ THIÊN SÁCH VƯƠNG

Nam Tấn vương húy là Xương Văn, con thứ hai Ngô vương Quyền, năm thứ 3 hiệu Càn Hựu (950) nhà Hán, phế Dương Bình vương mà tự lập, xưng là Nam tấn vương.



Đến năm đầu hiệu Quảng Thuận đời Thái tổ nhà Chu (951), Nam Tấn vương sai sứ đi đón anh là Xương Ngập về cùng coi chính sự. Ngập xưng là Thiên Sách vương.

Lúc bấy giờ người động Hoa Lư là Đinh Bộ Lĩnh, dựa vào núi khe hiểm trở, không giữ phận bề tôi. Hai vương toan đi đánh dẹp, Bộ Lĩnh sợ, sai con là Liễn vào triều cống. Khi Liễn đến nơi, hai vương trách phạt về tội không theo phụ, bắt Liễn, và đi đánh Bộ Lĩnh. Hơn một tháng trời không thắng, hai vương bèn treo Liễn lên trên ngọn giáo, bảo với Bộ Lĩnh rằng: "Nếu không hàng sẽ giết Liễn". Bộ Lĩnh giận dữ nói rằng: "Bậc đại trượng phu lẽ nào lại vì con trẻ mà bỏ việc lớn!", vội sai hơn mười tay cung bắn Liễn. Hai vương kinh dị, bèn đem quân về.

Bấy giờ, Thiên Sách thiện tiện ra uy tác phúc, Nam Tấn vương không được dự việc triều chính.

Năm đầu hiệu Hiên Đức (954), Thiên Sách vương mất, Nam Tấn vương sai người đi sứ Hán. Lưu Xương cho vương làm Tĩnh Hải Tiết độ sứ.

Năm thứ 3 hiệu Càn Đức đời Thái tổ nhà Tống (965), vương đem quân đi đánh hai thôn Đường, Nguyễn ở Thái Bình. Vương đứng trên thuyền xem đánh nhau bị trúng tên của phục binh chết<sup>(8)</sup>.

Lúc bấy giờ mười hai sứ quân đều nổi lên, mỗi người chiếm giữ lấy châu, quận tự trị<sup>(9)</sup>.

Thiên Sách vương ở ngôi 3 năm, Nam Tấn vương ở ngôi 13 năm. Hiên Đức là niên hiệu đời Chu Thế Tông.

Trở lên là từ Tiên Ngô vương đến Hậu Ngô vương, cả thấy 3 chúa, bắt đầu năm Mậu Tuất (938), cuối cùng là năm Ất Sửu (965), cộng là 28 năm thì nhà Ngô mất.

\*

\*       \*

## THẬP NHỊ SỨ QUÂN<sup>(10)</sup>

*Kiều Tam Chế* tên là Công Hãn, giữ Phong Châu<sup>(11)</sup>.

*Nguyễn Thái Bình* tên là Khoan, lại có tên là Ký, giữ Nguyễn Gia<sup>(12)</sup>.

*Trần Công Lâm* tên là Nhật Khánh, giữ Đường Lâm<sup>(13)</sup>.

*Đỗ Cảnh Công* tên là Cảnh Thạc, giữ Đỗ Động<sup>(14)</sup>.

*Nguyễn Du Dịch* tên là Xương Thúc, giữ Vương Kiều<sup>(15)</sup>.

*Nguyễn (Lý) Lãng Công* tên là Khuê, giữ Siêu Loại<sup>(16)</sup>.

*Nguyễn Lệnh Công* tên là Thủ Tiệp, giữ Tiên Du<sup>(17)</sup>.

*Lữ Tả Công* tên là Khoáng, giữ Tế Giang<sup>(18)</sup>.

*Nguyễn Hữu Công* tên là Siêu, giữ Phủ Liệt<sup>(19)</sup>.

*Kiều Lệnh Công* tên là Thuận, giữ Hồi Hồ<sup>(20)</sup>.

*Phạm Phòng Ất* tên là Bạch Hổ, giữ Đằng Châu<sup>(21)</sup>.

*Trần Minh Công* tên là Lãm, giữ Giang Bố Khẩu<sup>(22)</sup>.

Trở lên trên là mười hai sứ quân, bắt đầu từ năm Ất Sửu (965) cuối cùng là năm Đinh Mão (967), cả thấy 3 năm thì Đinh Tiên vương thấu gồm được.

### *Chú thích:*

<sup>(1)</sup> *Toàn thư* và *Cương mục* chép cha Ngô Quyền là Ngô Mân, Thứ sử châu Phong, đời đời là nhà quý tộc, người Đường Lâm (thị xã Sơn Tây).

(2) *Tân Ngũ đại sử* chép là Hồng Thao, *Toàn thư* chép là Hoàng Thao, *Việt sử lược* chép là Hoàn Thao. Các con của Lưu Yểm đều có tên đệm là Hồng: Hồng Độ, Hồng Hi, Hồng Xương, Hồng Bất... Hồng Thao được phong là Giao Vương trước là Vạn Vương (*Tân Ngũ đại sử* q.65, 3a).

(3) Ngô Quyền định đô ở Cổ Loa lập họ Dương (con gái Đinh Nghệ) làm hoàng hậu, đặt trăm quan, định triều nghi, triều phục, phẩm phục các hàng quan.

(4) *Toàn thư* và *Cương mục* chép là Dương Tam Kha, em vợ Ngô Quyền, con gái Dương Đinh Nghệ; theo Ngô Thi Sĩ, người Dương Xá (Đông Sơn, Thanh Hóa).

(5) Tại Nam Sách giang. Nay là huyện Kim Thành (Hải Dương) (Theo *Cương mục* q.5).

(6) Tức Dương Cát Lợi và Đỗ Cảnh Thạc (*Toàn thư* q.5, 21b).

(7) Theo *Toàn thư*: thuộc bến dò Chương Dương (Thường Tín - Hà Tây).

(8) *Toàn thư* chép: Lúc này Đinh Liễn về Hoa Lư (q.5, 24b).

(9) Sau đây xin dịch lời bàn rất xác đáng của các tác giả *Cương mục* về truyện mười hai sứ quân: "*Sử cũ* (tức *Toàn thư*) chép "Ngô sứ quân gồm 2 năm", để nối sau Nam Tấn vương vì sứ quân Ngô Xí là con Xương Ngập. Nay xét sau khi Nam Tấn vương mất, Xương Xí ra giữ Bình Kiều, thế lực rất nhỏ yếu, không khác gì các bộ sứ quân khác, cho nên cũng liệt vào với nhau. Lại xét, sử cũ (*Toàn thư*) chép Nam Tấn Vương mất, mười hai sứ quân đua nhau nổi lên, bắt đầu là Ngô Xương Xí, sau cùng là Trần Minh Công, ở dưới lại chép Đinh Bộ Lĩnh xưng là Vạn Thắng vương, rồi kể ngược về lúc Bộ Lĩnh qua dựa vào Trần Minh Công, Minh Công chết rồi mới thay quyền thống lĩnh quân chúng. Xét ra năm đầu của Xương Văn đã chép Đinh Bộ Lĩnh giữ Hoa Lư, hai vương đánh không được. Vậy Minh Công khởi binh phải là trước khi Xương Văn lấy lại được nước. Cứ điều đó mà suy ra, mười hai sứ quân, mỗi người cát cứ huyện ấp, phải là kẻ trước người sau chứ không phải đến khi Nam Tấn vương mất bèn đồng thời nổi dậy. Nhưng sử cũ vì chép mất

năm tháng, nên mới thuật gồm cả mười hai sứ quân lại một chỗ. Nay không có minh văn chứng rõ, hãy ghi lại để chờ xét" (*Tiền biên* q.5, 28a, 29a).

Theo *Đại Việt sử ký* (q.7, 13a) thì "năm Bính Dần (966), Nam Tấn vương mất, Tham mưu là Ngô Sử Bình (có chỗ chép là Ngô Ứng Bình), Thứ sử Phong Châu Kiều Tri Hựu, Thứ sử Vũ Ninh châu Dương Huy, và nha tướng Đỗ Cảnh Thạc tranh nhau làm vua, trong nước loạn to, chỗ nào cũng có, đều chiếm cứ huyện ấp, định thôn tính nhau".

<sup>(10)</sup> *Toàn thư* chép Ngô sứ quân là chính. Được 2 năm. Phụ các sứ quân khác. Danh sách mười hai sứ quân theo *Toàn thư* (q.5, 25b) có một số tên người chép khác với *Việt sử lược*:

<sup>(11)</sup> Kiều Tam Chế giữ Phong Châu. Tức là Kiều Công Hãn, Tam Chế là tên hiệu. Nay ở xã Phù Lập, huyện Bạch Hạc (Vĩnh Tường) có dấu thành cũ của sứ quân Công Hãn.

<sup>(12)</sup> Nguyễn Khoan xưng là Nguyễn Thái Bình giữ Nguyễn Gia Loan. Nguyễn Gia Loan thuộc miền Tam Đái, xưa thuộc Phong Châu, là tên một trái núi, còn gọi là núi Độc Nhĩ hay Biện Sơn ở xã Vĩnh Mỹ, huyện Yên Lạc (Vĩnh Yên).

<sup>(13)</sup> Ngô Nhật Khánh giữ Đường Lâm. Đường Lâm nay là xã Cam Lâm, thị xã Sơn Tây, quê hương Ngô Quyền và Phùng Hưng, nay còn đền thờ. Theo *Đại Việt sử ký* có chỗ chép Nhật Khánh giữ Giao Thủy (Nam Định). Theo *Cương mục*, Nhật Khánh là dòng họ Ngô Quyền.

<sup>(14)</sup> Đỗ Cảnh Thạc giữ Đỗ Động giang. Theo *Cương mục*, sông Đỗ Động phát nguyên từ xã Đan Viên (Thanh Oai) chảy qua Sinh Quả, Úc Lý, chảy khuất khúc đến xã Thượng Cung (Thượng Phúc) thì hợp với sông Nhuệ. Sông ấy nay đã cạn. Theo *Đại Việt sử ký* (q.7, 13a) nay ở làng Bảo Đà (nay là Bình Đà) (Thanh Oai, Hà Tây) còn vết cũ thành của sứ quân.

<sup>(15)</sup> Ngô Xương Xí giữ Bình Kiều (?) là con Xương Ngập, mẹ người Nam Sách.

<sup>(16)</sup> Lý Lãng Công giữ Hồi Nô. Theo *Cương mục*, thuộc huyện

Cẩm Khê, Sơn Tây. Xã Trương Xá thuộc huyện đó có vết cũ thành sứ quân Kiều Công.

<sup>(17)</sup> Nguyễn Thủ Tiệp giữ Tiên Du (Từ Sơn, Bắc Ninh).

<sup>(18)</sup> Lữ Tá Đường giữ Tế Giang (nay là Văn Giang, Hưng Yên).

Theo *Cương mục*, Tá Công là tên hiệu của Lữ Đường.

<sup>(19)</sup> Nguyễn Hữu Công tên là Siêu giữ Phù Liệt.

<sup>(20)</sup> Kiều Lệnh Công giữ Hồi Hồ. Theo *Cương mục*, thuộc huyện Cẩm Khê, Sơn Tây. Xã Trương xá thuộc huyện đó có vết cũ thành sứ quân Kiều Công.

<sup>(21)</sup> Phạm Phòng Át giữ Đằng Châu (miền Kim Động, Hưng Yên). Nay ở xã Đằng Châu huyện Kim Động còn có đền thờ Phạm sứ quân).

<sup>(22)</sup> *Trần Minh Công giữ Bố Hải (Kỳ Bố, Vũ Tiên (Kiến Xương), Thái Bình ngày xưa là cửa biển).*

\*

\*       \*  
\*       \*

## NHÀ ĐÌNH<sup>(1)</sup>

### TIÊN VƯƠNG

Húy là Bộ Lĩnh, họ Đinh, người động Hoa Lu<sup>(2)</sup>, mồ côi cha từ bé<sup>(3)</sup>, cùng với mẹ, năm người ở cạnh đền sơn thần. Ngoài cửa có đám sen núi, trên lá có dấu sò ốc thành chữ "thiên tử".

Khi vương còn bé, cùng bọn trẻ con chăn trâu ở thung lũng (sơn dã), được chúng tôn lên đứng đầu đám trẻ con, lấy lễ vua tôi mà thờ. Vương cùng bấy trẻ vui chơi, bấy trẻ đều

khoanh tay làm chiếc ngai để kiệu vương, lại lấy hoa lau làm cờ đi tiên đạo, có hai bên tả hữu đưa rước, giống như nghi vệ thiên tử. Những ngày nhàn rỗi, đám trẻ con đều đi hái củi nạp cho vương, chiều về đưa cho mẹ<sup>(4)</sup>. Mẹ thấy thế, vui mừng giết lợn để khao thưởng bọn chúng. Các phụ lão ở trong hương bảo với nhau rằng: "Thằng bé này khí độ khác thường, tất có thể cứu đời yên dân. Lũ ta nếu không theo sớm, ngày khác tất hối là đã muộn!", bèn cho con em đến theo vương, đóng ở trong sách Tế Áo<sup>(5)</sup>. Chú của vương giữ sách<sup>(6)</sup> không theo, vương đem quân đến đánh, không thắng, chạy đến vụng Đàm Gia<sup>(7)</sup>. Cầu gãy, vương bị hãm ở trong bùn lầy, chú toan đâm chết, nhưng thấy hai con rồng vàng che chở ở trên, bèn lui về và theo hàng vương<sup>(8)</sup>.

Bấy giờ trong nước vô chủ, vương nghe tin Trần Minh Công là người hiền mà không có người kế tự, bèn cho con<sup>(9)</sup> sang nương nhờ. Minh Công trông thấy, quý trọng lắm, nuôi làm con mình, phó thác cho tất cả quân lính, sai đi đánh mười hai sứ quân, đều bình được<sup>(10)</sup>.

Năm Mậu Thìn (968), Minh Công mất. Lại dân ở kinh phủ phản nhiều theo vương. Năm đầu hiệu Khai Bảo đời Thái Tổ nhà Triệu Tống (968), vương xưng làm hoàng đế ở động Hoa Lư<sup>(11)</sup>, xây dựng cung điện, chế triều nghi, đặt trăm quan, lập nền xã tắc. Quần thần dâng tôn hiệu là Đại Thắng minh hoàng đế. Vua đặt vạc lớn ở sân triều, nuôi hổ ở trong cũi, hạ lệnh rằng: "Kẻ nào phạm pháp sẽ bị nấu vạc dầu, bị hổ ăn thịt". Bọn tù tội đều sợ phục, không dám trái mệnh.

*Năm Kỷ Tỵ, năm thứ 2 (969).*

Tháng 5 nhuận, vua phong con trai cả là Liễn làm Nam Việt Vương.

*Năm Canh Ngọ, năm thứ 3 (970).*

Cải nguyên là năm đầu hiệu Thái Bình<sup>(12)</sup>.

Nhà Tống phong vua là An Nam quận vương<sup>(13)</sup>.

Lập 5 bà hoàng hậu<sup>(14)</sup>.

(Có niên hiệu bắt đầu từ bấy giờ)<sup>(15)</sup>.

*Năm Tân Mùi, hiệu Thái Bình (971) năm thứ 2.*

Đặt thứ bậc các tầng đạo văn võ. Lấy Lưu Mỗ làm Thái sư Đô hộ phủ, Nguyễn Bặc làm Định quốc công, Lê Hoàn làm Thập đạo tướng quân<sup>(16)</sup>.

Tống nghe tin vương xưng tôn hiệu, sai người đưa thư cho vương, đại lược nói rằng: "Trung Quốc đối với man di, cũng như người ta có tứ chi, nếu như lòng bụng chưa yên, thì chân tay lẽ nào trị được? Xứ Giao Châu nhỏ bé, ở xa tại cuối trời, cuối Đường lăm việc, chưa kịp xử phân. Nay, thánh triều chở che muôn nước, nghiệp thái bình đã được thành công. Đợi người đến châu, cho vui lòng trăm. Người không theo phục, làm ta bận lòng. Khiến ta phải dùng kế chặt chân, tiện đốt, làm cỏ nước người, hối mà sao kịp!"<sup>(17)</sup>.

*Năm Nhâm Thân, hiệu Thái Bình năm thứ 3 (972).*

Vua phong con là Toàn làm Vệ vương, lập con út là Hạng Lang làm Thái tử<sup>(18)</sup>. Sai Nguyễn Tử Du đi sứ Tống kết hiếu.

*Năm Giáp Tuất, hiệu Thái Bình năm thứ 5 (974).*

Vua được lời sấm nói rằng:

Đỗ Thích thí Đinh Đinh,

Lê gia xuất thành minh,

Cạnh đầu đa hoạnh tử,

Đạo lộ tuyệt nhân hành.

Dịch là:

*Đỗ Thích giết hai Đình,  
Nhà Lê sinh thánh minh.*

*Ganh đua bao kẻ chết,  
Đường đi người vắng tanh.*

*Năm Bính Tí, hiệu Thái Bình năm thứ 7 (976).*

*Năm Kỷ Mão, hiệu Thái Bình năm thứ 10 (979).*

Mùa xuân, Việt Vương Liễn sai người giết Thái tử Hạng Lang.

Mùa đông, tháng 11, vua ăn yến ban đêm, bị tên phúc hầu hoành Đỗ Thích giết cùng với Việt Vương Liễn. Vốn trước Thích làm lại ở Đồng Quan, ban đêm nằm ở trên cầu, thấy sao rơi vào mồm. Thích cho là điềm tốt, bèn sinh lòng phản nghịch. Khi vua đã bị giết hại, Đỗ Thích ngâm vào trong cung, trốn ở dưới máng nước. Quá ba ngày, khát quá, Thích thò tay hứng nước mưa để uống, bị cung nữ trông thấy, báo với Định Quốc công Nguyễn Bặc bắt giết đi<sup>(19)</sup>. Bặc cùng tướng quân Lê Hoàn phò Vệ vương Toàn lên ngôi hoàng đế. Toàn lên ngôi hoàng đế, truy tôn vua là Tiên vương, tôn mẹ làm Thái hậu<sup>(20)</sup>.

Vua ở ngôi 11 năm, thọ 55 tuổi, cải nguyên một lần.

## VỆ VƯƠNG

Húy là Toàn, con thứ Tiên Vương. Tiên Vương bị Đỗ Thích giết. Nguyễn Bặc, Lê Hoàn cùng phò vua lên ngôi hoàng đế.

Năm thứ 2 (980), mùa thu, tháng 7, người Tống đánh nước ta. Quân sĩ thấy Toàn còn bé nhỏ, cùng tôn Lê Hoàn làm hoàng đế, giáng Toàn làm Vệ Vương.



Trở lên, là nhà Đinh, từ Tiên Vương đến Vệ Vương có hai chúa, bắt đầu là năm Mậu Thìn (968), cuối cùng là năm Canh Thìn (980), cả thấy 13 năm thì mất.

### ***Chú thích:***

<sup>(1)</sup> Bắt đầu từ nhà Đinh, *Toàn thư* mới chép vào phần *Bản kỷ*. Từ nhà Đinh trở về trước, *Toàn thư* để vào phần *Ngoại kỷ*. Cũng từ nhà Đinh, sách *Cương mục* mới để vào phần *Chính biên*, từ Đinh trở về trước là phần *Tiền biên*.

<sup>(2)</sup> Động Hoa Lư thuộc Đại Hoàng, tức là miền Gia Viễn, Ninh Bình.

<sup>(3)</sup> Theo *Toàn thư* (q.1, 1a), Đinh Bộ Lĩnh là con Thứ sử Hoan Châu Đinh Công Trứ. Đinh Công Trứ trước là nha tướng của Dương Diên Nghệ, quyền nhiếp Thứ sử Hoan Châu, sau theo Ngô Quyền, vẫn làm chức cũ. Khi Công Trứ mất, Bộ Lĩnh còn nhỏ, mẹ là Đàm thị đem tôi tớ vào ở cạnh đền sơn thần trong động.

<sup>(4)</sup> Theo *Toàn thư*, những ngày nhàn rỗi, *đem bộ chúng đi đánh trẻ con thôn khác*, đi đến đâu trẻ con đều sợ phục, đem củ dóm hái lượm được trong ngày nộp cho Bộ Lĩnh.

<sup>(5)</sup> *Toàn thư* chép là sách Đào Áo không rõ nay ở đâu.

<sup>(6)</sup> Theo *Toàn thư*, chú Bộ Lĩnh giữ sách Bông. *Đại Việt sử ký* và *Cương mục* nói chú Bộ Lĩnh tên là Dự.

<sup>(7)</sup> Theo *Toàn thư*, Bộ Lĩnh chạy đến cầu Nương Loan thuộc Đàm Gia, là xã Diêm Xá huyện Gia Viễn (*Cương mục* q.1, 2b).

<sup>(8)</sup> Theo *Toàn thư*, chú sợ lui về. Bộ Lĩnh lại thu nhặt dư chúng tới đánh, chú bèn hàng.

<sup>(9)</sup> Nguyên văn: "dĩ kỳ tử vãng ý yên", nhưng xem đoạn sau ta thấy rõ là Bộ Lĩnh theo về với Trần Minh Công. Cho nên phải chép là dĩ kỳ tử (cùng với con) như *Toàn thư* thì mới đúng.

<sup>(10)</sup> Theo *Toàn thư*, Phạm Phòng Át hàng, triều Đinh cho làm Thân vệ tướng quân. Sau Minh Công chết. Hơn 500 con em Ngô

tiên chúa ở Đỗ Động đem quân tới đánh, mới vào đến Ô Man bị người hương đó là Ngô phó sứ đánh bại phải về. Bộ Lĩnh nghe tin ấy, đem binh đánh sông và động đó. Các bộ lạc không đâu không hàng phục. Từ đó, lại dân ở kinh phủ đều theo về Bộ Lĩnh (*Toàn thư* q.5, 26a).

<sup>(11)</sup> Theo *Toàn thư*, vua định chọn đất Đàm thôn để xây cung điện, sau thấy địa thế nhỏ hẹp, không cứ hiểm được nên đóng đô ở Hoa Lư. Đến năm Mậu Thìn (968) lại chép: "Vua lên ngôi hoàng đế, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt *dời kinh áp đến động Hoa Lư*" (q.1, 2b). Có lẽ *Việt sử lược* đã chép đúng. Bộ Lĩnh theo Minh Công đánh dẹp xong mười hai sứ quân từ năm 967, đến năm 968 Minh Công mất, Bộ Lĩnh mới bỏ Bó Hải khẩu *trở lại* Hoa Lư là đất bản bộ của mình mà định đô ở đó. Truyền thuyết của ta cũng cho là Minh Công chết *sau khi* Đinh Bộ Lĩnh đánh thắng mười hai sứ quân. Vua Đinh sau gả công chúa Minh Châu cho em Trần Lãm là Trần Thắng, phong Thắng làm Phò mã đô úy.

<sup>(12)</sup>, <sup>(15)</sup> Trước đó nước ta vẫn dùng niên hiệu các triều vua Trung Quốc. Sách *Toàn thư* chép là "Kiến nguyên" (chứ không phải "Cải nguyên") và chua: (*Sử*) cũ nói rằng "niên hiệu của nước Việt ta bắt đầu từ bây giờ. Song Lý Nam Đế đã kiến nguyên Thiên Đức".

"Sử cũ" ở đây hẳn là *Đại Việt sử ký* của Lê Văn Hưu. Điều này chứng tỏ thêm rằng *Việt sử lược* chép theo *Đại Việt sử ký*.

<sup>(13)</sup> Bấy giờ nhà Tống sai đại tướng Phan My đánh Nam Hán. Vua Đinh liền sai sứ sang kết hiếu với Tống.

<sup>(14)</sup> Theo *Toàn Thư*, 5 hoàng hậu là: Đan Gia, Trinh Minh, Hiểu Quốc, Cồ Quốc, Ca Ông.

<sup>(16)</sup> Đinh Tiên Hoàng phong thứ bậc cho các sư ni: Tăng thống Ngô Chân Lưu được ban hiệu Khuông Việt đại sư, Trương Ma Ni được làm Tăng lục, đạo sĩ Đặng Huyền Quang làm Sùng chân uy nghi.

*Toàn thư* chép Lưu Cơ làm Đô hộ phủ sĩ sư: Đô hộ phủ là miền Giao Châu đời Đường đồng bằng (Bắc Bộ). Lúc này ta vẫn giữ sự phân chia các khu vực hành chính như đời Đường (Phong Châu,

Ái Châu, Hoan Châu, Trường Châu...) (xem H. Maspéro, BEFEO, XVI 1916).

<sup>(17)</sup> *Toàn thư* chép chi tiết tờ thư này vào năm 980, khi Hâu Nhân Bảo tiến binh đánh nước ta. Tờ thư này do vua Tống sai Lưu Đa Tốn viết.

Thế là Ngô Sĩ Liên nhận rằng *Đại Việt sử ký* mà ông có trong tay đã chép lầm tờ thư này vào năm thứ 2 hiệu Thái Bình, nhưng lại cho rằng có lẽ người sau sao chép sách đó đã chép nhầm. Ở đây ta thấy *Việt sử lược* cũng lược chép lầm tờ thư này vào năm Thái Bình thứ 2, y như sách *Đại Việt sử ký*. Điều đó chứng tỏ thêm rằng *Việt sử lược* là tóm tắt sách của Lê Văn Hưu.

<sup>(18)</sup> *Toàn thư* chép năm sau (Giáp Tuất, 974), Hoàng thứ tử Toàn mới đẻ và chép việc phong này vào năm Mậu Dần (978).

<sup>(19)</sup> Theo *Toàn thư*, Nguyễn Bặc bắt được Đỗ Thích, "băm xương xắt thịt, chia cho người trong nước ăn. Không ai không tranh nhau ăn" (q.1, 6a).

<sup>(20)</sup> Tức là Dương Thái hậu.

\*

\* \* \*

## NHÀ LÊ

### ĐẠI HÀNH VƯƠNG

Húy là Hoàn, họ Lê, người Trường Châu<sup>(1)</sup>, cha là Mịch, mẹ họ Đặng, khi xưa, có mang nằm mộng thấy trong bụng sinh hoa sen bồng chốc kết thành hạt, hái lấy chia cho mọi người ăn, khi tỉnh dậy không hiểu duyên cớ ra sao.

Ngày 15 tháng 7, năm đầu hiệu Thiên Phúc (niên hiệu Cao Tổ nhà Hậu Tấn - TQV) (936), sinh ra vua, bà mẹ thấy sắc tay vua khác thường, nói với người ta rằng: "Thằng bé này lớn lên sợ ta không kịp hưởng lộc của nó!". Vài năm sau, cha mẹ vua đều mất, trong bản châu có ông Quan sát họ Lê thấy vua, lấy làm lạ, bèn nuôi làm con mình. Gặp ngày đông giá rét, vua úp cối nằm. Quan sát trông thấy có rồng vàng che phủ ở trên, do đó lại càng lấy làm lạ. Lớn lên vua thờ Nam Việt vương Liễn. Tiên vương khen là dũng cảm, có mưu trí, thăng dần đến chức Thập đạo tướng quân Điện tiền chỉ huy sứ.

Năm thứ 10 hiệu Thái Bình (979), Tiên Vương bị giết hại. Vệ Vương còn nhỏ tuổi, vua bèn quyền nhiếp chính sự trong nước, xưng là phó vương. Nguyễn Bặc, Đinh Điền thấy vua sẽ bất lợi cho ấu chúa bèn cùng khởi binh đánh vua<sup>(2)</sup>. Vua đem quân đánh chém được Điền ở trước trận, bắt được Bặc đem về kinh giết đi.

Năm thứ 2 đời Vệ Vương (980), viên quan Thái thường bác sĩ nhà Tống là Hầu Nhân Bảo<sup>(3)</sup> xin binh đánh nước ta, nhà Tống cho Nhân Bảo làm Giao Châu lộ Chuyển vận sứ, đem các đạo quân tới đánh ta. Bấy giờ Lạng Châu nghe tin quân Tống đến, làm tờ trạng tâu lên. Thái hậu nghe người Nam Sách là Phạm Cự Bị<sup>(4)</sup> làm đại tướng quân đem binh ra chống cự.

Ngày xuất quân, Cự Bị vào thẳng trong cung, nói với vua<sup>(5)</sup> rằng: "Nay, chúa thượng nhỏ yếu không biết được sự khó nhọc của lũ ta, nếu có chút công lao thì ai là người biết đến? Chi bằng trước hãy tôn quan Thập đạo làm thiên tử, sau đó hãy xuất quân".

Quân sĩ nghe nói thế đều hô: "Vạn tuế". Thái hậu thấy

lòng người theo phục, sai người lấy áo long cổn khoác lên mình vua, xin lên ngôi. Năm Canh Thìn (980), vua lên ngôi, phong cha làm Trường Hưng vương, bà mẹ họ Đặng làm Thái hậu<sup>(6)</sup>.

*Năm Tân Tị, hiệu Thiên Phúc năm đầu (981)<sup>(7)</sup>.*

Mùa xuân, tháng 3, quân của Hầu Nhân Bảo đến Lãng Sơn<sup>(8)</sup>, Trần Khâm Tộ đến Tây Kết<sup>(9)</sup>, Lưu Trùng đến sông Bạch Đằng.

Vua tự làm tướng đi chống Tống, sai người cắm cọc ngăn sông. Quân Tống lui giữ Ninh Giang. Vua sai trá hàng để dụ Nhân Bảo. Quân Tống bị thua, ta bắt chém được Nhân Bảo. Bọn Khâm Tộ nghe tin quân thua, bèn rút lui.

Quần thần dâng tôn hiệu là Minh Càn Ứng vận thân vũ thẳng bình chí nhân quảng hiếu hoàng đế.

*Năm Nhâm Ngọ, hiệu Thiên Phúc năm thứ 2 (982).*

Lập 5 bà hoàng hậu. Vua sai bọn Từ Mục đi sứ Chiêm Thành, bị bắt giữ. Vua giận dữ, tự làm tướng đi dẹp Chiêm Thành chém được vua nó là Phê Mi Thuế<sup>(10)</sup> ở trước trận, bắt tù vô kể, bắt được vài trăm ca kỹ trong cung, lấy những vật quý, vàng bạc, của báu kể có hàng vạn, diệt thành trì, hủy tông miếu của Chiêm Thành. Năm đó vua về kinh.

Đói lớn.

*Năm Quý Mùi, hiệu Thiên Phúc năm thứ 3 (983).*

Xưa vua đi đánh Chiêm Thành, qua núi Đồng Cổ<sup>(11)</sup>, đến Bà Hòa<sup>(12)</sup>, thấy đường biển hiểm trở khó đi lại, sai người đào cừ. Do đó thuyền bè đi lại dễ dàng.

*Năm Giáp Thân, hiệu Thiên Phúc thứ 4 (984).*

Xây điện Bạch Hảo thiên tuế ở núi Hỏa Vân<sup>(13)</sup>, cột bọc

vàng bạc. Phía Đông xây điện Phong Lưu, phía Tây điện Vinh Hoa, bên trái xây điện Bồng Lai, bên phải xây điện Cự Lạc, rồi dựng lầu Hỏa Vân (Đại Vân), lại xây điện Trường Xuân, bên cạnh đó xây điện Long Lộc lợp bằng ngói bạc.

*Năm Ất Dậu, hiệu Thiên Phúc năm thứ 5 (985).*

Mùa thu, tháng 7, ngày Đinh Tị là ngày sinh của vua. Vua sai người đóng thuyền, ở giữa sông dùng tre làm núi giả ở trên thuyền gọi là Nam Sơn. Rồi vua bày lễ đua thuyền.

*Năm Bính Tuất, hiệu Thiên Phúc năm thứ 6 (986).*

Tống phong vua làm Tĩnh Hải quân Tiết độ sứ.

*Năm Đinh Hợi, hiệu Thiên Phúc năm thứ 7 (987).*

Vua bắt đầu cày ruộng tịch điền ở Đới Sơn<sup>(14)</sup> được một lọ vàng bạc, cày ở núi Bà Hối<sup>(15)</sup> được một lọ nũa, vua đặt tên đất đó là ruộng Kim Ngân.

*Năm Mậu Tý, hiệu Thiên Phúc năm thứ 8 (988).*

*Năm Kỷ Sửu, hiệu Thiên Phúc năm thứ 9 (989)<sup>(16)</sup>.*

Quản giáp Dương Tiến Lộc đem hai châu Hoan, Ái xin phụ Chiêm Thành. Vua thân chinh bắt được Tiến Lộc, lấy lại được hai châu. Vua phong cho con thứ ba là Nam Phong vương<sup>(17)</sup>.

*Năm Canh Dần, hiệu Hưng Thống năm đầu (990).*

Mùa xuân, tháng giêng, cải nguyên là Hưng Thống. Nhà Tống sai chức Tả chính ngôn là Tống Cao tới phong cho vua.

*Năm Tân Mão, hiệu Hưng Thống năm thứ 2 (991).*

Vua phong cho con người em<sup>(18)</sup> làm Ngự Man vương, giữ Phong Châu.

*Năm Nhâm Thìn, hiệu Hưng Thống năm thứ 3 (992).*

Mùa xuân, vua ngự lầu Càn Nguyên xem (hội) đèn.

*Năm Giáp Ngọ, hiệu Hưng Thống năm thứ 5 (994).*

Vua phong cho con thứ mười một làm Hành Quân vương, giữ châu Cát Lãm ở bờ sông phía Bắc<sup>(19)</sup>...

*Năm Ất Mùi, hiệu Ứng Thiên năm đầu (995).*

Tháng giêng, cải nguyên. Sai Đỗ Hanh đi sứ Tống. Vua phong cho con nuôi làm Phù Đái vương, giữ Phù Đái<sup>(20)</sup>.

*Năm Bính Thân, hiệu Ứng Thiên năm thứ 2 (996).*

Vua thân chinh đánh ba động Ma Hoàng (?), Đại Phát (?), Chu Ba, hạ được.

*Năm Đinh Dậu, hiệu Ứng Thiên năm thứ 3 (997).*

Mùa thu, tháng 7, vua đánh giặc Đỗ Động giang (Thanh Oai, Hà Tây) bắt được nó.

Lục.

*Năm Mậu Tuất, hiệu Ứng Thiên năm thứ 4 (998).*

*Năm Kỷ Hợi, hiệu Ứng Thiên năm thứ 5 (999).*

Vua thân đi dẹp 19 châu ở Hà Động<sup>(21)</sup>, đều bình được.

*Năm Canh Tý, hiệu Ứng Thiên năm thứ 6 (1000).*

Vua dẹp giặc Trịnh Hàng ở Phong Châu, bắt được nó. Sai Lưu Thiệu sang Tống.

*Năm Tân Sửu, hiệu Ứng Thiên năm thứ 7 (1001).*

Vua đi đánh giặc Cử Long<sup>(22)</sup>. Giặc trông thấy vua, giương nỏ ngắm toan bắn thì tên bị rơi, lại giương lên thì dây nỏ đứt, giặc sợ hãi, rút lui. Vua ngự *lâu thuyền* đi vào Cùg Giang<sup>(23)</sup> đuổi theo giặc. Giặc bày trận ở hai bờ sông cùng vua cự chiến. Quân của vua bị hãm ở sông. Vệ Vương Toàn bị trúng tên chết. Vua kêu Trời ba tiếng, giặc tự thua.

*Năm Nhâm Dần, hiệu Ứng Thiên năm thứ 8 (1002).*

Làm vài nghìn mũ đầu mâu bằng bạc, ban cấp cho quân nhân.

*Năm Quý Mão, hiệu Ứng Thiên năm thứ 9 (1003).*

Vua ngự đến Hoan Châu, sai đào cảng Đa Cái<sup>(24)</sup> thẳng đến Âm Châu.

*Năm Giáp Thìn, hiệu Ứng Thiên năm thứ 10 (1004).*

Vua kéo vó bắt được con rắn to, bỗng nhiên nó ngược dòng đi mất.

Sai Hành Quân vương<sup>(25)</sup> sang Tống.

*Năm Ất Tị, hiệu Ứng Thiên năm thứ 11 (1005).*

Vua mất ở điện Trường Xuân, gọi là Đại Hành vương<sup>(26)</sup>, nhân lấy làm miếu hiệu, ở ngôi 27 năm, thọ 65 tuổi, cải nguyên ba lần, an táng ở Đức lăng tại Trường Châu.

## TRUNG TÔNG

Húy là Long Việt, con thứ ba Đại Hành. Mẹ là con gái cô hầu khách (hầu di nữ).

Lên 9 tuổi, vua được phong làm Nam Phong vương. Khi Đại Hành mới mất, vua cùng Đông Thành vương (Long Tích), Trung Quốc vương (Long Kính), Khai Minh vương (Long Đĩnh) tranh lập. Trải 9 tháng<sup>(27)</sup> trong nước vô chủ. Đông Thành vương thua chạy vào Chiêm Thành, bị giết chết.

Năm đầu (1006), tháng giêng, vua lên ngôi, được 3 ngày, bị Khai Minh vương giết, hiệu là Trung Tông, thọ 25 tuổi<sup>(28)</sup>.



## NGỌ TRIỀU VƯƠNG

Húy là Long Đĩnh<sup>(29)</sup>, con thứ năm Đại Hành, em cùng mẹ với Trung Tông. Năm thứ 3 hiệu Hưng Thống (992) được phong làm Khai Minh vương. Đĩnh cướp ngôi của Trung Tông mà tự lập<sup>(30)</sup>.

*Năm Bính Ngọ, năm đầu (1006).*

Vua lên ngôi, tôn hiệu là Khai Thiên ứng vận, thánh văn, thần vũ, tác thiên sùng đạo đại thắng minh quang hiếu hoàng đế.

Vua tính thích giết, người ta bị làm tội, vua sai quần rơm vào người rồi thiêu chết, lại sai tên hề Liễu Thủ Tâm dùng dao cùn để mổ người cho lâu chết, như thế độ vài ngày, người bị tội kêu la thảm thiết, Thủ Tâm nói khô hài: "Mày không quen chịu chết". Vua cười lớn, lấy làm vui.

Phàm những tù binh đi đánh bắt được, đều áp tải ra bờ sông, khi nước triều lui, vua sai đóng chuồng ở dưới nước, xua tù vào đó, khi nước triều lên họ đều ngộp ngáp ngột thở mà chết.

Vua lại bắt người trèo lên cây cao, ở dưới chặt cây cho đổ xuống.

Vua đi chơi Chi Ninh giang (?), sông đó nhiều luồng luồng (giao), vua bèn buộc người ở cạnh thuyền chèo đi chèo lại giữa dòng sông khiến luồng luồng hại người đó.

Phàm lợn, trâu sắp đưa nhà bếp làm thịt, vua trước hãy sai người dắt đến, tự tay đâm chết, rồi mới giao cho nhà bếp.

Vua lại róc mía trên đầu sư Quách Mão<sup>(31)</sup>, giả vờ lỡ tay làm đầu sư Quách Mão bị thương, chảy máu, vua cười lớn.

Hoặc đêm khuya, vua sai giết mèo bán cho các vương ăn. Ăn xong, vua giơ đầu mèo cho xem, các vương đều nôn mửa cả.

Mỗi khi coi châu, vua sai tên hề nói liến thoắng để làm rối việc của các quan chấp chính.

Vua lại sai bắt thần lần làm gỏi cho người ta tranh nhau ăn.

Các vương làm phản, vua đi dẹp, đều bình được<sup>(32)</sup>.

Vua đánh Ngự Man vương, thắng được; đổi Phong Châu làm phủ Thái Bình<sup>(33)</sup>.

Tôn mẹ làm Hưng Quốc quảng thánh Thái hậu.

*Năm Đinh Mùi, năm thứ 2 (1007).*

Định quan chế văn võ, nhất thiết theo như bên Tống.

*Năm Mậu Thân, năm thứ 3 (1008).*

Tháng giêng, cải nguyên là năm đầu hiệu Cảnh Thụy. Vua thân chinh hai châu Đỗ Lăng, Vị Long<sup>(34)</sup>, bắt tù bọn Man và bắt được vài trăm con ngựa. Vua sai người dùng trượng đánh bọn Man. Khi đau quá người Man kêu to lên, lỡ phạm phải tên húy Đại Hành, vua cười lớn, lại sai đánh nữa, người Man lại kêu, phạm húy nhiều lần, vua bằng lòng lắm.

Vua lại đi dẹp Ái Châu, bắt tù người châu đó, sai làm vựa nhốt vào trong đó để vui cười.

*Năm Kỷ Dậu, hiệu Cảnh Thụy năm thứ hai (1009).*

Mùa thu, tháng 7, ngày Tân Hợi, vua mất ở tắm điện, hiệu là Ngọa Triều vương. Vua mắc bệnh trĩ (lòi rom),

phải nằm mà coi châu<sup>(35)</sup>. Năm 22 tuổi, vua lên ngôi, ở ngôi 4 năm, thọ 25 tuổi, cải nguyên một lần.

Trở lên là triều Lê, từ Đại Hành đến Ngọa Triều gồm 3 chúa, bắt đầu là năm Canh Thìn (980) cuối cùng là năm Kỷ Dậu (1009), cả thảy 30 năm thì mất.

### **Chú thích:**

<sup>(1)</sup> Theo *Toàn thư*, Lê Hoàn người Ái Châu, Ngô Thì Sĩ (*Đại Việt sử ký, Bản kỷ* q.1, 19b) thì nói rằng Lê Hoàn người làng Bảo Thái huyện Thanh Liêm (Hà Nam).

<sup>(2)</sup> Theo *Toàn thư*, Lê Hoàn đánh Nguyễn Bặc, Đinh Điền ở Tây Đô (Ái Châu). Cùng nổi lên với Nguyễn Bặc, Đinh Điền còn có Phạm Hạp người Nam Sách. Phạm Hạp chạy lên hương Cát Lợi thuộc Bắc Giang rồi bị Lê Hoàn bắt sống.

<sup>(3)</sup> Là viên quan coi Ung Châu (Nam Ninh).

<sup>(4)</sup> *Toàn thư* chép là Phạm Cự Lạng, *Cương mục* chua là em Phạm Hạp.

<sup>(5)</sup> Nói với quân lính mới đúng. *Toàn thư* chép: "Cự Lạng cùng các tướng quân, đều mặc nhung phục, vào thẳng trong phủ nói với quân chúng...".

<sup>(6)</sup>, <sup>(7)</sup> Theo *An Nam chí lược*, Lê Hoàn lên ngôi, cả họ Đinh bị cầm cố (q.11).

*Toàn thư* chua: Xét các bản niên kỷ các đời đều chép năm này năm Thiên Phúc nguyên niên. Nay xin sửa lại. Vì vậy *Toàn thư* đề năm Tân Tị là năm Thiên Phúc thứ 2. Điều đó lại chứng tỏ *Việt sử lược* chép theo Lê Văn Hưu.

<sup>(8)</sup> Lãng Sơn thuộc tỉnh Quảng Ninh (Trước đây phiên là Ngân Sơn. ĐKT).

<sup>(9)</sup> Huyện Khải Chân tỉnh Hưng Yên, đến đời Minh vẫn để huyện

Đông Kết. Lê đổi là Đông An. Nay ở đó còn có làng Đông Kết. Vậy có lẽ Tây Kết là ở hữu ngạn sông Hồng, đối diện với Đông Kết (cũng như Đông Phù Liệt và Tây Phù Liệt).

<sup>(10)</sup> Tức là Parameçvaravarman (xem G. Maspéro, *Le royaume de Champa*). Chính Parameçvaravarman đã cùng Ngô Nhật Khánh định tấn công Hoa Lư khi Bộ Lĩnh chết. Song bị bão đắm thuyền, Ngô Nhật Khánh chết, Parameçvaravarman chạy thoát.

<sup>(11)</sup> Núi Đổng Cổ thuộc xã Đan Nê huyện Yên Định, Thanh Hóa.

<sup>(12)</sup> Sông Bà Hòa nay là sông ở xã Đổng Hòa, huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa.

<sup>(13)</sup> *Toàn thư* chép là núi Đại Vân. Nay là núi Trường An (Ninh Bình).

<sup>(14)</sup> Thuộc huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

<sup>(15)</sup> *Toàn thư* chép là núi Bàn Hải. Không rõ nay ở đâu.

<sup>(16)</sup> *Toàn thư* đề năm Kỷ Sửu đã là năm Hưng Thống nguyên niên.

<sup>(17)</sup>, <sup>(18)</sup>, <sup>(19)</sup>, <sup>(20)</sup> Nam Phong vương là Long Việt. Lê Đại Hành chia đất cho các con cai trị như sau:

a) Khai Minh vương Long Đĩnh (con thứ năm) coi Đằng Châu (Kim Động, Hưng Yên);

b) Ngự Man vương Long Đĩnh (con thứ tư, *Việt sử lược* chép là "Đệ chi tử" chắc là "Đệ tứ tử" chép nhầm). coi Phong Châu (Sơn Tây, Phú Thọ);

c) Ngự Bắc vương Long Cân (con thứ sáu) coi Phù Lan (Văn Lâm, Mỹ Hào, Hưng Yên);

d) Định Phiên vương Long Túng (con thứ bảy) coi Ngũ Huyện giang (Thanh Hóa);

đ) Tư Doanh thành phóng vương Long Tương (con thứ tám) coi Đỗ Động (Thanh Oai, Hà Tây);

e) Trung Quốc vương Long Kính coi Mật Liên (Tiên Lữ, Hưng Yên);

g) Nam Quốc vương Long Mang (con thứ mười) coi Vũ Long (Thanh Hóa);

h) Hành Quân vương Long Đê (con thứ mười một) coi Cổ Lãm (Quế Dương, Từ Sơn, Bắc Ninh);

i) Phù Đái vương (?) coi Phù Đái (Vĩnh Bảo, Hải Dương).

<sup>(21)</sup> Hà Động tức là động Hà Nam, miền Thạch Thành, Thanh Hóa.

<sup>(22)</sup> Cử Long miền Cẩm Thủy, Thanh Hóa. Theo Ngô Thì Sĩ, miền Cẩm Thủy còn có tổng Cự Lũ là dấu vết tên Cử Long.

<sup>(23)</sup> Xem chú thích ở sau. Có lẽ là sông Chính Đại nối với Thanh Hóa.

<sup>(24)</sup> Đa Cái là tên xã, nay là Hương Cái (Hưng Nguyên, Nghệ An). Theo *Nghệ An chí*, cảng Hương Cái ở phía Tây nam Hưng Nguyên.

<sup>(25)</sup> Túc Long Đê, *Toàn thư* chép là Minh Đê.

<sup>(26)</sup> Theo Lê Văn Hưu, vua hay hoàng hậu mới mất, chưa an táng thì gọi là Đại hành hoàng đế, Đại hành hoàng hậu. Khi an táng đã xong, quần thần mới xét đức hạnh của vua lúc sinh thời để lấy tên thụy, không gọi là Đại hành nữa. Lê Hoàn phải lấy Đại hành làm tên thụy, theo Lê Văn Hưu, vì con là Ngọa Triều là đứa con không tốt, triều đình lại không có nho thần giúp rập, để bàn phép đặt tên thụy (*Toàn thư* q.1, 25).

<sup>(27)</sup> 8 tháng, theo *Toàn thư*.

<sup>(28)</sup> 23 tuổi, theo *Toàn thư*.

<sup>(29)</sup> Sách viết là chữ (Đĩnh). Song tên các con của Lê Hoàn đều có bộ Kim ở bên. Tên Khai Minh vương phải là Long Đĩnh.

<sup>(30)</sup> Theo Ngô Sĩ Liên, dã sử nói rằng khi Đại Hành mất, Trung Tông thấy Đĩnh là em cùng mẹ, không nỡ giết bèn tha cho; sau Long Đĩnh sai kẻ trộm ban đêm trèo tường vào trong cung giết Trung Tông.

<sup>(31)</sup> *Toàn thư* chép là sư Quách Ngang.

<sup>(32)</sup> Ngự Bắc vương và Trung Quốc vương giữ trại Phù Lân làm phản. Vua thân chinh đánh dẹp vây trại mấy tháng. Ngự Bắc vương thấy lương hết, biết thế đã cùng, bèn bắt Trung Quốc vương dâng hàng.

<sup>(33)</sup> Theo *Toàn thư*: "Vua đi đánh Ngự Man vương ở Phong Châu, hàng được, quân về đến Đằng Châu, đổi châu đó làm phủ Thái Bình". Vì Đằng Châu xưa là thái ấp của Long Đĩnh, nay nâng lên hàng phủ. Vậy *Việt sử lược* vì chép tóm tắt nên đã lầm.

<sup>(34)</sup> Vị Long: miền Chiêm Hóa (Tuyên Quang).

<sup>(35)</sup> Theo *Toàn thư*, đã sử cho rằng vua hoang dâm tửu sắc, nên mắc bệnh trĩ.

## HẾT QUYỂN I

# VIỆT SỬ LƯỢC

## QUYỂN II

### NHÀ NGUYỄN (NHÀ LÝ)

#### THÁI TỔ

Húy là Uẩn<sup>(1)</sup>, họ Nguyễn (Lý), người Cổ Pháp, Bắc Giang. Mẹ là Phạm Thị, ngày 17 tháng 2 năm thứ 5 hiệu Thái Bình (974) sinh ra vua<sup>(2)</sup>. Vua khi còn bé đã thông minh, khí độ rộng rãi. Du học ở chùa Lục Tổ<sup>(3)</sup> sư Vạn Hạnh trông thấy vua, lấy làm lạ, nói rằng: "Đây là một người phi thường! Sau này lớn mạnh lên, tất có thể cứu đời, yên dân, làm chúa thiên hạ!" Lớn lên, vua là người khảng khái, có chí lớn, không chăm chú đến việc làm ăn (sản nghiệp), ham thích kinh sử.

Trong khoảng niên hiệu Ứng Thiên (995-1005), thờ Trung Tông. Khi Trung Tông bị Ngọa Triều giết, quần thần đều trốn chạy, duy một mình vua ôm thầy Trung Tông mà khóc. Ngọa Triều khen là trung, cho làm Tả Thân vệ Điện tiền chỉ huy sứ.

Trong hương vua ở<sup>(4)</sup>, có cây gạo bị sét đánh, để dấu vết thành chữ như sau:

Thụ căn diều diều<sup>(5)</sup>,  
Mộc biểu thanh thanh,  
Hòa đao mộc lạc,  
Thập bát tử thành,  
Chấn cung hiện nhật<sup>(6)</sup>,  
Đoài cung ẩn tinh,  
Lục thất niên gian,  
Thiên hạ thái bình.

Dịch là:

*Rễ cây thắm thắm,  
Vỏ cây xanh xanh,  
Cây hòa đao rụng,  
Mười tám hạt thành.  
Phương đông hiện nhật,  
Non đoài ẩn tinh,  
Khoảng sáu bảy năm,  
Thiên hạ thái bình.*

Sư Vạn Hạnh bèn nói với vua rằng: "Gần đây, tôi thấy lời sấm lạ, biết rằng nhà Lê tất phải mất mà nhà Nguyễn (Lý) tất phải lên. Họ Nguyễn không ai nhân từ, khoan dung như ông, lại được lòng dân. Tôi đã hơn 70 tuổi, chỉ ân hận không kịp thấy đời thịnh trị mà thôi".

Vua sợ lời nói ấy bị tiết lộ, bảo Vạn Hạnh đến ẩn nấu ở Ba Sơn<sup>(7)</sup>.

Năm thứ 2 hiệu Cảnh Thụy (1009), Ngọa Triều mất, tự chúa còn nhỏ tuổi.

Vua lúc ấy 36 tuổi, đem 500 quân Tùy Long vào làm



Túc vệ. Lúc bấy giờ ở trong nội có chức chi hậu Đào Cam Mộc đoán biết vua có ý lên ngôi, bèn dùng lời lẽ xa xôi nói khích vua rằng: "Chúa thượng (chỉ Ngọa Triều - TQV) tối tăm ngoan ngoan, làm nhiều việc bất nghĩa; trời chán đức ấy, nên không được sống lâu. Con nối ngôi còn nhỏ tuổi, không kham nổi đa nạn, nhiều việc phiền nhiễu, bách thần không nơi dựa, hạ dân nhao nhao, muốn tìm người chúa. Thân vệ (chỉ Công Uẩn - TQV) sao chẳng nhân lúc này, theo dấu Thang Võ ngày xưa, noi gương Dương Lê mới rồi, trên thuận lòng, dưới thỏa dân mong, mà còn cứ khư khư giữ cái tiểu tiết hay sao?"

Vua tuy nghe nói thế thì đẹp lòng, nhưng ngờ là có mưu gian, bèn giả vờ mắng rằng: "Ông sao lại dám nói lời như thế, ta tất phải bắt ông nộp quan làm tội". Cam Mộc thông thả nói rằng: "Thần thấy thiên thời, nhân sự như vậy, nên mới dám tâu lên, nay toan bắt nộp quan làm tội thì thần cũng đành chịu chết". Vua nói: "Ta sao lại nhẫn tâm đi cáo giác ông, nhưng sợ rằng nói lộ ra thì bị giết cả". Cam Mộc lại nói với vua rằng: "Người trong nước đều nói Nguyễn (Lý) phải thay Lê, lời sấm đã xuất hiện, không thể che giấu đi được! Chuyển họa thành phúc là lúc này đây, Thân vệ sao lại còn nghi ngờ gì nữa?" Vua nói: "Ta xem chí ông cùng với Vạn Hạnh không khác gì nhau; nếu thực như lời nói ấy, thì phải làm thế nào?" Cam Mộc nói: "Nay trăm họ mỗi một, dân không chịu nổi mệnh lệnh. Nếu Thân vệ lấy ân đức mà vỗ về, tất trăm họ sẽ vui vẻ mà theo, cũng như nước chảy chỗ trũng, ai mà ngăn được!"

Cam Mộc biết việc đã gấp, sợ sinh biến, bèn nói với khanh sĩ trong triều, ngay ngày hôm ấy hội họp ở triều đường bàn rằng: "Nay ức triệu người có lòng khác, trên

dưới lia đức, người ta sợ sự hà ngược của tiên vương, không muốn theo về tự quân, mà đều có chí suy tôn Thân vệ. Lũ ta sao chẳng nhân lúc này, lập Thân vệ làm thiên tử, nhờ ra có biến, thì có giữ được đâu không?". Do đó mọi người đều phò vua lên chính điện, lập làm thiên tử. Bách quan đều hô vạn tuế.

Năm Dậu (1009), mùa đông, tháng 11, vua lên ngôi, đại xá thiên hạ, đốt hết hình cụ. Quân thần dâng tôn hiệu là: Phụng thiên, chí lý, ứng vận, tự tại, thánh minh, long hiện, duệ văn, anh vũ, sùng nhân, quảng hiếu, thiên hạ thái bình, khâm minh quang trạch, chiêu dương vạn bang<sup>(8)</sup>, hiển ứng, phù cảm uy trấn phiên man duệ mưu thần công<sup>(9)</sup>, thánh trị, tác thiên đạo chính hoàng đế. Vua truy tôn cha là Hiển Khánh vương<sup>(10)</sup>, mẹ là Minh Đức Thái hậu, lập hoàng hậu sáu người<sup>(11)</sup>, lập con trai là Mã làm Thái tử, những con trai khác đều được tước hầu, mười ba người con gái vua đều là công chúa; đem con gái cả là công chúa An Quốc gả cho Đào Cam Mộc được phong là Nghĩa Tín hầu. Anh ruột vua là Mỗ làm Vũ Uy vương, em là Dục Thánh vương<sup>(12)</sup>, Trần Cảo làm Tướng công, Ngô Đình làm Khu mật sứ, Quy Thạc Phụ<sup>(13)</sup> làm Thái bảo, Đặng Văn Hiếu làm Thái phó, Bùi Xa Lỗ<sup>(14)</sup> làm Tả Kim ngô, Đản Thản làm Tả Vũ vệ, Đỗ Gián<sup>(15)</sup> làm Hữu Vũ vệ.

Xưa con chó ở chùa Ứng Thiên<sup>(16)</sup>, hương Cổ Pháp đẻ một con chó trắng, trên lưng có lông đen thành chữ "thiên tử". Đến nay thấy vua đẻ năm Giáp Tuất (974) (Tuất là tinh con chó - TQV).

*Năm Canh Tuất, năm thứ 2 (1010).*

Tháng giêng, cải nguyên là Thuận Thiên năm đầu.

Xưa vua thấy thành Hoa Lư chật hẹp bèn dời đô ra thành Đại La<sup>(17)</sup>. Lúc dời đô, đồ thuyền ở dưới thành, có rồng vàng hiện ra ở thuyền ngự, nhân đó gọi là Thăng Long, đổi Hoa Lư làm phủ Trường An, Bắc Giang gọi là Thiên Đức giang, Cổ Pháp gọi là phủ Thiên Đức.

Trong kinh Thăng Long xây điện Triều Nguyên<sup>(18)</sup>, bên trái dựng điện Tập Hiền, bên phải dựng điện Giảng Vũ, bên trái mở cửa Phi Long<sup>(19)</sup>, bên phải mở cửa Đan Phượng<sup>(20)</sup>, chính bắc mở Cao Điện<sup>(21)</sup>. Thêm gọi là Long Trì, trong hai bên Long Trì có hành lang chạy chung quanh. Phía sau điện Càn Nguyên, dựng hai điện Long An, Long Thụy<sup>(22)</sup>, bên trái xây điện Nhật Quang, bên phải xây điện Nguyệt Minh, đằng sau có cung Thúc Hoa<sup>(23)</sup>. Bốn phía thành mở bốn cửa: Phía Đông gọi là Tường Phù, phía Tây gọi là Quảng Phúc, phía Nam gọi là Đại Hưng, phía Bắc gọi là Diệu Đức. Ở trong thành lại xây chùa Hưng Thiên, lầu Ngũ Phượng tinh, ở phía Nam thành xây chùa Thăng Nghiêm<sup>(24)</sup>.

*Năm Tân Hợi, hiệu Thuận Thiên năm thứ 2 (1011).*

Vua thân đi dẹp giặc Cử Long<sup>(25)</sup> ở Ái Châu, bình được.

Năm đó, ở trong thành lại xây cung Thái Thanh, chùa Vạn Tuế, nhà chứa kinh Trấn Phúc, ngoài thành xây chùa Tứ Thiên Vương, chùa Y Cầm, chùa Long Cự Thánh Thọ<sup>(26)</sup>, lại xây điện Hàm Quang ở bến Lò Đông<sup>(27)</sup>.

Nước Chiêm Thành tiến sư tử.

*Năm Nhâm Tý, hiệu Thuận Thiên năm thứ 3 (1012).*

Xây cung Long Đức ở ngoài thành cho Thái tử ở để biết hết việc dân<sup>(28)</sup>.

Tháng chạp, thân nhân để dấu vết lại ở trên phiến đá ở ngọn núi mạn đông nam<sup>(29)</sup>, dài rộng 3 thước, sâu 1 thước.

Nước Chân Lạp tới cống.

Vua đi đánh Diên Châu<sup>(30)</sup>.

*Năm Quý Sửu, hiệu Thuận Thiên năm thứ 4 (1013).*

Vua ngự ở điện Hàm Quang xem đua thuyền (bơi chải).

Mùa đông, tháng 10, vua đi đánh rợ Man ở châu Vị Long, thắng được<sup>(31)</sup>.

*Năm Giáp Dần, hiệu Thuận Thiên năm thứ 5 (1014).*

Vua sai Dực Thánh vương đi đánh tướng Man là Đỗ Trường Huệ ở bến Kim Hoa, thắng được, chém hàng vạn đầu giặc, bắt tù quân sĩ, ngựa... không thể kể được<sup>(32)</sup>.

Châu Ly dâng con kỳ lân<sup>(33)</sup>.

Đổi phủ Ứng Thiên làm Nam Kinh<sup>(34)</sup>.

Chân Lạp tới cống.

*Năm Bính Thìn, hiệu Thuận Thiên năm thứ 7 (1016).*

Được mùa. Ba mươi bó lúa trị giá 70 văn. Xả tô 3 năm cho cả nước.

Xây hai chùa Thiên Quang, Thiên Đức và đắp tượng bốn thiên đế.

Động đất.

Tế vọng các danh sơn<sup>(35)</sup>.

Vua độ hơn 1.000 người ở kinh sư làm tăng đạo.

*Năm Đinh Tỵ, hiệu Thuận Thiên năm thứ 8 (1017).*

Điện Càn Nguyên bị động đất.

Tống Chân Tông phong cho vua làm Nam Bình vương.

*Năm Mậu Ngọ, hiệu Thuận Thiên năm thứ 9 (1018).*

Vua sai Nguyễn Thanh Đạo sang Tống xin được kinh Tam Tạng<sup>(36)</sup>.

*Năm Canh Thân, hiệu Thuận Thiên năm thứ 11 (1020).*

Vua sai con đi đánh Chiêm Thành, thắng được<sup>(37)</sup>.

Xưa điện Càn Nguyên bị động đất, vua phải coi triều ở Đông điện, nay Đông điện lại bị động đất, vua phải coi triều ở Tây điện.

*Năm Tân Dậu, hiệu Thuận Thiên năm thứ 12 (1021).*

Mùa xuân, tháng 2, ngày Mậu Tí, lấy ngày sinh của vua làm tiết Thiên Thành. Xây Vạn Tuế Nam Sơn<sup>(38)</sup> ở ngoài cửa Quảng Phúc, làm nhiều hình chim bay, thú chạy, bày la liệt ở trên.

*Năm Nhâm Tuất, hiệu Thuận Thiên năm thứ 13 (1022).*

Vua sai Dục Thánh vương đi dẹp Đại Quang lịch<sup>(39)</sup>.

*Năm Quý Hợi, hiệu Thuận Thiên năm thứ 14 (1023).*

Đổi trấn Triều Dương làm châu Vĩnh An<sup>(40)</sup>.

*Năm Giáp Tí, hiệu Thuận Thiên năm thứ 15 (1024).*

Vua sai Thái tử đánh châu Phong Luân<sup>(41)</sup>. Khai Quốc vương đánh châu Đô Kim<sup>(42)</sup>.

Xây thành Thăng Long.

*Năm Ất Sửu, hiệu Thuận Thiên năm thứ 16 (1025).*

Sư Vạn Hạnh hóa.

Chân Lạp tới cống.

Vua xuống chiếu lập phiên trại ở địa giới phía Nam Hoan Châu<sup>(43)</sup>.

*Năm Bính Dần, hiệu Thuận Thiên năm thứ 17 (1026).*

Vua sai Thái tử đi dẹp Diễn Châu.

Vua sai sứ sang Tống.

*Năm Đinh Mão, hiệu Thuận Thiên năm thứ 18 (1027).*

Vua sai Thái tử đi dẹp châu Thất Nguyên<sup>(44)</sup>, Đông Chinh vương dẹp châu Văn<sup>(45)</sup>.

*Năm Mậu Thìn, hiệu Thuận Thiên năm thứ 19 (1028).*

Mùa xuân tháng 2, vua mệ. Tháng 3, ngày Mậu Tuất,

vua mất ở điện Long An. Thọ 56 tuổi. Miếu hiệu là Thái Tổ, an táng tại Thọ Lăng ở phủ Thiên Đức. Vua ở ngôi 20 năm, cải nguyên một lần.

## THÁI TÔNG

Húy là Đức Chính, tên là Phật Mã<sup>(46)</sup>, con cả Thái Tổ. Mẹ họ Lê.

Thái Tổ lên ngôi phong cho làm Khai Thiên đại vương, lại lập làm Thái tử. Hiệu Thuận Thiên năm thứ 11 (1020), phụng mệnh vua đi đánh các giặc Man, có công.

Thái Tổ mất, quần thần vâng di chiếu đến cung Long Đức xin (Phật Mã) lên ngôi.

Lúc bấy giờ, bọn Dục Thánh vương Vũ Đức Vương<sup>(47)</sup> đều phục binh ở ngoài cửa Quảng Phúc định đánh vua. Vua từ cửa Tường Phù vào đến điện Càn Nguyên. Quân tam phủ đánh rất gấp. Vua sai Nguyễn (Lý) Nhân Nghĩa ra đánh, quân tam phủ bị bại. Vũ Đức vương bị Lê Phụng Hiếu giết.

Ngày hôm đó, vua lên ngôi ở trước linh cữu, đại xá thiên hạ, cải nguyên, lấy năm thứ 19 hiệu Thuận Thiên (1028) làm năm đầu hiệu Thiên Thành.

Quần thần dâng tôn hiệu là: Khai thiên thống vận tôn đạo, quý đức thánh văn quảng vũ sùng nhân thượng thiện, chính lý, dân an thần phù, long hiện, thể nguyên ngự cực ức tuế công cao ứng chân, bảo lịch thông nguyên<sup>(48)</sup>, chí áo, hưng long, đại định, thông minh, từ hiếu hoàng đế.

Xưa vua sinh ra ở phủ Trường An. Trong phủ rất nhiều trâu bò nhà dân tự đổi sừng. Có người thầy đoán

bảo rằng: "Năm Sửu sinh một người làm thiên tử", nói đoạn không thấy đâu nữa. Đến nay, thấy vua đẻ năm Sửu.

Khai Quốc vương chiếm cứ phủ Trường An làm phản<sup>(49)</sup>. Vua thân đi đánh. Khai Quốc vương hàng, vua xuống chiếu tha tội.

Tháng 5, thần nhân xuất hiện, để dấu vết ở chùa Vạn Tuế. Lấy Lương Nhậm Văn làm Thái sư, Ngô Thượng Đình<sup>(50)</sup> làm Thái phó, Đào Sứ Trung làm Thái bảo, Nguyễn (Lý) Đạo Kỳ làm Khu mật, Nguyễn (Lý) Triệt làm tả Tham tri chính sự<sup>(51)</sup>, Liêu Gia Chân<sup>(52)</sup> làm Trung thư thị lang, Kiều Bông làm Hữu tham tri chính sự, Hà Viễn làm Giám nghị đại phu, Quy Văn Lôi<sup>(53)</sup> làm Tả phúc tâm, Nguyễn (Lý) Nhân Nghĩa làm Hữu phúc tâm.

Đặt mười vệ Điện tiền trúc quân<sup>(54)</sup>, thứ nhất là Quảng Thánh, thứ hai là Quảng Vũ, thứ ba là Ngự Long, thứ tư là Phụng Nhật, thứ năm là Chừng Hải, mỗi vệ đều chia làm tả, hữu.

Tháng 6, lấy ngày sinh vua làm tiết Thiên Thánh. Xây Vạn Tuế sơn ở Long Trì, có năm ngọn, ngọn ở giữa dựng bức tranh trường thọ tiên, hai bên tả hữu đều có hạc trắng<sup>(55)</sup>; trên núi làm những hình tiên bay, chim, thú; lưng chừng núi lại có thần long vây quần, cắm cờ, treo vàng ngọc, sai bọn phượng tuồng (linh nhi) ở trên núi thổi sáo, ca múa làm vui.

*Năm Kỷ Tị, hiệu Thiên Thành năm thứ 2 (1029).*

Cho châu mục Lạng Châu Thân Thiệu Thái<sup>(56)</sup> lấy công chúa Bình Dương.

Giáp Đăn Nãi<sup>(57)</sup> ở Ái Châu làm phản. Vua thân đi dẹp, bắt được bọn đó.

Thần nhân xuất hiện để dấu vết ở chùa Thiên Thăng<sup>(58)</sup>.

Rồng hiện ở nền điện Càn Nguyên. Vua nói: "Điện đó đã đổ, chỉ còn cái nền, nay rồng lại hiện ở đó, chắc là đất long thăng!" Bên cho mở rộng thêm quy mô sửa chữa lại điện đó, đổi tên là điện Thiên An. Bên trái điện Thiên An xây điện Tuyên Đức, bên phải xây điện Diên Phúc, phía trước gọi là Long Trì, phía Đông xây điện Văn Minh, phía Tây xây điện Quảng Vũ. Đối nhau ở hai bên tả hữu Long Trì là Chung Lôu (lầu chuông) để lên nghe việc oan khuất. Đàng trước đặt điện Phụng Thiên, ở trên xây lầu Chính Dương làm nơi xem giờ; đàng sau xây điện Trường Xuân, ở trên xây Long Các<sup>(59)</sup>. Bên ngoài đắp thành, gọi là Long Thành.

Mùa thu, tháng 8, Hoan Châu dâng hai con kỳ lân.

Mùa đông, tháng 10, ở phía trước chùa Vạn Tuế mưa ra gạo thành đống.

*Năm Canh Ngọ, hiệu Thiên Thành năm thứ 3 (1030).*

Xây điện Thiên Khánh<sup>(60)</sup>. Ở phía sau dựng lầu Phụng Hoàng.

Mùa đông, tháng 10, vua ngự ở Ô Lộ xem gặt lúa<sup>(61)</sup>.

Sai Đại liêu ban Lê Ác Thuyên đi sứ Tống.

Được mùa.

*Năm Tân Mùi, hiệu Thiên Thành năm thứ 4 (1031).*

Hoan Châu làm phản, vua đi dẹp được.

Dựng chùa, quán ở 150 nơi<sup>(62)</sup>.

*Năm Nhâm Thân, hiệu Thiên Thành năm thứ 5 (1032).*

Cây ưu đàm (cây sung) ở chùa Thích Già nở hoa<sup>(63)</sup>.

Tháng 4, vua ngự ra Đổ Động giang<sup>(64)</sup> cày ruộng tịch điền. Ruộng đó<sup>(65)</sup> hiến cây lúa 9 bông. Vua xuống chiếu đổi ruộng đó gọi là Ứng Thiên.



*Năm Quý Dậu, hiệu Thiên Thành năm thứ 6 (1033).*

Mùa xuân, châu Định Nguyên làm phản. Vua đi dẹp được<sup>(66)</sup>.

Tháng 9, châu Trệ Nguyên<sup>(67)</sup> làm phản. Vua đi dẹp được.

*Năm Giáp Tuất, hiệu Thiên Thành năm thứ 7 (1034).*

Tháng 4, cải nguyên là Thông Thụy năm đầu. Vua xuống chiếu cho quân thân tâu việc ở trước mặt vua, xưng vua là triều đình (朝廷).

Mùa thu, tháng 9, vua ngự ra chùa Trùng Tiên<sup>(68)</sup> ở núi Tiên Du. Vua xuống chiếu xây điện Trùng Hưng<sup>(69)</sup>.

Vị sư ở chùa Pháp Vân tại Cổ Châu tâu lên vua rằng: ở trong chùa phát ra mấy đạo tia sáng, theo tia sáng mà đào thì thấy một hòm bằng đá, trong hòm đá có hòm bằng bạc, trong hòm bạc có hòm bằng vàng, trong hòm vàng có bình pha lê, trong bình có xá lị (xương Phật).

*Năm Ất Hợi, hiệu Thông Thụy năm thứ 2 (1035).*

Phía trước điện Thiên Khánh sinh cỏ Chi.

Vua phong cho con là Nhật Trung làm Thừa Càn vương<sup>(70)</sup>.

Dựng chợ Tây<sup>(71)</sup> và Trường Lang. Xây cầu Thái Hòa ở sông Tô Lịch.

Ái Châu làm phản, vương đích thân đi chinh phạt, thắng được<sup>(72)</sup>.

Vua thết yến quân thân ở hành cung Ái Châu, ngầm trở tướng Định Thắng là Nguyễn Khánh nói: "Tên đó sẽ làm phản". Tả hữu hỏi duyên cớ làm sao. Vua nói: "Người đó trông khác thường, cử động thất lễ, trông thấy ta thì có sắc thẹn, nên ta biết vậy". Năm đó quả nhiên Nguyễn Khánh làm phản<sup>(73)</sup>.

*Năm Bính Tý, hiệu Thông Thụy năm thứ 3 (1036).*

Mùa xuân, tháng 3, cho châu mục Phong Châu Lê Thuận Tông lấy công chúa Khánh Thành<sup>(74)</sup>.

Tháng 4, dựng hành cung Hoan Châu<sup>(75)</sup>.

Các châu Đô Kim, Thường Tân, Bình Nguyên<sup>(76)</sup> làm phản. *Năm Đinh Sửu, hiệu Thông Thụy năm thứ 4 (1037).*

Lấy Khai Hoàng vương làm chức nguyên soái đi đánh các châu Đô Kim... thắng được.

Trong vườn dâu ở Ô Lộ có tượng Phật cổ nhô lên.

Bày lễ đua thuyền.

Lụt.

*Năm Mậu Dần, hiệu Thông Thụy năm thứ 5 (1038).*

Vua ngự ra Bồ Hải khẩu<sup>(77)</sup> cày ruộng tịch điền.

Mùa thu, tháng 8, vua ngự ở điện Hàm Quang xem đua thuyền.

Tháng 9, thân nhân xuất hiện, để dấu vết ở chùa Thiên Thắng.

Tổng Nhân Tông phong vua làm Nam Bình vương.

Con vua Chiêm Thành là bọn Địa Bà Thích tới châu<sup>(78)</sup>.

*Năm Kỷ Mão, hiệu Thông Thụy năm thứ 6 (1039).*

Mùa xuân, tháng giêng, thủ lĩnh châu Quảng Nguyên là Nùng Tôn Phúc làm phản<sup>(79)</sup> xưng là Chiêu Thánh hoàng đế, phong con cả là Trí Thông làm Nam Nha vương, đổi châu đó gọi là nước Trường Kỳ<sup>(80)</sup>. Vua thân đi đánh dẹp. Quân qua bến Lãn Phù<sup>(81)</sup>, cá trắng nhảy vào thuyền vua. Vua đến châu Quảng Nguyên, Tôn Phúc đốt<sup>(82)</sup> bộ lạc của nó mà chạy trốn. Vua thả binh đuổi theo, bắt được Tôn Phúc. Con nó là Trí Cao chạy thoát được. Bắt Tôn Phúc đem về kinh chém đi.

Mùa hạ, tháng 5, châu Quảng Nguyên dâng một khối vàng sống nặng 112 lạng.

Tháng 6, cải nguyên là Càn Phù Hữu Đạo năm đầu.

Mùa đông, tháng chạp, nước Chân Lạp tới cống.

Sai sứ sang Tống.

*Năm Canh Thìn, hiệu Càn Phù Hữu Đạo năm thứ 2 (1040).*

Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng một có nhật thực.

*Năm Tân Tị, hiệu Càn Phù Hữu Đạo năm thứ 3 (1041).*

Mùa hạ, tháng 5, định thứ bậc (giai phẩm) các cung nữ<sup>(83)</sup>.

Tháng 6, bọn Điện Tiền Chỉ huy sứ Đinh Lộc, Phùng Luật mưu làm phản. Việc phát giác ra, bị tội chết.

Mùa đông, tháng 11, lấy Minh Uy hầu<sup>(84)</sup> coi châu Nghệ An.

Nùng Trí Cao cùng mẹ là A Nùng từ động Lôì Hỏa trở lại chiếm cứ châu Thăng Do, đổi châu đó gọi là nước Đại Lịch. Vua sai người đi đánh, bắt sống được Trí Cao. Vua thương tình Tôn Phúc đã bị chết, nên tha tội và cho Trí Cao các châu Quảng Nguyên, Lôì Hỏa, Bình, Bà, Tư Lãng<sup>(85)</sup>.

*Năm Nhâm Ngọ, hiệu Càn Phù Hữu Đạo năm thứ 4 (1042).*

Mùa xuân, tháng 3, vua ngự ra cửa biển Già Lãm<sup>(86)</sup> cày ruộng tịch điền.

Động đất.

Giao Châu<sup>(87)</sup> làm phản.

Mùa đông, tháng 11, cải nguyên là Minh Đạo năm đầu.

Vua xuống chiếu cho Trung thư sảnh san định sách luật<sup>(88)</sup>.

Tháng 11, vua xuống chiếu cho các lộ, mỗi lộ đều đặt trạm gác (đình hậu) để tiện coi xét bốn phương.

Phàm những người già yếu và những người có công lớn trở lên phạm tội thì được chuộc tiền<sup>(89)</sup>.

Đúc tiền Minh Đạo.

Lương Mậu Tài đi sứ Tống.

*Năm Quý Mùi, hiệu Minh Đạo năm thứ 2 (1043).*

Mùa hạ, tháng 4, Ái Châu làm phản.

Tháng 5, lấy Khai Hoàng vương làm Đô thống đại nguyên soái đi dẹp Ái Châu, Phụng Càn vương làm Đô thống nguyên soái đi dẹp Văn Châu. Văn Châu bình.

Mùa hạ tháng 4, vua ngự đến chùa Tùng Sơn ở châu Vũ Ninh<sup>(90)</sup>, thấy trong tòa điện nát có cây cột đá đổ nghiêng, vua có ý định sửa chữa lại điện đó, cột đá bỗng nhiên dựng thẳng lại. Nhân đó vua sai nho thần làm bài phú để ghi lại việc lạ ấy.

Mùa thu, tháng 9, vua sai Ngụy Trưng đến châu Quảng Nguyên ban cho Trí Cao ấn Quận vương<sup>(91)</sup>, và cho Trí Cao làm Thái bảo.

Vua xuống chiếu sai làm vài trăm chiếc thuyền, đều làm theo hình rồng, phượng, cá, rắn, hổ, chim anh vũ (chim vẹt).

Mùa đông, tháng 10, chiếc khiên ngự ở điện Trường Xuân tự chuyển động.

*Năm Giáp Thân, hiệu Minh Đạo năm thứ 3 (1044).*

Tháng 2, chiếc khiên ngự lại chuyển động.

Ngày Quý Mão, vua thân đi đánh Chiêm Thành. Lấy Khai Hoàng vương làm chức Lưu thủ.

Ngày Giáp Thân<sup>(92)</sup>, xuất phát từ kinh sư.

Ngày Ất Tị, đến cửa biển Đại Ác. Lúc bấy giờ sóng gió êm lặng, đại quân vượt qua được thuận lợi<sup>(93)</sup>. Từ Đại An

đến Cô Sơn<sup>(94)</sup> có mây tía che mặt trời. Đến vụng Truy<sup>(95)</sup>, có đám mây che thuyền vua, theo thuyền vua mà đi, đứng. Đến cửa biển Tư Minh<sup>(96)</sup> có cá trắng nhảy vào trong thuyền.

Vua nghe tin vua Chiêm Thành đã bày tượng trận (trận voi) ở Ngũ Hồ giang<sup>(97)</sup> đợi quan quân, bèn xuống chiếu cho quân sĩ bỏ thuyền lên bộ. Vua phân chia quân sĩ, giương cờ, gióng trống định tiến đánh giặc. Quân giặc thấy binh uy rất thịnh, bèn tan vỡ trước. Vua đuổi theo, chém được 3 đầu<sup>(98)</sup>. Quách Gia Ý<sup>(99)</sup> chém được vua Chiêm là Nhân Đầu<sup>(100)</sup> dâng vua. Bắt được 30 thớt voi, bắt sống được hơn 5.000 người, những người bị loạn binh giết rất nhiều. Vua lấy làm thương xót, xuống chiếu rằng kẻ nào giết người Chiêm Thành thì bị chém.

Mùa thu, tháng 7, đại quân vào thành Phật Thệ (Vijaya), bắt tù bọn cung nữ, thê thiếp của Vua Chiêm<sup>(101)</sup>.

Tháng 8, vua mang quân về. Đến phủ Trường An, rỗng vàng hiện ở thuyền vua.

Tháng 9, vua từ Chiêm Thành về đến nơi (kinh sư).

Mùa đông, tháng 10, cải nguyên là Thiên Cảm Thánh Vũ năm đầu.

Được mùa.

Tháng chạp đặt trạm Hoài Viễn (Hoài Viễn dịch) ở Gia Lâm<sup>(102)</sup> để cho các khách sứ bốn phương tới ngụ.

Thái bảo Nùng Trí Cao tới chầu.

*Năm Ất Dậu, hiệu Thiên Cảm Thánh Vũ năm thứ 2 (1045).*

Mùa xuân, tháng 3, dựng bia Đại Nội.

Mùa hạ, tháng 5, làm xe Thái Bình trang sức bằng vàng<sup>(103)</sup>.

*Năm Bính Tuất, hiệu Thiên Cảm Thánh Vũ năm thứ 3 (1046).*

Mùa hạ, tháng 5, xây cung Ngân Hán ở vườn hậu uyển cho cung nhân Chiêm Thành ở<sup>(104)</sup>.

*Năm Đinh Hợi, hiệu Thiên Cảm Thánh Vũ năm thứ 4 (1047).*

Đặt trấn Vọng Quốc và bảy trạm Quy Đức, Bảo Khang<sup>(105)</sup>, Tuyên Hóa, Thanh Bình, Vĩnh Thông, Cẩm Hóa, An Dân, mỗi nơi đều dựng mốc tiêu đề<sup>(106)</sup> để làm nơi trú ngụ cho man di.

Chiêm Thành tới cống. Vua xuống chiếu dày sứ giả của nó lên châu Chân Đẳng<sup>(107)</sup>, lấy cơ vua nó là Ung Ni vô lễ.

*Năm Mậu Tí, hiệu Thiên Cảm Thánh Vũ năm thứ 5 (1048).*

Nùng Trí Cao giữ động Vật Ác<sup>(108)</sup> làm phản. Vua sai Vũ Uy hầu và Thái úy Quách Thịnh Ích<sup>(109)</sup> đi đánh dẹp. Ngay hôm giao chiến, trời đất tối tăm, bỗng chốc tiếng sấm nổ rung chuyển ở trong động. Tù trưởng động đó mình mẩy chân tay tan nát, cả động kinh hãi bèn hàng<sup>(110)</sup>.

Tháng 3, lập Xá Đàn (nền xā tắc) ở ngoài cửa Trường Quảng để làm nơi bốn mùa cúng tế, cầu được mùa.

Mùa thu, tháng 9, mở ba vườn Quỳnh Lâm, Thăng Cảnh, Xuân Quang.

Mùa đông, tháng chạp, vua xuống chiếu định phép chọi trâu về mùa xuân.

Phạm Khứ Liêu mưu làm phản, việc phát giác, bị róc thịt ở chợ Đông Tây.

*Năm Kỷ Sửu, hiệu Thiên Cảm Thánh Vũ năm thứ 6 (1049).*

Mùa xuân, tháng ba, cải nguyên là Sùng Hưng Đại Bảo năm đầu.

Mùa thu, tháng 8, đào ngòi ngự ở phía ngoài Phượng Thành; lại đào ao Kim Minh Vạn Tuế. Khi mới đào, trong ao có tiếng kêu xoang xoảng, đào lên, được một khối vàng nặng 50 lạng, cho nên đặt tên đó. Lại đắp núi đá có ba ngọn ở trên ao, xây cầu Vũ Phượng.

*Năm Canh Dần, hiệu Sùng Hưng Đại Bảo năm thứ 2 (1050).*

Đặt các động Quyết Hạn, Đại Phát, Văn Tương ở địa giới châu Tây Bình trên đất Tống<sup>(111)</sup>.

Nùng Trí Cao giữ động Vật Dương<sup>(112)</sup> ở châu An Đức đất Tống, lấy động đó làm nước Nam Thiên, cải nguyên là Cảnh Thụy.

Giáp Long Trì ở Ngũ Huyện giang thuộc Ái Châu<sup>(113)</sup> làm phản.

*Năm Tân Mão, hiệu Sùng Hưng Đại Bảo năm thứ 3 (1051).*

Đào ao Thụy Thanh, ao Ứng Minh ở vườn Thắng Cảnh.

Đặt nội ngoại Tuyền Long quân<sup>(114)</sup>.

Sai Tả kiêu vệ tướng quân Trần Năm đem người Ngũ Huyện đào cảng Cá Lãm<sup>(115)</sup>.

*Năm Nhân Thìn, hiệu Sùng Hưng Đại Bảo năm thứ 4 (1052).*

Trí Cao xin phụ vào Tống. Tống không dung nạp<sup>(116)</sup>, Trí Cao cướp đất Tống.

Tháng 5, Trí Cao đánh phá trại Hoàn Sơn<sup>(117)</sup> của Tống, lấy được Ung Châu, lấy châu đó làm nước Đại Nam, tự xưng là Nhân Huệ hoàng đế.

*Năm Quý Tị, hiệu Sùng Hưng Đại Bảo năm thứ 5 (1053).*

Tống đánh Trí Cao, sai Lương Châu sang ta xin bình. Vua xuống chiếu cho Điện tiền chỉ huy sứ Vũ Nhĩ làm Chiêu thảo sứ tiếp viện cho Tống. Tháng đó, Dịch Thanh nhà Tống đánh bại Trí Cao ở Quy Nhân.

Trí Cao chạy sang nước Đại Đăn<sup>(118)</sup>.

Tháng 3, đúc chuông đặt ở Long Trì, khiến dân chúng ai bị oan ức không được thấu xét thì được phép đánh chuông để được nghe bày tỏ<sup>(119)</sup>.

Thạch Giám của Tống vào đạo Đặc Ma đánh mẹ Trí Cao là A Nùng, A Nùng đã hơn 60 tuổi. Người Đại Đăn (Đại Lý) bỏ đầu Trí Cao vào hòm dăng cho Tống. Chém A Nùng ở Đô Thị. Do đó các Nùng đều bị diệt<sup>(120)</sup>.

*Năm Giáp Ngọ, hiệu Sùng Hưng Đại Bảo năm thứ 6 (1054).*

Tháng 9, ngày Mậu Dần, vua mệ.

Mùa đông, tháng 10, ngày Tân Mão, vua mất ở điện Trường Xuân, thọ 54 tuổi, ở ngôi 26 năm (ở dưới này đáng lẽ phải có 4 chữ: "Cải nguyên 6 lần")<sup>(121)</sup>, an táng ở Thọ Lăng, phủ Thiên Đức.

## THÁNH TÔNG

Húy là Nhật Tôn, con thứ ba vua Thái Tông, mẹ người họ Mai<sup>(122)</sup>. Thái Tông<sup>(123)</sup> mộng thấy mặt trăng vào bụng, nhân đó có mang, ngày 25 tháng 2 năm thứ 14 hiệu Thuận Thiên (1023) sinh ra vua ở cung Long Đức. Năm đầu hiệu Thiên Thành (1028) được lập làm Thái tử. Khi lớn lên, vua thông kinh truyện<sup>(124)</sup>, sành âm luật, nhất là sở trường võ



lược. Thái Tông mất, vua vâng di chiếu, lên ngôi ở trước linh cữu.

Tháng 10, cải nguyên, lấy năm thứ 6 hiệu Sùng Hưng Đại Bảo làm năm đầu hiệu Long Thụy Thái Bình<sup>(125)</sup>.

Vua tôn mẹ là Mai thị làm Thái hậu Linh Cảm. Quần thần dâng tôn hiệu là: Pháp thiên ứng vận, sùng nhân, chí đức, anh văn, duệ vũ, khánh cảm, long tường, hiểu đạo, thánh thân hoàng đế.

Vua xuống chiếu đốt bỏ các hình cụ.

Cho các cung nữ ở cung Thụy Họa ra ngoài.

Vua ban tước cho các quan văn võ ở Đông cung, mỗi người có phân biệt: lấy Bùi Gia Hựu<sup>(126)</sup> làm Văn minh điện thái học sĩ Phạm Di làm Tả uy vệ, Trần Cải làm Hữu uy vệ, Lưu Khánh làm Tả thanh đạo, Vương Hành làm Hữu thanh đạo. Đổi tên đô: Khuông thánh của Thần vệ làm Cung Thánh, đô Quảng Đức làm Trung Vũ, đô Quảng Vũ làm Chiêu Vũ, và đặt thêm Tả hữu Long dực đô, mỗi đô 100 người.

Ngày Bính Ngọ, an táng vua Thái Tông. Lập tám bà hoàng hậu. Lấy Nguyễn (Lý) Đạo Thành làm Thái sư, Quách Kinh Nhật làm Thái úy.

Xây điện Vĩnh Thọ.

*Năm Ất Mùi, hiệu Long Thụy Thái Bình năm thứ 2 (1055).*

Sửa sang các điện ở đại nội.

Ngày Quý Sửu, lấy ngày sinh của vua làm tiết Càn Hưng<sup>(127)</sup>.

Chiêm Thành tới cống.

Mùa thu, tháng 8, vua ngự điện Thủy Tinh xem đua thuyền.

Mùa đông, tháng 10: đại hàn. Vua nói với tả hữu rằng: "Ta ở trong thâm cung, sưởi lò than thú, mặc áo hồ cầu (áo da cáo) mà khí lạnh còn như thế này, huống hồ những kẻ bị giam trong ngục, xiềng xích khổ sở, ngay gian chưa định, bụng không cơm no, thân không áo ấm, một khi gặp cơn gió lạnh thổi vào, há chẳng bị chết, mà nguyên là vô tội ư? Ta rất lấy làm thương xót". Vua sai hữu ti đem chăn chiếu trong kho vua ban cho tù nhân, và mỗi ngày cho ăn hai bữa cơm. Vua ban cho trong nước một nửa số tiền thuế năm đó.

Xây chùa Đông Lâm và chùa Tĩnh Lự ở núi Đông Cưu.

Tống Nhân Tông phong cho vua làm Quận vương.

Sai sứ sang Tống.

*Năm Bính Thân, hiệu Long Thụy Thái Bình năm thứ 3 (1056).*

Bày hội La Hán ở điện Thiên An.

Mùa thu, tháng 8, Chân Lạp tới cống<sup>(128)</sup>.

Xây chùa Sùng Khánh Báo Thiên; phát 12.000 cân đồng trong kho vua để đúc chuông đặt ở chùa đó, vua thân làm bài minh văn (văn để khắc vào chuông).

Mùa đông, tháng 10<sup>(129)</sup>, ngày Kỷ Dậu, vua xuống chiếu khuyến nông.

Đổi chức Đại thủ lĩnh làm Thứ sử.

*Năm Đinh Dậu, hiệu Long Thụy Thái Bình năm thứ 4 (1057).*

Mùa xuân, tháng 3, xây bảo tháp Đại Thắng Tư Thiên ở chùa Sùng Khánh Báo Thiên, cao vài chục trượng, làm thành 30 tầng<sup>(130)</sup>.

Mùa hạ, tháng 4, vua sai Viên ngoại lang Mai Nguyên Thanh đem hai con kỳ lân đưa sang Tống.

Ngày Giáp<sup>(131)</sup> Ngọ, rồng vàng từ vườn Quỳnh Lâm hiện ra ở phía trước điện Trường Xuân.

Đạo An Châu làm phản.

Mùa đông, tháng 10, vua ngự đến cửa biển Đại Bàng. Rồng vàng hiện ra ở thuyền Kim Phượng, do đó đổi tên là thuyền Tường Long.

Tháng chạp, xây hai chùa Thiên Phúc, Thiên Thọ. Lấy vàng đúc tượng Phạm vương Đế Thích để bày ở đó.

Chiêm Thành tới cống.

*Năm Mậu Tuất, hiệu Long Thụy Thái Bình năm thứ 5 (1058).*

Xây điện Hồ Thiên bát giác ở ao Kim Minh.

Tháng 3, mở cửa Tường Phù<sup>(132)</sup>, xây lầu ở trên đó.

Mùa hạ, tháng 5, rồng vàng từ cung Long Đức hiện ra ở điện Vĩnh Thọ.

Tháng 6, xây điện Linh Quang, bên trái dựng điện Kiến Lễ, bên phải dựng điện Sùng Nghi. Phía trước điện dựng lầu chuông, một cột, sáu cạnh hình hoa sen (độc trụ lục giác liên hoa chung lầu).

Mùa thu, tháng 9, vua ngự ra cửa biển Ba Lộ, nhân đó ngự ra chỗ xây tháp ở Đồ Xảo<sup>(133)</sup>.

*Năm Kỷ Hợi, hiệu Long Thụy Thái Bình năm thứ 6 (1059).*

Mùa xuân, tháng 3, vua đi săn ở vùng sông Nam Bình thuộc Lạng Châu<sup>(134)</sup>, nhân đó ngự đến nhà Phò mã Thân Cảnh Nguyên<sup>(135)</sup>.

Xây chùa Sùng Nghiêm Báo Đức ở cầu Vũ Ninh.

Mùa hạ, tháng 6, rồng vàng hiện ở điện Vĩnh Thọ.

Ngày Quý Mùi, cải nguyên, lấy nam thứ ở hiệu

Long Thụy Thái Bình làm năm đầu hiệu Chương Thánh Gia Khánh.

Mùa thu, tháng 8, ngày Đinh Sửu, vua ngự ở điện Thủy Tinh xem ban cho quần thần đội mũ phốc đi hia<sup>(136)</sup>. Tục này bắt đầu từ đó. Ngày Bính Tuất, rỗng vàng hiện ở điện Trường Xuân. Vua ban cho tháp ở Đồ Sơn tên hiệu là tháp Tường Long.

Chọn các hạng người ở kinh sư, con trai gọi là hoàng nam.

Xây cửa Diên Hưng Thổ Hàng.

Chiêm Thành tới cống.

*Năm Canh Tí, hiệu Chương Thánh Gia Khánh năm thứ 2 (1060).*

Cấm bọn lính Ngự thuyền hỏa, Củng thánh hỏa, Tù long hỏa<sup>(137)</sup> và bọn nhà bếp không được ra vào thêm ngự, không được nói chuyện với bọn Tiểu chi hậu và đưa tin tức, trao đồ vật, đi lại với nhau. Kẻ nào trái lệnh bị tội chết, gặp khi xá tội cũng không được tha.

Tháng 2, ngày Nhâm Thân, vua ngự ra châu Tây Nguyên bắt voi, bắt được ba con voi trắng.

Mùa hạ, tháng 6, châu mục Lạng Châu là Thân Thiệu Thái đem binh vào huyện Như Ngao thuộc châu Tây Bình nhà Tống để bắt bọn người bản châu chạy trốn, bắt viên Chỉ huy sứ Dương Lữ Tài<sup>(138)</sup>, và trai, gái, trâu, ngựa nhiều vô kể. Nhà Tống sai Lại bộ Thị lang là Dư Tĩnh đến Ung Châu bàn việc độ. Vua sai bọn Bùi Gia Hựu<sup>(139)</sup> đến Ung Châu hội nghị. Tĩnh hối lộ Gia Hựu rất nhiều và đưa thư xin lại Lữ Tài, vua không bằng lòng trả.

Mùa thu, tháng 8, vua ngự ra cửa biển Giao Hải. Rỗng vàng hiện<sup>(140)</sup> ở thuyền Diên Xuân, nhân đó đổi tên cửa biển Giao Hải là cửa biển Thiên Phù.

Vua thân phiên dịch nhạc khúc và Tiết cổ âm<sup>(141)</sup> của Chiêm Thành, sai nhạc công ca hát.

Mùa đông, tháng 10, xây hành cung ở Giao Đàm<sup>(142)</sup> để xem đánh cá.

Chiêm Thành tới cống.

Châu Vị Long (Chiêm Hóa) dâng con voi trắng.

*Năm Tân Sửu, hiệu Chương Thánh Gia Khánh năm thứ 3 (1061).*

Châu La Thuận<sup>(143)</sup> dâng con voi trắng.

Động Sa Đãng<sup>(144)</sup> làm phản. Vua thân đi đánh, thắng được.

Ngũ Huyện giang ở Ái Châu làm phản.

Vua đi cầu tự ở Ba Sơn<sup>(145)</sup>, rồng vàng hiện ra ở trong đàn lễ.

*Năm Nhâm Dần, hiệu Chương Thánh Gia Khánh năm thứ 4 (1062).*

Quận Gia Lâm dâng con rùa sáu mắt, ba chân.

Mùa thu, tháng 9, sai người đi khai mỏ vàng ở động Vũ Kiện<sup>(146)</sup>, khai mỏ bạc ở huyện Hạ Liên<sup>(147)</sup>.

*Năm Quý Mão, hiệu Chương Thánh Gia Khánh năm thứ 5 (1063).*

Mùa hạ, tháng 6, xây cung Động Tiên ở phía Đông đại nội.

Có người dâng con rùa trắng.

Vua sai xây chùa ở Ba Sơn (Tiêu Sơn) để làm nơi cầu tự<sup>(148)</sup>. Có người bắt được ngọc châu đem dâng vua.

Mùa đông, tháng chạp, xây cửa Ngân Hà.

Ngày triều hạ, viên chỉ huy sứ xướng lên "Thánh cung vạn phúc", quân sĩ đồng thanh xướng theo.

Chiêm Thành tới cống.

*Năm Giáp Thìn, hiệu Chương Thánh Gia Khánh năm thứ 6 (1064).*

Mùa xuân, tháng 2, mặt trời lồng bóng (trùng quang).

Mùa hạ, tháng 5, xây hành cung ở cửa biển Bố Hải (Kỳ Bố, Vũ Tiên, Thái Bình).

Mùa đông, tháng 10, động Ma Sa<sup>(149)</sup> làm phản. Vua đi dẹp thẳng được. Rồng vàng hiện ở thuyền Thanh Lan.

Tống Anh Tông thêm cho vua chức Đồng bình chương sự.

*Năm Ất Tị, hiệu Chương Thánh Gia Khánh năm thứ 7 (1065).*

Mùa xuân, tháng 2, vua xem đánh cá ở đầm Phù Long<sup>(150)</sup>. Ngày Bính Ngọ, vua ngự ra hành cung Bố Hải cày ruộng tịch điền.

Mùa hạ, tháng 6, vua ngự điện Thiên Khánh xét kiện. Lúc đó, con gái vua là công chúa Động Tiên đứng hầu ở cạnh. Vua nhìn công chúa, bảo với ngục lại rằng: "Ta yêu con ta cũng như những bậc cha mẹ trong thiên hạ yêu con cái họ<sup>(151)</sup>. Trăm họ không biết gì nên tự phạm vào luật pháp, ta rất xót thương! Nên rằng từ nay, các tội bất kỳ nặng nhẹ nhất thiết đều khoan giảm".

Mùa thu, tháng 7, châu Mang Quán<sup>(152)</sup> làm phản, vua đi dẹp, quy hàng được chúng.

Tháng 8, mở vườn Thượng Lâm.

Ngày Bính Thìn, rồng vàng từ điện Đại Minh hiện ra ở điện Hội Nguyên, lại hiện ra ở hành cung Bố Hải.

Ngày Quý Mùi, vua ngự ra hành cung Cửu Lan<sup>(153)</sup>, gọi cung đó là Cảnh Hưng, còn hành cung Giao Đàm (Dâm Đàm) gọi là cung Ngoạn Xuân.

Mùa đông, tháng chạp, rồng vàng hiện ở điện Diệu Linh, lại hiện ở gác Du Thiêm nơi nguyên phi Ý Lan ở.

Chiêm Thành tới cống một con tê trắng.

*Năm Bính Ngọ, hiệu Chương Thánh Gia Khánh năm thứ 8 (1066).*

Mùa xuân, tháng 2, cải nguyên là Long Chương Thiên Tự năm đầu.

Tháng 3, rồng vàng hiện ở trong cung Thái tử<sup>(154)</sup>.

Ngày Giáp Thân, viên Đô tào là Đào Trì dâng con sẻ trắng.

Tháng 9, tha thuế cao.

Ngày Giáp Tí, vua sai Lang tướng là Quách Mãn xây tháp ở núi Tiên Du.

Mùa đông, tháng 11, vua ngự ra hành cung Khải Thụy<sup>(155)</sup> xem gặt.

Con trai công chúa Bình Dương là Thân Đạo Nguyên lấy công chúa Thiên Thành.

*Năm Đinh Mùi, hiệu Long Chương Thiên Tự năm thứ 2 (1067).*

Lấy Viên ngoại lang Ngụy Trọng Hòa, Đặng Thế Tư làm Đô hộ sĩ sử; 10 người Thư gia làm Án ngục lại (quan xét án). Vua ban cho Trọng Hòa, Thế Tư tiền bổng mỗi tháng mỗi người là 50 quan, lúa mỗi người được 200 bó<sup>(156)</sup> và các thứ muối, cá; ban cho Thư gia mỗi người được tiền 20 quan, lúa 100 bó để dứt lòng ăn hối lộ của chúng<sup>(157)</sup>.

Mùa hạ, tháng 6, ngày Tân Hợi, rồng vàng hiện ở hành cung Vị Nhân<sup>(158)</sup>.

Ngày Tân Mão, vua ngự đến Vị Nhân (Lị Nhân) xem gặt và xem đua thuyền.

*Năm Mậu Thân*<sup>(159)</sup>, hiệu *Thiên Huống Bảo Tượng* năm đầu (1068).

Mùa xuân, tháng giêng, châu Chân Đẳng (Lâm Thao, Phú Thọ) dâng hai con voi trắng, châu Kỷ Lang<sup>(160)</sup> dâng một con voi trắng.

Rồng vàng hiện ở điện Diệu Linh.

Tháng 2, huyện Đô Lạp<sup>(161)</sup> dâng voi trắng và sẻ trắng.

Rồng vàng hiện ở hành cung Khải Thụy.

Mùa hạ, tháng 5, rồng vàng lại hiện ở điện Hội Tiên.

Sửa sang chiến hạm.

Mùa thu, tháng 8, thuyền rồng vô cớ rời bến đi ba thước.

Tháng 9, rồng vàng hiện ở hai thuyền Vĩnh Xuân, Thanh Lan.

Tống Thần Tông phong cho vua làm Nam Bình vương, thêm chức Khai Phủ nghị đồng tam ti.

Vua sai sứ sang Tống.

*Năm Kỷ Dậu, hiệu Thần Vũ* năm đầu (1069)<sup>(162)</sup>.

Mùa xuân, tháng 2, ngày Mậu Tuất (24-2-1069), vua hạ chiếu thân chinh Chiêm Thành<sup>(163)</sup>.

Ngày Đinh Mùi (5-3), thể ở Long Trì.

Ngày Canh Dần<sup>(164)</sup> (8-3), vua xuất quân.

Ngày Đinh Tị (15-3), đến châu Nghệ An. Rồng vàng hiện ở thuyền Kim Phượng.

Ngày Canh Thân (18-3), đến cửa biển Nam Giới<sup>(165)</sup>. Rồng vàng lại hiện ra ở thuyền Kim Phượng.

Ngày Ất Sửu (23-3), vua sai bọn Đại liêu ban Hoàng Kiên đánh cửa biển Nhật Lệ<sup>(166)</sup>, thắng được.

Ngày Kỷ Tị (27-3) qua Đại Trường sa<sup>(167)</sup>.



Ngày Canh Ngọ (28-3), đến cửa biển Tư Dung (Tư Hiền nam Thuận Hóa).

Tháng 3, ngày Quý Dậu (31-3), ban đêm, rồng hiện ở thuyền Cảnh Thắng.

Ngày Bính Ngọ<sup>(168)</sup> (3-4), đến cửa biển Thi lệ bì nại (Cri Bonei)<sup>(169)</sup>. Có hai con chim cùng bay theo thuyền vua như có dáng dẫn đường. Đại quân tiến lên đến bờ sông Tu Mao<sup>(170)</sup>, thấy tướng Chiêm là bọn Bớ bì đà la bày trận ở bờ sông. Quan quân xô đánh, chém được Bớ bì đà la; quân Chiêm Thành chết nhiều không kể xiết. Chúa Chiêm là Đệ Củ<sup>(171)</sup> (Rudravarman III) nghe tin quân bại, bèn đem vợ con đang đêm chạy trốn. Đêm đó vua dẫn quân đi đến thành Phật Thệ (Vijaya), tới bến Đồng La<sup>(172)</sup>, người Phật Thệ ra hàng.

Mùa hạ, tháng 4, nguyên soái Nguyễn (Lý) Thường Kiệt bắt được Đệ Củ ở biên giới Chân Lạp<sup>(173)</sup>.

Mùa hạ, tháng 5, vua đả yến quần thần tại điện vua Chiêm Thành. Vua lại thân hành múa khiên (mộc) và đánh cầu ở thêm điện.

Vua sai kiểm tất cả các nhà trong và ngoài thành Phật Thệ, cả thảy hơn 2.560 khu, đều sai đốt hết.

Tháng đó, vua đem quân về. Ngày Quý Tị (19-6) đến cửa biển Tư Minh (Tư Dung). Đêm đó rồng vàng hiện ở thuyền vua.

Tháng 6, ngày Kỷ Tị<sup>(174)</sup> (25-6), quân vượt biển, rồng vàng hiện ở thuyền Kim Phượng.

Ngày Mậu Thân (4-7), qua các núi Lỗi Lỗi lớn và bé ở cửa biển Bớ Chính<sup>(175)</sup>. Thuyền rồng đụng phải đá bị vỡ.

Ngày Tân Dậu (17-7), vua từ Chiêm Thành về đến bến Triều Đông (sông Nhị). Vua hạ chiếu sai Hữu ti sắp binh lính nghiêm trang, bày nghi vệ long trọng. Vua ngự xe

báu, quần thân đều cưỡi ngựa, dẫn vua Chiêm Thành là Đệ Cử đội mũ bằng xương gai, mặc áo vải thô trắng lấy lụa thất lưng, sai năm tên lính Vũ đô dắt đi và trói bọn đảng thuộc dắt theo sau.

Mùa thu, tháng 7, vua tâu việc thắng trận ở Thái Miếu<sup>(176)</sup>. Ngày Bính Thìn, rông vàng hiện ở xe báu.

Mùa đông, tháng 11, ngày Đinh Sửu, có quầng đỏ<sup>(177)</sup> ở sát mặt trời.

Chân Lạp tới cống.

*Năm Canh Tuất, hiệu Thần Vũ năm thứ 2 (1070).*

Mùa hạ, tháng 3, xây điện Tử Thần.

Tháng 5, rông vàng hiện ở điện Long Quang, cung Trường Xuân.

Mùa thu, tháng 7, ngày Ất Mão, rông vàng hiện ở cung Vị Nhân (Lị Nhân).

Tháng 9, xây chùa Nhị Thiên vương ở Đông Nam.

*Năm Tân Hợi, hiệu Thần Vũ năm thứ 3 (1071).*

Mùa xuân, tháng giêng, vua ngự viết chữ Phật dài 1 trượng 6 thước.

Từ xuân đến hạ không mưa.

Định số tiền chuộc tội đánh trượng.

Mùa đông, tháng chạp, vua mệt, xuống chiếu cho hữu ti là: kẻ nào vào nhậm nhà các quan chức đô ở hai bên tả hữu, bị phạt 80 trượng<sup>(178)</sup>.

*Năm Nhâm Tý, hiệu Thần Vũ năm thứ 4 (1072).*

Mùa xuân, tháng giêng, ngày Canh Dần, vua bị bệnh nặng, mất ở điện Hội Tiên, thọ 50 tuổi, miếu hiệu là Thánh Tông, ở ngôi 19 năm, cải nguyên năm lần, an táng ở Thọ Lăng, phủ Thiên Đức.

## NHÂN TÔNG

Húy là Càn Đức, con cả vua Thánh Tông, mẹ là Ý Lan nguyên phi, họ Lê, tháng giêng năm đầu hiệu Long Chương Thiên Tự (1066) sinh ra vua ở cung Đông Tiên. Liên ngày đó, được lập Thái tử. Vua là người trán rộng, mặt rộng, tay dài quá gối, nhất là giỏi về âm luật; những ca khúc mà nhạc công tập đều do vua thân chế tác.

Mùa xuân, tháng giêng, năm thứ 4 hiệu Thần Vũ (1072), vua lên ngôi ở trước linh cữu, tôn mẹ là Ý Lan nguyên phi làm Thái phi. Quần thần dâng tôn hiệu là: Hiến thiên, thể đạo, thánh văn thần vũ, sùng nhân, ý nghĩa, thuần thánh, minh hiếu hoàng đế; lấy Thượng Dương Thái hậu cùng nghe bàn chính sự.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 8, làm lễ tắm Phật. Vua ngự điện Thiên An coi triều. Ngày đó lấy Đại liêu Nguyễn (Lý) Thường Kiệt làm Kiểm Thiệu thái úy, Nguyễn (Lý) Nhật Thành làm Binh bộ thị lang<sup>(179)</sup>, các quan ở dưới mỗi người đều có phân biệt.

Tha tù ở Đô hộ phủ.

Châu mục Lạng Châu Dương Cảnh Thông dâng con hươu trắng. Quần thần dâng biểu chúc mừng. Cho Dương Cảnh Thông làm Thái bảo.

Chân Lạp tới cống.

Mùa thu, tháng 7, rông vàng hiện ở điện Vĩnh Thọ.

An táng vua Thánh Tông.

Quần thần dâng biểu mừng tiết Trung nguyên (tiết xá tội vong nhân ngày rằm tháng 7 - TQV).

Vua ngự ra hành cung Giao Đàm (Dâm Đàm).

Tha thuế vải sợi trắng của Chiêm Thành.

Rước tượng Phật ở chùa Pháp Vân về kinh sư cầu tạnh.  
Vua đi lễ ở núi Tản Viên.

Cáp sớ<sup>(180)</sup> Ngụy Trưng vì tuổi già về trí sĩ. Vua xuống chiếu ban cho ghế, trượng.

Vua xuống chiếu chọn các sư có thơ đem dâng và các người biết văn tự trong tăng quan cho thuộc vào ngạch thư gia, để bổ vào các chức khuyết ấy.

Dời phường Phủng Nhật đến chợ phía Nam.

Vua ngự điện Thiên An, quần thần dâng biểu mừng.

Xây cửa Trường Quảng, cửa Thái Bình, cửa Thượng Thủy hà, đền Nghênh Thu, trạm Quy Nhân, cả thấy năm nơi.

Lấy ngày sinh của vua làm tiết Thọ thiên.

Lập hai bà hoàng hậu.

*Năm Quý Sửu, năm thứ 2 (1073).*

Tháng giêng, cải nguyên là năm đầu hiệu Thái Ninh<sup>(181)</sup>.

Tôn Thái phi làm Thái hậu (Linh Nhân).

Thái hậu Linh Nhân có tính ghen ghét, thấy mình là đích mẫu<sup>(182)</sup> mà không được dự triều chính, nhân nói với vua rằng: "Mẹ già khó nhọc để có ngày nay, đến khi phú quý thì người khác lại đến giành mất, thế thì sẽ để mẹ già ở chỗ nào đây?" Vua tuy còn bé, nhưng biết mình không phải là con Thái hậu Thượng Dương, bèn giam Thái hậu Thượng Dương và 72 thị nữ ở cung Thượng Dương, bức khiến chết theo vua Thánh Tông.

Nước Chiêm Thành tới cống.

Mùa thu, tháng 7, rồng vàng hiện ở gác Du Thiêm.

Tháng 8, Phong Châu dâng hươu trắng.

Tống Thân Tông phong cho vua làm Quận vương.

*Năm Giáp Dần, hiệu Thái Ninh năm thứ 2 (1074).*

Nhà Giang Duệ, Hỏa đầu đô Cung Thánh bị cháy, cháy lan tới cửa Đại Hưng.

Mùa hạ, tháng 4, sửa chữa cửa Đại Hưng. Rong vàng hiện.

Chim sẻ trắng tới châu ở cấm đình<sup>(183)</sup>.

Mùa thu, tháng 9, rong vàng hiện.

Vương An Thạch nhà Tống nắm chính quyền. Có người dâng thư nói rằng: Nước ta đã bị Chiêm Thành phá, dư chúng không còn đầy một vạn người, có thể tính ngày mà lấy được. Do đó Tống cho Thẩm Khởi, Lưu Di coi Quế Châu. Khởi, Di bèn chiêu tập thổ đinh ở Khê Động làm bảo giáp, ở bờ biển thì làm nhiều thuyền bè, dạy thủy trận và cấm các châu huyện không được buôn bán cùng với người biên giới nước ta.

Vua biết như vậy nên đem trước các đạo binh gần 10 vạn người chia làm hai đạo, sai Nguyễn (Lý) Thường Kiệt đem thủy quân ra Vĩnh An (Hải Ninh) đánh Khâm, Liêm; Tông Đản đem quân bộ ra Vĩnh Bình (Tư Ninh, Bằng Tường) đánh Ung Châu<sup>(184)</sup> (Nam Ninh). Quân ta đi đến đâu cũng không có ai dám đương đầu. Thường Kiệt đánh lấy được hai châu Khâm, Liêm<sup>(185)</sup>, lại cùng với Tông Đản hợp binh vây Ung<sup>(186)</sup>. Quan giám ở Quảng Tây nhà Tống là Trương Thủ Tiết đem binh tới cứu. Đến Côn Lôn quan<sup>(187)</sup>, Thường Kiệt đón đánh, lại phá được, chém đầu Thủ Tiết.

Quan coi châu (Ung) là Tô Giam giữ thành cố thủ. Ta làm phi thê (thang mây) để treo lên thành; kẻ kia đem dùng hỏa cự (đuốc lửa)<sup>(188)</sup>, phi thê không thể đem đến gần; ta lại dùng tên thuốc độc bắn, người ngựa ở trên thành chết chồng chất lên nhau. Kẻ kia dùng cung thần tấ<sup>(189)</sup>

bắn, tượng quân của ta có nhiều người chết. Thành cao và kiên cố, ta đánh hơn 40 ngày không hạ được. Ta bắt được người Tống, họ dạy ta cách dùng bao đất áp vào thành mà trèo lên. Thường Kiệt nghe theo. Thành bèn bị hãm<sup>(190)</sup>. Tô Giám chạy về châu tự trước cho giết bọn gia thuộc 36 người, sau đốt lửa tự thiêu mình. Quân sĩ tìm Giám không thấy bèn giết hết lại dân hơn 5 vạn người<sup>(191)</sup>.

Trong việc này, ta giết và bắt người châu Ung, Khâm, Liêm độ chừng 10 vạn.

*Năm Ất Mão, hiệu Thái Ninh năm thứ 3 (1075).*

Mùa xuân, tháng giêng, làm lễ tâu thắng trận (ở Thái Miếu).

Chiêm Thành tới cống.

*Năm Bính Thìn, hiệu Thái Ninh năm thứ 4 (1076).*

Mùa xuân, tháng 3, vua đi xem đập ngăn nước. rông vàng hiện ở thuyền vua.

Rùa xanh mang hà đồ<sup>(192)</sup> hiện lên.

Mùa thu, tháng 7, Tống lấy Quảng Tây Tuyên phủ sứ Quách Quy, Triệu Cao<sup>(193)</sup> làm Chiêu thảo sứ, thống lĩnh 9 tướng quân tới đánh nước ta. Vua sai Nguyễn (Lý) Thường Kiệt đem thủy quân chống cự<sup>(194)</sup>. Hai hâu Chiêu Văn, Hoàn Chân đều bị chết đuối<sup>(195)</sup>. Hai quân giữ nhau ở sông Như Nguyệt (sông Cầu) hơn một tháng. Thường Kiệt biết rằng quân Tống sức lực đã khốn, ban đêm sang sông đánh úp, đại phá được. Quân Tống 10 phần chết đến 5, 6, bèn lui giữ châu Quảng Nguyên.

Mùa đông tháng 10, cải nguyên là năm đầu hiệu Anh Vũ Chiêu Thắng.

Tháng chạp, lấy Nội cấp sự Lê Văn Thịnh làm Bình bộ thị lang.

*Năm Đinh Tị, hiệu Anh Vũ Chiêu Thắng năm thứ 2 (1077).*

Mùa hạ, tháng 5, bày hội Nhân Vương<sup>(196)</sup> ở điện Thiên An.

Mùa thu, tháng 9, đắp đê ở sông Như Nguyệt dài 67.380 bước (bộ 步).

Mùa đông, tháng 10, vua ngự ra Phù Nhân (chắc là Lệ Nhân) xem gặt. Lại ngự ra cửa biển Long Thủy. Rong vàng hiện ở thuyền vua.

Chiêm Thành tới cống.

*Năm Mậu Ngọ, hiệu Anh Vũ Chiêu Thắng năm thứ 3 (1078).*

Tháng giêng nhuận, sửa thành Đại La.

Tháng 2, mồng một, vua hạ chiếu bãi bỏ lễ yến mùa thu.

Sai Viên ngoại lang Đào Tông Nguyên đem năm con tuần tượng đưa sang Tống xin lại các châu Quảng Nguyên, Tô Mậu<sup>(197)</sup>. Người Tống đòi lại những dân binh bị bắt ở ba châu<sup>(198)</sup>.

Nước lụt vào trong thành.

*Năm Kỷ Mùi, hiệu Anh Vũ Chiêu Thắng năm thứ 4 (1079).*

Lạng Châu dâng voi trắng.

Mưa đá.

Tháng 5, được mùa.

Công chúa Thiên Thành dâng con rùa sáu mắt, ba chân.

Mùa đông tháng 10, rong vàng từ vườn Thường Xuân hiện ở cung đó.

*Năm Canh Thân, hiệu Anh Vũ Chiêu Thắng năm thứ 5 (1080).*

Mùa xuân, tháng 3, vua ngự ra Cùng Giang<sup>(199)</sup> xem đánh cá.

Mùa hạ tháng 4, ngày Kỷ Hợi, con thần quy mang hà đồ hiện.

Tháng 5, người Đường (?) là Lâm Quỳnh dâng cỏ chi tía (tử chi).

Mùa thu, tháng 8, cam lộ rơi.

Vua ngự điện Linh Quang xem đua thuyền.

Tháng 8 nhuận, bày lễ yến mùa thu.

Vua ngự ra Phù Nhân (Lị Nhân?) xem gặt.

*Năm Tân Dậu, hiệu Anh Vũ Chiêu Thắng năm thứ 6 (1081).*

Mùa đông, tháng 11, mặt trời lồng bóng.

Chiêm Thành tới cống.

Vua trả nhân đình ba châu cho Tống. Tống cũng đem các châu Quảng Nguyên trả lại cho ta<sup>(200)</sup>.

Vua sai Viên ngoại lang Lương Dụng Luật sang Tống xin kinh Tam tạng.

*Năm Nhâm Tuất, hiệu Anh Vũ Chiêu Thắng năm thứ 7 (1082).*

Mùa xuân, tháng 2, gả công chúa Khâm Thánh cho châu mục châu Vị Long (Chiêm Hóa) là Hà Di Khánh.

Mùa đông, tháng chạp, Chi hậu hoàng Nguyễn Ba Tư mưu phản, bị tội chết.

Chiêm Thành tới cống.

*Năm Quý Hợi, hiệu Anh Vũ Chiêu Thắng năm thứ 8 (1083).*

Mùa xuân, tháng 2, vua ngự điện Thiên Khánh duyệt định các hoàng nam ở kinh thành, chia làm ba bậc.



Tháng 3, chọn các mỹ nữ làm cung nữ Vạn Diên.

Mùa hạ, tháng 5, rồng vàng bay từ điện Tử Thần hiện ra ở điện Hội Tiên<sup>(201)</sup>.

Tháng 5, xây cung Động Nhân.

Tháng 6, xe ngựa bị cháy.

Mùa thu, tháng 9, động Ma Sa làm phản (Mai Đà, Hòa Bình).

Mùa đông, tháng 10, vua thân đánh dẹp, thắng được động đó.

Vua xem đua thuyền.

Chiêm Thành tới cống.

*Năm Giáp Tý, hiệu Anh Vũ Chiêu Thắng năm thứ 9 (1084).*

Mùa hạ, tháng 6, vua sai Bình bộ lang trung Lê Văn Thịnh đến trại Vĩnh Bình bàn việc cương giới. Tống cho Văn Thịnh làm chức Long đồ các đãi chế.

Mùa đông, tháng 11, vua hạ chiếu cho trong nước xây nhà ngôi.

Chiêm Thành tới cống.

*Năm Ất Sửu, hiệu Anh Vũ Chiêu Thắng năm thứ 10 (1085).*

Mùa xuân, tháng 2, ngày Đinh Hợi, cải nguyên là năm đầu hiệu Quảng Hựu.

Mùa thu, tháng 8, lấy Lê Văn Thịnh làm Thái sư.

Chiêm Thành tới cống.

*Năm Bính Dần, hiệu Quảng Hựu năm thứ 2 (1086).*

Mùa xuân, tháng giêng, Nguyễn Viễn dâng con rùa sáu mắt, ngực có hà đồ Lạc Thư (đồ thư)<sup>(202)</sup>.

Tháng 2, Chân Lạp tới cống, có hai người Bà la môn (Brahmanes).

Mùa đông, tháng 11, xây chùa ở núi Đại Lãm<sup>(203)</sup>.

Đua thuyền.

Chiêm Thành tới cống.

*Năm Đinh Mão, hiệu Quảng Hựu năm thứ 3 (1087).*

Mùa hạ, tháng 5, xây Bí Thư các.

Mùa đông, tháng 10, vua ngự ra Lãm Sơn. Ban đêm, vua đãi yến quần thần ở trên núi. Vua làm hai bài thơ "Lãm Sơn dạ yến" (tiệc yến ban đêm ở Lãm Sơn) viết ở đó để lưu lại.

Tống Triết Tông gia phong vua làm Đồng Bình chương sự.

Chiêm Thành tới cống.

*Năm Mậu Thìn, hiệu Quảng Hựu năm thứ 4 (1088).*

Mùa thu, tháng 9, ngày Mậu Thân, đặt mười người Đại thư gia<sup>(204)</sup>.

Mùa đông, tháng 10, xây tháp ở Lãm Sơn.

Tháng chạp, cung Cảnh Linh làm xong.

Chân Lạp tới cống.

*Năm Kỷ Tỵ, hiệu Quảng Hựu năm thứ 5 (1089).*

Đắp đường Lãnh Dâm<sup>(205)</sup>.

Quân Tống vào châu Thạch Tế<sup>(206)</sup>.

Chiêm Thành tới cống.

*Năm Canh Ngọ, hiệu Quảng Hựu năm thứ 6 (1090).*

Mùa xuân, tháng 2, cung Hợp Hoan làm xong.

Tống Triết Tông phong vua làm Nam Bình vương. Vua sai sứ sang Tống.

*Năm Tân Mùi, hiệu Quảng Hựu năm thứ 7 (1091).*

Mùa xuân, tháng 2, vua ngự lên Lạng Châu xem bắt voi.

Kiến quan Lê Toàn Nghĩa dâng con rùa năm sắc. Lê Văn Thịnh dâng một con voi trắng.

Chiêm Thành tới cống.

Đua thuyền.

*Năm Nhâm Thân, hiệu Quảng Hựu năm thứ 8 (1092).*

Mùa hạ, tháng 5, xây hành cung Khải Thụy.

Được mùa.

Tháng chạp, cải nguyên là năm đầu hiệu Hội Phong.

*Năm Quý Dậu, hiệu Hội Phong năm thứ 2 (1093).*

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng một, có nhật thực.

Cây ưu đàm (cây sung) nở hoa.

*Năm Giáp Tuất, hiệu Hội Phong năm thứ 3 (1094).*

Mùa thu, tháng 9, chùa Lãm Sơn làm xong. Vua ban tên chùa là Cảnh Long Đồng Khánh. Vua thân đề biển bằng chữ triện.

Chiêm Thành tới cống.

Vua sai Viên ngoại lang Nguyễn Lợi Dụng sang Tống.

*Năm Ất Hợi, hiệu Hội Phong năm thứ 4 (1095).*

Mùa hạ, tháng 5, vua hạ chiếu cho con các hầu tước vào châu<sup>(207)</sup>.

Tháng 6, hoàng hậu Thánh Cực mất<sup>(208)</sup>.

Chân Lạp, Chiêm Thành tới cống.

*Năm Bính Tý, hiệu Hội Phong năm thứ 5 (1096).*

Mùa đông, tháng 11, vua xem đánh cá ở Giao Đàm (Dâm Đàm). Lúc bấy giờ, vua ngự chiếc thuyền nhỏ, thị vệ rất ít. Thái sư Lê Văn Thịnh từ lâu đã chất chứa mưu gian, nhân đó dùng ảo thuật làm thành khói mù lớn. Ở giữa hồ, đang ban ngày, trời tối sầm lại. Bỗng chốc vua nghe thấy tiếng mái chèo lại gần, vua nghĩ chắc có biến bèn lấy giáo phóng ra. Khói mù theo giáo mà tan đi. Thấy thuyền của Văn Thịnh đã sát tới, có sẵn đồ hung khí<sup>(209)</sup>,

vua sai người bắt<sup>(210)</sup>. Vua xuống chiếu đày Văn Thịnh đi Lương Giang đầu. Xưa nhà Văn Thịnh có một đầy tớ (gia nô), người Đại Lý, giỏi về ảo thuật. Văn Thịnh học phép của nó, đến lúc này bèn phản.

*Năm Đinh Sửu, hiệu Hội Phong năm thứ 6 (1097).*

Mùa thu, tháng 8, sao hiện giữa ban ngày.

Tha các tù nhân ở Đô hộ phủ.

Mùa đông, tháng 11, cấm dân bách tính không được xây nhà ngói, làm thuyền lớn<sup>(211)</sup>.

Chiêm Thành tới cống.

Đưa thuyền.

*Năm Mậu Dần, hiệu Hội Phong năm thứ 7 (1098).*

Mùa thu, tháng 8, động đất.

Sao chổi xuất hiện.

Lập núi Ngao Sơn trên đất. Bày lễ đưa thuyền.

Tháng 9, xây điện Xùng Uyên ở ao Phượng Liên, bên trái đặt điện Huy Dương, đình Át Vận, phía trước xây lầu Trường Minh, phía sau bắc cầu Ngọan Hoa<sup>(212)</sup>.

Vua sai Viên ngoại lang Nguyễn Văn Tín sang Tống xin kinh Tam tạng<sup>(213)</sup>.

Chiêm Thành tới cống.

*Năm Kỷ Mão, hiệu Hội Phong năm thứ 8 (1099).*

Đô Phủng Nhật dâng rùa sáu mắt.

Mùa thu, tháng 9, xây chùa ở núi An Lão<sup>(214)</sup>.

Mùa đông, tháng 10, cấm phụ nữ ở kinh thành không được bắt chước lối ăn mặc trong cung<sup>(215)</sup>.

Chiêm Thành tới cống.

*Năm Canh Thìn, hiệu Hội Phong năm thứ 9 (1100).*

Mùa hạ, tháng 4, xây chùa Vĩnh Phúc ở núi Tiên Du.

Mùa thu, tháng 7, lấy Kiều Văn Tư làm Thượng Lâm quốc sĩ sư.

Tháng chạp, có nạn dịch lớn.

*Năm Tân Tị, hiệu Long Phù Nguyên Hóa<sup>(216)</sup> năm đầu (1101).*

Mùa xuân, tháng giêng, cải nguyên.

Tháng 2, vua xem đánh cá ở Cùng Giang, rồi ngự đến Ứng Phong<sup>(217)</sup> xem cây ruộng.

Mùa hạ, tháng 6, vua ngự ra Phù Nhân (Lị Nhân?) xem gieo hạt.

Mùa thu, tháng 7, ban áo mặc mùa thu (thu y) cho trăm quan. Bày lễ yến.

Xây quán Khai Nguyên.

Tháng 9, vua xem đánh cá ở Cùng Giang. Rồng vàng hiện ở thuyền Tường Long.

Mùa đông, tháng 11, mây lành (khánh vân) xuất hiện. Vua ngự đi Tượng Sách (?) xem bắt voi. Rồng vàng hiện.

Tháng chạp, đổi Hoan Châu làm phủ Nghệ An<sup>(218)</sup>.

Xây chùa Diên Hựu (chùa Một Cột).

*Năm Nhâm Ngọ, hiệu Long Phù Nguyên Hóa năm thứ 2 (1102).*

Mùa xuân, tháng 2, vua ngự đến hành cung Ứng Phong<sup>(219)</sup> xem cây ruộng.

Mùa đông, tháng chạp ngày lập xuân, có mây lành xuống.

Xây ba quán Khai Nguyên, Thái Dương, Bắc Đế.

Làm xe Thụy Vân.

Lục.

Chiêm Thành tới cống.

Sai Viên ngoại lang Đỗ Anh Hậu đi sứ sang Tống.

*Năm Quý Mùi, hiệu Long Phù Nguyên Hóa năm thứ 3 (1103).*

Mùa xuân tháng giêng, vua xuống chiếu cho trong ngoài kinh thành đều đắp đê ngăn nước.

Tháng 2, Thái hậu đem tiền trong kho chuộc lại bọn con gái nhà nghèo bị gán nợ, gả cho bọn đàn ông góa vợ.

Mùa thu, tháng 8, đặt đô Long Tường.

Mùa đông, tháng 10, hươu đen tới.

Đua thuyền.

*Năm Giáp Thân, hiệu Long Phù Nguyên Hóa năm thứ 4 (1104).*

Mùa xuân, tháng 3, vua duyệt binh Hưng Nam dưng tiệp tả hữu làm đô Ngọc giai, binh Ngự long làm đô Hưng thánh quảng vũ, những người đại tộc (họ lớn) trong bách tính làm binh Vũ Thắng, đổi Điền nhi làm binh Thiết Lâm.

Mùa thu, tháng 9, ngày mồng một, Diên Thành hầu lấy hốt đánh Trung Nghĩa hầu ở điện Thiên An.

Chiêm Thành tới cống.

Đua thuyền.

*Năm Ất Dậu, hiệu Long Phù Nguyên Hóa năm thứ 5 (1105).*

Mùa xuân, tháng giêng, cây sương bồ nở hoa.

Tháng 2, tế thần Cao Mồi<sup>(220)</sup>.

Mùa hạ, Thái úy Nguyễn (Lý) Thường Kiệt mất.

Mùa thu, tháng 9, xây hai tháp bằng sứ trắng ở chùa Diên Hựu (chùa Một Cột). Xây ba tháp bằng đá ở Lãm Sơn (Quế Dương, Bắc Ninh)<sup>(221)</sup>.

Mùa đông, tháng 10, ở châu Đông Lương (?) có vàng trời lên.

Tháng 11, ngày mồng một, nhật thực, mặt trời bị che quá nửa.

Chiêm Thành tới cống.

Có dịch lớn.

*Năm Bính Tuất, hiệu Long Phù Nguyên Hóa năm thứ 6 (1106).*

Mùa xuân, tháng 3, vua ngự ra Đồ Sơn.

Mùa hạ, tháng 5, sao chổi xuất hiện.

Mùa thu, tháng 7, xây thành Ngân La.

Tháng 11, vua sắp có việc lỗi thời với nhà Tống, sai đóng thuyền Vĩnh Long hai đáy và đóng chiến hạm<sup>(222)</sup>.

Viên Ngoại lang Ngụy Văn Tường đi sứ Tống.

Chiêm Thành tới cống.

Công chúa Thiên Thành dâng hai voi trắng.

*Năm Đinh Hợi, hiệu Long Phù Nguyên Hóa năm thứ 7 (1007).*

Mùa hạ, tháng 6, vua ngự ra Chương Sơn<sup>(223)</sup>. Rồng vàng hiện.

Mùa đông, tháng 11, động đất.

Tháng chạp, xây Đô hộ phủ.

*Năm Mậu Tí, hiệu Long Phù Nguyên Hóa năm thứ 8 (1108).*

Mùa xuân, tháng giêng, xây tháp ở Chương Sơn.

Đắp đê ở cảng Cơ Xá<sup>(224)</sup>.

Hoàng hậu Chiêu Thành mất.

Chiêm Thành tới cống.

*Năm Kỷ Sửu, hiệu Long Phù Nguyên Hóa năm thứ 9 (1109).*

Mùa hạ, tháng 4, vua xét án nghịch đảng Tô Hậu, Kỷ Sùng. Hậu, Sùng đều phải lên ngựa gỗ (mà chết)<sup>(225)</sup>.

Mùa đông, tháng chạp, xây đài Động Linh.

*Năm Canh Dần, hiệu Hội Tường Đại Khánh năm đầu (1110).*

Mùa xuân, tháng giêng, mở hội đèn Quảng Chiếu ở cửa Đại Hưng.

Tháng 3, người đàn bà họ Hoàng dâng con chim phượng con, lông cánh đủ năm sắc, chín bào<sup>(226)</sup>.

Tháng đó, Tham Chính từ Văn Thông dâng con hổ trắng.

Ngựa trắng mọc cựa. Cau một gốc sinh mười hai cây.

Có người dâng chim sẻ trắng.

Mùa thu, tháng 8, nước Chiêm Thành dâng con voi lạ, đứng đầu có ánh sáng thân xuất hiện ở đó.

Sai Viên ngoại lang Đào Ngạn đi sứ Tống.

*Năm Tân Mão, hiệu Hội Tường Đại Khánh năm thứ 2 (1111).*

Mùa hạ, tháng 4, phủ Thanh Hóa dâng một gốc cau sinh chín cây.

Có người dâng con rùa trắng.

Chim sẻ trắng đến cấm đình.

Mặt trời có hai quầng.

Được mùa.

Lưu thủ Trương Diên Phúc dâng chim sẻ trắng.

Mùa đông, tháng 11, mặt trời có hai quầng.

Chiêm Thành tới cống.

*Năm Nhâm Thìn, hiệu Hội Tường Đại Khánh năm thứ 3 (1112).*

Mùa xuân, tháng giêng, cam lộ rơi.

Tháng 2, người Thanh Hóa nói rằng ở ven biển có đứa bé lạ, tuổi mới lên ba, ai nói gì cũng hiểu, tự xưng chính là



con vua, hiệu là Giác Hoàng (nghĩa là Phật). Phàm vua làm việc gì, nó đều biết trước cả. Vua sai trung sứ đến hỏi nó, thấy những điều nó nói đều đúng, bèn đón về ở tại chùa Báo Thiên<sup>(227)</sup>. Vua thấy nó linh dị, lại càng yêu lắm. Bấy giờ vua không có người kế tự, toan lập nó làm Thái tử, quần thần cho là không nên, vua bèn thôi. Vua mới sai bày trai đàn ở trong cấm đình, muốn sai Giác Hoàng đầu thai làm con mình. Có vị sư tên là Từ Lộ, (hiệu là) Đạo Hạnh ở núi Phật Tích nghe tin đó, không bằng lòng, bảo với chị là Từ thị đi dự hội, ngậm đưa vài hạt châu đã làm phép nói rằng: "Khi tới cuộc hội sẽ đem giắt vào mái nhà đừng để cho ai thấy biết". Từ thị làm như lời sư dặn. Giác Hoàng bỗng nhiên mắc bệnh sốt, nói với người ta rằng thấy khắp nơi trong nước đều chằng lưới sắt, không có đường để vào thác sinh ở trong cung. Vua sai tìm kiếm khắp nơi, bắt được mấy hạt châu của Từ thị giắt, bèn bắt Lộ trốn ở hành lang Hưng Thánh, toan bắt tội chết. Sùng Hiền hầu (em vua - TQV) vào châu, Lộ kêu than rằng: "Xin Hiền hầu cứu bản tăng, nếu bản tăng may mắn thoát chết thì xin vào làm con Hầu để báo đền ơn đức". Hầu nhận lời. Vào châu vua, Hầu tìm mọi cách cứu Lộ, nói rằng: "Giác Hoàng nếu thực có sức thần mà bị Lộ làm phép yểm được, thì Lộ rõ ràng là giỏi hơn Giác Hoàng. Thần cho rằng, chi bằng cho ngay Từ Lộ thác sinh". Vua bèn tha tội Lộ.

Giác Hoàng bị bệnh nguy ngập, dối dăng rằng: "Sau khi ta chết, hãy dựng tháp (phù đồ) ở núi Tiên Du mà chôn ta"<sup>(228)</sup>.

Mùa hạ, tháng 4, có người dâng cỏ chi, hoa ưu đàm (sung) và quạ trắng.

Mùa thu, tháng 9, rồng vàng hiện ở điện Vĩnh Quang.  
Mùa đông, tháng 10, rồng đen hiện ở trong cung.

*Năm Quý Tị, hiệu Hội Trường Đại Khánh năm thứ 4 (1113).*

Mùa thu, tháng 8, rồng vàng hiện ở điện Đại Minh.  
Có người dâng hươu trắng.

*Năm Giáp Ngọ, hiệu Hội Trường Đại Khánh năm thứ 5 (1114).*

Mùa xuân, tháng giêng, mây lành rơi xuống.

Tháng 3, rồng vàng hiện ở tháp núi Chương Sơn, quần ba khúc ba vòng.

Có người dâng chim sẻ trắng, rùa sáu mắt.

Mùa đông, tháng 10, lấy Nội thường thị Lê Bá Ngọc làm Đại lý tự (quan coi việc hình).

Xây chùa Thắng Nghiêm, đặt Thiện Pháp đường ở bốn phía, xây lầu Thiên Phật, để 1.000 tượng Phật.

Đua thuyền.

Viên ngoại lang Đào Tín Hậu đem 10 voi sang Tống.

*Năm Ất Mùi, Hội Trường Đại Khánh năm thứ 6 (1115), tháng 2, có người dâng hoa cà kết ba quả.*

Tháng 3, chùa Sùng Phúc ở hương Siêu Loại (là quê của Thái hậu Linh Nhân - tức Ý Lan - TQV) làm xong.

Mùa hạ, tháng 6, mặt trời có 2 quầng.

Mùa thu, tháng 7, có người dâng rùa vàng.

*Năm Bính Thân, hiệu Hội Trường Đại Khánh năm thứ 7 (1116).*

Mùa xuân, tháng giêng, mở (hội) đèn Quảng Chiếu ở ngoài cửa Đại Hưng, làm sư bằng gỗ đánh chuông.

Mùa hạ, tháng 4, có người dâng cây cau.

Tháng 6, sư Đạo Hạnh hóa (Thần Tông sinh)<sup>(229)</sup>.

Mùa đông, tháng 11, có người dâng con rùa ba chân, sáu mắt.

Chiêm thành tới cống.

Đua thuyền.

*Năm Đinh Dậu, hiệu Hội Tường Đại Khánh năm thứ 8 (1117).*

Mùa xuân, tháng giêng có người dâng hươu trắng, hươu đen.

Tháng 3, vua ngự chơi Chương Sơn. Rồng vàng hiện.

Mùa hạ, tháng 4, có người dâng rùa ba chân sáu mắt, ngược có hai chữ (thiện đế) (善帝).

Châu Tư Nông<sup>(230)</sup> dâng con ngựa đỏ mọc cựa.

Rồng vàng hiện ở bảo đài cầu đảo Động Linh.

Mùa thu, tháng 7, Thái hậu Ý Lan mất, tên thụy là Phù Thánh Linh Nhân Thái hậu.

Tháng 8, an táng Thái hậu Linh Nhân (bằng hỏa táng, có ba người chết theo Thái hậu). Đêm đó rồng hiện.

Mùa đông, tháng 11, lập con Sùng Hiền hầu là Dương Hoán làm Thái tử.

*Năm Mậu Tuất, hiệu Hội Tường Đại Khánh năm thứ 9 (1118).*

Mùa xuân, tháng 2, Chân Lạp, Chiêm Thành tới cống.

Mùa đông, tháng 11, cam lộ rơi.

Cấm bọn gia nô không được thích hình rồng ở trên người<sup>(231)</sup>.

Viên ngoại lang Nguyễn Bá Khánh đem voi, tê sang Tống.

*Năm Kỷ Hợi, hiệu Hội Tường Đại Khánh năm thứ 10 (1119).*

Mùa đông, tháng 10, họp người trong nước thể ở Long Trì.

Vua đánh động Ma Sa, phá được<sup>(232)</sup>.

Tổng Huy Tông gia phong cho vua là Thú Tư không.

*Năm Canh Tí, hiệu Thiên Phù Duệ Vũ năm đầu (1120).*

Mùa xuân, tháng giêng, cải nguyên.

Mùa hạ, tháng 6, có người dâng chim sẻ trắng.

Mùa thu, tháng 9, rồng vàng hiện.

Mùa đông, tháng 10, dựng đài Chúng Tiên.

Chiêm Thành, Chân Lạp tới cống.

Đua thuyền.

*Năm Tân Sửu, hiệu Thiên Phù Duệ Vũ năm thứ 2 (1121).*

Mùa hạ, tháng 5, lụt đến cửa Đại Hưng (cửa Nam).

Mùa thu, tháng 7, xây chùa Quảng Giáo ở núi Tiên Du.

Đua thuyền.

*Năm Nhâm Dần, hiệu Thiên Phù Duệ Vũ năm thứ 3 (1122).*

Mùa xuân, tháng 2, bảo tháp Sùng Thiện Diên Linh ở Đới Sơn (huyện Duy Tiên, Hà Nam) làm xong.

Mùa thu, tháng 8, vua xem đua thuyền.

Chế tạo dải mũ bạc để sung vào đồ nghi vệ (lỗ bộ).

Viên ngoại lang Đinh Khánh An đi sứ Tống.

*Năm Quý Mão, hiệu Thiên Phù Duệ Vũ năm thứ 4 (1123).*

Mùa xuân, tháng giêng, tiết Thánh đản. Làm mới vũ đình Thôi Luân<sup>(233)</sup>.

Mùa thu, tháng 8, bày lễ yến tiệc mùa thu.

Mùa đông, tháng 10, vua ngự ra hành cung Ứng Phong. Xây Phi kiều qua sông Bà Thích<sup>(234)</sup>. Xây đài Thông Tiêu<sup>(235)</sup>.

Chân Lạp tới cống.

Được mùa.

*Năm Giáp Thìn, hiệu Thiên Phù Duệ Vũ năm thứ 5 (1124).*

Mùa đông, tháng 10, xây đài Uất La.

Đại hạn. Cầu đảo, bèn mưa.

*Năm Ất Tị, hiệu Thiên Phù Duệ Vũ năm thứ 6 (1125).*

Mùa hạ, tháng 4, công chúa Thụy Thánh dâng rùa sáu mắt, ngực có bốn chữ "quốc thổ an ninh".

Tháng 6, vua ngự ra Ứng Phong, rồng vàng hiện ở hành cung<sup>(236)</sup>.

Mùa đông, tháng 11, rồng vàng hiện ở cung Động Linh.

Lấy Nội thường thị Mâu Đô Du làm trung tướng<sup>(237)</sup>.

*Năm Bính Ngọ, hiệu Thiên Phù Duệ Vũ năm thứ 7 (1126).*

Mùa xuân, tháng giêng, cấm không được chặt cây về mùa xuân.

Tháng 2, vua ngự điện Thiên An xem các vương hầu đá cầu ở Long Trì.

Mùa hạ, tháng 5, rồng vàng hiện ở điện Vĩnh Quang.

Mùa thu, tháng 8, thần long hiện, ở giữa có tám chữ "Đạo định vương các Diên Ninh công chúa".

Mùa đông, tháng 11, sai lệnh thư gia là bọn Nghiêm Thường Từ Diên đi sứ Tống. Đến Quế Châu, Kinh lược ti châu ấy báo với Thường, Diên rằng: "Năm nay, các xứ Kinh Đông, Hồ Nam đều điều động binh mã đi đánh nước Đại Kim, chưa biết rõ ngày nào về. Lúc này ngựa trạm cách trở, đâu đâu cũng ít, xin các sứ giả đem lễ vật về".

Năm đó, bọn nguyên soái Đại Kim bắt được hai vua

Huy Tông, Khâm Tông nhà Tống đem về Bắc. Nước Tống loạn to.

*Năm Đinh Mùi, hiệu Thiên Phù Khánh Thọ năm đầu (1127).*

Mùa đông, tháng chạp, vua mất ở điện Vinh Quang, thọ 62 tuổi, ở ngôi 56 năm, miếu hiệu là Nhân Tông, cải nguyên tám lần, an táng ở phủ Thiên Đức.

### **Chú thích:**

<sup>(1)</sup> *Toàn thư (Bản kỷ q.2, 1a) và Cương mục (Chính biên q.2, 4a) đều chép là Công Uẩn.*

<sup>(2)</sup> Theo *Toàn thư* và *Cương mục*, bà mẹ họ Phạm, đi chơi chùa Tiêu Sơn, cùng thần nhân giao hợp mà sinh ra vua. Đến năm lên 3, mẹ bế đến nhà Lý Khánh Văn, Khánh Văn nuôi làm con. Nhân đấy lấy thọ họ Lý.

Nhưng theo sách *Mộng Khê bút đàm* của Thẩm Hoạt đời Tống thì Lý Công Uẩn gốc là người Mân (Phúc Kiến). Tiến sĩ Từ Bá Tường người Quảng Tây nhà Tống trong thư gửi cho Công Uẩn cũng nói: "Tiên thế đại vương vốn người đất Mân. Tôi nghe nói công khanh ở Giao Chỉ cũng nhiều người đất Mân". Khi lên ngôi, Công Uẩn lại phong cha làm Hiển Khánh vương, chứng tỏ Công Uẩn biết cha là ai và có đủ họ hàng. Vậy thuyết nói Công Uẩn gốc người Mân có thể đúng, và để giấu gốc tích Trung Quốc của mình, Lý Công Uẩn đã bịa ra thuyết là con thần nhân, đồng thời cũng để tăng lòng tin cậy của dân. Tống lấy đất Mân năm 971, có thể gia quyến Công Uẩn chạy sang nước ta sau năm đó; cũng như tổ tiên Hồ Quý Ly và Trần Lãm (1 trong 12 sứ quân) đều là gốc người Bắc, tránh loạn sang nước ta vào cuối đời Ngũ đại.

<sup>(3)</sup> Chùa Lục Tổ: theo *Đại Nam nhất thống chí* là của Trường Liêu, nơi trụ trì của sư Vạn Hạnh. Khi sư Vạn Hạnh mất, vua thân

đến điều tang, lập đàn siêu độ, cấp cho dân đình để thờ. Theo *Cương mục* tức là chùa Tiêu Sơn ở xã Tiêu Sơn, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, nhưng theo *Thiền uyển tập anh*, truyện thiền sư Thường Chiếu thì chùa Lục Tổ ở hương Dịch Bảng, phủ Thiên Đức. Đời Đường, trưởng lão La Quý An chân nhân đúc tượng sáu tổ bằng vàng để thờ ở đó (truyện La Quý An). Dịch Bảng sau đổi là Đình Bảng. Nay là làng Đình Bảng, Từ Sơn, Bắc Ninh. Sư Vạn Hạnh trụ trì ở chùa Lục Tổ, hương Dịch Bảng (truyện Vạn Hạnh).

<sup>(4)</sup> *Toàn thư*, *Cương mục* gọi là hương Diên Uẩn, thuộc châu Cổ Pháp (huyện Đông Ngạn, Từ Sơn, Thuận Thành, Bắc Ninh). Hương to hơn làng ngày sau. Theo *Thiền uyển tập anh*, hương ấy vẫn tên là Diên Uẩn. Đời Đường niên hiệu Trinh Nguyên (785-805), có thiền sư Định Không làm chùa Quỳnh Lâm, khi đào móng tường, được một bình hương và mười cái khánh. Sư sai người đem rửa, một cái rơi xuống nước, đi đến đất thì dừng lại. Sư tán rằng: "Thập khẩu (十 + 口) là chữ cổ (古); thủy khứ (水去) là chữ pháp (法); thổ (土) là bản thổ của ta". Sư bèn đổi tên hương là Cổ Pháp (古法). Truyện thiền sư Định Không.

<sup>(5)</sup> Chữ "công" này in nhầm, đó chỉ là "dấu nháy" có nghĩa là "như trên". TQV.

<sup>(6)</sup> *Toàn thư* và *Cương mục* chép thêm hai câu nữa trên câu này là:

Đông A nhập địa 東阿入地

Dị mộc tái sinh 異木再生

nghĩa là:

Đông A vào đất

Cây khác mọc lên

và chép sư Vạn Hạnh giải thích rằng "Đông A" là họ Trần (chữ Trần 陳, một nửa là chữ "đông" 東, một nửa là chữ "a" 阿). "Nhập địa" là giặc Bắc phương vào lấn cướp, "Dị mộc tái sinh" là họ Lê lại nổi lên.

Đây chắc là đến đời Lê, người ta thêm hai câu vào trong nguyên văn (như *Việt sử lược* chép), cho hợp với điềm Trần lên, giặc Mông

Cổ (hay giặc Minh) vào cướp; rồi Lê Lợi khởi nghiệp. Như thế bài thơ thành 10 câu, chứ không phải 8 câu (bất cứ) như nguyên văn.

<sup>(7)</sup> Tức là Tiêu Sơn, nơi Vạn Hạnh trụ trì. Chính *Toàn thư* chép Công Uẩn giấu Vạn Hạnh ở Tiêu Sơn. Theo *Thiên uyển tập anh*, truyện thiên sư Định Hương nói sư trụ trì ở chùa Cảm Ứng, núi Ba Sơn, phủ Thiên Đức; truyện thiên sư Viên Chiếu nói thiên sư Định Hương ở núi Ba Tiêu. *Toàn thư* còn chép Ngọa Triều ăn quả khế, thấy có hạt mận (Lý nghĩa là mận), nghĩ đến lời sấm, ngầm tìm người dòng dõi họ Lý giết đi, thế mà Công Uẩn ở ngay bên mình lại không biết.

<sup>(8)</sup> *Toàn thư* chép là "chương minh vạn bang".

<sup>(9)</sup> *Toàn thư* chép là "thần trợ". Theo Ngô Sĩ Liên, *Kinh thư* gọi vua Nghiêu là Phóng huân, vua Thuấn là Trùng hoa. Các đời về sau, quần thần khi dâng tôn hiệu lên vua chỉ đến hơn 10 chữ là nhiều. Thế mà đương thời, quần thần dâng tôn hiệu đến 50 chữ. Đó là vì không kê cứu cổ học mà chỉ vụ xu nịnh vua. Thái tổ nhận mà không từ, là muốn khoe khoang, cho đời sau không ai hơn mình. Thế là có sai vậy" (*Toàn thư* q.1, 34a).

<sup>(10)</sup> Lê Văn Hưu nói rằng: "Nhà Chu Hưng vương, truy phong thì gọi là Đại vương, Vương quý. Nhà Tống xưng đế, truy phong thì gọi là Hi tổ, Dục tổ. Đó là cái nghĩa cha vì con mà được quý. Lý Thái tổ ta đã xưng đế mà truy phong cha là Hiến Khánh vương, đương thời Lễ quan không chữa lại, thế gọi là tự ti vậy" (dẫn ở *Toàn thư*).

<sup>(11)</sup> Xem thế ta thấy rằng ở đời Lý, Nho giáo chưa thâm nhập thực mạnh mẽ vào ý thức hệ của giai cấp phong kiến thống trị như thời sau.

Theo *Toàn thư* và *Cương mục*, riêng người vợ cả (dịch phu nhân) gọi là Lập Giáo hoàng hậu, những đồ ăn mặc và xe đi khác với các bà hậu kia.

<sup>(12)</sup> *Toàn thư* chép thêm: phong chủ làm Vũ Đạo vương, con Vũ Uy vương là Trưng Hiến làm Thái úy, con Dục Thánh vương là Phó làm Tổng quản.

<sup>(13)</sup> *Toàn thư* chép là Đào Thạc Phụ.



(14) *Toàn thư* chép là Phí Xạ Lỗi.

(15) *Toàn thư* chép là Đỗ Giản.

(16) *Toàn thư* chép là chùa Ứng Thiên Tâm.

(17) *Toàn thư* và *Cương mục* chép vào mùa thu, tháng 7.

(18) Chắc là điện Càn Nguyên, chép lầm. *Toàn thư* chép là Càn Nguyên điện, nơi vua coi châu. Đoạn sau *Việt sử lược* cũng chép là Càn Nguyên.

(19) Thông với cung Nghênh Xuân (*Toàn thư*).

(20) Thông với cửa Uy Viễn (*Toàn thư*).

(21) *Toàn thư* chép là điện Cao Minh.

(22) Làm nơi nghỉ ngơi (*Toàn thư*).

(23) Theo *Toàn thư*: "Đằng sau xây hai cung Thúy Hoa, Long Thụy cho cung nữ ở".

(24) Theo *Toàn thư*, chùa Thắng Nghiêm "ở ngoài thành, về phía Nam".

(25) Tức người Mường ở miền Cẩm Thủy, Thanh Hóa. "Vua đem 6 quân đi đánh, đốt bộ lạc của chúng, bắt tên đầu sỏ của chúng rồi về. Giặc bèn bị diệt" (*Toàn thư*).

(26) *Toàn thư* chép là chùa Tứ Đại Thiên Vương, chùa Cẩm Y Long hưng thánh thọ.

(27) Bên đông của sông Lô (tức sông Nhị Hà). *Cương mục* chép là bến sông Phú Lương và chua tức là sông Nhị Hà ở Hà Nội.

(28) Theo *Toàn thư*, hoàng Thái tử Phật Mã được phong làm Khai Thiên vương, ở cung Long Đức.

(29) *Toàn thư* chua: không rõ ngọn núi nào.

(30) "Vua thân chinh đánh Diễn Châu, lúc về đến cửa Biện (Biện Sơn, Thanh Hóa), gặp trời đất tối tăm, gió, sấm chớp âm âm. Vua đốt hương khấn trời rằng: "Tôi là người đức mỏng, thẹn ở trên dân, run run sợ hãi như sắp rơi xuống vực sâu, không dám cậy ở binh uy, đi chinh phạt càn. Chỉ vì người Diễn Châu không theo giáo hóa, làm điều hôn bạo, tàn bạo dân đen, tội ác đầy rẫy, đến nay không thể không đánh dẹp. Đến như trong lúc giao binh, hoặc làm chết uổng người trung hiếu, hoặc lầm lỡ hại người hiền lương, khiến cho

hoàng thiên nổi giận, nêu rõ tội ra. Tôi dù gặp hoạn nạn cũng không dám ân hận gì, nhưng còn sáu quân, tội còn có thể tha thứ được, xin lòng trời soi xét cho". Khấn xong, sấm gió yên ngay" (*Toàn thư* q.2, 5b).

Chắc trong chuyến chinh phạt này, Công Uẩn tàn sát nhân dân rất nhiều, nên khi gặp sóng gió ở cửa Biện, sợ hãi quá mà có lời khấn như vậy.

<sup>(31)</sup> Sách *Toàn thư* chép năm trước (1012), người Man vượt qua cột đồng, đến bến Kim Hoa cùng châu Vị Long buôn bán. Vua sai người đến bắt được người Man và hơn một vạn con ngựa. Đến nay, châu Vị Long làm phản, phụ vào bọn Man. Vua thân đánh dẹp. Thủ lĩnh Hà Trắc Tuấn sợ, đem đồ đảng chạy trốn vào núi rừng.

Châu Vị Long đời thuộc Minh đổi là Đại Man. Nay là đất Chiêm Hóa, Tuyên Quang (theo *Cương mục*).

<sup>(32)</sup> *Toàn thư* chép tướng Man là Dương Trường Huệ, Đoàn Kính Chí đem 20 vạn (?) người vào cướp, đóng ở bến Kim Hoa, sắp xếp quân dinh gọi là trại Ngũ Hoa. Châu mục châu Bình Lâm là Hoàng Anh Vinh làm tờ trạng tâu lên. Vua mới sai Dực Thánh vương đi đánh dẹp. Theo *An Nam chí nguyên*, đây là Man Hạc Giá. Theo *Minh sử*, Năm Chiếu cũng có tên nữa là Hạc Giá (Vân Nam). Theo *Quế hải ngu hành chí* và *Vân đài loại ngữ*, miền Vân Nam có nhiều ngựa tốt, mua bán trao đổi sang cả các miền lân cận.

Bến Kim Hoa: ở huyện Kim Anh, tỉnh Phúc Yên (theo Hoàng Xuân Hãn), nay thuộc Hà Nội.

Châu Bình Lâm: miền huyện Quảng Uyên tỉnh Cao Bằng (theo *Cương mục*).

<sup>(33)</sup> *Toàn thư* chép là "mùa hạ, tháng 4, châu Hoan dâng kỳ lân". Chắc sách *Việt sử lược* in nhầm chữ (Hoan) ra chữ (Li).

<sup>(34)</sup> Phủ Ứng Thiên, thuộc Minh gọi là Ứng Bình, Lê lại gọi Ứng Thiên, Nguyễn là phủ Ứng Hòa, nay thuộc tỉnh Hà Tây.

<sup>(35)</sup> Theo *Việt điện u linh tập* và *Toàn thư*: Vua nhân đi xem xét núi sông, đến bến Cổ Sở, thấy núi sông lạ đẹp, rót rượu xuống nước khấn rằng: "Trẫm thấy nơi đây núi lạ, sông đẹp, chắc là nơi đất

thiên có người tuấn kiệt. Xin hưởng chén rượu này". Đêm đó vua nằm mộng thấy Lý Phục Man hiện ra xưng là tướng của Lý Nam Đế, kể công lao... Vua sai đúc tượng, lập đền thờ ở đó (làng Mễ Sở, huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Tây).

<sup>(36)</sup> *Toàn thư* chép là Nguyễn Đạo Thanh và Phạm Hạp đi sứ Tống.

<sup>(37)</sup> *Toàn thư* chép là Khai Thiên vương (Phật Mã) và Đào Thạc Phụ đem quân đánh Chiêm Thành ở trại Bố Chính, thẳng đến núi Long Trì, chém được tướng nó là Bố Lệnh ở trước trận, quân Chiêm chết quá nửa.

<sup>(38)</sup> Theo *Toàn thư*: Dùng tre kết thành ngọn núi Vạn Thọ nam sơn... lại sai người bắt chước tiếng chim muông làm vui. Tháng 2 năm sau (1022) vua thấy tiết Thiên Thành dựng núi, khó nhọc cho dân nên bãi đi, chỉ bày lễ yến mà thôi.

<sup>(39)</sup> Nguyên bản chép 作大光歷 (Tác đại quang lịch). Chữ trong các từ điển *Khang Hy*, *Từ nguyên*, *Từ hải*... đều không có. *Toàn thư* và *Cương mục* chép: 伐大元歷 (Phạt Đại Nguyên Lịch).

*Toàn thư* chép rằng "Dực thánh vương vào sâu trại Như Hồng trên đất Tống, đốt các kho đạn ở đáy rồi về" và chúa trại Như Hồng giáp Triều Dương của ta. Đại Nguyên Lịch là một giống Man ở khoảng đó. Sau này Trí Cao làm phản giữ châu Thăng Do, gọi là nước Đại Lịch, nghi rằng là đất đó".

Trại Như Hồng thuộc Khâm Châu, giáp giới miền Quảng Yên nước ta. Đại Nguyên Lịch có thể là một giống người Nùng thuộc Khâm Châu.

<sup>(40)</sup> Triều Dương trấn: đời Đường thuộc Lục Châu, Đinh Lê gọi là trấn Triều Dương, nhà Lý đổi làm châu Vĩnh An, Trần là lộ Hải Đông, Lê thuộc An Bang. Nay là đất Hải Ninh, Quảng Yên.

<sup>(41)</sup> *Toàn thư* và *Cương mục* chép là Phong Châu.

<sup>(42)</sup> Châu Đô Kim: nay thuộc huyện Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang.

<sup>(43)</sup> *Toàn thư* chép thêm: Lấy Quân giáp Lý Thái Giai làm chủ trại.

<sup>(44)</sup> Châu Thất Nguyên: nay là đất Thất Khê tỉnh Lạng Sơn.

<sup>(45)</sup> Châu Văn: nhà Lê gọi là châu Văn Uyên. Nay là huyện Văn Uyên tỉnh Lạng Sơn (miền phố Bình Gia).

(46) *Toàn thư* chép: Húy là Phật Mã, có tên là Đức Chính.

(47) *Toàn thư* chép thêm Đông Chinh vương phục binh ở trong Long Thành.

(48) *Toàn thư* chép là "thông huyền".

(49) Theo *Toàn thư*, trước đây Khai Quốc vương Bồ ở phủ Trường An, cậy núi sông hiểm trở, tụ họp bọn vong mạng đi cướp bóc dân, mà Thái tổ không biết. Nghe tin Thái tổ mất, Vũ Đức vương bị giết, Bồ bèn làm phản.

(50) *Toàn thư* chép là *Đinh Ngô Thượng*, cha Đinh hoàng hậu làm Khuông Quốc thượng tướng, đoạn sau lại chép *Ngô Thượng Đinh* làm Thái phó. Không rõ là một người hay hai người?

(51) *Toàn thư* chép Lý Triệt làm Thiếu sư, Lý Mật làm Tả tham tri chính sự.

(52) *Toàn thư* chép là Liêu Gia Trinh.

(53) *Toàn thư* chép là Đào Văn Lôi.

(54) *Toàn thư* chép là "Điện tiền cấm quân".

(55) *Toàn thư* lại chép là: ở đỉnh ngọn giữa dựng núi Trường Thọ, ở đỉnh bốn ngọn tả hữu dựng núi Bạch Hạc.

(56) Lạng Châu nay thuộc vùng Bắc Giang và phần Nam Lạng Sơn. Lạng Châu có động Giáp ở phía Nam ải Chi Lăng, rất to, chúa động họ Giáp, sau đổi ra họ Thân, ba đời làm phò mã.

(57) Giáp Đăn Nãi làm phản, ngày mồng 1 tháng 4 vua thân đi đánh dẹp, hạ được giáp đó, sai quan trung sứ đốc thúc người Đăn Nãi đào cảng (*Toàn thư*), tức là sông Đăn Nãi (*Cương mục*). Ta biết rằng Lê Hoàn (982) đã đào cảng từ núi Đồng Cổ thuộc xã Đan Nê, đến sông Ba Hòa. Nay dân giáp Đăn Nãi lại đào cảng Đăn Nãi. Đăn Nãi có lẽ là Đan Nê, dân Đăn Nãi khơi lại cảng vốn có từ thời Lê Hoàn.

(58) *Toàn thư* chép là chùa Thắng Nghiêm.

(59) *Toàn thư* chép là Long Đỗ các làm nơi nghỉ ngơi.

(60) *Toàn thư* chép xây điện Thiên Khánh ở phía trước điện Trường Xuân, làm nơi thính chính, hình bát giác, trước sau có cầu Phượng Hoàng.

<sup>(61)</sup> *Toàn thư* chép là: Nhân đổi ruộng Ô Lộ là Vinh Hưng. Không rõ Ô Lộ nay ở đâu? *Cương mục* cho là "huyện Đông An tỉnh Hưng Yên có tổng Vinh Hưng, có lẽ là đây chăng?".

<sup>(62)</sup> *Toàn thư* chép xây tự quán ở các hương ấp 950 nơi.

<sup>(63)</sup> Cây sung không mấy khi nở hoa. Khi nào hoa sung nở là "điêm" lạ, tốt!

<sup>(64)</sup> *Toàn thư* chép vua ngự ra hương Tín ở Đỗ Động giang. Sông Đỗ Động phát nguyên từ xã Đan Viên huyện Thanh Oai qua Sinh Quả, chảy đến xã Thượng Cung huyện Thượng Phúc (Thanh Trì) thì hợp với sông Nhuệ (theo *Cương mục*). Sông đó nay đã cạn.

<sup>(65)</sup> *Toàn thư* chép là "nhà nông".

<sup>(66)</sup> *Toàn thư* chép: Vua giao cho Thái tử coi việc nước, thân chinh đi dẹp châu Định Nguyên. Tháng 8 xuất quân, đến châu Chân Đăng (nay là Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ). Đào thị dâng con gái, vua nạp làm phi. Ngày 17 lấy được châu Định Nguyên. Vậy châu Định Nguyên là ở phía trên Lâm Thao. Hoàng Xuân Hãn đoán là miền Yên Bái.

<sup>(67)</sup> Không rõ nay ở đâu. *Toàn thư* chép vua xuất quân tháng 10, tháng chạp thì ban sù.

<sup>(68)</sup> *Toàn thư* chép là chùa Trùng Quang.

<sup>(69)</sup> *Toàn thư* chép là nhà chứa kinh Trùng Hưng.

<sup>(70)</sup> *Toàn thư* chép là Phụng Càn vương. *Việt sử lược* đoạn sau (từ 7b) cũng chép là Phụng Càn vương.

<sup>(71)</sup> *Toàn thư* chép là chợ Tây Nhai.

<sup>(72)</sup> Theo *Toàn thư*, vua trị tội các mục trưởng, sai sứ phủ dụ nhân dân.

<sup>(73)</sup> Theo *Toàn thư*, Thái tử Nhật Trung, đang quyền lưu thủ, kinh sư, sai chạy đường trạm tâu vua rằng nhà sư họ Hồ, Nguyễn Khánh, em nuôi là Đô thống Đàm Toái, em vua là bọn Thắng Càn, Thái Phúc mưu phản, Nguyễn Khánh bị đóng cũi đưa về kinh giết đi.

<sup>(74)</sup> *Toàn thư* chép là công chúa Kim Thành.

<sup>(75)</sup> *Toàn thư* chép thêm: Nhân đổi châu đó gọi là Nghệ An.

<sup>(76)</sup> *Đô Kim*: huyện Hàm Yên, Tuyên Quang. *Thường Tân*: không rõ. *Bình Nguyên*: nhà Lê đổi là Vị Xuyên. Nay là châu Vị Xuyên tỉnh Hà Giang.

*Toàn thư* chép là đạo Lâm Tây (vùng Hưng Hóa, Thanh Hóa), cùng các châu đó làm phản, xâm nhập các châu Tư Lãng... của nhà Tống, cướp trâu ngựa, đốt nhà cửa rồi về. Nhưng theo *Tống sử* thì cả các châu giáp đất Tống như Lạng, Môn, Tô Mậu, Quảng Nguyên, động Đại Phát, huyện Đan Ba cũng đều nổi lên đánh Tống (*Tống sử* q.488), quấy các châu Tư Lãng, Tây Bình, Thạch Tây thuộc Ung Châu. Cầm đầu là họ Thân ở động Giáp, do vua Lý xui đánh Tống. Vì Tống trách nên giả vờ đi dẹp.

<sup>(77)</sup> Nay thuộc xã Kỳ Bó huyện Vũ Tiên (Thái Bình) trước đó còn là cửa biển. Vua sai hữu ti quét đất lập đàn, thân tế Thần nông; sau đó cầm cây toan làm lễ tự cày ruộng. Tả hữu can rằng: "Đó là việc của bọn nông phu, bệ hạ làm việc ấy làm gì". Vua nói rằng: "Trẫm không tự cày thì lấy đâu có xôi tế, lại lấy gì nêu gương cho thiên hạ". Vua đẩy cày ba lần rồi ngừng (*Toàn thư* q.2, 25b).

<sup>(78)</sup> *Toàn thư* chép vào tháng 4 năm sau (1039), 5 người con vua Chiêm Thành là Địa Bà Thích, Lạc Thuấn, Sạ Đâu, La Kế, A Sát Thích tới xin phụ. *Toàn thư* chép đúng hơn, vì chính năm 1039 dẹp được Nùng, Chiêm Thành tới phụ, hai châu Lộng Thạch, Định Biên tâu rằng các châu đó có mỏ bạc, động Vũ Kiến thuộc châu Quảng Nguyên dâng vàng, nên quân thần mới thêm tên hiệu là "Kim dũng, ngân sinh, Nùng bình, Phiên phục".

<sup>(79)</sup> Nùng là một dân tộc đông và mạnh ở rải rác từ miền tả giang hữu giang tỉnh Quảng Tây đến miền Quảng Nguyên, Cao Bằng. Nùng Tôn Phúc là thủ lĩnh châu Thảng Do (miền Trung Thảng, Cao Bằng), giết em là Tôn Lộc, thủ lĩnh châu Vạn Nhai (Vũ Nhai, Thái Nguyên) và em vợ là Đương Đạo, thủ lĩnh châu Vũ Lạc (Cao Bằng) mà xưng đế (*Toàn thư*). Thủ lĩnh châu Tây Nông (Tư Nông, Thái Nguyên) đem việc đó tâu vua.

<sup>(80)</sup> *Toàn thư* chép là nước Trường Sinh.

<sup>(81)</sup> *Toàn thư* chép là bến Lãnh Kinh.

<sup>(82)</sup> *Việt sử lược* chép là: "phân kỳ bộ lạc". *Toàn thư* chép "suất kỳ bộ lạc, huê kỳ thê tử" (thống suất bộ lạc, dất vợ con).

<sup>(83)</sup> *Toàn thư* chép: hoàng hậu, phi tần 13 người, ngự nữ 18 người, nhạc kỹ hơn 100 người.

<sup>(84)</sup> *Toàn thư* và *Cương mục* chép là Uy Minh hầu Nhật Quang.

<sup>(85)</sup> *Toàn thư* chép là Tư Lang (思郎) tức huyện Thượng Lang (Trùng Khánh) và Hạ Lang tỉnh Cao Bằng. Lôi Hỏa ở phía Tây bắc Cao Bằng ngày nay, có sách chép là Hỏa Động ở trên đường quan lộ nối huyện Trùng Khánh (Cao Bằng) với châu Quy Thuận (Trung Quốc).

<sup>(86)</sup> *Toàn thư* chép là cửa biển Kha Lãm (可覽) không rõ nay ở đâu. *Toàn thư* chép tháng 9 năm trước (1041) "vua ngự Khu Lai bắt voi, lại ngự ra Kha Lãm". Kha Lãm có lẽ là miền Quảng Yên. Vua Lý hay ngự ra châu Vĩnh An (Hải Ninh) bắt voi.

<sup>(87)</sup> Là châu Văn chép nhầm chữ "Văn" ra chữ "Giao". *Toàn thư* chép là châu Văn (Phố Bình Gia, Lạng Sơn).

<sup>(88)</sup> Theo *Toàn thư*, bấy giờ việc kiện tụng bẽ bộn, quan lại giữ pháp luật cứ câu nệ vào luật văn, vụ xử khắc nghiệt, thậm chí nhiều người bị oan uổng quá đáng, vua bèn sai san định luật lệnh, tham bác châm chước những điều thích dụng đương thời, sắp xếp thành môn loại, biên chép từng điều khoản làm thành cuốn *Hình thư*. Theo Phan Huy Chú, cuốn *Hình thư* gồm ba quyển, nay thất truyền.

<sup>(89)</sup> Những người già từ 70 đến 80, trẻ con từ 10 đến 15 tuổi, hoặc những người đau yếu, những người có công lớn - trừ khi phạm tội thật ác - đều được lấy tiền chuộc tội (*Toàn thư*).

<sup>(90)</sup> Châu Vũ Ninh, đời Lê trở thành một huyện. Nay là huyện Vũ Giàng, tỉnh Bắc Ninh.

<sup>(91)</sup> *Toàn thư* chép là "Đô ấn".

<sup>(92)</sup> *Toàn thư* chép là ngày Giáp Thìn. Sau đó là ngày Ất Tị. *Việt sử lược* chép nhầm.

<sup>(93)</sup> *Toàn thư* chép thêm: Nhân đổi Đại Ác là Đại An. Nay là xã Quần Liêu, huyện Hải Hậu (trước thuộc huyện Đại An) Nam Định.

(94) *Toàn thư* chép là Ma Cô sơn, có tên khác là núi Lễ Đế ở ngoài biển thuộc huyện Kỳ Anh, Hà Tĩnh.

(95) *Toàn thư* chép là vụng Hà Nã, không rõ ở đâu.

(96) *Toàn thư* chép là cửa Tư Khách. Tư Khách hay Tư Dung nay là cửa Tư Hiền, hẹp và sâu, rất can hệ trong sự hàng hải ngày xưa. Vào khỏi cửa, có một vũng lớn, nay gọi là phá Hà Trung, thông với sông Hương và phá Tam Giang. Bấy giờ chưa có cửa Thuận An.

(97) *Toàn thư* chép là sông Ngũ Hồ. Quân Chiêm bày trận ở bờ Nam. Không rõ sông đó nay ở đâu.

(98) *Toàn thư* và *Cương mục* đều chép: "Đuổi theo chém được 3 vạn thủ cấp".

(99) *Toàn thư* chép là Khuếch Gia Di. *Cương mục* chép là Quách Gia Di.

(100) *Toàn thư* và *Cương mục* đều chép là Sạ Đẩu.

(101) *Toàn thư* chép vua bắt bọn thê thiếp của Sạ Đẩu và các cung nữ giỏi ca múa điệu Tây thiên khúc. Về đến hành điện Ly Nhân (Lý Nhân, Hà Nam) vua sai vờ Mị Ê, phi của Sạ Đẩu sang hầu thuyền ngự. Mị Ê rất phần uất, ngầm lấy chần quán thân, gieo mình xuống sông chết. Nay ở Lý Nhân còn có đền thờ Mị Ê.

(102) *Việt sử lược* có chỗ (q.2, 12a) gọi là quận Gia Lâm. Đời thuộc Minh, châu Gia Lâm là gồm cả miền Bắc Ninh thuộc nam ngạn sông Đuống. Theo *Dư địa chí*, trạm Hoài Viễn ở xã Cự Linh huyện Gia Lâm.

(103) Theo *Toàn thư*, xe Thái Bình, dùng vàng trang sức Bồng la nga (yên voi của Chiêm Thành) dùng voi kéo xe. Ngô Thì Sĩ thì cho rằng: "La Nga là cái bành có mũi đặt trên mình voi, chứ không phải yên voi" (*Đại Việt sử kí*).

(104) Còn các tù nhân Chiêm Thành, cho nhận bộ thuộc và cho đến ở từ trấn Vinh Khang (Tương Dương, Nghệ An) cho đến Đăng Châu (Hưng Hóa), đặt các hương ấp phỏng theo tên cũ của Chiêm Thành (*Toàn thư* q.2, 35b).

(105) *Toàn thư* (q.2, 36b) chép là Bảo Ninh.

(106) *Việt sử lược* chép là 碑候, bi hậu: vô nghĩa. *Toàn thư* và



*Cương mục* chép: 碑 喉, bi hậu: đồng đất đắp bên đường có cắm mốc. Theo *Cương mục*, bảy trạm đều ở Thái Nguyên. Tuyên Hóa: nay là Định Châu. Vinh Thông: nay là Châu Bạch Thông. Cẩm Hóa: nay là huyện Cẩm Hóa. Còn các trạm khác thì không khảo được.

<sup>(107)</sup> Châu Chân Đăng: nay là Lâm Thao (Phú Thọ).

<sup>(108)</sup> Vật Ác: ở phía Tây bắc Cao Bằng, giữa Hỏa Động (nay gọi là Hỏa Động) và An Đức (châu Phi Thuận, Trung Quốc).

<sup>(109)</sup> *Toàn thư* và *Cương mục* chép là Quách Thịnh Dật.

<sup>(110)</sup> *Toàn thư* chép: "Trí Cao hàng". Điều này không đúng vì sau này ta sẽ thấy Trí Cao xưng quốc hiệu, đổi niên hiệu... Ngô Thì Sĩ chữa là "đánh không được" (*Đại Việt sử ký*). Thực ra thì Trí Cao thua chạy sang đất Tống (xem chú thích phần sau).

<sup>(111)</sup> Châu Tây Bình: giáp Lạng Châu của nước ta, gồm tỉnh lý Lạng Sơn và huyện Lộc Bình, phía Đông Lạng Sơn còn có làng Bình Tây, chắc là do Tây Bình đổi ra.

<sup>(112)</sup> *Toàn thư* vì trên đã chép Trí Cao đã hàng rồi nên không hiểu rõ việc này, chỉ chép là "người động Vật Dương làm phản, đánh dẹp được".

Đất Vật Dương, sau Tống đổi làm châu Quy Hóa, nay ở phía Bắc tổng Thông Nông (Cao Bằng) ở vào địa phận châu Quy Thuận và Trấn An, kê phía Bắc các địa phận Sóc Giang và Bảo Lạc trên địa đồ Đông Dương.

<sup>(113)</sup> *Cương mục* cho Ngũ Huyện giang là sông Cà Lồ và H. Maspère (*La géographie politique de l'empire d'Anam sous les Lý, les Trần et les Hồ*, BEFEO XVI) cho Ngũ Huyện giang tức là sông Cầu ngày nay. Ở đây, *Việt sử lược* chép rõ Ngũ Huyện giang thuộc Ái Châu (Thanh Hóa).

<sup>(114)</sup> *Toàn thư* chép là "tùy xa long quân": long quân theo hầu xe. *Toàn thư* chép thêm: "Sai Tả kiêu vệ tướng quân Trần Năm thống lĩnh quân đó". *Cương mục* lại chép việc này vào năm 1045.

<sup>(115)</sup> *Toàn thư* và *Cương mục* chép là Lãm cảng và chua "ở huyện Tống Sơn (nay là Hà Trung - TQV) Thanh Hóa".

<sup>(116)</sup> Tống sợ mất lòng vua Lý nên khước từ việc Trí Cao xin phụ.

(117) Trại Hoành Sơn: tức Diển Châu ngày nay. *Toàn thư* lúc này lại chép: "Trí Cao làm phản...".

(118) Là nước Đại Lý mà *Việt sử lược* chép nhầm. Đại Lý là nước của tộc Thái ở miền Vân Nam, Trí Cao chạy vào đó muốn mua ngựa và mộ quân.

(119) *Toàn thư* và *Cương mục* chép việc này vào tháng 3 năm trước (Nhâm Thìn, 1052).

(120) Đây là sự việc hai năm sau (1005). Đạo Đặc ma là phủ Quảng Nam, miền đông Vân Nam.

(121) Có lẽ là lời chua của Tiên Hi Tộ, người hiệu đính sách này.

(122) *Việt sử lược* chép là 梅氏, *Toàn thư* chép 枚氏.

(123) Nhâm, phải chép là Mai thị.

(124) Sách viết nhầm chữ 傳 ra chữ 薄.

(125) *Toàn thư* chép thêm "đặt quốc hiệu là Đại Việt", từ đời Minh gọi nước ta là Đại Cồ Việt. Nay đổi lại là Đại Việt.

(126) *Toàn thư* chép là Bùi Hựu.

(127) *Toàn thư* (q.3, 1a) chép là tiết Thừa Thiên thánh.

(128) *Toàn thư* chép vào tháng giêng.

(129) *Toàn thư* chép vào tháng 4.

(130) 12 tầng, theo *Toàn thư*. Tức là tháp Báo Thiên. Chùa này thường gọi là chùa Báo Thiên, ở chỗ Nhà thờ lớn Cơ đốc tại Hà Nội ngày nay.

(131) Sách chép nhầm là Thân Ngô.

(132) *Toàn thư* chép là sửa cửa Tường Phù.

(133) Là Đồ Sơn (塗山) chép nhầm, đoạn sau chép đúng là Đồ Sơn. Cửa biển Ba Lộ chắc là cửa Đồ Sơn (cửa Lạch Tray). Tháp Đồ Sơn ở nơi khách sạn lớn tại mỏm núi Đồ Sơn nay.

(134) Theo *Việt điện u linh tập*, Trương Hống có đền thờ "ở cửa sông Nam Bình" nay là ở làng Phượng Nhân huyện Yên Dũng (Bắc Giang) ở Bắc ngạn sông Thương. Vây sông Nam Bình là sông Thương. Lạng Châu là gồm tỉnh Bắc Giang và Nam Lạng Sơn.

(135) Thân Cảnh Nguyên là con Thân Thiệu Thái và công chúa Bình Dương.

(136) Theo *Toàn thư*, vua hạ lệnh cho trăm quan phải "đội phốc đầu, đi hia mỗi được vào châu; đội phốc đầu, đi hia bắt đầu từ đó".

(137) Theo binh chế ngày xưa, cứ 10 người được hợp thành một hỏa.

(138) *Toàn thư* chép là Dương Bảo Tài. Huyện Như Ngao: miền Lộc Bình phía tây Lộc Bình còn có làng Như Ngao.

(139) *Toàn thư* và *Tống sử* chép là Phí Gia Hựu.

(140) Sách viết nhầm chữ hiện ra chữ nhi.

(141) Tiết cổ: dụng cụ hình bàn cờ, ở giữa khoét một lỗ tròn, đặt trống vào đó, khi tấu nhạc thì đánh cho nhịp nhàng.

(142) *Toàn thư* chép là Dâm Đàm, tức là hồ Tây bây giờ.

(143) Châu La Thuận: không rõ ở đâu.

(144) Động Sa Đăng: Theo *Thiên uyển tập anh*, truyện thiên sư Ma Ha có nói: "Su vào Ái Châu, đến trấn Sa Đăng". Vậy Sa Đăng là một miền thiếu số thuộc Thanh Hóa ngày nay, nhưng không biết đích xác là ở chỗ nào.

(145) Tức là Tiêu Sơn, nay thuộc Từ Sơn (Bắc Ninh).

(146) *Toàn thư* (q.2, 27a) chép động Vũ Kiến dâng khối vàng 112 lạng. *Việt sử lược* chép là châu Quảng Nguyên. Vậy động Vũ Kiến (Vũ Kiện) thuộc châu Quảng Nguyên (Cao Bằng).

(147) Huyện Hạ Liên: *Toàn thư* (q.2, 27a) chép huyện Liên có mỏ bạc. Có lẽ huyện Hạ Liên và huyện Liên là một. Huyện ở phía Nam Quảng Nguyên, trên đường Thái Nguyên - Cao Bằng, tức miền Ngân Sơn ngày nay.

(148) Vua đã 40 tuổi chưa có con, đi lễ các chùa khắp nơi để cầu tự. Đến chùa Dâu thuộc làng Siêu Loại (Bắc Ninh) gặp Ý Lan, tuyển làm cung phi, sau sinh ra Càn Đức (Nhân Tông).

(149) Động Ma Sa: miền Đà Bắc tỉnh Hòa Bình (nay là Mai Đà).

(150) Đầm Phù Long: không rõ ở đâu.

(151) *Toàn thư* chép khác: "Ta yêu con ta cũng như lòng ta là cha mẹ yêu dân". *Toàn thư* chép việc này vào tháng 4 năm trước (1064), năm 1065 không chép gì cả.

(152) Từ châu Mường Quán, vùng Sơn La.

(153) Cứu Lạc: không rõ ở đâu.

<sup>(154)</sup> Thái tử Càn Đức sinh ngày 25 tháng giêng, ngày hôm sau được lập làm Hoàng Thái tử, cải nguyên, đại xá, phong Ý Lan phu nhân làm thần phi (quý phi) (*Toàn thư*). Đốt hương Thổ Lỗi thành hương Siêu Loại.

<sup>(155)</sup> Khải Thụy: theo *Cương mục* (q.4) là tên đất. Nay không rõ ở đâu.

<sup>(156)</sup> *Toàn thư* chép 100 bó.

<sup>(157)</sup> Theo *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, dưới triều Lý quan lại không có lương bổng, quan trong triều thỉnh thoảng được vua ban thưởng, ngoại quan được giao cho một làng thu thuế ruộng đất đầm ao. Đến đây, ngục quan mới có bổng thưởng.

<sup>(158)</sup> Chắc là Lý Nhân miên Lý Nhân, Hà Nam.

<sup>(159)</sup> *Toàn thư* chép nhầm là Giáp Thân

<sup>(160)</sup> Kỷ Lang: không rõ ở đâu.

<sup>(161)</sup> Đô Lạp: không rõ ở đâu.

<sup>(162)</sup> *Toàn thư* chép nhầm là Ất Dậu năm thứ 2 hiệu Thiên Huống Bảo Tượng. *Cương mục* chữa lại là Kỷ Dậu. Thần Vũ năm đầu như *Việt sử lược*; nhưng không chép rõ cải nguyên lúc nào. *Toàn thư* chép cải nguyên Thần Vũ sau khi thắng Chiêm Thành.

<sup>(163)</sup> Theo *Việt điện u linh tập*, Lý Thường Kiệt được chọn làm Đại tướng quân, đi tiên phong.

<sup>(164)</sup> *Việt sử lược* chép nhầm, phải là ngày Canh Tuất.

<sup>(165)</sup> Cửa Nam Giới: nay là cửa Sốt, phía Nam Hồng Lĩnh, thuộc địa phận huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh. Bờ nam cửa có núi, nay còn tên núi Nam Giới.

<sup>(166)</sup> Cửa Nhật Lệ hay cửa Đông Hải nay ở huyện Quảng Ninh (Quảng Bình).

<sup>(167)</sup> Theo *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn: từ cửa Nhật Lệ đến cửa Minh Linh (cửa Tùng) có bãi Đại Tràng Sa; từ cửa Việt (Quảng Trị) đến cửa Tư Dung có bãi Tiểu Tràng Sa. Đó là những đồi cát trắng ở dọc bờ biển.

<sup>(168)</sup> Trên đã có ngày Canh Ngọ, theo trật tự can chi, đây phải là ngày Bính Tý. Chắc sách viết lầm chữ Tý ra chữ Ngọ.

(169) Theo *G. Maspéro: Le royaume de Champa*. Theo Hoàng Xuân Hãn (*Lý Thường Kiệt*), đó là cửa Quy Nhơn. Cũng đồng ý như vậy, xem Pelliot, BEFEO IV, 1904.

(170) Theo Hoàng Xuân Hãn, có thể là sông Tam Huyện (sông Tân An tỉnh Bình Định).

(171) *Toàn thư* chép là Chế Củ.

(172) Theo Hoàng Xuân Hãn, có thể là ở trên sông Thạch Yển.

(173) Miền Phan Rang, Phan Thiết ngày nay.

(174) Trên đã có ngày Quý Tị, đây phải là ngày Kỷ Hợi mới đúng.

(175) Cửa Bố Chính: cửa biển sông Gianh, bắc Quảng Bình.

(176) Theo *Toàn thư*, Chế Củ xin dâng đất ba châu Địa Lý, Ma Linh và Bố Chính để chuộc tội, vua bằng lòng, tha cho Chế Củ về nước.

*Địa Lý*: Huyện Lệ Thủy, Quảng Ninh (Quảng Bình).

*Ma Linh*: hay Minh Linh: Minh Linh và Do Linh (Quảng Trị).

*Bố Chính*: Quảng Trạch, Bố Trạch, Tuyên Hóa (Quảng Bình).

(177) Nguyên văn là Xích vũ (赤羽) vô nghĩa. Chắc *Việt sử lược* chép nhầm. *Toàn thư* chép là Xích ế (quảng đỏ). Nay chữa theo *Toàn thư*.

(178) Chắc là để phòng việc cướp chính quyền.

(179) Nguyễn Nhật Thành: là Lý Đạo Thành. Họ Lý phải đổi ra họ Nguyễn, chữ Đạo đổi ra chữ Nhật vì kiêng húy Trần Hưng Đạo. Lý Đạo Thành đang làm Thái sư phụ chánh, nay vì sự tranh giành quyền bính giữa Thái hậu Thượng Dương (Lý Đạo Thành ủng hộ) và Thái phi Ý Lan (Lý Thường Kiệt ủng hộ) mà Đạo Thành bị giáng chức làm Tả gián nghị đại phu, ra coi châu Nghệ An năm 1073 (*Toàn thư*).

(180) Cáp Môn sứ: chức quan đời Tống, coi việc lễ nghi khi triều hội.

*Toàn thư* không chép gì từ tháng tư đến hết năm. Việc rước tượng chùa Pháp Vân, *Toàn thư* chép vào năm sau (Quý Sửu, 1073).

(181) *Toàn thư* chép là năm thứ 2 hiệu Thái Ninh, Thái Ninh năm đầu là năm Nhâm Tý.

(182) *Toàn thư* chép là "sinh mẫu" (mẹ đẻ) thì đúng hơn. Đích mẫu là bà Thượng Dương.

<sup>(183)</sup> *Toàn thư* chép là chim sẻ trắng họp nhau (tập 集) ở cấm đình.

<sup>(184)</sup> Việc quân Lý đánh Khâm, Liêm, Ung, các thư tịch Trung Quốc (*Tục tư trị thông giám trường biên, Lĩnh ngoại đại đáp, Thần Tông thực lục...*) và các sách *Toàn thư, Cương mục* của ta đều chép vào cuối năm Ất Mão (10-1075). *Việt sử lược* chép vào năm Giáp Dần (1074) là nhầm.

<sup>(185)</sup> Khâm Châu bị hạ ngày 30-12-1075, Liêm Châu bị hạ ngày 2-1-1076.

<sup>(186)</sup> Ung Châu bị vây ngày 18-1-1076.

<sup>(187)</sup> Cách Ung Châu 40km về phía Bắc.

<sup>(188)</sup> *Tống sử* chép là hỏa tiễn, tức là một thứ pháo thăng thiên, đốt cháy thang của ta.

<sup>(189)</sup> *Cung thân tí*: bắn một phát được nhiều tên.

<sup>(190)</sup> Ung Châu bị hạ ngày 1-3-1076.

<sup>(191)</sup> *Toàn thư* chép là hơn 5 vạn 8 nghìn người. *Tống sử* chép quân Lý xếp đầu người thành đồng, mỗi đồng 100 đầu, mà có 580 đồng, vậy cũng là 5 vạn 8 nghìn người.

<sup>(192)</sup> Hà đồ: khi Phục Hi làm vua, có con long mã hiện ra trên sông Hồng Hà, lưng có hình vẽ, Phục Hi theo các nét vẽ đó đặt ra Bát quái.

<sup>(193)</sup> Là Triệu Tiết mà *Việt sử lược* chép nhầm ra chữ (Triệu Cao).

<sup>(194)</sup> Ngày 21 tháng chạp (18-1-1077), Quách Quỳ tới sông Phú Lương (sông Cầu). Quân Lý bắt đầu phòng thủ. *Toàn thư* chép vào tháng 3, *Việt sử lược* chép vào tháng 7 đều sai.

<sup>(195)</sup> Theo sách *Đàm phố* của Tôn Thăng đời Tống, Hoàng Chân có nuôi 500 quân đặc biệt, Hoàng Chân đem 400 chiến hạm chở vài vạn quân tiến đánh quân Tống, đổ bộ lên bắc ngạn, bị Tống phản công, phải lui về, bị quân Tống bắn đá như mưa, thuyền đắm. Hai hoàng tử Chiêu Văn và Hoàng Chân bị chết đuối.

<sup>(196)</sup> Nhân Vương là tiếng tôn xưng của Phật.

<sup>(197)</sup> Vùng Na Dương, Đình Lập, An Châu. *Lĩnh ngoại đại đáp* chép là Tô Châu, Mậu Châu.

<sup>(198)</sup> *Toàn thư* chép là ta đòi lại các dân bị bắt là sai, xem *Tống sử*

q.488. Đào Tông Nguyên hẹn trả lại 1.000 quan lại bị bắt ở ba châu Khâm, Liêm, Ung.

<sup>(199)</sup> Có lẽ là sông Chính Đại (Nga Sơn, Thanh Hóa).

<sup>(200)</sup> *Tống sử* (q.488) chép vào năm Kỷ Mùi (1079), ta đưa trả 221 người, Tống trả ta Thuận Châu (tức châu Quảng Nguyên, Tống đổi tên sau khi lấy được).

<sup>(201)</sup> *Toàn thư* chép là điện Hội Long.

<sup>(202)</sup> Lạc thư: khi ông Vũ trị thủy, trên sông Lạc có con rùa hiện ra, trên lưng có văn, có số từ một đến chín. Ông Vũ nhân đó làm thành cửa trù.

<sup>(203)</sup> Tức là chùa Lãm Sơn, ở xã Lãm Sơn, huyện Quế Dương, tỉnh Bắc Ninh.

<sup>(204)</sup> *Toàn thư* chép là mười Hỏa thư gia. *Lịch triều hiến chương*, "Chức quan chí" chép Chư hỏa thư gia, như: Nội hỏa thư gia, Chi hậu thư gia, Nội thư gia, Lệnh thư gia...

<sup>(205)</sup> Nguyên văn "Lãnh dân kính". *Toàn thư* và *Cương mục* chép là "Lãnh Kinh xuyên". Theo Nguyễn Thư Hiền chùa *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi, Lý đào sông Bình Lỗ từ Lãnh Canh đến. Bình Lỗ thông với Bình Than để tiện đi lại ở Thái Nguyên. Ta thấy *Việt sử lược* và *Toàn thư* chép năm 1039 Thái Tông đi đánh Nùng Tôn Phúc ở Quảng Nguyên, qua bến Lãnh Kinh. *Toàn thư* (q.11, 72 a) và *Cương mục* (q.18, 14b) năm 1449 Lê Nhân Tông sai người vét sông Bình Lỗ, từ Lãnh Canh đến cầu Phù Lỗ thông với Bình Than. Sông chảy qua Phù Lỗ (Vĩnh Phúc) tức là sông Cà Lồ nối với sông Cầu để xuống Bình Than (Bàn Than, Quế Dương, Bắc Ninh).

<sup>(206)</sup> Theo Hoàng Xuân Hãn, có lẽ là Thạch Lân ở Cao Bằng.

<sup>(207)</sup> *Toàn thư* (q.3, 12b) chép là "các vương vào châu".

<sup>(208)</sup> *Toàn thư* chép tháng 3, *Việt điện u linh tập* (truyện Mục Thận) chép vào mùa thu.

<sup>(209)</sup> Sách viết: "quả thạch toán cụ", vô nghĩa, chắc là "quả hữu toán cụ".

<sup>(210)</sup> Theo *Việt điện u linh tập* thì vua ngự chiếc thuyền chài có Mục Thận người phường Tây Hồ (ở bờ bắc hồ) đứng đầu mũi quăng

lưới. Thuyền ra giữa hồ, thành linh có mây mù đen tối, nhìn chung quanh không thấy rõ. Bỗng nghe thấy tiếng thuyền chèo vùn vụt, lướt qua mù tối thuyền. *Toàn thư* cũng chép rằng: Vua lấy giáo ném ra, mù tan đi. Trong thuyền thấy con hổ đang nhe răng như muốn cắn. Vua sợ lắm. Mục Thận thấy vậy cũng kêu nguy cấp. Sẵn lưới ở tay, Thận ném vào thuyền kia, bắt được hổ, lại hóa ra Lê Văn Thịnh.

Vua sai lấy dây sắt trói, giam trong cũi. Theo *Toàn thư*, vua thấy Văn Thịnh là một đại thần, có nhiều công lao, không nỡ giết, bèn đày lên một trại ở sông Thao. *Việt điện u linh tập* cũng nói là sông Thao. Riêng *Việt sử lược* chép là sông Lương (sông Chu, Thanh Hóa), có lẽ đúng vì sau này ở làng Phủ Lý (Đông Sơn, Thanh Hóa) có Lê Quát đậu trạng nguyên đời Trần Minh Tông, là dòng dõi Lê Văn Thịnh.

Còn Mục Thận được phong làm Đô úy tướng quân, theo *Toàn thư* Mục Thận còn được ban đất Tây Hồ làm thực ấp (q.3, 13a).

(211), (212), (213), (215) *Toàn thư* không chép.

(214) Núi An Lão, thuộc huyện An Lão tỉnh Kiến An (Hoàng Xuân Hãn). Cũng có thể là núi An Lão ở huyện Bình Lục Hà Nam ngày nay.

(216) *Toàn thư* chép là Long Phù.

(217), (219) Ứng Phong: nhà Trần đổi làm Kiến Hưng, Lê là phủ Nghĩa Hưng. Nay là huyện Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định (*Cương mục* q.4, 7b).

(218) Theo *Toàn thư* (q.2, 24b) tháng 4 năm Bính Tí (1036) "đổi Hoan Châu gọi là Nghệ An". Tên Nghệ An có từ bấy giờ, song mới chỉ là một châu. Nay được nhắc lên hàng phủ.

(220) Thần Cao Mồi hay Tiên Mồi: tế thần để cầu yên.

(221) *Toàn thư* chép "Bạch manh tháp": tháp cột trắng và "Thạch manh tháp": tháp cột đá.

(222) *Toàn thư* không chép.

(223) Bên cạnh An Lão thuộc huyện Bình Lục (Hà Nam).

(224) Cơ Xá, nay thuộc phường Bắc Biên, Long Biên, Hà Nội.



lưới. Thuyền ra giữa hồ, thành linh có mây mù đen tối, nhìn chung quanh không thấy rõ. Bỗng nghe thấy tiếng thuyền chèo vùn vụt, lướt qua mù tối thuyền. *Toàn thư* cũng chép rằng: Vua lấy giáo ném ra, mù tan đi. Trong thuyền thấy con hổ đang nhe răng như muốn cắn. Vua sợ lắm. Mục Thận thấy vậy cũng kêu nguy cấp. Sẵn lưới ở tay, Thận ném vào thuyền kia, bắt được hổ, lại hóa ra Lê Văn Thịnh.

Vua sai lấy dây sắt trói, giam trong cũi. Theo *Toàn thư*, vua thấy Văn Thịnh là một đại thần, có nhiều công lao, không nỡ giết, bèn đày lên một trại ở sông Thao. *Việt điện u linh tập* cũng nói là sông Thao. Riêng *Việt sử lược* chép là sông Lương (sông Chu, Thanh Hóa), có lẽ đúng vì sau này ở làng Phủ Lý (Đông Sơn, Thanh Hóa) có Lê Quát đậu trạng nguyên đời Trần Minh Tông, là dòng dõi Lê Văn Thịnh.

Còn Mục Thận được phong làm Đô úy tướng quân, theo *Toàn thư* Mục Thận còn được ban đất Tây Hồ làm thực ấp (q.3, 13a).

<sup>(211), (212), (213), (215)</sup> *Toàn thư* không chép.

<sup>(214)</sup> Núi An Lão, thuộc huyện An Lão tỉnh Kiến An (Hoàng Xuân Hãn). Cũng có thể là núi An Lão ở huyện Bình Lục Hà Nam ngày nay.

<sup>(216)</sup> *Toàn thư* chép là Long Phù.

<sup>(217), (219)</sup> Ứng Phong: nhà Trần đổi làm Kiến Hưng, Lê là phủ Nghĩa Hưng. Nay là huyện Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định (*Cương mục* q.4, 7b).

<sup>(218)</sup> Theo *Toàn thư* (q.2, 24b) tháng 4 năm Bính Tý (1036) "đổi Hoan Châu gọi là Nghệ An". Tên Nghệ An có từ bấy giờ, song mới chỉ là một châu. Nay được nhắc lên hàng phủ.

<sup>(220)</sup> Thần Cao Mồi hay Tiên Mồi: tế thần để cầu yên.

<sup>(221)</sup> *Toàn thư* chép "Bạch manh tháp": tháp cột trắng và "Thạch manh tháp": tháp cột đá.

<sup>(222)</sup> *Toàn thư* không chép.

<sup>(223)</sup> Bên cạnh An Lão thuộc huyện Bình Lục (Hà Nam).

<sup>(224)</sup> Cơ Xá, nay thuộc phường Bắc Biên, Long Biên, Hà Nội.

(225) Nguyên văn "thượng mộc mã". Lên ngựa gỗ hay lên lừa gỗ (thượng mộc lư): thứ hình phạt thảm khốc thời cổ, đem tội nhân đóng đinh lên tấm ván, đem đi bêu chợ rồi mới đem ra pháp trường tùng xẻo.

(226) Cửu bào: sắc thái lông chim phượng cả thảy có chín chỗ tu lại, gọi là cửu bào (Từ Nguyên).

(227) Tức chùa Sùng Khánh báo thiên ở chỗ Nhà thờ lớn Cơ đốc tại Hà Nội ngày nay.

(228) Sách *Thiền uyển tập anh* (đời Trần), trong truyện Từ Đạo Hạnh cũng chép việc Giác Hoàng tương tự như *Việt sử lược*.

(229) Sau khi Đạo Hạnh được tha, ông xin đến nhà Sùng Hiền hầu, để đầu thai. Ông nấp trong buồng tắm của vợ Sùng Hiền hầu, bà giận mách chồng. Hầu không nói gì. Sau bà có mang, ngày chuyển dạ, theo lời dặn trước, cho người lên chùa Thiên Phúc (chùa Thầy) báo tin cho sư Đạo Hạnh. Đạo Hạnh bèn tắm rửa, thay quần áo, rồi vào hang núi mà chết. Ấy là ngày sinh ra Thần Tông (Dương Hoán) (*Thiền uyển tập anh*). Theo *Toàn thư* (q.3, 16b), đó là vào tháng 6. Thầy Đạo Hạnh không hỏng, dân làng giữ để thờ, đến sau bị quân Minh đốt mất.

(230) Tư Nông, hay Tây Nông, nay thuộc tỉnh Thái Nguyên.

(231) Theo *Toàn thư* "cấm nô bộc các nhà trong ngoài kinh thành không được vẽ mực trên ngực, chân như cấm quân và không được thích hình rồng ở trên người, kẻ nào phạm phải, bị sung công".

(232) Theo *Toàn thư*, vua bắt được tù trưởng động đó là Ngụy Bàng và vài trăm người, thu được nhiều vàng bạc, trâu, dê, sai tướng đi các động chiêu dụ bọn trốn tránh trở về làm ăn, đến tháng chạp vua ban sư về kinh, dâng Ngụy Bàng ở nhà Thái Miếu, khao thưởng tướng sĩ, ban cấp tiền lụa. Đây là một trận đánh lớn, có chuẩn bị chiến hạm, sửa soạn binh giáp, trước khi đi có họp thể quân nhân ở Long Trì và vua hạ chiếu xuất quân, đem cả sáu quân đi đánh (q.3, 20).

(233) "Sai cung nữ múa ở trên để dâng rượu" (*Toàn thư*).

(234) Theo *Toàn thư*, trong chuyến đi hành cung Ứng Phong

(Nghĩa Hưng, Nam Định), vua sai xây Phi kiều qua sông Bà Thích. Vậy sông Bà Thích có lẽ là con sông Nam Bình nối sông Hồng và sông Đáy, chảy qua huyện Nghĩa Hưng.

<sup>(235)</sup> *Toàn thư* chép là đài Tử Tiêu.

<sup>(236)</sup> *Toàn thư* chép vua từ hành cung Ứng Phong (Nam Định) đi đến hành cung Lệ Nhân (Hà Nam), rồng vàng hiện ở hành cung (Lệ Nhân), đến tháng 10 vua mới lại ra Ứng Phong coi gặt.

<sup>(237)</sup> *Toàn thư* chép là Trung thư thừa và chép vào tháng giêng.

## HẾT QUYỂN II

# VIỆT SỬ LƯỢC

## QUYỂN III

### THẦN TÔNG

Thần Tông húy là Dương Hoán, cháu vua Thánh Tông, con Sùng Hiền hầu, mẹ là Đỗ thị. Năm lên ba tuổi<sup>(1)</sup>, vua Nhân Tông nuôi ở trong cung, lập làm Thái tử. Tháng chạp năm đầu hiệu Thiên Phù Khánh Thọ (1127), vua lên ngôi ở trước linh cữu, mai táng vua Nhân Tông ở điện Hồ Thiên. Ngày Quý Mùi, làm lễ thành phục (chịu tang); ngày Ất Dậu, vua ngự coi triều ở điện Thiên An. Ngày đó, làm lễ trừ phục (bỏ tang), nhân đó vua ra Na Ngạn<sup>(2)</sup> xem các cung nữ lên hỏa đàn chết theo vua Nhân Tông.

*Năm Mậu Thân, hiệu Đại Thuận<sup>(3)</sup> năm đầu (1128).*

Ngày Tân Mão, vua xuống chiếu lấy ngày đó làm ngày quốc tang, cấm người trong nước không được cưới ngựa.

Ngày Canh Tý, vua bắt đầu ngự ra nhà giảng học.

Lấy Vũ vệ Lê Bá Ngọc làm Thái úy, Nội nhân hỏa đầu Lưu Ba, Dương Nhĩ<sup>(4)</sup> làm chức Thái phó, Trung thừa Mâu Đô Du<sup>(5)</sup> làm Giám nghị đại phu.

Ngày Quý Mão, vua sai người đem thư sang Tống báo

tin việc tang vua Nhân Tông và việc vua mới lên ngôi. Lúc bấy giờ vua Tống Cao Tông chạy loạn người Kim đã sang sông (Dương Tử giang), đóng đô ở Lâm An.

Chân Lạp đến cướp ở châu Nghệ An.

Ngày Ất Sửu, triều thần dâng tôn hiệu là Thuận Thiên quảng vận, khâm minh, nhân hiếu hoàng đế.

Ngày Canh Ngọ, vua ngự điện Thiên An, họp người trong nước thể ở sân Long Trì.

Tháng 2, Chân Lạp đến cướp ở Nghệ An, vua sai Thái phó Nguyễn (Lý) Bình Công<sup>(6)</sup> đi đánh dẹp, bắt được tướng của nó rồi về.

*Năm Kỷ Dậu, hiệu Đại Thuận năm thứ 2 (1129).*

Mùa xuân. Tháng giêng, mở hội khánh thành 84.000 bảo tháp ở gác Thiên Phù.

Ngày Giáp Ngọ, vua tôn cha là Sùng Hiền hầu làm Thái thượng vương (Thái thượng hoàng), mẹ là Đỗ thị làm Thái hậu, ở tại cung Động Nhân.

Mùa thu, tháng 7, đèn ở bàn thờ vua Nhân Tông sinh ra hai ngọn.

Rắn thanh trúc quán ở ngai báu.

*Năm Canh Tuất, hiệu Đại (Thiên) Thuận năm thứ 3 (1130).*

Mùa hạ, tháng 5, có người dâng vua chim trĩ trắng.

Thái thượng vương mất, đặt tên thụy là Cung vương.

Tháng 6, hạn hán. (Vua) làm lễ cầu đảo liền mưa.

Chiêm Thành tới cống.

Đua thuyền.

Vua sai sứ sang Tống.

*Năm Tân Hợi, hiệu Đại Thuận năm thứ 4 (1131).*

Mùa xuân, tháng 3, vua xuống chiếu cấm gia nô không được lấy con gái nhà bách tính<sup>(7)</sup>.

Tống Cao Tông phong cho vua làm Quận vương.

*Năm Nhâm Tý, hiệu Đại Thuận thứ 5 (1132).*

Mùa xuân, tháng 3, rồng vàng hiện ở cung Lệ Quang.

Mùa thu, tháng 8, Chân Lạp, Chiêm Thành đến cướp châu Nghệ An. Vua xuống chiếu sai Thái úy Dương Anh Nhĩ đi đánh, thắng được.

Nguyễn Thừa Ân<sup>(8)</sup> đi sứ sang Tống.

*Năm Quý Sửu, hiệu Thiên Chương Bảo Tự năm đầu (1133).*

Mùa xuân, tháng giêng, cải nguyên.

Tháng 2, đèn diên mệnh ở điện Đại Minh có hoa đèn, cây phướn quý múa.

Ngựa mọc cựa.

Mùa hạ, tháng 6, rồng vàng hiện ở điện Vĩnh Quang<sup>(9)</sup>.

Mùa đông, tháng 10, làm quán Diên Sinh ngũ nhạc.

*Năm Giáp Dần, hiệu Thiên Chương Bảo Tự năm thứ 2 (1134).*

Mùa xuân, tháng 2, Chân Lạp, Chiêm Thành tới cống.

Từ mùa xuân đến mùa hè không mưa.

Mùa đông, tháng chạp, cây khô ở Cổ Pháp đương sinh hoa.

*Năm Ất Mão, hiệu Thiên Chương Bảo Tự năm thứ 3 (1135).*

Mùa xuân, tháng giêng, chuông đồng xưa xuất hiện.

Rùa thần xuất hiện, ngực có bốn chữ "Nhất thiên vĩnh thánh".

*Năm Bính Thìn, hiệu Thiên Chương Bảo Tự năm thứ 4 (1136).*

Mùa xuân, tháng 2, có động đất ở châu Nghệ An, nước sông đỏ như máu.

Tháng 9, vua xuống chiếu cho trong ngoài kinh thành cứ ba nhà họp thành một bảo<sup>(10)</sup>.

Tướng Chân Lạp là Tô Phá Lăng<sup>(11)</sup> đến cướp châu Nghệ An. Vua sai quan thái phó Nguyễn (Lý) Công Bình đi đánh bại được.

*Năm Đinh Tị, hiệu Thiên Chương Bảo Tự năm thứ 5 (1137).*

Mùa hạ, tháng 5, nội nhân là Ngô Viêm<sup>(12)</sup> dâng một khối vàng nặng 66 lạng.

Mùa thu, tháng 9, vua mệt, mất ở điện Vĩnh Quang, thọ 21 tuổi, ở ngôi 10 năm, miếu hiệu là Thần Tông, cải nguyên hai lần, táng ở phủ Thiên Đức.

## ANH TÔNG

Anh Tông húy là Thiên Tộ, con thứ hai vua Thần Tông, mẹ là Cảnh Thánh phu nhân, họ Lê. Vua là người sống mũi cao, mặt rộng, nhân từ, khoan thứ, tuổi mới lên 3, lên ngôi ở trước linh cữu. Quần thần dâng tôn hiệu là: Thể thiên, thuận đạo, duệ văn, thần vũ, thuần nhân, hiển nghĩa, huy mưu, thánh trị, ngự dân, dục vật, quần linh, phỉ ứng, đại minh, chi hiếu hoàng đế; cải nguyên, lấy hiệu Thiên Chương Bảo Tự năm thứ 5, mùa thu, tháng 9 làm hiệu Thiệu Minh năm đầu, tôn Cảnh Thánh phu nhân làm Thái hậu.

Rồng vàng bay vào trong thành.

Mùa đông, tháng 10, ngày Kỷ Dậu, ban đêm rồng vàng từ cung Thái Thanh bay vào trong cấm nội.

Ngày Ất Mão, họp người trong nước thể ở sân Long Trì.  
*Năm Mậu Ngọ, hiệu Thiệu Minh năm thứ 2 (1138).*

Mùa hạ, tháng 4, lấy ngày sinh của vua làm tiết Thọ Minh.

Tổng Cao Tông phong cho vua làm Quận Vương.

Lập một bà Hoàng hậu.

*Năm Kỷ Mùi, hiệu Thiệu Minh thứ 3 (1139).*

Ông Thân Lợi<sup>(13)</sup> tự xưng là con vua Nhân Tông, giữ châu Thượng Nguyên<sup>(14)</sup> làm phản, tiến hiệu là Bình Hoàng đế, có đảng chúng hơn một nghìn người. Tháng 2, vua xuống chiếu sai Gián nghị đại phu là Lưu Vũ Xưng đi dẹp, bị Lợi đánh bại, Lợi ra giữ châu Tây Nùng<sup>(15)</sup>, đánh phá phủ Phú Lương<sup>(16)</sup>, muốn tiến về kinh sư. Vua sai Thái úy Đỗ Anh Vũ đi đánh dẹp, tới Khoáng Dịch<sup>(17)</sup> gặp quân Lợi, đánh nhau lớn. Quân Lợi thua to, số người chết không thể đếm được. Lợi chạy đến châu Long Lệnh<sup>(18)</sup>. Tháng 10, Anh Vũ đánh châu Long Lệnh, phá được, bắt tù hơn hai nghìn người. Lợi chạy đến Lạng Châu bị Thái phó Tô Linh Thành<sup>(19)</sup> bắt, sống đưa về kinh sư chém đầu.

*Năm Canh Thân, hiệu Đại Định năm đầu (1140).*

Tháng giêng, cải nguyên.

Tháng 2, có người dâng con cóc trắng.

Mùa đông, tháng 12, vua xuống chiếu định rằng các ruộng cày cấy được đã bán trong vòng 20 năm thì cho phép chuộc lại, phạm những ruộng đất tranh chấp đã ngoài 50 năm (có thể 5 hoặc 10 năm) thì không được thừa kiện nữa, những ruộng đất đã bán có văn khế thì không được chuộc lại<sup>(20)</sup>.



Từ mùa xuân đến mùa hạ không mưa. Vua làm lễ cầu đảo, bèn mưa.

*Năm Tân Dậu, hiệu Đại Định năm thứ 2 (1141).*

Mùa thu, tháng 8, ngày Bính Dần, rồng vàng hiện ra ban đêm ở cây chanh, sau điện Vĩnh Thọ.

*Năm Nhâm Tuất, hiệu Đại Định năm thứ 3 (1142).*

Mùa xuân, tháng 2, thủ lĩnh châu Phú Lương<sup>(21)</sup> là Dương Tự Minh lấy công chúa Thiều Dung.

Tháng 2, có con ngựa bốn chân đều mọc cựa.

Mùa hạ, tháng 5, Thái úy Đỗ Anh Vũ dâng con rùa trắng, Mâu Đô Du dâng con sẻ trắng. Vua cho Đô Du làm Thái su<sup>(22)</sup>.

*Năm Quý Hợi, hiệu Đại Định năm thứ 4 (1143).*

Mùa hạ, tháng 4, có người dâng rùa sáu mắt, ngực có bốn chữ "dĩ hành pháp công"<sup>(23)</sup>.

Mùa thu, tháng 8, tên yêu nhân nhà Tống là Đàm Hữu Lượng vào châu Tư Lang (miền Trùng Khánh), Hạ Lang, giáp Quảng Uyên, Cao Bằng) tự hiệu là Lữ tiên sinh<sup>(24)</sup>, đem quân cướp châu Quảng Nguyên (Quảng Uyên, Cao Bằng)<sup>(25)</sup>.

Làm cung Quảng Từ, Thái hậu ở cung đó.

Mùa hạ, có mưa dầm. Lễ cầu đảo đã có hiệu nghiệm.

Rồng vàng hiện ở điện Vĩnh Thọ.

*Năm Giáp Tý, hiệu Đại Định năm thứ 5 (1144).*

Mùa hạ, tháng 4, sao chổi hiện ra.

Mùa thu, tháng 7, làm kho Thiên Tư, có sáu nơi.

*Năm Ất Sửu, hiệu Đại Định năm thứ 6 (1145).*

Mùa thu, tháng 8, có con voi phát ra tia sáng. Quân thần dâng biểu chúc mừng.

Tháng 9, có người dâng con quạ trắng.

Thái hậu mất, đặt tên thụy là Chiêu Hiếu.

Thư gia là Nguyễn (Lý) Chiêu dâng con quạ trắng.

*Năm Bính Dần, hiệu Đại Định năm thứ 7 (1146).*

Mùa xuân, tháng 2, vua ngự ra Bội Nhân (Lị Nhân)<sup>(26)</sup>  
cày ruộng tịch điền.

*Năm Đinh Mão, hiệu Đại Định năm thứ 8 (1147).*

Mùa hạ, tháng 4, vua ngự ra sân Long Trì xem bắt voi.

*Năm Mậu Thìn, hiệu Đại Định năm thứ 9 (1148).*

Mùa xuân, tháng 2, có người dâng con ngựa đỏ mọc cựa.

Mùa thu, tháng 9, Chân Lạp đến cướp châu Nghệ An<sup>(27)</sup>.

Vua xét án quan Thái úy Đỗ Anh Vũ, đày Anh Vũ làm Thăng điền hoành. Xưa vua còn nhỏ tuổi, chính sự bất kì lớn nhỏ đều giao cho Anh Vũ. Anh Vũ lại tư thông với bà Thái hậu<sup>(28)</sup>, do đó càng kiêu căng bừa bãi, ở chốn triều đình thì giơ tay thét lớn, sai khiến quan lại chỉ nhếch mép ra hiệu, mọi người đều lấm lét không dám nói. Bọn phò mã Dương Tự Minh cùng Điện tiền chỉ huy sứ là Vũ Đái đem quân sĩ tới ngoài cửa Việt Thành hô to lên rằng: "Anh Vũ ra vào nơi cung cấm, làm nhiều điều ô uế, tiếng lan ra cả bên ngoài. Bọn thần xin trừ đi, chớ để lo về sau". Nhân đó bắt Anh Vũ trói ở hành lang Cụ thánh<sup>(29)</sup>. Thái hậu sai người đem cơm rượu cho Anh Vũ, lại ngầm lấy vàng đút lót bọn Đái. Lúc bấy giờ viên Cụ thánh Đô hỏa đầu<sup>(30)</sup> là Nguyễn Dương nói với bọn ấy rằng: "Các người muốn tham của đút ấy thì ta cùng các người tất không thoát khỏi tay Anh Vũ. Chi bằng giết nó đi để ta khỏi lo". Dương cầm giáo toan đâm Anh Vũ. Viên Tả cụ thánh là Đàm<sup>(31)</sup> bèn cướp lấy giáo của Dương bắt

ngừng lại mà nói rằng: "Quan điện tiên bảo tôi rằng tội Anh Vũ tuy đáng chết nhưng trước hết phải xin mệnh trên"; Dương giận dữ mắng rằng: "Điện tiên là Vũ Cút<sup>(32)</sup> chứ không phải Vũ Đái! Sao lại tham của người mà không ngó ngang tới công nghị?". Nói xong Dương đâm đầu xuống giếng chết. Anh Vũ bị tội; Thái hậu lo buồn thương xót, nghĩ cách để phục chức cho Anh Vũ. Dần dà Anh Vũ được xá tội, lại làm Thái úy, phụ chính như cũ mà lòng tin dè dặt của vua đối với Anh Vũ lại càng tăng lên. Do đó Anh Vũ được quyền thiên tiện ban phúc giáng họa, thường muốn tìm cách báo oán trước, bèn tự mình lấy hơn một trăm người đặt làm đô Phụng Vệ<sup>(33)</sup>. Phàm ai có tội, Anh Vũ liền sai đô bản vệ đi bắt. Anh Vũ ngầm nói với vua rằng: "Trước đây bọn Đái tự tiện đem binh vào cấm đình, tội chúng không gì to bằng, xin trừ đi". Vua nghe lời tâu đó, Anh Vũ bèn sai Phụng Vệ đi bắt bọn Đái giao cho các quan xét xử. Án thành, vua xuống chiếu giáng Tri Minh vương xuống tước hầu<sup>(34)</sup>, bọn nội thị Đỗ Át năm người phải "lên ngựa gỗ" (mà chết), bọn tám người Ngọc gia hỏa đầu bị chém ở Tây thị (chợ Tây), bọn Điện tiên chỉ huy sứ Vũ Đái hai mươi người bị bêu đầu ở chỗ Giang Đầu, bọn phò mã Dương Tự Minh ba mươi người bị đày đi nơi nước độc, bọn còn lại đều bị đày làm điền hoành, khao giáp. Quả đúng như lời Nguyễn Dương đã nói.

Năm đó, cấm bọn quan thị canh cửa không được tự tiện vào cung<sup>(35)</sup> các quan ở triều không được đi lại nhà các vương hầu<sup>(36)</sup>, những người nào phạm vào địa phận của đô Phụng Vệ bị phạt 80 trượng, ai đi vào trong hành lang bị tội chết<sup>(37)</sup>.

Viên Trung thư hỏa là Nguyễn Bá dăng con kì lân đỏ.

Mùa hạ, hạn hán, làm lễ cầu đảo thì mưa.

*Năm Kỷ Tị, hiệu Đại Định năm thứ 10 (1149).*

Mùa hạ, tháng 5, một gốc cau sinh ra hai mươi tám cây (nhánh).

Mùa thu, tháng 8, vua ngự ra cung Quảng Từ xem đua thuyền.

*Năm Canh Ngọ, hiệu Đại Định thứ 11 (1150).*

Mùa xuân, tháng 2, có người dâng con rùa sáu mắt, ngực có bốn chữ lối trứu văn<sup>(38)</sup> là "vương dĩ bát vạn".

Mùa hạ, tháng 4, ngày sóc (ngày mồng một), có động đất.

Tháng 5, trời mưa ra cát vàng.

Mùa đông, tháng 10, có kì Điện thí.

Người Chiêm Thành là Ung Minh Điệp<sup>(39)</sup> sang châu xin vua phong mệnh. Vua sai Nguyễn (Lý) Mông đem 5.000 quân sang Chiêm Thành.

Ung Minh Điệp làm vua Chiêm Thành.

*Năm Tân Mùi, hiệu Đại Định năm thứ 12 (1151).*

*Năm Nhâm Thân, hiệu Đại Định năm thứ 13 (1152).*

Mùa xuân, tháng giêng, rợ núi (sơn lão) ở Chàng Long làm phản<sup>(40)</sup>.

Rợ núi ở Đại Hoàng<sup>(41)</sup> là Nùng Khả Lai làm phản, vua thân chinh đi đánh.

Tháng 9, xây đàn Hoàn Khâu ở cửa Nam thành<sup>(42)</sup> để làm nơi tế trời.

Chế-bì-la-bút của Chiêm Thành tới cống<sup>(43)</sup>.

*Năm Quý Dậu, hiệu Đại Định năm thứ 14 (1153).*

Mùa thu, tháng 8. Đua thuyền.

Lụt. Động đất.

Mùa đông, tháng 10, ngôi sao Tuế Tinh phạm vào ngôi sao Thái Bạch.

Tháng 11, Chiêm Lạp tới cổng<sup>(44)</sup>.

Tháng chạp, động đất.

*Năm Giáp Tuất, hiệu Đại Định năm thứ 15 (1154).*

Mùa xuân, tháng 3, trời mưa ra cát vàng.

Mùa đông, tháng chạp, kho nhà vua bốc cháy.

Giá gạo cao vọt lên<sup>(45)</sup>.

Làm cung Ngự Thiên<sup>(46)</sup>, gác Diên Phú, đình Thượng Hoa.

*Năm Ất Hợi, hiệu Đại Định năm thứ 16 (1155).*

Tống Cao Tông phong cho vua làm Nam Bình vương.

Lúc bấy giờ vua lại sai viên Ngoại lang<sup>(47)</sup> Nguyễn Quốc Dĩ đem đồ lễ vật sang Tống. Tống Cao Tông cho vua áo, đai, yên, ngựa.

*Năm Bính Tí, hiệu Đại Định năm thứ 17 (1156).*

Mùa thu, Đỗ Anh Vũ dâng vua con công (khổng tước) trắng.

Mùa đông, tháng 10, xây hành cung ở Quốc Oai<sup>(48)</sup> và đền thờ Khổng Tử.

Tháng 11, xây hành lang dài từ cửa Thiên thu tới lầu Khách (Khách lâu).

Tống Cao Tông gia phong cho vua chức Kiểm hiệu Thái sư<sup>(49)</sup>.

*Năm Đinh Sửu, hiệu Đại Định năm thứ 18 (1157).*

Mùa hạ, tháng 6, ngày Ất Mùi, mặt trời mặt trăng đánh nhau.

Vua xuống chiếu định một số điều luật lệnh mới: các Điện tiền sứ và các quan chức Đô hỏa đầu không được phục dịch cho các tư gia, ai vi phạm việc đó bị đánh 80 trượng.

Các hạng người (sắc nhân) ai mặc áo đơn xanh bị đánh 80 trượng, dày làm khao giáp. Các nhà quyền thế không được thiện tiện thu nạp các hạng người bách tính.

Các vương hầu ban đêm không được đi lại vào trong thành. Các gia nô của vương hầu không được thích hình con rồng ở trên ngực.

Mùa thu, vua ngự ra hành cung Thanh Hải.

Cá lớn hiện ra ở bến Đông Bộ, hình giống như con trâu.

*Năm Mậu Dần, hiệu Đại Định năm thứ 19 (1158).*

Mùa hạ, tháng giêng, viên Tả ti Nguyễn Quốc Dĩ đi sứ nhà Tống về tâu rằng: "Thần đến nước Tống thấy ở giữa sân có cái hòm bằng đồng để thu nạp những tờ sớ của bốn phương. Thần xin bệ hạ phỏng theo cách làm đó để thấu rõ được dân tình". Vua lấy làm phải, sai làm hòm để ở trước triều đình, xuống lệnh rằng: "Ai muốn nói việc gì thì làm giấy bỏ vào hòm đó". Khoảng chừng một tháng các thư sớ đã đầy hòm. Có một tờ thư nặc danh bỏ trộm vào hòm nói rằng: "Thái úy Đỗ Anh Vũ định đem binh vào cung làm loạn". Kẻ được thư đó đưa Anh Vũ. Anh Vũ nói rằng: "Ông vì ta tâu vua xin xét việc đó". Đã lâu không tìm ra kẻ viết tờ thư đó, Anh Vũ bèn tâu vua rằng: "Thư ấy tất do người xướng xuất ra việc làm hòm viết". Vua lấy làm phải, sai bắt Quốc Dĩ và em là Nghi giao cho quan xét xử, bày đặt buộc tội cho Quốc Dĩ rồi dày Quốc Dĩ lên trại Quy Hóa<sup>(50)</sup>. Được ít lâu, vua định triệu<sup>(51)</sup> Quốc Dĩ về, Anh Vũ sai người đem thuốc độc đưa cho Quốc Dĩ, nói rằng: uống thuốc này thì có thể tránh được chướng khí. Quốc Dĩ biết rằng không thể thoát được, bèn uống thuốc mà chết.

Mùa đông, tháng 10, dựng chùa Chân Giáo.

Vua xuống chiếu lấy vàng ở trong kho, thếp tượng Phạn vương, Đế Thích đem đặt ở hai chùa Thiên Phù, Thiên Hựu.

*Năm Kỷ Mão, hiệu Đại Định năm thứ 10 (1159).*

Vua xuống chiếu cho các chức Nội minh tự và Đại liêu ban xưng hô là Thái phó; Lang tướng, Thượng chế, Sùng ban, Cung phụng, Thị cấm, Điện trực xưng hô là Thái bảo; người không chức quan gọi là Quản giáp; Chi hậu, Hỏa đầu xưng hô là Phụng ngự; Tảo hoành gọi là Chủ đô.

Cột ở hai chùa Thiên Phù, Thiên Hựu chảy ra máu.

*Năm Canh Thìn, hiệu Đại Định năm thứ 21 (1160).*

Dựng đền Hai Bà và đền Xuy Vưu<sup>(52)</sup> ở phường Bố Cái.

Chiêm Thành tới cống.

*Năm Tân Tị, hiệu Đại Định năm thứ 22 (1161).*

Mùa thu, tháng 7, dựng chùa Pháp Vân ở Cổ Châu<sup>(53)</sup>.

Thái hậu mất, đặt tên thụy là Linh Chiêu.

Trường Bình Long<sup>(54)</sup> làm phản. Vua sai quan Thiếu sư Phi Công Tín đi đánh, phá được.

*Năm Nhâm Ngọ, hiệu Đại Định năm thứ 23 (1162).*

Vua xuống chiếu định rằng các người từ 60 tuổi trở lên thì gọi là lão liệt (già yếu không làm được gì), từ 17 đến 19 là bậc thứ hai (đệ nhị đẳng), từ 16 tuổi trở xuống gọi là hoàng nam.

Vua xuống chiếu bắt những kẻ tự hoại bị phạt 80 trượng, thích 23 chữ vào bả vai bên trái, bắt về thứ hạng cũ.

Tháng trọng hạ (tháng 5), động đất.

Mùa thu, xây đài Chúng Tiên, tầng trên dùng ngói bằng vàng, tầng dưới dùng ngói bằng bạc.

*Năm Quý Mùi, hiệu Chính Long Bảo Ứng năm đầu (1163).*

Tháng giêng, cải nguyên.

Cấm mọi người không được đeo đồ trâm châu giá.

Tháng 5, Tống Hiếu Tông lên ngôi, sai người đem lễ vật và quốc thư tới Khâm Châu. Vua (ta) sai sứ sang đón.

*Năm Giáp Thân, hiệu Chính Long Bảo Ứng năm thứ 2 (1164).*

Mùa xuân tháng 3, sửa chữa lại điện Thiên An.

Dân man Lộng Lạc ở Mang Quán giang (Mường Quán, Sơn La) làm phản. Vua sai Tô Hiến Thành đi dẹp phá được.

*Năm Ất Dậu, hiệu Chính Long Bảo Ứng năm thứ 3 (1165).*

Mùa xuân, xây dài đèn Quảng Chiếu Diên Mệnh.

Mùa thu, thi học sinh. Vua xuống chiếu dời Đại La thành ở cửa Triều Đông lùi vào 75 thước, xây bằng gạch đá để tránh nước sông vỡ lở.

Chiêm Thành tới cống.

*Năm Bính Tuất, hiệu Chính Long Bảo Ứng năm thứ 4 (1166).*

Mùa xuân, tháng 3. Vua ngự ra cung Cảnh Linh xem tắm Đạo. Lễ tắm Đạo là bắt đầu từ đó.

Con rùa sáu mắt, chữ ngọc, văn xanh xuất hiện. Lại có người dâng con rùa đỏ sáu mắt, gáy có văn đỏ, dưới bụng có đủ năm màu sắc, đầu cái đuôi có cựa.

Có người dâng con công vừa trắng vừa đen.

Mùa đông, viên Đại liêu Nguyễn An dâng con rùa sáu mắt, ngọc có 7 chữ "thiên tử vạn thế, vạn thế thế".

Có người dâng con quạ trắng.



*Năm Đinh Hợi, hiệu Chính Long Bảo Ứng năm thứ 5 (1167).*

Sửa chữa lại cửa Đại Hưng.

Công chúa Thiên Cực gả về cho châu mục Lạng Châu là Hoài Trung hầu.

*Năm Mậu Tí, hiệu Chính Long Bảo Ứng năm thứ 6 (1168).*

Có người dâng hoa ưu đàm (hoa sung).

*Năm Kỷ Sửu, hiệu Chính Long Bảo Ứng năm thứ 7 (1169).*

*Năm Canh Dần, hiệu Chính Long Bảo Ứng năm thứ 8 (1170).*

Tháng quý hạ (tháng 6), cung Nghêh Thiêm phát hỏa.

Chiêm Thành tới cống.

*Năm Tân Mão, hiệu Chính Long Bảo Ứng năm thứ 9 (1171).*

Bỏ lễ tắm Đạo.

Điện Vĩnh Quang tự nhiên chuyển động.

Tháng mạnh hạ (tháng 4), vua hạ chiếu sửa sang miếu Văn Tuyên vương (miếu thờ Khổng Tử) và đền Hậu thổ.

Xây gác Thái Bạch.

Mùa thu, tháng 7, động đất.

*Năm Nhâm Thìn, hiệu Chính Long Bảo Ứng năm thứ 10 (1172).*

Mùa đông, xây đền thờ Trinh Linh phu nhân ở phía ngoài cầu Tây Dương.

*Năm Quý Tị, hiệu Chính Long Bảo Ứng năm thứ 11 (1173).*

Sửa chữa lại cầu Thái Hòa.

Tống đưa thư mua voi để đủ đồ nghi vệ tế Nam Giao. Vua sai Đại liêu ban là Doãn Tử Xung đem 10 thớt voi sang Tống.

*Năm Giáp Ngọ, hiệu Thiên Cảm Chí Bảo năm đầu (1174).*

Tháng giêng (*Toàn thư* chép tháng hai), cải nguyên.

Tống cho gọi nước Việt ta là "An Nam quốc", phong cho vua ta làm quốc vương. Lập quốc hiệu cũng bắt đầu tự bấy giờ<sup>(55)</sup>.

Giáng Thái tử Long Xưởng xuống làm Bảo Quốc vương, lập Long Cán làm Thái tử. Long Xưởng có tính hiếu sắc; trong cung có những cung nữ được vua yêu dấu, Long Xưởng đều tư thông với họ. Vua lại ghét Long Xưởng vô lễ. Bà nguyên phi là Từ thị được vua yêu, hoàng hậu bèn sai Long Xưởng ngấm dỏ ngón tư tình để mê hoặc Từ thị, muốn cho bà Từ thị bị vua xa lánh. Từ thị đem hết việc đó tâu vua, vua nhân đó giận dữ, phế Long Xưởng đi<sup>(56)</sup>. Một hôm vua đi ra coi châu, bà nữ mẫu ẵm Cao Tông (Long Cán) đi theo vua. Cao Tông khóc mãi không nín. Vua lấy mũ đội cho Cao Tông, bèn nín. Vua lấy làm lạ nói rằng: "Kẻ làm nên nghiệp nhà ta tất là đứa bé này". Tháng 11, lập (Long Cán) làm Thái tử<sup>(57)</sup>, giáng Xưởng xuống hàng vương.

*Năm Ất Mùi, hiệu Thiên Cảm Chí Bảo năm thứ 2 (1175).*

Mùa thu, tháng 7, vua mệt. Hoàng hậu xin lập lại Bảo Quốc vương (làm Thái tử để nối ngôi). Vua nói rằng: "Làm con mà không kính trọng cha mẹ, thì làm vua yêu dân được hay sao?" Ngày Giáp Thìn, bệnh ngày càng nặng, vua nói với Thái tử rằng: "Nước ta non sông gấm vóc, nhân tài tuấn kiệt, đất thiêng, châu ngọc bảo bối không cái gì không có, nước khác không thể nào ví được. Con hãy nên

giữ nước cẩn thận". Ngày Ất Tị, vua mất ở điện Thụy Quang, thọ 41 tuổi, miếu hiệu là Anh Tông, ở ngôi 39 năm, cải nguyên ba lần, an táng ở phủ Thiên Đức.

## CAO TÔNG

Cao Tông, húy là Long Cán, con thứ sáu vua Anh Tông, mẹ là hoàng hậu Thụy Châu, họ Đỗ. Vua mới 2 tuổi, tháng 7 hiệu Thiên Cảm Chí Bảo năm thứ 2 (1175) lên ngôi ở trước linh cữu, tôn mẹ là hoàng hậu Thụy Châu làm Chiêu Thiên Chí Lý Thái hậu. Quần thần dâng tôn hiệu là: Ứng càn, ngự cực, hoàng văn, hiến vũ, linh thụ, chiến phù, chương đạo, chí nhân, ái dân, lý vật, duệ mưu, thần trí, hóa cảm, chính thuần; phu huệ, thị từ, tuy du, kiến mĩ, công toàn, nghiệp thịnh, long hiện, thần cư, thánh minh, quang hiếu hoàng đế. Vua đương tuổi non nớt, chính sự lớn nhỏ đều giao cho Thái phó Tô Hiến Thành. Thái hậu có ý phế lập, rình lúc Hiến Thành ra ngoài, sai người đem vàng lụa hối lộ cho vợ lẽ<sup>(58)</sup> ông ta là Lã thị, bảo nói với Hiến Thành. Hiến Thành nói rằng: "Ta ở ngôi tể tướng, chịu lời cố thác của tiên vương để phò ấu chúa. Nay nhận của đút của người mà mưu phế lập, thiên hạ sẽ nói ta ra sao? Ví thử như mọi người đều là người bung tai bịt mắt không biết gì, thời ta lấy lời nào mà bám với tiên vương ở dưới suối vàng được?".

Thái hậu biết rằng mưu của mình không thành, song ý vẫn không đổi, bèn vời Hiến Thành đến bảo rằng: "Ông đối với nước đáng gọi là trung đấy. Song tuổi ông cũng đã về chiều, mà lại thờ vua non tuổi, những việc ông làm thì ại

biết cho? Chi bằng lập trưởng quân, thì người đó sẽ mang ơn ông, mà cho ông giàu sang lâu dài, há có phải hay không?" Hiến Thành nói rằng: "Bất nghĩa mà được giàu sang, đó không phải là điều người trung thần nghĩa sĩ vui làm. Huống hồ di chúc của tiên vương, lời nói còn vắng vắng bên tai thì đối với công nghị sẽ ra làm sao? Thần không dám phụng chiếu", rồi đi nhanh ra. Thái hậu bèn sai người vờ gấp Bảo Quốc vương. Bảo Quốc vương nửa mừng nửa sợ liền lấy thuyền nhỏ đi theo sông Tô Lịch mà vào. Hiến Thành bèn vờ các quan chức tả hữu dụ bảo rằng: "Tiên vương thấy ta và các người hết sức phò vua, không ở hai lòng nên mới phó thác ấu chúa cho chúng ta. Nay Bảo Quốc vương nghe lời Thái hậu muốn phế chúa thượng mà tự lập, các người phải hết lòng gắng sức, nghe ta truyền bảo, ai nghe mệnh ta, ta thưởng cho suốt đời, kẻ nào trái mệnh ta, sẽ bị giết ở chợ. Các người nên gắng sức". Các quan chức ai nấy đều nghe mệnh. Lát sau, Bảo Quốc vương đến cửa Ngân Hà. Thái hậu vờ càng gấp. Bảo Quốc vương toan vào, các quan chức đều ngăn lại, nói rằng: "Chúng tôi chưa được nghe chiếu chỉ nên không dám phụng mệnh. Nếu vương cứ cố mà vào thì kẻ phạm đến vương không phải là chúng tôi mà là quân lính đấy". Bảo Quốc vương nghe nói thế, sợ thẹn mà lui.

Tháng quý thu (tháng 9), lấy em Thái hậu là Đỗ An Thuận<sup>(59)</sup> làm quan Nội hiến quốc hầu, lấy Hiến Thành làm Thái úy.

Ánh sáng thần xuất hiện ra ở núi Thái Lãm.

Tháng mạnh đông (tháng 10), họp người trong nước thề ở sân Long Trì.

*Năm Bình Thân, hiệu Trinh Phù năm đầu (1176).*

Tống Hiếu Tông ban cho vua ấn "An Nam quốc vương".

Thái úy Tô Hiến Thành dâng con sẻ trắng. Điện tiền chỉ huy sứ Hoàng Viêm dâng con hươu trắng.

*Năm Đinh Dậu, hiệu Trinh Phù năm thứ 2 (1177).*

Người Chiêm Thành vào (cướp) ở phía đông châu Nghệ An.

Có người dâng con rùa sáu mắt, gáy có văn son.

Thủ lĩnh châu Thượng Nguyên là Dương Ý làm phản.

*Năm Mậu Tuất, hiệu Trinh Phù năm thứ 3 (1178).*

Tháng trọng hạ (tháng 5), lấy ngày sinh vua làm tiết Càn hưng.

*Năm Kỷ Hợi, hiệu Trinh Phù năm thứ 4 (1179).*

Tháng mạnh xuân (tháng giêng), động đất.

Tháng trọng hạ (tháng 5), mở rộng thêm và sửa chữa chùa Chân Giáo. Vua xuống chiếu lấy chùa đó làm nơi hành hương ngày kỵ vua Anh Tông.

Tháng 6, ngày Giáp Thìn, hai mặt trời cùng xuất hiện.

Ngày Kỷ Dậu, Thái úy Tô Hiến Thành mất. Vua bãi châu bảy ngày, ăn chay ba ngày. Trước đây, khi Hiến Thành ở trên giường bệnh, chỉ có quan Tham tri chính sự Vũ Tán Đường ngày đêm hầu hạ ở bên cạnh, quan Giám nghị đại phu Trần Trung Tá vì nhiều công việc bận, không có thì giờ rỗi rãi tới thăm Hiến Thành được. Khi bệnh tình Hiến Thành đã nguy kịch, bà Thái hậu tới thăm hỏi Hiến Thành rằng: "Nếu có mệnh hệ nào thì ai thay ông được?" Hiến Thành đáp rằng: "Người mà thường ngày thân biết, chỉ có Trung Tá mà thôi". Thái hậu nói rằng: "Tán Đường ngày ngày hầu hạ thuốc thang cho ông, sao ông không nói

tới là làm sao?" Hiến Thành đáp lại rằng: "Thái hậu hỏi ai có thể thay thân nên thân mới nói đến Trung Tá, nếu như người hỏi người hầu hạ phụng dưỡng, thì phi Tán Đường còn ai nữa?" Thái hậu tuy khen Hiến Thành là trung, nhưng rồi cũng không nghe lời ông, lấy Đỗ An Thuận coi việc triều chính.

Cấm người ta không được đem cá, muối, đồ sắt lên đầu nguồn đỏi chác.

Vua cùng Thái hậu xem con em tăng quan thi đọc kinh Bát Nhã, lại ngự ra điện Phượng Minh xem bọn hoàng nam thi chép ra các thơ của cổ nhân và làm toán (vận toán).

Tháng mạp đông (tháng 10), (vua và Thái hậu) lại ngự ra điện Sùng Chương xem con em tam giáo thi về các môn chép ra thơ cổ, làm thơ phú, kinh nghĩa, làm toán.

Ngày Mậu Tuất, có người dâng con rùa ba chân, sáu mắt.

*Năm Canh Tí, hiệu Trinh Phù năm thứ 5 (1180).*

Vua xuống chiếu cho tam giáo sửa văn bia Đại Nội. Định thể lệ vào châu của các vương hầu.

Mùa hạ, lấy viên Lệnh thư gia Nguyễn Ngộ làm Phó hành khiển.

Tháng mạp thu (tháng 7), lụt. Hai điện Vĩnh Quang và Hội Tiên bị động đất.

Mùa đông, cho thủ lĩnh châu Vị Long (Chiêm Hóa) là Hà Công Phụ lấy công chúa Hoa Dương.

*Năm Tân Sửu, hiệu Trinh Phù năm thứ 6 (1181).*

Mùa hạ, tháng 4, sao Huỳnh Hoặc phạm vào sao Nam Đẩu.

Đói lớn. Dân chết đến quá nửa.

*Năm Nhâm Dần, hiệu Trinh Phù năm thứ 7 (1182).*

Mùa xuân, tháng 3, lấy Ngọc giai Viên ngoại lang Tiêu Nhữ Dực làm chức Bình bạc ty.

Mùa hạ, Đỗ An Thuận dâng con quạ trắng.

Lấy viên Trung thư hỏa là Chu Toại Lương làm chức Trung thư sảnh Lệnh thư gia, lấy Đỗ An Thuận làm Thái sư phụ chính. Lúc bấy giờ mọi người đều sợ uy An Thuận, phàm có người có việc kiện tụng mà Ty lại bắt không được, An Thuận sai Cầm Xa nhi đi bắt thì người ấy đến ngay. Lúc bấy giờ có phường tuồng diễn trò bị Hình bộ Thượng thư sai Ty lại đi bắt một kẻ bỏ ngục mà nó không đến, nói rằng: "Sao mà không xưng là Cầm xa nhi của quan Thái sư? Nếu nói như thế thì bắt được!".

Mùa đông, tháng chạp, ngày Nhâm Dần, vua ngự ra nhà giảng học.

Cấm không được giết trâu, không được lấy chỉ vàng may quần áo.

*Năm Quý Mão, hiệu Trinh Phù năm thứ 8 (1183).*

Mùa xuân, sâu kết tổ ở trên cây tại chùa Nhị Lâm, sắc như vàng bạc.

*Năm Giáp Thìn, hiệu Trinh Phù năm thứ 9 (1184).*

Mùa đông, các sách Tư Mông, sách Trịnh, sách Ô Mễ làm phản. Vua sai Thái phó Vương Nhân Từ đi đánh dẹp<sup>(60)</sup>. Nhân Từ lấy người trong châu là Phạm Phẩm đóng ở ải Ông Trọng, Trương Nhạn, Phạm Đỗ đóng ở Hương Bái, Đoàn Tùng đóng ở Khả Lão. Nhân Từ đánh thẳng vào hai sách Đãng Bái, Vạn Mễ, hạ được. Đến trại La Biều bị bọn Lão đánh úp, quan quân thua to. Nhân Từ chạy đến núi An Cối, bị hãm ở trong bùn lầy, bị rợ Lão đâm chết. Rợ núi nói với nhau rằng: "Hôm nay có một con đàn bà bị ta đâm chết". Bọn quân trốn biết Nhân Từ đã chết, tìm trong

vùng sơn trạch liền thấy thầy Nhân Từ. Nhân Từ là hoạn quan, cho nên giống đàn bà<sup>(61)</sup>.

Mưa ra nước đen.

Có người dâng một gốc lúa cả bông dài 7 thước 5 tấc.

*Năm Ất Tị, hiệu Trinh Phù năm thứ 10 (1185).*

Mùa xuân, Kiến Ninh vương Long Ích đem hơn một vạn hai nghìn quân đi đánh bọn sơn lão ở sách Linh<sup>(62)</sup> để báo thù việc La Biều. Quân đến Đỗ Gia thôn, Long Ích sai người đến chiêu dụ, bọn thủ quân là Đinh Vũ, quan lang<sup>(63)</sup> là Đinh Sáng đều hàng. Long Ích bắt tất cả bọn đó. Bọn Vũ kêu la thương xót, tông nhân là Nguyễn Đa Cầm thấy bọn Vũ đã bị bắt tù, tất phải sợ hãi bèn vừa mắng chửi vừa đá vào mồm chúng nó. Bọn Lão tính hung hãn nên cắn ngọc hành của Đa Cầm. Đa Cầm lấy tay đánh, Vũ buột miệng nhả ra, Đa Cầm cũng ngã xuống đất gần chết. Do đó, Long Ích sai quan chức làm con cá gỗ khóa miệng bọn Vũ lại, đánh chết bọn đó và đem phơi thầy.

Tháng quý hạ (tháng 6), gió lớn nổi lên, ở cửa Nhị Tự, đất bị nứt ra.

*Năm Bính Ngọ, hiệu Trinh Phù năm thứ 11 (1186).*

Mùa hạ, tháng 4, bắt được con voi trắng, vua ban cho tên là voi Thiên Tư. Bèn cải nguyên là Thiên Tư Gia Thụy năm đầu.

Phò mã lang Bảo Trinh hầu là Đỗ Trực dâng con hươu đen.

*Năm Đinh Mùi, hiệu Thiên Tư Gia Thụy năm thứ 2 (1187).*

Tháng trọng hạ (tháng 5), động đất ở nhà Thái miếu.

Mùa thu, có một nhà sư người xứ Tây Vực tới (nước



ta). Vua hỏi sư biết làm phép gì. Sư trả lời: "Biết giáng hổ". Vua sai tên Chỉ hầu phụng ngự Lê Năng Trường đem sư về nhà công quán ở, sai người bắt hổ để thử phép thuật của sư. Hơn một tuần sau, sư nói với Năng Trường rằng hổ ấy có thể phục được. Năng Trường tâu vua. Vua sai dựng chuồng ở gác Vĩnh Bình, rồi sai nhà sư vào trong chuồng. Sư vừa đi ren rén bước một vừa đọc chú, bước về phía hổ, lấy gậy đánh vào đầu nó. Hổ chồm lại vồ lấy gậy. Sư nhân đó tâu với vua rằng: "Có người ác đã giải mất phép chú của thần, xin lại lập đàn cầu Phật, sau đó sẽ thi hành phép thuật". Vua y lời. Sư lại lập đàn cầu đảo lâu. Vua muốn thử phép thuật đến cùng. Một hôm, vua sai sư lại vào chuồng hổ, hổ bèn nhảy chồm lên cao thét. Sư sợ hãi lùi lại, không biết làm thế nào, bèn tựa chuồng mà chết.

Tháng trọng đông, sao Huỳnh Hoạch xuất hiện<sup>(64)</sup> (điềm xấu).

*Năm Mậu Thân, hiệu Thiên Tư Gia Thụy năm thứ 3 (1188).*

Mùa xuân, tháng 2, ngày Đinh Mão, mồng một, nhật thực.

Có người dâng con quạ trắng.

Mùa hạ, xây cung Thánh Nghi.

Tháng quý hạ (tháng 7), động đất.

Gió dữ lớn.

Thái sư Đỗ An Thuận mất. Lấy Thái phó Ngô Lý Tín làm phụ chính.

Mùa thu, giáp Cổ Hoành<sup>(65)</sup> làm phản.

*Năm Kỷ Dậu, hiệu Thiên Tư Gia Thụy năm thứ 4 (1189).*

Mùa xuân, tháng 2, ngày mồng một, nhật thực.

Mùa hạ, mặt trời, mặt trăng sắc đỏ như máu.

Động đất.

Vua sai Thái phó Ngô Lý Tín đô quan lang trung Lê Năng Trường xét việc kiện Thiếu sư Mạc Hiến Tích. Bọn Năng Trường sợ Hiến Tích không dám truy cứu. Người trong nước nói giễu rằng:

Ngô phụ quốc thị Lan,  
Lê đô quan thị Kịch,  
Án nhất tụng Mạc Tích,  
Đản cục tích nhi dĩ.

Dịch là:

*Ngô phụ quốc là Lan,  
Lê đô quan là Kịch,  
Xét việc kiện Mạc Tích,  
Chỉ sợ hãi mà thôi!*

Lúc bấy giờ vua tuổi còn non nớt, Hiến Tích tư thông với Thái hậu, cho nên người đương thời sợ Hiến Tích. Lan, Kịch là tên hai thằng điên.

Các vị sư người Đại Lý là Huệ Minh, Giới Nhật tới châu.

*Năm Canh Tuất, hiệu Thiên Tư Gia Thụy năm thứ 5 (1190).*

Mùa xuân, tháng 2: Thái hậu mất, đặt tên thụy là Linh Đạo.

Tháng 3 động đất. Vua xuống chiếu đày Mạc Hiến Tích đi trại Quy Hóa.

Thái phó Ngô Lý Tín chết. Lấy Thái phó Đàm Dĩ Mông làm Phụ chính.

*Năm Tân Hợi, hiệu Thiên Tư Gia Thụy năm thứ 6 (1191).*

Nước Chân Lạp tới cống.

Lấy Đô quan lang trung Lê Năng Trường làm chức Tả phụ, Đặng Tú Phụ làm Tham tri chính sự.

Mùa đông, tháng chạp, sao Huỳnh hoặc phạm vào sao Thái bạch.

*Năm Nhâm Tý, hiệu Thiên Tư Gia Thụy năm thứ 7 (1192).*

Mùa xuân, tháng giêng, giáp Cổ Hoàn ở Thanh Hóa làm phản.

Xưa người trong giáp thấy vết chân trâu trèo lên cây muỗm, bèn theo vết chân tìm xem, thấy con trâu trắng ở trên cây, trâu lại theo đường khác mà xuống, lội xuống sông, bỗng chốc không thấy nữa. Có người trong châu đoán rằng: "Trâu là vật ở dưới đất mà lại ở trên cây, tức là diềm kẻ dưới lên ở trên". Bèn xuất quân làm phản. Mùa hè năm ấy, vua xuống chiếu sai Đàm Dĩ Mông đem phủ binh Thanh Hóa đi đánh giáp Cổ Hoàn. Dĩ Mông sai chặt nhiều cây chuối bỏ xuống sông để cản thuyền giặc. Quân giặc lúng túng không thành thế trận. Dĩ Mông đánh gấp, phá được quân giặc, bắt được bọn cầm đầu là Lê Văn<sup>(66)</sup>, đóng cũi đưa về kinh sư. Vua xuống chiếu bắt bọn Văn "lên ngựa gỗ" mà chết.

Mùa đông, tháng chạp. Cung Nghênh Thiêm bị cháy. Khởi sông Tô Lịch.

Xây thạch đường (đê bằng đá).

Tên Hồ Đồ ở Diễn Châu làm phản, Dĩ Mông đi đánh dẹp, bắt được nó.

*Năm Quý Sửu, hiệu Thiên Tư Gia Thụy năm thứ 8 (1193).*

*Năm Giáp Dần, hiệu Thiên Tư Gia Thụy năm thứ 9 (1194).*

Mùa xuân, thủ lĩnh châu Chân Đẳng (Lâm Thao) là Hà Lê làm phản. Vua sai Đàm Dĩ Mông đi đánh dẹp, bắt được nó.

Tháng trọng hạ (tháng 5), đầu rồng bằng vàng ở điện Vĩnh Thọ phát ra tia sáng.

Mùa thu, tháng 7, lấy vàng bạc thếp tượng Phạn vương, Đế Thích đặt tại hai chùa (Thiên Phù, Thiên Hựu).

Bày tiệc yến đua thuyền ở hậu cung.

Mùa đông, vua ngự xem bắt cá ở đất Hối ngày đó có mưa đá, những viên đá to bằng đầu ngựa, người chết rất nhiều.

Chiêm Thành, Chân Lạp tới cống.

*Năm Ất Mão, hiệu Thiên Tư Gia Thụy năm thứ 10 (1195).*

Mùa xuân, tháng 2, vua ngự ra cửa Đại Hưng mở hội đèn Quảng Chiếu. Ngày Kỷ Tị, vua ngự điện Thiên An bày tiệc yến thưởng xuân.

Động đất.

Tháng 5 lại có động đất.

Chân Lạp tới cống.

Có nạn dịch lớn.

*Năm Bính Thìn, hiệu Thiên Tư Gia Thụy năm thứ 11 (1196).*

Tháng mạnh thu (tháng 7), ngày Mậu Dần, gác Minh Li bị động đất.

Tháng mạnh đông (tháng 10), thi con em tam giáo về các môn chép ra thơ của cổ nhân, làm toán, thơ phú, kinh nghĩa. Cho đỗ cập đệ, xuất thân, để phân biệt.

*Năm Đinh Tị, hiệu Thiên Tư Gia Thụy năm thứ 12 (1197).*

Mùa xuân, tháng 3, vua ngự ra cửa biển Long Thủy. Xây cung Nghênh Thiêm và hành cung hơn một trăm nơi.

Mùa thu, vua xuống chiếu cho con em các quan (quốc tử) vào học.

Tiến tước cho Đàm Dĩ Mông là Liệt hầu.

*Năm Mậu Ngọ, hiệu Thiên Tư Gia Thủy năm thứ 13 (1198).*

Đàm Dĩ Mông nói với vua rằng: "Đương nay, số tăng đồ và số dịch phu ngang nhau. Chúng tự kết bè lũ, lập càn người chủ, tụ họp ở từng bọn, làm nhiều điều ô uế. Hoặc ở nơi giới trướng, tính xá mà công nhiên rượu thịt, hoặc ở chốn tăng phòng tĩnh viện mà riêng tư gian dâm. Ngày ẩn tối ra như đàn cáo chuột. Chúng làm bại tục thương giáo, dần dần thành thói quen, nếu không cấm đi, để lâu tất ngày càng thêm tệ". Vua y lời tâu của Dĩ Mông. Dĩ Mông triệu tập tăng đồ trong xứ lại ở nơi kho thóc, độ vải chục người có danh tiếng làm tăng, số còn lại đánh dấu vào tay bắt hoàn tục.

Vua ngự ra Cẩm Đàm (có lẽ là Dâm Đàm) xem bắt cá.

Mùa thu, hành lang bên trái Vũ Thắng bị động đất.

Vua ngự ở điện Thiên Khánh xét xử việc án Thượng Lâm viện.

Tháng mạnh đông (tháng 10), Phụ quốc Thái phó Đàm Dĩ Mông xử việc án Đô hộ phủ ở ngoài Họa Quan.

Lạng Châu sản xuất ra thiếc trắng, đồng lục, cây đại thanh (*Isatis oblongata*).

*Năm Kỷ Mùi, hiệu Thiên Tư Gia Thủy năm thứ 14 (1199).*

Mùa xuân, tháng 2, vua ngự đến phủ Thanh Hóa xem bắt voi.

Mùa hạ, động đất.

Mùa thu, thi học sinh.

Hậu cung bị cháy.

Đĩ Mông dâng con quạ trắng, con sẻ trắng.

*Năm Canh Thân, hiệu Thiên Tư Gia Thụy năm thứ 15 (1200).*

Tháng trọng xuân (tháng 2), vua ngự ra trại Ngọc Sơn<sup>(67)</sup> xem bắt voi.

Tháng quý hạ (tháng 6), động đất.

Mùa thu, bày tiệc yến đua thuyền.

*Năm Tân Dậu, hiệu Thiên Tư Gia Thụy năm thứ 16 (1201).*

*Năm Nhâm Tuất, hiệu Thiên Tư Bảo Hựu năm đầu (1202).*

Mùa xuân, tháng giêng, cải nguyên. Quần thần xin vua gia phong tôn hiệu.

Mùa hạ, tháng 6, động đất.

Mùa đông, tháng 10. Vua ngự ra hành cung Hải Thanh. Đêm nào vua cũng sai nhạc công gảy đàn Bà lỗ, hát, khúc hát theo điệu Chiêm Thành, tiếng nghe ai oán thảm thiết, tả hữu nghe hát đều rơi nước mắt. Tăng phó Nguyễn Thường nói với vua rằng: "Tôi thấy bài tựa *Kinh Thi* có nói: Âm nhạc của nước loạn<sup>(68)</sup> nghe như oán, như giận, vì chính sự nước ấy là sai trái. Âm nhạc của nước bị mất nghe như thương như nhớ, vì nhân dân nước ấy bị khổ cùng. Nay chúa thượng rong chơi vô độ, chính sự, giáo hóa sai trái lìa tan. Dân đen buồn khổ đến thế là cùng. Mà ngày nay nghe âm nhạc ai oán, đó chẳng phải là điềm nước loạn, nước mất hay sao? Tôi biết rằng xa giá

chuyến này trở về tất không lại ngự ra cung ấy nữa". Sau trong nước đại loạn, quả như lời sư nói.

*Năm Quý Hợi, hiệu Thiên Tư Bảo Hộu năm thứ 2 (1203).*

Tháng giêng. Xây cung mới tại phía tây tấm điện, ở giữa đặt điện Thiên Thụy, bên trái dựng điện Dương Minh, bên phải dựng điện Thiêm Quang, phía trước xây điện Chính Nghi, ở trên xây điện Kính Thiên, thêm gọi là Lệ Giao, ở giữa mở cửa Vĩnh Nghiêm, bên phải mở cửa Việt Thành, thêm gọi là Ngân Hồng, phía sau mở điện Thảng Thọ, ở trên xây gác Nguyệt Bảo, chung quanh dựng hành lang, thêm gọi là Kim Tinh. Bên phải gác Nguyệt Bảo đặt tòa Lượng Thạch, phía tây gác xây Dục Đường (nhà tắm), phía sau xây gác Phú Quốc, thêm gọi là Phương Tiêu, phía sau dựng cửa Thấu Viên, ao Dưỡng Ngư (nuôi cá), trên ao xây đình Ngoạn Ý. Ba mặt đình có trồng hoa thơm cỏ lạ, nước ao thông với sông, cách chạm trở, trang sức khéo léo, công trình thổ mộc đẹp đẽ, xưa chưa từng có vậy. Lúc trước khi gác Kính Thiên mới làm xong, có con chim thước đến làm tổ ở trên đó mà đẻ ra chim con. Quân thần nhân việc đó can vua rằng: "Xưa Ngụy Minh đế mới xây gác Lăng Tiêu, có chim thước đến làm tổ, Cao Đường Long nói rằng: *Kinh Thi* có nói: "Chim thước làm tổ, chim cư đến ở"<sup>(69)</sup>. Nay cung thất mới làm xong mà chim thước đã đến làm tổ, thần ngu hèn cho rằng có họ khác đến ở đó. Thần xin bệ hạ xa trông lời nói của Cao Đường Long, trước cốt sửa mình, tu đức, sau hãy khởi công xây dựng mới là phải". Vua nín lặng hồi lâu rồi hỏi hoạn quan là Phạm Bình Di. Phạm Bình Di nói rằng: "Gác mới làm mà chim thước đến làm tổ, đẻ con, đó là điềm trời ban cho bệ hạ được dòng dõi trăm đời". Vua

được đẹp lòng, sai sửa sang điện gác mau chóng, trăm họ vì thế càng khốn khổ.

Mùa thu, tháng 7, quan coi châu Nghệ An là Điện tiên Chỉ huy sứ Đỗ Thanh và bọn châu mục Phạm Diên dâng thư về triều nói rằng: Chúa Chiêm Thành là Bố Trì bị chú là Bố Do<sup>(70)</sup> đuổi, đem hơn 200 chiếc thuyền "bị lan" chở vợ con đến ngụ ở cửa biển Cơ La<sup>(71)</sup> muốn cầu cứu ta".

Tháng 8, vua sai bọn Phụ quốc Thái phó Đàm Dĩ Mông, Khu mật sứ Đỗ An đi bàn bạc công việc. Dĩ Mông đến Cơ La, Đỗ An nói rằng: "Bố Trì có 200 chiếc thuyền, cái dã tâm của lang sói không thể tin cả được. Ngạn ngữ có câu rằng "Một lỗ kiến có thể làm vỡ đê, một tác khói có thể làm cháy nhà". Nay quân của Bố Trì há chỉ là lỗ kiến, tác khói hay sao! Xin ông hãy suy nghĩ kĩ". Dĩ Mông lấy lời đó nói với Thanh, Diên, bảo phải phòng bị. Thanh, Diên nói rằng: "Kẻ kia vì gặp nạn mà đến cầu cứu ta, ta nên có lòng thành thương xót chứ nay lại tỏ ý nghi ngờ, chẳng là không nên sao?" Dĩ Mông giận dữ bèn dẫn quân về. Thanh, Diên nói với nhau rằng: "Lũ ta đã trái ý Phụ quốc, tất có hậu họa, chi bằng hãy đi đánh Bố Trì để làm kế tự toàn". Mưu đó tiết lộ ra, bị Bố Trì biết. Bố Trì sợ hãi bèn bảo với quân lính rằng: "Lũ ta gặp nạn mà phải đến cầu cứu đại quốc, nó đã không có tình nghĩa thương xót láng giềng, lại toan bắt tù ta, thật đau đớn biết chừng nào!" Nhân rình lúc sơ hở để dụ Thanh, Diên; Thanh, Diên sai người Nghệ An buộc thuyền vào thuyền "bị lan" của Chiêm Thành để coi giữ. Ban đêm người Chiêm Thành đem những bó đuốc tre có để gậy nhọn giấu ở trong thuyền. Một đêm, quân canh gác sợ hãi trở dậy, không biết làm thế nào, đều nhảy xuống nước, bị Chiêm



Thành giết và bị chết đuối đến hơn hai trăm người. Quân của Thanh, Diên tan vỡ, còn Bố Trì thống suất bộ chúng trốn về nước nó.

Tháng 9, người Đại Hoàng là Phí Lang làm phản. Vốn trước người Đại Hoàng xây cửa Đại Thành, nghe thấy áp Lâm, áp Đà mổ đã làm phản bèn đem nhau trốn về mà làm phản<sup>(72)</sup>.

Thượng tướng quân Nguyễn Bảo Lương, Lại bộ thượng thư Từ Anh Nhĩ tâu với vua đàn hặc: "Dĩ Mông là một nước hại dân, thật là quá lắm". Vua xuống chiếu giáng Dĩ Mông làm Đại liêu ban. Xưa Bảo Lương xây gác Thánh Nhật chậm không đúng hạn, Dĩ Mông giận sai lấy roi đánh Bảo Lương. Bảo Lương giả vờ đau lắm không thể trở dậy được, Dĩ Mông quát mắng bắt trở dậy. Bảo Lương nói: "Đau thế này làm sao dậy được", trong lòng chất chứa oán giận<sup>(73)</sup>.

Ngày Ất Mùi, vua lấy Chỉ hâu phụng ngự là Trần Hình<sup>(74)</sup> làm Nguyên soái đem quân đi đánh dẹp Đại Hoàng, cũng sai Lại bộ Thượng thư Từ Anh Nhĩ đem phủ binh Thanh Hóa tới dẹp.

Ngày Giáp Dần, Anh Nhĩ đến cửa sông Lộ Bái<sup>(75)</sup>, Trần Hình gặp Phí Lang, hai bên giao chiến, Anh Nhĩ đến cứu viện đều bại và bị Phí Lang giết chết.

*Năm Giáp Tý, hiệu Thiên Tư Bảo Hựu năm thứ 3 (1204).*

Vua sai Phục quốc Thái bảo Đỗ Kính Tu<sup>(76)</sup> đi dẹp Đại Hoàng. Kính Tu nhát sợ không dám tiến vào sâu, bèn đóng đồn ở vụng Việt chia quân tiến đánh các ngả, còn Kính Tu chỉ lảng vảng ở giữa Chương Sơn, An Lão<sup>(77)</sup> mà thôi, lại dâng thư nói rằng nay đang giữa mùa hè nắng nôi, nóng nực, quân mỗi lương hết. Vua bèn vời về triều.

Tháng 5, vua lại sai quan Nội hầu là Đỗ Anh Doãn đi dẹp Đại Hoàng, cũng không thắng, phải lui về.

Rồng vàng hiện ở gác Thánh Nhật. Tháng 8, lại hiện ra ở điện Thánh Thọ, bay vòng quanh cửa Ngự Tẩm, để lại vết móng rồng ở chỗ ngự tọa tại điện Thiên Thụy đến hơn một trăm nơi, lại hiện ra ở hậu cung ba lần, đem cung nữ là Lê nương đặt lên nóc điện.

Tháng 10, vua sai Dī Mông đem binh lính các đạo đắp lũy đường Bà Câu trở về phía bắc, dọc theo cửa Lộ Giang đến trại Văn Lôi, để phòng ngự người Đại Hoàng.

Bão.

*Năm Ất Sửu, hiệu Thiên Tư Bảo Hựu năm thứ 5 (1205).*

Trước đây, Dī Mông đắp lũy xong, làm vài chục chiếc lâu thuyền, sai những tay bắn cung giỏi ở Phú Lương<sup>(78)</sup> ở trên thuyền ấy, lấy dây dài buộc ở đằng sau thuyền, rồi hạ lệnh rằng: "Giặc tới thì chèo thuyền qua sông mà bắn, nếu bất lợi thì kéo thuyền về". Rồi Dī Mông bị triệu về kinh, người Đại Hoàng đem đảng chúng ra đóng ở bên bờ bắc. Quân lính làm như lời Dī Mông đã dặn. Người Đại Hoàng đứng trên bờ hò reo. Lính kéo thuyền thấy thế giặc rất thịnh, ai nấy đều sợ hãi bỏ dây mà chạy. Thuyền dạt vào bờ bên phía giặc, những tay bắn cung giỏi đều bị giết hết. Quan quân tan vỡ. Bọn Phí Lang cậy rằng đã thắng, bèn thống suất bọn Quan Sản thuộc man lão Chí Thổ đi đánh chiếm được một dải hương thôn, đốt hành cung ở Ứng Phong<sup>(79)</sup> và các kho thóc, nhà cửa của các bộ lạc cháy gần hết. Sau đến Nghiễn động bọn Phí Lang bị người động đó đón đánh, phá được.

Mùa thu, tháng 8, vua sai chức Thị vệ đô hỏa đầu là Nguyễn Vị tới chiêu dụ người Đại Hoàng. Vị đến nơi, Phí Lang cùng hơn 170 hào trưởng của nó ra hàng.

Tháng 9, ngày Nhâm Thìn, cải nguyên là Trị Bình Long Ứng năm đầu (1205). Tháng đó, núi Lãm Sơn (Quế Dương, Bắc Ninh) bị lở.

Rồng vàng hiện ở điện Thăng Thọ.

Điện Thiên Thụy làm xong, vua ban yến cho quần thần ba ngày để mừng điện đã hoàn thành. Vua rất ham của cải lợi lộc, lấy việc bán quan buôn ngục làm chính sự. Hai người nào mà tranh nhau ruộng đất, sản vật, hễ một người đem dâng nạp rồi thì vua chẳng hỏi tình lí phải trái thế nào đều tịch thu sung công cả; vì thế mà kho dựn của nhà nước của cải chất như núi, còn bách tính thì kêu ca, oán thán. Giặc cướp nổi lên như ong.

*Năm Bính Dần, hiệu Trị Bình Long Ứng năm thứ 2 (1206).*

Mùa xuân, tháng giêng, vua ngự gác Kính Thiên xem ném phi đoàn<sup>(80)</sup>.

Tháng 2, ngày Nhâm Tí, mồng một, có nhật thực.

Tháng 3, cung Phụng Thiên bị cháy.

Mùa hạ, tháng 5, xây chùa Thánh Huân.

Mùa đông, tháng 10, sửa chữa chùa Chân Giáo.

Năm đó, trong nước đã loạn lạc, mà vua thích đi rong chơi. Đường sá bị ngãng trở, không đi đâu được, vua bèn sai làm hành cung Ứng Phong, Hải Thanh ở chỗ đầm Ứng Minh, hàng ngày đem bọn cận thân, cung nữ đi chơi bờ làm vui. Lại lấy thuyền to làm thuyền ngự, lấy các thuyền bé chia làm hai đội, sai bọn cung nữ, phường tuồng chèo thuyền, vua dẫn bọn tả hữu bắt chước nghi vệ như khi vua ngự đi chơi đâu vậy. Lại lấy sấp ong bọc những tấm lụa và các thứ hải vật thả xuống ao rồi sai người lội xuống mò lên giả làm đồ vật dưới Long Cung

đem dâng. Quân thần thấy vua rong chơi vô độ đều sợ hãi không dám nói. Có tên phường tổng là Vũ Cao nói dối Thượng phẩm phụng ngự là Trịnh Ninh rằng: "Có hôm Cao qua chơi trên bờ ao, thấy một người lạ cầm tay dắt đi vòng bờ ao, đến dưới gốc cây muỗm, bỗng người đó dẫn Cao đi xuống nước. Cao sợ chết đuối không dám tiến. Một lát nước ao bỗng tự rẽ ra. Cao đi xuống, đến một nơi, thấy cung điện nguy nga, thị vệ nghiêm chỉnh. Cao hỏi đó là chỗ ai ở, người đó bảo rằng: "Đó là chỗ ta ở để cai quản ao này". Người đó bèn sai dọn mâm cỗ, cùng Cao uống rượu. Rượu rồi, Cao tạ ơn xin về. Người đó đưa tặng cau, tiến ra đến gốc cây muỗm, bỗng không thấy người đó đâu nữa, mà cau cầm ở trong tay đã hóa ra đá, Cao mới biết trong ao có thần". Ninh lấy làm kinh dị, bèn tâu với vua. Vua tuy nghe nói thế nhưng không sợ hãi gì cả, sai lấy sắt để yểm thần.

Đến những tháng đông, nước ao khô cạn. Vua bảo tả hữu rằng: "Ai có thể làm cho nước sông dâng đầy ao được thì ta sẽ hậu thưởng". Có tên ninh thần là Trần Túc trả lời: "Thần có thể làm được". Vua bằng lòng, sai làm phép thuật của y nhưng không ứng nghiệm.

Một hôm, vua ngự chơi ở ao đó, nghe thấy ở ngoài thành có kẻ bị ăn cướp hô hoán lên, thế mà vua vẫn ham mê chơi bời, giả vờ như không nghe thấy.

Vua tính sợ sấm, mỗi khi sấm động thì sợ hãi. Có tên cận thần là Nguyễn Dư nói rằng có phép giáng sấm. Gặp khi có tiếng sấm nổ, vua sai Dư giáng sấm. Dư ngẩng mặt lên trời đọc chú. Tiếng sấm càng lớn. Vua vặn hỏi việc đó, Dư nói rằng: "Thần răn nó đã lâu, nào ngờ nó còn cường bạo như thế đó!"

*Năm Đinh Mão, hiệu Trị Bình Long Ứng năm thứ 3 (1207).*

Người Đại Hoàng là Phí Lang lại làm phản, đánh ấp Tập Tự.

Tháng 3, giặc ở châu Quốc Oai là Đoàn Khả Liệt, Vương Mãn làm phản<sup>(81)</sup>.

Mùa hạ, tháng 4, Đàm Dĩ Mông lại làm Phụ chính.

Mùa thu, tháng 8, Đoàn Thượng, Đoàn Chủ làm phản<sup>(82)</sup>.

Vua sai đem nhiều binh lính đi đánh chúng: Đàm Dĩ Mông đem đạo Đại Thông, Bảo Trinh hầu đem đạo Nam Sách, Thượng Phẩm phụng ngự Phạm Bình Di đem đạo Khả Liễu, Chi hậu hỏa đầu Trần Hình đem đạo Phù Đái định gặp nhau cùng đánh Thượng<sup>(84)</sup>. Thượng ngầm sai người đến đút lót cho Thượng phẩm phụng ngự Phạm Du, xin đem đảng chúng theo Du. Du vì Thượng mà cố xin với vua. Vua sai người đi triệu bọn Dĩ Mông bảo đem quân về, Thượng bèn thoát được. Từ đó Dĩ Mông, Bình Di có hiềm khích với Du.

Năm đó, vua thấy giặc cướp nổi lên như ong, bèn hồi lại lỗi xưa, nhân đó hạ chiếu rằng: "Trẫm còn bé mà phải gánh vác việc lớn, ở tận nơi cứu trùng, không biết cảnh khó khăn của dân chúng, nghe lời bọn tiểu nhân mà gây nên oán với kẻ dưới. Dân đã oán thán thì trẫm còn dựa vào ai? Nay trẫm sẽ sửa lỗi, cùng dân đổi mới. Ai có ruộng đất sản nghiệp bị sung công sẽ được hoàn lại".

*Năm Mậu Thân, hiệu Trị Bình Long Ứng năm thứ 4 (1208)<sup>(83)</sup>.*

Đói to. Những người bị chết đói nằm chồng chất lên nhau.

Mùa đông, tháng 10, lụt.

Tháng chạp, người Lộc Châu nhà Tống là Vi Trí Cương đánh phá Lạng Châu.

Vua lấy Phạm Du coi việc quân ở châu Nghệ An. Du bẩm với vua rằng: "Nay thiên hạ rối loạn, bọn gian tặc nổi dậy khắp nơi, hoặc có kẻ ghen ghét với thần mà làm loạn, thì đầu thần còn không giữ nổi, huống chi là ân đức của bệ hạ! Xin bệ hạ để tâm một chút, cho phép thần được tuyển bọn trai tráng để tự đề phòng, ngõ hầu khỏi lo tai vạ". Vua bằng lòng. Do đó Du bèn chiêu tập bọn vong mệnh, tụ tập bọn giặc cướp gọi là hậu nhân (người đi do thám tình hình) ngang nhiên cướp bóc, không sợ hãi gì cả. Giặc cướp vì thế mà nổi dậy như ong. Người Quốc Oai cũng đem đồ đảng đến đóng đồn ở Tây Kết<sup>(85)</sup>, người trại Văn Lô cũng đóng đồn ở sông Đà Mục<sup>(86)</sup>. Từ đó, đường đất bị cắt đứt, thuyền bè không đi lại được. Vua sai Thượng phẩm phụng ngự Phạm Bình Di đem người Đàng Châu<sup>(87)</sup> ra phòng ngự bọn chúng. Du lại về hương Cổ Miệt<sup>(88)</sup> cùng người Hồng là bọn Thượng, Chủ họp nhau đánh Đàng Châu. Người Đàng Châu xin Bình Di đánh Du, không được phải trở về.

*Năm Kỷ Tị, hiệu Trị Bình Long Ứng năm thứ 5 (1209).*

Mùa xuân, tháng giêng, Bình Di lại đem người Đàng, người Khoái đi đánh Du. Bình Di bị thua luôn, giận dữ chém những kẻ bỏ chạy để tuyên bố mệnh lệnh. Ngày khác lại ra đánh, thắng được. Du chạy ra đất Hồng. Bình Di tịch biên gia sản của Du rồi đốt hết. Du và Bình Di càng thêm oán ghét nhau.

Người Động Trư là Nguyễn Phá Lân đem bộ hạ ban đêm ra ăn trộm tài vật của phủ quan Đội Xá<sup>(89)</sup>.

Vi Trí Cương bên Tống lại sang đánh Lạng Châu.

Giờ Tuất (19g-21g) ban đêm, mặt trời xuất hiện.

Tháng 3, mặt trời bỗng nhiên tối đi, một lát lại xuất hiện.

Ngày Đinh Mùi, Bình Di lại đánh bọn người Hồng là Thượng, Chủ ở Vệ kiều (câu Vệ). Người Hồng tan vỡ. Chủ bị Hãm ở trong bùn, bị Hà Văn Lôi đâm chết.

Vua sai Chi hậu phụng ngự Trần Hình triệu Du về kinh sư<sup>(90)</sup>.

Mùa thu, tháng 7, Bình Di đến kinh sư, toan vào triều phụng mệnh, có người ngăn lại nói rằng: "Vua đã nghe lời Du trước, giận ông chưa nguôi đâu". Bình Di nói rằng: "Ta thờ vua hết lòng mà lại bị người ta nói dèm sao? Huống chi có mệnh vua, ta trốn đâu được?" Bèn vào. Vua sai bắt Bình Di và con là Phụ, giam ở Thủy Viện, toan làm tội. Tướng của Bình Di là bọn Quách Bốc nghe thấy việc đó liền đem binh lính hò reo xông vào triều. Đến cửa Đại Thành thì bị người coi cửa chống lại, bọn Bốc phạt ngang cánh cửa xông vào. Vua thấy việc gấp, vội vờ ngay Bình Di vào bệ đá mát ở thềm Kim Tinh. Một chốc Du cùng em là bọn Kính đều từ dinh cung đi ra, lấy giáo ở cung cấm giết Bình Di và con là Phụ. Bọn Bốc nghe tin Bình Di đã chết, bèn sai quân sĩ đột nhập xứ bệ đá mát, lấy xe cân xa của vua ngự rước thân của Bình Di, lấy chiếu ngự bọc thân của Phụ, theo cửa Việt Thành mà ra bến Triều Đông<sup>(91)</sup>, rồi lại vào cung Vạn Diên rước vương tử Thần và vương tử Sảm về Hải Ấp. Ngày Bính Dần, đức Nguyên tổ ta (tức Trần Lý) thống suất thủy quân đến kinh thành rước vương tử Sảm và mẹ là bà nguyên phi Đàm thị và hai người em gái cùng mẹ, đưa về ở nhà Đàm thị tại Hải Ấp. Đoàn rước vương tử Thâm lên ngôi ở tại nhà đó<sup>(92)</sup>. Lúc bấy giờ, gia thân của Sảm là Lưu Thiệu nói với đức Nguyên tổ và người Giao Hào là Phạm Ngu rằng: "Thâm tuy lớn nhưng là con thứ, Sảm tuy bé

nhưng là con cả (đích tử), xin hai ông lo liệu". Đức Nguyên tổ bèn cùng Ngu rước Sảm về Mang Nhân lên ngôi, xưng là Thắng Vương, giáng Thầm làm vương. Ít lâu sau Sảm lại về Hải Ấp, ở nhà công quán thôn Lưu Gia, lấy con gái thứ hai (trọng nữ) của đức Nguyên tổ ta làm nguyên phi, lấy Đàm Dĩ Mông làm Thái úy, Nguyễn Chính Lại làm Tham tri chính sự, Nguyên tổ (Trần Lý) làm Minh sự, Ngu làm Thượng phẩm phụng ngự, Tô Trung Tự<sup>(93)</sup> là Điện tiền chỉ huy sứ, ngoài ra mỗi người đều có phân biệt<sup>(94)</sup>.

Vua sai Du đi Hồng Lộ huấn luyện quân lính định đánh người Thuận Lưu<sup>(95)</sup>. Gặp khi người Hồng Lộ<sup>(96)</sup> lại đón, đúng hẹn nhưng còn cùng công chúa Thiên Cực<sup>(97)</sup> tư thông, không biết là đã quá hẹn nên lỡ hẹn với người Hồng Lộ. Du bèn lên thuyền, theo đường sông mà đi, đến bến Cổ Châu, lên bộ đi tới xã A Cảo ở Ma Lãng bị người Bắc Giang là Nguyễn Nậu, Nguyễn Nãi bắt đưa về cho vương tử Sảm giết đi.

Mùa thu, tháng tám, Thuận Lưu, Khoái<sup>(98)</sup> vì việc Bình Di chết, mà đem thủy quân đến đánh kinh sư. Tiền quân đồn ở Đông Bộ (có lẽ là Đông Bộ đầu) theo cửa nách bên trái vào thẳng cấm thành cướp lấy các bảo vật. Đại quân đồn ở bến Thiên Hà toan theo cửa Thiên Thu mà vào, đến quán Vũ Sư bị liệt hầu Cao Kha nắp ở Chảm Vi bắn; một tên lính trúng vào vú, Kha vỗ tay reo cười, sĩ tốt chạy tháo lui về thuyền. Người giữ thuyền ngỡ là có quan quân đến đánh, đều chèo thuyền ra xa bờ, gặp gió bắc thổi mạnh, thuyền bè bị trôi dạt đi cả. Hai quân nghe thấy thuyền bè đã bị mất đều tan chạy. Người kinh thành đuổi giết chết được hơn 300 người<sup>(99)</sup>.



*Năm Canh Ngọ, hiệu Trị Bình Long Ứng năm thứ 6 (1210).*

Mùa xuân, tháng giêng, ở chùa Thắng Nghiêm đất bị nứt xé ra.

Tô Trung Tự thấy nhận riêng tước phong của vương tử Sảm thì sợ tội đến mình, bèn đem binh đánh người Khoái<sup>(100)</sup>, nhân đó đến Hải Ấp bắt bọn vương tử Sảm về kinh sư. Ngày Đinh Mùi, vua sai Thượng phẩm phụng ngự Đỗ Quang đến nhà Trung Tự rước vương tử Sảm. Những người vương tử Sảm cho làm quan đều bỏ trốn<sup>(100)</sup>. Dĩ Mông trốn đến hương An Lăng, nhân cùng bọn thuộc hạ mưu bắt những người được vương tử Sảm phong tước để chuộc tội. Do đó, Dĩ Mông truyền hịch mộ binh các đạo chia làm năm đội để đi đánh bắt bọn đó. Dĩ Mông đem người ở Gia Mưu và người phủ Thanh Hóa đánh hương Tức Mặc<sup>(101)</sup>, bị hại, nên các đạo binh nghe thấy thế đều lui về.

Mùa thu, tháng 7, Dĩ Mông đem 28 người nhận tước phong của vương tử dâng vua. Đỗ Anh Doãn<sup>(102)</sup> đường đường kể tội Dĩ Mông rằng: "Mày là đại thần của nước, đã đem lòng vô quân, nhận tước phong của giặc, nay lại cùng ngồi với ta! Ta tuy bất tài nhưng còn mặt mũi nào mà nhìn mày nữa". Dĩ Mông then sợ mà lui.

Sao chổi xuất hiện.

Mùa đông, tháng 10, vua mệt<sup>(103)</sup>, ngày Nhâm Ngọ, vua nằm trên giường bệnh, bỗng thấy hai người mặc áo xanh, cầm trượng đứng cạnh. Vua hỏi người cầm trượng là ai. Tả hữu tâu rằng không thấy ai cả. Đêm đó vua mất ở điện Thắng Thọ<sup>(104)</sup>, thọ 37 tuổi, miếu hiệu là Cao Tông, ở ngôi 36 năm, táng ở Thọ Lăng phủ Thiên Đức, cải nguyên bốn lần.

## HUỆ TÔNG

Húy là Hạo Sảm, là con thứ ba vua Cao Tông, mẹ là bà nguyên phi Đàm thị, tháng 10 năm thứ 6 hiệu Trị Bình Long Ứng năm thứ 6 (1210) lên ngôi ở trước linh cữu, quần thần dâng tôn hiệu là: Tự thiên, thống ngự, khâm nhân, hoàng hiếu hoàng đế. Vua tôn mẹ là Đàm thị làm Thái hậu, cùng dự việc triều chính. Tháng 11, táng Cao Tông ở điện Sùng Dương. Vua cùng Thái hậu và quần thần đều bỏ tang.

Ngày Kỷ Dậu, viên minh tự Thuận Lưu là Trần Tự Khánh đem quân đến bến Tế Giang<sup>(105)</sup>, xin cậu là Tô Trung Tự cho cùng dự tang lễ vua Cao Tông. Trung Tự có ý nghi ngờ, Tự Khánh bèn đem quân về.

Tháng đó, vua sai người đi đón con gái thứ nhà Trần (tức Trần thị, con gái Trần Lý). Tự Khánh không chịu cho đón<sup>(107)</sup>.

Lấy Thái phó Đỗ Kính Tu làm Thái úy.

Tháng chạp, bọn Chi hậu phụng ngự Đỗ Quảng bắt Kính Tu đưa cho Trung Tự đem chìm ở bến Đại Thông, lấy cớ rằng Kính Tu mưu giết Trung Tự.

Ngày Đinh Tị, Trung Tự nghe tin Quan nội hầu Đỗ Thế Quy cùng Chi hậu phụng ngự Đỗ Quảng, tiểu thị vệ nhân hỏa đầu Phí Lệ mưu sự phé lập, bèn đem quân đến am Hưng Thánh, gặp Quảng, Lệ, toan đánh, nhưng thấy Quảng, Lệ có quân đông bèn giả vờ bàn mưu với họ rằng: "Chúa thượng mới có tang, dân tình chưa định, mỗi người sao chẳng bỏ binh giáp mà vào triều sảng, cùng mưu hiệp lực để phò vương thất, chẳng là hay sao?". Quảng, Lệ lấy làm phải, bèn ứng theo, gặp lúc đó đã tối nên hẹn đến

sáng mai. Đêm đó, Trung Tụ tăng thêm quân sĩ nhiều hơn hôm qua, muốn vây Quảng, Lệ. Ngày mai, Quảng, Lệ y hẹn đến họp trước ở Bí thư các chờ Trung Tụ đến Tứ Đạt đình, trước hết sai tì tướng là Đào Phán đem binh từ cửa nách bên phải vào đóng ở Sa trì, Long Trì, sai Nguyễn Tụ, Nguyễn Đà La đóng ở cửa Thiên Thu. Lúc bấy giờ Lệ đang ăn cơm, thấy liệt hầu Cao Kha, bảo ngồi ăn, Kha nói: "Việc gấp rồi, ăn làm gì". Lệ hỏi duyên cớ. Kha bảo: "Quân lính của Trung Tụ đông gấp bội ngày hôm qua, muốn tính ông đây!" Lệ bèn quăng đũa đứng dậy, cầm giáo đến Long Môn rình, thấy quân Đào Phán hò reo mà vào. Lệ tiến lên đánh giết được một người rồi lui giữ phía trong cửa. Lại nghe thấy ở cửa Thiên Thu có quân đóng. Lệ bèn theo cửa Việt (có lẽ là cửa Việt Thành) ra cửa Diên Cự, bị quân Phán đuổi theo. Lệ lấy giáo đánh, lại giết được một người; quân Phán chững lại, Lệ ra đến cửa Thiên Thu bèn thoát được. Phán đem quân đánh Thế Quy. Thế Quy trốn vào dưới linh cữu Cao Tông. Tìm không thấy Thế Quy, Trung Tụ bắt viên quan thị canh gác quan tài tên là Thụ hỏi Thế Quy trốn ở đâu. Thụ còn sợ Thế Quy, nên giả vờ đưa tay lên trán mà chỉ chỗ Thế Quy; Trung Tụ theo chỗ Thụ chỉ mà vào bèn bắt được Thế Quy, Trung Tụ sai đem chém ở chợ Đông, trước tiên chặt hai ống chân, rồi phanh ngực, chặt tay. Thế Quy thần sắc vẫn như thường, đến sau bị mổ bụng mới chết. Ngày hôm đó, Trung Tụ bắt Tiểu thị vệ nhân là Đàm Nhập giết ở ngoài cửa Trường Quảng vì Nhập về phe vương tử Thâm; Đỗ Quảng cũng giết kí ban là Vũ Lợi ở ngoài cửa<sup>(108)</sup>.

Ngày Kỷ Mùi, vua lấy Trung Tụ làm Chiêu thảo đại sứ, Đàm Dĩ Mông làm Thái úy.

Ngày Tân Mùi, vua xuống chiếu chém Đỗ Anh Doãn, Doãn Đình, Nguyễn Nguyên, Nguyễn Nhân ở Phong Pha.

Cho Dĩ Mông lên tước vương.

*Năm Tân Mùi, hiệu Kiến Gia năm đầu (1211).*

Mùa xuân, tháng giêng, vua lại sai đón con gái thứ nhà Trần. TỰ Khánh không chịu cho đón.

Ngày Ất Sửu, chọn quan văn làm chức Đô hộ phủ sĩ sư.

Ngày Quý Dậu, vua lại sai đi đón con gái thứ nhà Trần<sup>(109)</sup>. TỰ Khánh sai Nội điện trực là Phùng Tá Chu cùng tướng là Phan Lân, Nguyễn Ngạnh đưa con gái thứ hai nhà Trần về kinh sư, gặp Trung TỰ và Quảng đánh nhau ở cửa Triều Đông, bèn đỗ thuyền ở bến Đại Thông.

Ngày Kỷ Mão, Trung TỰ mượn binh ở Lân, Ngạnh. Quân của Quảng tan vỡ. Tháng nhuận năm đó bắt được bọn Quảng.

Ngày Canh Dần lập con gái thứ hai nhà Trần làm nguyên phi<sup>(110)</sup>.

Ngày Tân Sửu, vua cùng Thái hậu ngự ở cửa Cảnh Diên nghe xử án Đỗ Quảng. Bọn Quảng bảy người đều bị chém.

Tháng 3, vua lấy Chiêu thảo đại sứ, quan nội hầu Tô Trung TỰ làm Thái úy.

Mùa hạ, tháng 4, an táng vua Cao Tông.

Thiên tướng<sup>(111)</sup> của Nguyễn TỰ là Nguyễn Thử nói với Trung TỰ rằng: "TỰ định giết con rể ông là Nguyễn Ma La<sup>(112)</sup> rồi làm phản đấy". Trung TỰ giận, đoạt hết binh quyền của TỰ. TỰ sợ, chạy lên Quốc Oai.

Tháng 6, Trung TỰ đang đêm sang phủ đệ Gia Lâm cùng công chúa Thiên Cực tư thông, bị chồng công chúa là Quan nội hầu Vương Thượng giết. Lúc bấy giờ TỰ nghe

tin Trung Tự đã chết, bèn về kinh sư, ban đêm đem đồ dâng ăn trộm báu vật của vua. Vua giận dữ, xuống chiếu bắt Tự ngay lập tức. Tự trốn đến sơn lão ở Khô Sách<sup>(113)</sup>. Được vài tháng, lương ăn, áo mặc thiếu thốn, Tự định theo về với Tự Khánh. Đến ấp Than, phụ lão ở trong ấp đứng chặn đường xin Tự ở lại, nói rằng: "Đất này khốn khổ vì sơn lão đã lâu vậy! Nếu tôn ông có thể lưu lại đây ít lâu thì một dải ấp này được sống vẹn toàn cả, dân sẽ nhờ ơn ông lắm". Tự bèn quyết ý ở lại đây, họp tất cả người trong ấp lại, mổ trâu, uống máu ăn thề, dụ bảo lợi hại, mọi người đều vâng theo. Tự thấy đã lấy được lòng dân, bèn đem binh đánh phá sơn lão, chém đầu bọn chúng mà về; lại làm mấy chục người rơm, mỗi người cầm một cây đuốc, ban đêm đem đặt ở các sách<sup>(114)</sup> của bọn sơn lão, sai người coi giữ, dặn rằng: "Các người thấy nhà cửa sơn lão bốc cháy thì lập tức đốt các đuốc rồi hò reo âm lên". Đến nửa đêm, Tự sai Nguyễn Cục đốt nhà của sơn lão. Người canh giữ các người rơm thấy lửa cháy cũng đốt đuốc và hò reo. Sơn lão kinh sợ, hoảng hốt, toan cự chiến, nghi rằng đằng trước đằng sau đều có binh lính đông nên không dám ra, đều hướng về phía trước sách mà bắn. Lại sợ Tự đem binh đến, bèn hàng. Từ đó, một dải quận huyện đều thuộc về Tự.

Nguyễn Ma La thấy Trung Tự đã chết, đến nói với đức Thái Tổ ta<sup>(115)</sup> xin tiến binh đi vỗ yên các ấp Khoái. Ma La cùng vợ là Tô thị lên thuyền định đến Thuận Lưu<sup>(116)</sup>, giữa đường gặp tướng của Trung Tự là Nguyễn Trinh, bị Trinh giết chết, cướp lấy Tô thị mà về. Tô thị sai người báo với đức Thái Tổ. Thái Tổ giận Trinh là kẻ phi nghĩa bèn mưu tính Trinh đi. Tự Khánh táng Trung Tự ở hương Hoạch.

Thái Tổ đến Hải Ấp, sai người triệu Trinh. Trinh không đến, bèn sai Tô thị dụ nó rồi giết đi.

Người Hồng đánh ải Hoàng Diêm. Tụ Khánh sai Lại Linh đem binh cùng tướng Khoái là Nguyễn Đường ra chống cự. Đường bị người giữ ải bắt đưa về Hồng. Tụ Khánh giận dữ, phá đê cho nước sông chảy tràn vào các ấp rồi về.

Người Khoái thất vọng, quy phụ về Hồng. (Đoàn) Thượng và Ma Lôì bèn nói gièm Tụ Khánh với vua rằng: "Tụ Khánh sắp đem binh về kinh sư toan mưu việc cải lập". Vua giận dữ, mùa thu, tháng 7, hạ chiếu cho binh lính các đạo đi dẹp Tụ Khánh, giáng nguyên phi Trần thị làm ngự nữ<sup>(117)</sup>.

Người Hồng là Đoàn Thượng, Đoàn Ma Lôì đem binh về kinh. Vua xuống chiếu cho Thượng lên tước hầu.

Thái phó Hộ Dục bị bãi. Vua xuống chiếu cho Đàm Dĩ Mông lại được dự triều chính.

Tụ Khánh đem binh đánh Đinh Cảm là người của Ma Lôì, đánh bại được nó rồi về.

Mùa đông, tháng 10, Tụ Khánh lại đánh ấp đó, trước tiên đánh Đội Sơn (Duy Tiên, Hà Nam), giết và bắt được rất nhiều người. Cảm chạy vào sơn lão.

Người Hồng đánh bọn Phạm Vũ ở Nam Sách, hàng được chúng, sai tướng là Đoàn Trì Lỗi giữ ở đó. Trì Lỗi không thể chiêu tập được binh chúng, bị Vũ đánh, giết Trì Lỗi ở ấp Nhuế. Người Hồng lại đem binh qua sông đánh Nam Sách<sup>(118)</sup>. Người Nam Sách trốn vào núi Kỳ Đặc<sup>(119)</sup>. Vũ thất cố chết. Người Nam Sách sai người cầu cứu Tụ Khánh. Tụ Khánh sai tướng là Đinh Khôi đem binh đánh Hồng, người Hồng thua chạy, lại đi kinh lược Lạng Châu đến núi Tam Trĩ, được hết đất đó.

Tháng 12, Tự Khánh đại phát binh lính đến bến Tế Giang.

Thái hậu nghe tin quân lính đến ngỡ rằng có ý định phế lập. Tự Khánh bèn cắt tóc, thề trời, lại sai công chúa Thiên Trinh tâu rằng mình không có ý gì khác cả. Thái hậu cũng không tin. Đến đêm Thái hậu sai bắt Nhân Quốc vương và hai con trai thứ sáu, thứ bảy của ông đem đìm ở giếng nhà ngự đường để dứt cái mầm cải lập, rồi lại sai vớt các thầy để ở ngoài cửa cung Lâm Quang. Thị thần đều sợ Thái hậu, không dám nhìn, duy có tiểu quan là Trịnh Đạo khóc rất ai oán, rằng: "Tiên quân đi đâu mà khiến cho ba con như thế ư". Khi Cao Tông mới mất, trẻ con có câu hát rằng:

Cao Tông táng vị tất  
Tam thi tích vi nhất<sup>(120)</sup>

Nghĩa là:

*Tang Cao Tông chửu đoạn  
Ba thầy đã chết lên.*

*Năm Nhâm Thân, hiệu Kiến Gia năm thứ 2 (1212).*

Mùa xuân, tháng giêng, vua và Thái hậu ngự ra bãi Lãn Kinh<sup>(121)</sup>, bách quan tề tựu ở bãi đó rước xa giá về cung.

Viên quan Minh tự ở Thuận Lưu là Trần Tự Khánh cùng Nguyên Tự, họp nhau ở bến Triều Đông, thề làm bạn sống chết có nhau, tận trung báo quốc, cùng bình họa loạn, bèn chia hai bờ sông lớn, mỗi người thống suất một bên, từ Thượng Khố đến Na Ngạn, các hương ấp theo đường sông Bắc Giang và đường bộ thì thuộc về Tự Khánh; từ Kinh Ngạn đến Ô Diên thuộc về Tự, hẹn đến tháng 3, họp nhau đánh người Hồng<sup>(122)</sup>.

Ngày Canh Tuất, vua cho TỰ KHÁNH lên tước hầu, tên hiệu là Chương Thành<sup>(123)</sup>. Lấy em Thái hậu là Đàm Kinh Bang được dự triều chính.

TỰ KHÁNH về bến Tế Giang (Vấn Giang, Hưng Yên).

Đình Khôi đánh Lạng Châu, hàng được, cướp lấy tài vật của nhà công chúa Thiên Cúc mà đi.

Tháng 2, TỰ đánh người Cát Lợi<sup>(124)</sup> là Ngô Thường Vu và Vũ Cao, bị trúng tên bèn về ở ngô Tây Dương<sup>(125)</sup>. Hơn một tuần sau, nhờ giao hợp với đàn bà, khí độc lại phát ra nên chết.

Vua sai người đi võ về binh chủng của TỰ, bị phó tướng của TỰ là Nguyễn Cuộc giết đi. Vua giận lắm, tự làm tướng đi dẹp CỤC ở ngoài thành Tây Dương<sup>(126)</sup>. Đến ngô Phổ quan quân đại bại, để mất thanh bảo kiếm vua thường đeo. Vua quay ngựa về, đến ngô Giao Tác thì thoát được.

Vua và Thái hậu ngự ra nhà Đại liêu ban Đỗ Thường ở Đông Ngạn<sup>(127)</sup> định đi Lạng Châu. TỰ KHÁNH nghe tin đó bèn dẫn quân đến kinh sư, sai tướng là bọn Lại Linh, Phan Lân đem binh đến nhà Thường đón xa giá về cung. Vua sợ hãi, nghi ngại, đêm đó đi Lạng Châu. Bọn Linh, Lân nắm lấy cương ngựa, khấu đầu xin ở lại, vua bèn thôi. Ngày hôm sau, Chương Thành hầu TRẦN TỰ KHÁNH đến bến Đông Ngạn đón vua, vua quay về, đỗ giá ở bến Từ Diệu. TỰ KHÁNH sai người quét dọn cung Thánh Nghị, xa giá vào ở cung đó. Vua và Thái hậu tới trước bàn thờ Phật, thề rằng: "Trẫm là người đức bạc, thẹn nỗi cơ đồ quý báu, đến nỗi gặp loạn li, gần sụp đổ mất cơ nghiệp của người xưa, để cho cung giá phải nhiều lần dời đổi. Nay trẫm muốn thoái lui nhường ngôi trời cho người hiền đức". Nói



đoạn vua cầm dao định cắt tóc (để đi tu). TỰ KHÁNH và quần thần đều khầu đầu khóc lóc, vua mới thôi.

Ngày Canh Ngọ, xa giá về cung.

Chương Thành hầu TỰ KHÁNH đến HẠC KIỆU. Ngày hôm đó, vua truyền cho văn võ bá quan đều phải nghe mệnh lệnh của Chương Thành hầu.

Mùa hạ, tháng tư, TỰ KHÁNH đánh người HỒNG Ở ẤP TRI.

Mùa đông, tháng chạp, bọn ĐÀM KINH BANG đem tội trạng của NỘI MINH TỰ DOÃN TÍN DỤC nói với TỰ KHÁNH. TỰ KHÁNH giận dữ, phát binh đến LONG THÀNH sai ĐIỆN TIỀN CHỈ HUY SỨ NGUYỄN NGẠNH đem các quan chức vào cả trong cấm thành, hét lớn lên rằng: "TÍN DỤC a dua thượng ý, làm rối loạn kỉ cương trong nước, ra vào chốn thâm cung, không rõ ràng danh phận. Thần xin trừ bỏ nó đi, chớ để làm ô bản". TÍN DỤC sợ lắm, bèn trốn ở trên HƯƠNG CÁC. NGẠNH đột nhập vào bắt, giao cho TỰ KHÁNH, trói bằng dây thép năm vòng đưa đến nhà công quán ở MỸ LỘC<sup>(128)</sup>.

*Năm Quý Dậu, hiệu Kiến Gia năm thứ 3 (1213)<sup>(129)</sup>.*

Mùa xuân, tháng giêng, Thái hậu ngầm sai tên TIỂU THỊ VỆ HỎA ĐÀU VƯƠNG THƯỜNG vời bọn tướng ở đạo PHÙ LẠC là PHAN THẾ, ở đạo BẮC GIANG là NGÔ NÃI hẹn đến ngày GIÁP DẦN tháng ấy cùng phát binh đánh TỰ KHÁNH. Ngày GIÁP DẦN, bọn THƯỜNG, THẾ tiến đánh quân TỰ KHÁNH ở ngoài cửa ĐẠI HƯNG, định nhân đó sẽ vào hậu cung bắt mẹ TỰ KHÁNH là TÔ THỊ. PHẠM THỊ BIẾT MƯƠ ĐÓ bèn ngầm đem TÔ THỊ đi qua thành, lên thuyền chạy trốn. Lúc bấy giờ quân lính không đề phòng, thấy NÃI đến đều tan chạy. TỰ KHÁNH ở bến ĐẠI THÔNG, không hay biết việc đó.

Ngày Tân Dậu, TỰ KHÁNH dẫn quân vào trong cấm thành, đốt cầu Ngọa Thiềm, đem quân trở về bến Đại Thông.

TỰ KHÁNH sai người đi Bắc Giang triệu viên tướng Nguyễn Nộn. Nộn đến, bị trói bằng dây thép năm vòng<sup>(130)</sup>.

Ngày Nhâm Tuất, vua sai vương tước Thái úy ở dinh Thượng Khố<sup>(131)</sup> là DĨ MÔNG và Hồng hầu Đoàn Thượng đều tới hội. Vua sai Thượng và DĨ MÔNG đi đánh TỰ KHÁNH.

Tháng 2, vua đích thân dẫn quân đánh TỰ KHÁNH ở MỄ SỞ<sup>(132)</sup>.

TỰ KHÁNH đánh châu Quốc Oai, hàng được.

Tháng 3, vua cùng Thái hậu về cung Thánh Nghi.

Ngày Ất Sửu, TỰ KHÁNH thả TÍN DỤC về kinh sư, nhân đó đút lót rất hậu cho TÍN DỤC, nói rằng: "Ông về chuyện này cố khéo nói giúp ta với hai cung (Vua và Thái hậu) để hai cung biết rõ nghĩa vua tôi thủy chung của ta, chớ nên nghe lời bọn tiểu nhân, cho ta được toàn tính mạng". TÍN DỤC đến kinh, vua hỏi han về TỰ KHÁNH. TÍN DỤC nói rằng TỰ KHÁNH có lòng thoán nghịch. Vua và Thái hậu lại càng ghét TỰ KHÁNH.

Ngày Canh Ngọ, vua, Thái hậu trở về đại nội.

Mùa hạ, tháng 4, vua sai DĨ MÔNG đi Tĩnh Châu, lấy các quân Tam Đái giang để đánh TỰ KHÁNH.

Tháng 5, ngày Đinh Mão, cửa Việt Thành bị động đất.

Tháng 6, điện Chính Nghi bị động đất.

Mùa thu, tháng 7, lấy TÍN DỤC lại làm Thái phó, tiến tước hầu.

Người Nam Sách là bọn Phạm Di đánh Đinh Khôi phải bỏ chạy.

Tháng 9, TỰ KHÁNH cưới trời cho NGUYỄN NỘN. NỘN là người vẻ mặt khô ngô, kì lạ, độ lượng, tuy sống trong cùm trời mà thần sắc vẫn giữ được tự nhiên, thấy dưng sĩ nhảy múa, cũng mang cả dây thép trời mà nhảy, giỏi hơn dưng sĩ. TỰ KHÁNH trông thấy, lấy làm lạ, bèn lại cho làm tướng, gả con gái của dì mình cho NỘN và cho hai ấp Thần Khê, Cả Lũ<sup>(133)</sup>.

Tướng của TỰ KHÁNH là ĐÌNH KHÔI làm phản. TỰ KHÁNH bắt giết đi.

*Năm Giáp Tuất, hiệu Kiến Gia năm thứ 4 (1214)*<sup>(134)</sup>.

Tháng giêng, Chương Thành hầu TỰ KHÁNH họp binh các đạo thề ở đền Đỗ thái úy ở Đông Phù Liệt<sup>(135)</sup>, định đánh kinh sư. TỰ KHÁNH chia ra hai đường thủy bộ: Phan Lân, NGUYỄN NỘN đem quân ở Quốc Oai, theo đạo Bình Lạc mà đánh bằng đường bộ; TỰ KHÁNH tự lĩnh thủy quân đến Đà Mạc giang (sông Hồng miền Hưng Yên); ĐỨC THÁI TỔ TA (TRẦN THỪA) và TỰ KHÁNH đánh bên hữu ngạn sông Lô (sông Hồng). TRẦN THỦ ĐẠT (TRẦN THỦ ĐỘ), TRẦN HIẾN SÂM, NGUYỄN NGẠNH đánh bên tả ngạn sông Lô (sông Hồng); VƯƠNG LÊ, NGUYỄN CẢI đánh cầu Nổi (Phù Lương) ở bến Triều Đông (bến sông Hồng thuộc Hà Nội).

Vua tự làm tướng dẹp TỰ KHÁNH, gặp sương mù đen tối, người chỏ dò không thấy rõ đường đất. Đến MỄ SỞ gặp quân của LÊ, CẢI. Chưa giao chiến, LÊ, CẢI hò reo tiến binh, quan quân tự tan vỡ, quân sĩ đều bỏ thuyền lên bộ mà chạy. LÊ, CẢI bắt được thuyền rồng.

ĐỨC THÁI TỔ TA định tiến công hữu ngạn sông Lô (sông Hồng), đến bến An Diên gặp ĐÀM DĨ MÔNG và AN NHÂN VƯƠNG đem các quân ở đạo Bắc Giang tới, liền đem hết quân tinh nhuệ ra đón đánh. Hai quân (của DĨ MÔNG và

An Nhân vương) đều bại. Bọn Thủ Độ, Hiến Sâm thừa thắng tiến đến bến Từ Diệu, lại thắng được địch. Bọn Lân bèn đến chợ Dừa (Da thị), gặp tướng Hồng là bọn Đoàn Cấm, Vũ Hốt liền đánh, bọn này đều thua chạy, qua cầu Nổi ở bến Triều Đông mà về<sup>(136)</sup>.

Lúc bấy giờ vua ở đình Trà, nghe tin các quân đều thất bại, rất sợ hãi, sai xe giá vào trong cấm thành rước Thái hậu cùng lên thuyền định đi Lạng Châu. Khi đi qua Đại Thát (tức Thái Thát) ở Thiên Đức (Từ Sơn), Dī Mông khóc lóc thảm thiết, ngăn lại nói rằng: "Đường đi Lạng Châu xa xôi, đất nhiều chướng khí, không phải là nơi yên ổn. Nay bệ hạ tị nạn mà đến nơi ấy, khác nào tránh nóng mà lại chạy vào lửa, có ích lợi gì? Xin bệ hạ lưu lại đây ít lâu, sai bọn thân thống suất người Hồng, lại cùng kẻ kia giao chiến, để mưu toan về sau. Vạn nhất có bất lợi, sau đó hãy ngự đi cũng chưa muộn!" Vua nghe lời.

Dī Mông với người Hồng không đến, nên chạy đến Hồng. Vua lo lắng, ngày Kỷ Mão ngự đi Lạng Châu. Xe giá đến nhà Nguyễn Thuận ở hương Nhuế Duệ<sup>(137)</sup>, nghỉ một lát. Đêm đó vua lại ngự đến nhà Trịnh Nông ở hương Đa Cấm. Nông dâng món ăn, ăn xong vua lại đi, ngủ ở nhà Đào Niên ở động Chu Ma. Tụ Khánh ở Hạc Kiều, sai bảo các tướng súy, võ về binh lính mới tập hợp ở các đạo. Lại Linh giữ Nghĩa Trụ. Phan Lân giữ Siêu Loại (Thuận Thành, Bắc Ninh), Thủ Độ giữ Lãng Ái<sup>(138)</sup>, Phạm Ngũ giữ Bần Ái<sup>(139)</sup>, Nguyễn Nộn giữ Bắc Giang (Bắc Ninh và nam phần Bắc Giang ngày nay).

Lúc bấy giờ Thủ Độ gặp binh của người Hồng là Đoàn Thượng, Đoàn Văn Lô, Đoàn Khả Như, liền đánh chúng, người Hồng thua chạy.

Vua nghe tin Nộn giữ Bắc Giang, bèn sai tướng An Thiết là bọn Thân Trường, Thân Cải<sup>(141)</sup> cự chiến ở cánh đồng Nhuế Duê<sup>(142)</sup>, đều bị Nộn giết chết cả.

Vua bèn cùng Thái hậu chạy đến đất Mục, ngụ ở nhà quan Nội hầu Vương Thượng (châu mục Lạng Châu).

Được vài ngày, TỰ KHÁNH bèn cắt tóc, sai người đem dâng vua và nói rõ ý của mình rằng: "Thần thấy bọn tiểu nhân ở cạnh bệ hạ, lấn át người trung lương, bưng tai bịt mắt bệ hạ; dân tình uất ức, không thấu được lên trên. Cho nên, nhân lòng giận dữ của người trong nước, thần khởi binh dẹp lũ đó, cắt trừ gốc họa, để yên lòng dân mà thôi. Đến như phận vua tôi, thần mảy may không dám phạm đến một chút nào. Ngờ đâu, phải gánh lấy tội chuyên quyền đánh dẹp, để khiến cho xe giá phải long đong, tự xét tội của thần, thật đáng vạn lần chết. Xin bệ hạ nguôi cơn giận dữ, quay xe giá về kinh sư để thỏa lòng người mong muốn". Vua không ứng lời.

TỰ KHÁNH lại sai Đàm Kinh Bang đem trăm quan, chuẩn bị xe giá rước vua về kinh. Vua toan nghe lời. Quần thần đều vui mừng. TÍN DỤC nói với Thái hậu rằng: "Kể kia có lòng dạ khác đã lâu, toan bày kế để bắt tù đầy thôi! Sao bảo là đón rước được? Xin bệ hạ nên suy đi nghĩ lại". Thái hậu lấy làm phải. Ngày hôm sau, vua sai xe giá trở về, vào tâu với Thái hậu. Thái hậu nói rằng: "Vua lấy quốc gia làm trọng, không thể không về được. Còn mẹ già thì đi đâu?" Vua biết rằng Thái hậu không có ý trở về, bèn cùng Thái hậu ngự đi Cổ Lộng<sup>(142)</sup>. Bọn Kinh Bang đều đứng chặt đường, vịn lấy đầu ngựa, khóc lóc nói rằng: "Kinh sư là nơi dân mong ngóng bỏ đây không về thì định đi đâu?", lại nói rằng: "Thần thấy tấm lòng của TỰ KHÁNH trung

trực không có ý gì khác, bệ hạ còn nghi ngờ gì nữa?" Vua vẻ thất vọng xuống xe nói với quần thần rằng: "Quốc gia chẳng may lúc này gặp nhiều biến cố. Nay Thái hậu lặn lội nơi xa xôi nguy hiểm, trăm lẽ nào dám bỏ nghĩa sớm hôm thăm hỏi", nói rồi giục xe mà đi. Lúc bấy giờ bọn hộ vệ nhiều người bỏ đi, duy có bọn Nội thị phán thủ Trần Hân 30 người cùng đi. Vua và Thái hậu lên thuyền ngự đến núi Tam Trĩ (thuộc Lạng Châu) ở tại nhà Hoàng Ngũ. Lâu rồi thấy thủy thổ không hợp, bèn lui đến bến Thang. Đêm đó đỗ xe ở thôn Tượng Nô<sup>(143)</sup>.

Tháng 2, ngày Tân Mùi, xe giá vào Phụng Sơn<sup>(144)</sup>, được hơn một tuần (hơn 10 ngày) lại trở về Nam Sách (Hải Dương).

Ngày Mậu Thân, Chương Thành hầu Tự Khánh triệu tập các vương và bách quan bàn việc cải lập, bèn sai người đón con vua Anh Tông là Huệ Văn Vương đến Hạc Kiều lập làm vua. Ngày hôm đó bắt bọn Đàm Kinh Bang họ nhà Thái hậu đều trói bằng dây thép đem giam ở Mỹ Lộc (Nam Định).

Ngày Quý Hợi, họp người trong nước thể ở sân Long Trì.

Tháng 3, Huệ Văn Vương lên ngôi ở điện Đại An, cải nguyên là Càn Ninh, hiệu là Nguyên Vương. Ngày hôm đó có mưa to sấm lớn.

Người Hồng là Đoàn Nhuyễn đánh vào núi Đông Cứu<sup>(145)</sup> ở Bắc Giang. Người Đông Cứu không đề phòng, thấy Nhuyễn đến, đại quân đông đủ, bèn tan vỡ. Nhuyễn vốn hung hãn, được thắng lại càng kiêu, bèn đốt nhà cửa, giết bắt gà chó gần hết. Sau đó, Nhuyễn cỡi giáp lên chùa trên núi, đánh chuông làm vui. Lúc bấy giờ người canh giữ các chùa đều kéo chuông. Nguyễn Nộn nghe

tiếng chuông đem binh đón đánh, giết được bọn Nhuyễn. Nộn thừa thắng đuổi theo bọn chúng đến Pháp Kiều, bị người Hồng là Đoàn Nghi mai phục ở dưới cầu, lấy giáo đâm Nộn, qua cả giáp sắt, bị thương ở lưng. Nộn bèn dẫn binh lui. Xưa Nộn thấy Đông Cửu giáp giới với Hồng, sợ người Hồng đánh úp, lại cứu không kịp, bảo trước bọn lính canh rằng: "Nếu thấy người Hồng đến thời ai nấy đều đánh chuông cáo cấp cho Nộn nghe thấy mà lại cứu". Đến bây giờ, Nhuyễn làm lơ đánh chuông chùa, vì thế mà bị đánh thua.

Mùa hạ, tháng 4, tướng quân Cam Giá là Phan Cự<sup>(146)</sup> làm phản. TỰ KHÁNH bắt về giam ở Mỹ Lộc. Tướng quân Cam Giá là ĐỖ BỊ làm phản. TỰ KHÁNH sai Phan Lân đi bắt, bị thua, lại sai Lại Linh tới cứu, cũng bị thua. ĐỨC THÁI TỎ (Trần Thừa) thấy hai quân bị thua bèn tự làm tướng đi đánh, không thắng phải lui về.

Nguyễn Nộn ở Bắc Giang làm phản. TỰ KHÁNH nhân thế cho vợ nó về. TỰ KHÁNH giết NGHĨA TÍN vương ở Đào Đàm (có lẽ là Dâm Đàm, tức Hồ Tây), lấy cố vương cùng Nộn có thông mưu.

Ngày hôm đó, TỰ KHÁNH phát binh cướp lấy vàng bạc hóa vật của kho vua, rồi đón Nguyên vương xuống hành cung Lý Nhân (Hà Nam) sai Lại Linh đốt các cung thất ở kinh đô đến 19 nơi.

TỰ KHÁNH đến bến Đại Thông, đắp lũy ở NGHĨA TRÚ<sup>(147)</sup>.

Tướng của TỰ KHÁNH là Phan Lân định cử binh hưởng ứng với Nộn. Mưu mô bị tiết lộ, TỰ KHÁNH đem chém ở châu Đại Thông.

Tháng 6, TỰ KHÁNH tiến đánh Nộn ở cung Thánh Nghi, đốt cung đó.

Ngày Bính Ngọ, vua cùng Thái hậu từ Nam Sách trở về ngự ở Thái Thất. Ngày hôm đó, cho tướng quân đạo Bắc Giang là Nguyễn Nộn tước hầu.

Ngày Đinh Mùi, đến Đại Nội. Thái hậu mật chiếu cho Tướng quân Phù Lạc là Phan Thế dụ Ô Kim hầu là Nguyễn Bát giết đi, (Thế) đánh Bát bị thương ở má, nhờ có quân sĩ lại cứu nên thoát được.

Mùa thu, tháng 7, ngày Mậu Thìn, vua xuống chiếu đắp lũy từ cửa thành Vạn Xuân đến chợ Cái để phòng ngự Tự Khánh.

Tháng 8, Bắc Giang hầu Nguyễn Nộn đánh Ô Kim hầu Bát ở cầu Tây Dương<sup>(148)</sup>.

Ngày Kỷ Dậu, Tự Khánh sai Đàm Bật dâng vua thổ vật.

Tháng 9, Tự Khánh sai Nguyễn Ngạnh đưa Kinh Bang về kinh sư, nói rõ ý mình không có gì khác. Vua nghe tin Ngạnh đến, càng sợ, bèn đi đến nhà Doãn Bá ở ngô Phiên Cầm; Ngạnh đi, vua mới trở về cung.

Ngày Nhâm Dần, thi con em tăng quan.

Ngày Quý Mùi, viên Tả phụ Nguyễn Chính Lại tự tiện lấy khí giới ở Vũ Khố. Vua xuống chiếu bắt, Chính Lại sợ, chạy đi Bắc Giang.

Ngày Đinh Hợi, Tự Khánh dẫn binh xâm phạm cửa khuyết. Vua cùng Thái hậu đem binh hội họp. Ngày hôm ấy Tự Khánh thả quân sĩ cướp tài vật của vua, đốt cả cung thất và nhà cửa của dân kinh thành gần hết.

Ngày Kỷ Mùi, vua cùng Thái hậu về kinh sư, thấy cung thất bị đốt cháy hết, bèn đi ra cầu Thái Hòa ở cạnh đền Chúc Thánh, sai dựng căn nhà tranh để ở.

*Năm Ất Hợi, hiệu Kiến Gia năm thứ 5 (1215)<sup>(149)</sup>.*



Mùa xuân, tháng giêng, vua xuống chiếu nói rằng: "Trần Tự Khánh nhóm họp hung đảng, cướp nhiều kinh sư, đánh thủy, đánh bộ, làm đau đớn đến tông miếu, xã tắc. Mùa đông năm ngoái, lửa bạo ngược lại càng bốc cháy, nó đem quân lính, càn rỡ tham ngược, cướp bóc của cải của ta, đốt phá cung thất của ta, đến như ngõ ngách kinh thành, cũng bị biến thành tro bụi! Trẫm nhân nỗi giận của ức triệu thân dân, nhờ cậy anh linh của nhất tổ lục tông, đem cả sáu quân, thân hành đánh dẹp. Hỡi tướng sĩ! Hãy nghe lời chiếu của trẫm, ai nấy hãy dốc lòng gắng sức, cho xứng với ý trẫm!".

Tự Khánh dẫn quân đến đóng đồn ở Cửu Liên, chia tướng sĩ đến đóng đồn ở Cửu Ông thuộc Cửu Cao<sup>(150)</sup> để phòng ngự Nguyễn Nộn, lại sai tướng quân Lộ Khoái là Nguyễn Đường, Nguyễn Thủ giữ Địa Dân. Đường, Thủ lại cùng với Nộn thông mưu để đánh Tự Khánh. Tự Khánh lại sai Lại Linh giữ An Diên, Phù Liệt<sup>(151)</sup> tự mình đi đánh Đường, Thủ và Nộn.

Vua sai người đánh An Diên, Phù Liệt, thắng được.

Tháng 2, phong Bắc Giang hầu Nộn tước vương.

Người Nghĩa Trú là Chu Đình đem ấp của nó theo Nộn.

Tháng 3, Tự Khánh đánh hương Khoái, hạ được. Đường cùng con là Thổ ra hàng. Do đó, Tự Khánh sai bọn Đường, Thủ đắp lũy Hoàng, sai An Lị đắp lũy An Giá, Dương Từ đắp lũy Công Chúa. Nộn lại đánh Lị và Đường, Thủ đều thắng được. Tự Khánh nghe tin Đường bị hại, dẫn quân tới cứu, lại sai tướng là Thủ Khánh, Hiến Sâm, Đào Phán đóng đồn ở Lan Kiều đánh tướng của Nộn là Phí Thám, bại được nó.

Tháng 5, Tự Khánh gả em gái là Trần tam nương cho Đường.

Vua nói với quần thần rằng: "Trẫm muốn thoái vị, các khanh thấy thế nào?" Quần thần đều khóc lóc can ngăn. Vua không nghe, bèn cùng Thái hậu dùng dao cạo tóc. Ngày hôm đó, vua từ dinh Thái Hòa ngự đến nhà Đặng Lão ở Trương Canh, hồi giá về nhà Nội kí ban Đỗ An ở ngõ Chỉ Tác tại cầu Tây Dương.

Tự Khánh đánh Đại Hoàng<sup>(152)</sup>, quân tan vỡ, tướng là Nguyễn Đường bị chết đuối.

Mùa thu, tháng 7, Tự Khánh đốt cung Động Nhân. Vua sai rước thần chủ Linh Nhân Thái hậu (tức Ý Lan) về đền Chúc Thánh.

Mùa đông, tháng 10, vua xét việc án Thượng Lâm viện.

Tháng 11, Tự Khánh gửi trả lại mũ bình thiên.

Tháng chạp, dựng thảo điện ở nhà Đỗ An.

*Năm Bính Tí, hiệu Kiến Gia năm thứ 6 (1216).*

Mùa xuân, tháng giêng, vua cùng Thái hậu ngự ở thảo điện (điện lợp lá) coi triều, Tự Khánh trả lại kim ý (ghế thếp vàng).

Tháng 3, mưa đá. Vua sai người bắt kẻ cướp ở ngõ Cơ Xá<sup>(153)</sup>, bị tướng Cào<sup>(154)</sup> là Đỗ Ất đánh. Vua sai triệu Ất đến. Ất không nghe, vua sai Hiễn Tín vương Bát đẹp Ất. Ất rút lại vẫn không chịu nghe.

Tháng 5, tướng Cảo là Đỗ Nhuế đánh vua.

Ngày Mậu Ngọ, vua ra trại Ngoài, nhân sai người đến xin quân của Tự Khánh để dẹp Nhuế. Nhuế chạy đến với Nộn.

Ngày Kỷ Tị, đày Liệt hầu Đỗ Nhuế làm Khao giáp.

Ngày Giáp Thìn, vua cùng phu nhân Trần thị ban đêm đi Thuận Lưu theo Tự Khánh. Trời sáng, gặp tướng của

Tự Khánh là Vương Lê đem thuyền lại đón. Lúc bấy giờ Thái hậu và công chúa con vua<sup>(155)</sup> đều trốn đến Ô Kim<sup>(156)</sup>. Tự Khánh trông thấy vua rất mừng, tướng sĩ đều vui vẻ hò reo. Từ đó, vua cùng Tự Khánh quyết ý đánh bọn Bắc Giang vương Nộn, Hiến Tín vương Bát, người Hồng Đoàn Văn Lôi, Hà Cao ở Quy Hóa.

Ngày Giáp Thân, Thái hậu đến An Xương. Lúc bấy giờ Nộn, Cao lấy mệnh lệnh của Thái hậu đánh các ấp ở Từ Liêm đều hạ được.

Ngày Canh Tuất, Tự Khánh dựng thảo điện ở Tây Phù Liệt (Thanh Trì, Hà Nội), quy mô phỏng theo đại nội.

Hiến Tín vương Nguyễn Bát hàng.

Vua xuống chiếu cho chức Minh tự Phùng Tá Chu làm Chiêu thảo sứ.

Ngày Giáp Thìn, vua đến Từ Liêm, sai Tự Khánh đánh Nộn.

Vua xuống chiếu đày Nộn làm lính.

Mùa thu, tháng 8, Hiến Tín vương Bát làm phản, đem binh phá ấp Hợp, tướng là Đỗ Tế chạy về Đan Phượng.

Mùa đông, tháng chạp, vua cho đức Thái Tổ ta (Trần Thừa) tước Liệt hầu, Phùng Tá Chu, Lại Linh đều được tước Quan Nội hầu. Lấy Tự Khánh làm Thái úy, khi xưng lễ không phải gọi tên. Con cả đức Thái Tổ (Trần Thừa) là Liễu được tước Quan Nội hầu, con cả Tự Khánh là Hải được tước vương. Lại lấy đức Thái Tổ (Trần Thừa) làm Nội thị phán thủ, mỗi khi có lễ đại yến cho ngồi ở điện Thiên An<sup>(158)</sup>.

*Năm Đinh Sửu, hiệu Kiến Gia năm thứ 7 (1217).*

Mùa hạ, tháng 4, Thái úy chia chư quân thành sáu

đạo đi dẹp Nộn, Nộn đem binh xuất kì bất ý đánh Phạm Ân. Quân của Ân bị hãm ở cửa đầm Lãn Kinh, bị Nộn giết hơn năm chục người. Nộn thừa thắng lại đánh ải đạo, gặp nhân Thái úy, giao chiến, quân Nộn tan vỡ.

Vua ngự ở tòa Lương Thạch (đá mát) xét tội Phạm Ân thua trận, truất Ân làm Tiểu thị vệ nhân, đánh 80 trượng.

Tháng trọng hạ (tháng 5), người Hồng là Đoàn Thượng cùng binh chúng ra hàng, vua phong Thượng tước vương.

Thái úy đem binh đánh Chân Na<sup>(159)</sup> ở Phong Châu, đều hạ được các thành ấp ấy.

Ngày Đinh Mão, các thuộc ấp ở Phong Châu đều ra hàng.

Thái úy lại đem quân đánh Hiển Tín vương Bát, thắng được. Bát chạy lên sách An Lạc<sup>(160)</sup>. Từ đó một dải hương ấp đều bình.

Dựng núi Vạn Tuế có năm ngọn.

Điện Vĩnh Thọ bị cháy.

Tháng mạnh đông (tháng 11), ngày Giáp Dần, ban đêm có động đất.

Vua đem bắt cá ở Đội Sơn (Hà Nam).

*Năm Mậu Dần, hiệu Kiến Gia năm thứ 8 (1218).*

Tháng trọng xuân (tháng 2), lấy chức Minh tự của sơn lão ở sách Ma Luận là Bạch Lãng làm Liệt hầu.

Tháng mạnh hạ (tháng 5), vua ngự ra châu Cứu Liên xem bắt cá.

Ngày Mậu Dần, vua ngự ra Cựu Kinh<sup>(161)</sup> ăn vải quả.

Vua xuống chiếu rằng các án ngục đã thành, trước hết phải do quan Thẩm hình viện khảo đính, sau mới tâu vua xét.

Ngày Kỷ Mùi, động đất.

Đức Thái Tổ ta (Trần Thừa) lĩnh các đạo binh đi đánh Nộn ở Bắc Giang sai phá lở đê cho nước tràn vào các hương ấp. Lại Linh theo thế nước mà tiến đánh; quân Nộn bị tan vỡ, bắt được vợ con Nộn. Nộn đem hơn một trăm người lui giữ Phù Ninh<sup>(162)</sup>. Ngày hôm đó, Thái úy đem binh đến trạm Nỏ, ngồi nghỉ, đùa chỉ một cành cây nhỏ, bảo với tả hữu rằng: "Ta sẽ bắn trúng cành đó cho các người xem". Bắn một phát liền trúng, quân sĩ đều sợ phục. Ngồi một lát, trạm đó bị đổ đè lên Thái úy. Binh chúng rất sợ hãi, dỡ gỗ ngói để đỡ Thái úy ra, Thái úy không việc gì.

Lấy Quan Nội hầu Lại Linh coi việc châu Nghệ An. Đức Thái Tổ và Thái úy gả em gái là Trần tam nương cho Hồng hầu Đoàn Văn Lôi. Văn Lôi là người dũng cảm, có mưu lược, được lòng dân nên người Hồng theo rất đông.

Tháng 7, lụt<sup>(163)</sup>.

*Năm Kỷ Mão, hiệu Kiến Gia năm thứ 9 (1219)*<sup>(164)</sup>.

Mùa xuân, tháng 2, ngày Bính Thìn, mưa đá.

Tháng Ất Sửu, vua xét việc án ở Đô hộ phủ, giáng Thượng làm viện sĩ sư Nguyễn Tuyên và con là Đặng Phân Thịnh<sup>(165)</sup> làm Thư gia.

Mùa hạ, tháng 6, lấy Lưu Viêm<sup>(166)</sup> làm Thượng lâm viện sĩ sư.

Ngày Ất Sửu, vua ngự ra bến Triều Đông ở Cự kinh xem chư quân đánh Nộn, không thắng.

Phạm Dĩ mất ở Nam Sách. Xưa, Thái úy sai bọn Vương Lê đem binh đến Nam Sách cùng Dĩ họp bàn cùng đánh Nộn. Gặp khi Dĩ bị bệnh nặng, Tự Khánh sai thầy thuốc là Thạch Chương sang chữa cho Dĩ, chưa tới nơi thì Dĩ mất.

Ngày Ất Tị, Tụ Khánh đem lính qua Nam Sách, giữa đường gặp bọn Vương Lê trở về, giận dữ vì bọn này không ở lại, định giết đi. Nhân sai tướng quân Nguyễn Cải, Nguyễn Mộc đem binh đi tắt đến Bình Cảo. Lúc bấy giờ Nộn đã đến chiếm giữ trước ấp này. Cải, Mộc hết sức đánh tranh lại ấp ấy. Quân Nộn tự tan vỡ. Thái úy theo đường bộ đến cầu An Định, gặp tướng quân Tụ Khiêu nói quân Nộn đã đến động An Định. Thái úy sai tiến đánh, không thắng. Thái úy lại đánh Bình Cảo, tướng Nam Sách là Hoàng Cá Tốt, Nguyễn Lợi đều ra hàng. Nam Sách được bình.

Tháng trọng thu (tháng 8), vua ngự ra cửa Trường Quảng xem lễ thu xã (lễ sau tiết lập thu).

Mùa đông, tháng chạp, Nộn bị bệnh<sup>(167)</sup> nặng. Thái úy đem quân về bến Triều Đông, thì Nộn đã chết. Ngày Canh Ngọ, tướng của Nộn là Phi Thám nộp Thái hậu và công chúa con vua cho Thái úy mà hàng. Đại tướng của Nộn là Nguyễn Doanh trốn vào rừng hiểm Thị hàng, qua năm ngày tự thấy kể đã cùng bèn dâng con danh mã mà hàng. Bắc Giang được bình.

*Năm Canh Thìn, hiệu Kiến Gia năm thứ 10 (1220).*

Mùa xuân, tháng giêng, lấy Thượng phẩm phụng ngự Trần Báo làm Quan Nội hầu, Trần Hiến Sâm làm Liệt hầu, Nguyễn Tá Thời coi việc Thảm hình viện.

Tháng quý xuân (tháng 3), mưa đá.

Tháng 3, hậu cung bị động đất.

Mùa hạ, tháng 4, thái úy Tụ Khánh cùng đức Thái Tổ phát binh đánh Hà Cao ở trại Quy Hóa, chia làm hai đường: Thái úy và Thái Tổ do đường sông Quy Hóa<sup>(168)</sup>, Lại Linh, Phan Cự do đường sông Tuyên Quang<sup>(169)</sup>, hai đạo

cùng tiến. Cự bị hãm ở trong đầm lầy, bị tướng của Cao là Nguyễn Nãi chém. Cao nghe tin quân Thái úy bao vây bốn phía rất gấp, bèn cùng vợ con đều thất cổ chết. Từ đó những vùng Thượng Nguyên lộ<sup>(170)</sup>, Tam Đái giang<sup>(171)</sup> đều bình. Thái úy thấy Phan Cự chết vì nước, xin truy phong cho là Minh Tín vương.

Tháng 6, ngày Kỷ Mùi, mồng một, hai mặt trời cùng xuất hiện.

Tháng trọng thu (tháng 8), cung mới đã hoàn thành.

Mùa đông, tháng 11, vua ngự ra bến Phù Liệt xem đua thuyền<sup>(172)</sup>.

*Năm Tân Tị, hiệu Kiến Gia năm thứ 11 (1221).*

Tháng quý hạ (tháng 6), Huệ Văn vương mất, tức là Nguyên vương vậy. Vua bãi châu năm ngày, ăn chay ba ngày.

Mùa thu, tháng 9, ngày Mậu Thân, vua ngự ra nhà Thái úy ở Mỹ Lộc (Nam Định)<sup>(173)</sup>.

*Năm Nhâm Ngọ, hiệu Kiến Gia năm thứ 12 (1222).*

Mùa thu, tháng 8, sao chổi xuất hiện ở phương tây nam.

Tháng mạnh đông (tháng 10), vua cùng Thái hậu ngự điện Thiên An xem lễ nạp hôn của con trai Thái úy là Hiến Đạo vương Hải.

Tháng 9, lụt<sup>(174)</sup>.

*Năm Quý Mùi, hiệu Kiến Gia năm thứ 13 (1223).*

Mùa xuân, tháng giêng, Thái úy sai người bắt Bảo Tín hầu Lại Linh. Lại Linh thất cổ chết.

Tháng mạnh đông (tháng 10), Thái úy đánh sơn lão ở sách Mông.

Tháng chạp, ngày Kỷ Mão, phụ quốc Thái úy Trần Tự Khánh mất ở nhà tại Phù Liệt. Vua cùng Thái hậu

đến viếng, khóc lóc rất thương xót, đặt tên thụy là Kiến Quốc vương.

Ngày Kỷ Sửu, động đất.

Mùa đông năm này, hỏ vào các thôn ấp<sup>(175)</sup>.

*Năm Giáp Thân, hiệu Kiến Gia năm thứ 14 (1224).*

Mùa xuân, tháng giêng, ngày Đinh Mùi, an táng Kiến Quốc vương ở Mỹ Lộc. Mùa xuân năm ấy, vua lấy đức Thái Tổ (Trần Thừa) làm Phụ quốc Thái úy, Phùng Tá Chu làm Nội thị phán thủ, cho Thượng phẩm hầu Trần Bảo lên tước vương, tên hiệu là Hiến Thánh.

Tháng quý thu (tháng 9), từ Thượng Nguyên đầu đến kinh sư, nước sông đỏ như máu.

Mùa đông, tháng chạp, núi Phật Tích<sup>(176)</sup> ở trại Ngoại nứt lở dài 30 trượng.

*Năm Ất Dậu, hiệu Kiến Gia năm thứ 15 (1225).*

Vua sai Thái Tổ đi dẹp Nghệ An châu, hàng được.

Vua ngự ra cửa Đại Hưng xem đặt lễ tàng quy củ, xuống chiếu cho con gái đẹp ở trong nước tới xem.

Mùa hạ, sao chổi xuất hiện.

Tháng 6, vua nhường ngôi cho công chúa thứ hai là công chúa Chiêu Thánh<sup>(177)</sup>, hiệu là Chiêu vương (Chiêu hoàng), tôn vua là Thái thượng vương (Thái thượng hoàng), cải nguyên là Thiên Chương Hữu Đạo.

Ngày Kỷ Mão, họp người trong nước thề ở sân Long Trì.

Mùa đông, tháng chạp, thượng vương (thượng hoàng) thấy nữ vương (nữ hoàng) còn bé mà lo, vời Phùng Tá Chu đến bàn rằng: "Trẫm vì bất đức, chịu tội với trời, không có người kế tự, phải truyền ngôi cho con gái, lấy một âm mà chế ngự cả một bầy dương, nếu chúng không theo thì tất



phải ăn năn. Cứ như ta thấy, không gì bằng bắt chước Đường Nghiêu ngày xưa, noi theo Nhân tổ mới rồi, chọn người hiền mà trao ngôi cho. Nay ta thấy con trai thứ Thái úy là Mỗ (tức Trần Cảnh), tuổi tuy còn bé, nhưng tướng mạo phi thường, tất có thể cứu đời, yên dân, nên ta muốn lấy làm con, để làm chủ xã tắc, mà lấy Chiêu vương (Chiêu hoàng) gả cho. Lữ Khanh hãy vì trẫm mà nói dùm với Thái úy". Đức Thái Tổ (Trần Thừa) còn chưa tin. Tả phụ Nguyễn Chính Lại nói với Thái Tổ rằng: "Họ Nguyễn (Lý) được nước, vua hiền đã có 6, 7 đời, ơn đức của các vua ấy đã thấm sâu vào lòng người ta, bỗng chốc vội lấy họ khác nối ngôi, chắc rằng chỉ định thử xem ý ta thế nào mà thôi! Nếu ta do đó mà nhận, thiên hạ ắt bảo Thái úy thật có chí cướp ngôi". Thái Tổ toan theo lời ông ta; Thượng phẩm phụng ngự Trần Thủ Độ nói rằng: "Ông Tả phụ nói không đúng. Nếu như thượng vương (thượng hoàng) có con trai mà lại toan nhường ngôi cho nhị lang (chỉ Trần Cảnh), xét về nghĩa thì không thể vâng chiếu. Nay vì vua không người kế tự, muốn chọn người hiền mà phó thác ngôi cho, đó là thượng vương (thượng hoàng) bắt chước việc nhường ngôi của Nghiêu Thuấn ngày xưa, thì còn gì nữa? Huống chi ngôi trời không thể để khuyết lâu, mà ý thượng vương (thượng hoàng) muốn thoái lui đã quyết, (chọn người họ khác) để nối ngôi, dẫu muốn không phụng thờ người ấy thì có được không? Vả thượng vương (thượng hoàng) lấy nhị lang nối ngôi, đó là (ý trời): Trời đã cho mà không lấy thì ta sẽ phải chịu tội đấy. Xin Thái úy hãy suy nghĩ kĩ".

Mùa đông, tháng chạp, vua sai Nội thị phán thủ Phùng Tá Chu, Nội thành khiển tả ti lang trung Trần Trí Hoàn đem văn võ bá quan, sửa soạn thuyền xe đến phủ

Tĩnh Cương đón đức Thái Tổ ta. Ngày mồng 1 tháng chạp năm ấy, (nhị lang) lên ngôi ở điện Thiên An, tôn Thuận Trinh vương hậu làm Thái hậu, giáng Chiêu vương (Chiêu hoàng) làm Chiêu Thánh vương (hoàng) (hậu cải) nguyên Kiến Trung<sup>(178)</sup>.

Thái thượng vương cùng mẹ là Đàm Thái hậu ra ở chùa Phù Liệt, hiệu là Huệ Quang thiền sư.

Năm thứ 2, hiệu Kiến Trung (1226), tháng 8, ngày Bính Tuất (Huệ Quang thiền sư) mất ở chùa Thiên Giáo, miếu hiệu là Huệ Tông, ở ngôi 15 năm (có lẽ), cải nguyên một lần, niên hiệu là Kiến Gia, được 15 năm, thọ 33 tuổi, táng ở chùa Bảo Nha phủ An Hoa.

Trở lên là triều Nguyễn (Lý), từ Thái Tổ đến Huệ Tông có tám vua, bắt đầu là năm Canh Tuất (1010), cuối cùng là năm Ất Dậu (1225), cộng 216 năm thì mất.

### **Chú thích:**

<sup>(1)</sup> *Toàn thư* nói là năm lên hai.

<sup>(2)</sup> Nay là huyện Lục Ngạn, Bắc Giang (theo *Cương mục*). Theo *Thiên uyển tập anh*, truyện Thiền sư Thần Nghi, học trò sư là sư Ấn Không gọi là Na Ngạn đại sư, ở huyện Na Ngạn thuộc Lạng Châu. Bấy giờ Lạng Châu gồm cả Lạng Sơn và một phần Bắc Giang.

<sup>(3)</sup> *Toàn thư* chép là Thiên Thuận, *Cương mục* cũng chép theo *Toàn thư*.

<sup>(4)</sup> *Toàn thư* chép là "Bệ hầu dật nội nhân hỏa dầu Lưu Ba, Dương Anh Nhĩ".

<sup>(5)</sup> *Toàn thư* chép là Mâu Du Đô.

<sup>(6)</sup> *Toàn thư* chép: Hơn hai vạn người Chân Lạp vào cướp bến Ba

Đầu châu Nghệ An. Thái phó Lý Công Bình đem các quan chức đô cùng người Nghệ An đánh (q.3, 30a).

(7) Theo *Toàn thư* năm Mậu Thân (1128) có chiếu cấm "bọn gia nô, tạo lệ của bách quan không được lấy con gái lương dân" (q.3, 31a).

(8) *Toàn thư* chép là Lý Phụng An.

(9) *Toàn thư* chép vào năm sau, Giáp Dần (1134), *Toàn thư* bỏ không chép năm Quý Sửu 1133. Vì thế cho nên trong khoảng 1133-1139 cũng cùng một sự việc. *Toàn thư* chép chậm lại một năm đối với *Việt sử lược*. *Tống sử* và bia Đổ Anh Vũ đều cho ta biết Lý Thân Tông mất năm Đinh Tị (1137) đúng như *Việt sử lược* chép. Vậy *Toàn thư*, vì chép sót một năm nên sự sai ấy kéo truyền cho tới 1140 mà ta phải chữa ra 1139.

(10) *Toàn thư* chép: "Chiếu cho trong ngoài kinh thành ba nhà hợp thành bảo, giám sát các quan chức đô trong triều không được đưa con cho người khác nuôi để nhờ dựa chốn quyền thế. Kẻ nào không có quan ấm mà trái lệnh thì thu bắt rồi tâu lên, kẻ nào không giám sát cũng cùng tội".

(11) *Toàn thư* (q.3, 40a) chép là Phá Tô Lăng.

(12) *Toàn thư* chép là Hứa Viêm.

(13) *Toàn thư* chép là "người thầy bói tên là Thân Lợi tự xưng là con Nhân Tông, đem đảng chúng do lương thủy đến châu Thái Nguyên, ra châu Tây Nông; qua châu Lục Linh vào giữ châu Thượng Nguyên, châu Hạ Nông, chiêu nạp bọn vong mệnh, mộ thổ binh, có đến hơn 800 người cùng mưu làm loạn" (q.4, 1b).

(14), (15) Tây Nông hay Tây Nùng: tức là miền huyện Tư Nông (Phú Bình tỉnh Thái Nguyên ngày nay). Châu Hạ Nông nay là miền Thượng Nông, Hạ Nông (châu Bạch Thông, Bắc Cạn). Vậy châu Lục Linh, Thượng Nguyên là ở khoảng giữa đất hai châu đó, tức là miền Đông Hỉ (Thái Nguyên), phần tây huyện Vũ Nhai (châu Vạn Nhai đời Lý), huyện Bạch Thông (đông), Chợ Đồn, Chợ Rã (Bắc Cạn).

(16) Nhà Lê đổi thành huyện, nay là huyện Phú Lương, Thái Nguyên.

(17) *Toàn thư* chép là Quảng Dịch, không rõ ở đâu.

(18) *Toàn thư* chép là Lục Lệnh. Chữ lục và chữ long tự dạng gần giống nhau.

(19) *Toàn thư* chép đúng là Tô Hiến Thành.

(20) *Toàn thư* chép thêm: "Những ruộng hoang, ruộng thực (ruộng cấy cấy được) đã bán đứt, có văn khế thì không được chuộc lại, ai trái phạm bị phạt 80 trượng".

(21) *Toàn thư* chép là phủ Phú Lương.

(22) Theo *Toàn thư*, Đô Du làm Thái sư, lĩnh vọng các việc khê động nơi biên viễn.

(23) Theo *Toàn thư*: "Phụng chức Nguyễn Phụng dâng con rùa sáu mắt, ngực có hai hàng chữ trư văn. Quần thần biện bạch thành bốn chữ "thổ dĩ công pháp" (Xem chú thích 38).

(24) *Toàn thư* chép là Triệu tiên sinh.

(25) *Toàn thư* q.4, 5b chép khá kĩ sự kiện này.

(26) *Toàn thư* chép là Lị Nhân (Phủ Lý, Hà Nam).

(27) Theo *Toàn thư* (q.4, 7a), Chân Lạp vào cướp Nghệ An, đến núi Vụ Thấp (Vụ Ôn) gặp nắng nực ầm thấp, nhiều người cảm lam chướng chết, bèn tự tan vỡ.

(28) Anh Vũ cho vợ là Tô thị ra vào cung cấm hầu hạ Đỗ Thái hậu, nhân đó tư thông với Lê Thái hậu (*Toàn thư*). Lê Thái hậu là mẹ Lý Anh Tông.

(29) *Toàn thư* chép là hành lang Tả Thông Thánh.

(30) *Toàn thư* chép là Tả Thông Thánh Đô hỏa đầu.

(31) *Toàn thư* chép là Tả hưng đô Đàm Di Mông ôm lấy Dương, cướp lấy giáo...

(32) Nguyên văn viết là Vũ Cát. *Toàn thư* chua: "Cát, Đái, tiếng nôm là cứt, đái" (q.4, 7b). Đời Trần đã lưu hành chữ nôm.

(33) Theo *Toàn thư*, Đỗ Anh Vũ còn lo quân, lại, đi bắt bố người phần nhiều không được như ý, liền đem hơn 100 người mình vốn sai bảo dâng vua, đặt làm Phụng quốc vệ đô.

(34) Và Bảo Ninh hầu (cùng theo bọn Vũ Đái) xuống tước Minh tự, Bảo Thắng hầu xuống làm Phụng chức (*Toàn thư*).

(35) Theo *Toàn thư*, ai trái phạm, bị tội chết, hoặc không cẩn thận, để người khác vào cung cũng bị tội chết.

(36) *Toàn thư* chép thêm: "Ở trong cấm nội không được kết hội 5, 3 người bàn bạc việc phi nghĩa, ai trái phạm bị tội" (q.4, 9b).

(37) Theo *Toàn thư*, ai đi phạm vào ngoài địa đầu hành lang để khí giới của Phụng quốc vệ đô bị 80 trượng và tội đồ, đã đi vào trong hành lang thì bị tội chết. Còn bọn Phụng vệ, ở hành lang, có chiếu chỉ mới được cầm khí giới, không có chiếu chỉ tiện cầm khí giới đi quá địa đầu thì bị tội chết.

(38) Trứu văn: do viên Sử trứu, quan Thái sử đời Chu Tuyên vương làm ra lối chữ triện lớn, nên gọi là Trứu văn (ĐKT).

(39) *Toàn thư* chép là Ung Minh Tá Đệp. Lý Mông đem 5.000 quân của phủ Thanh Hóa và châu Nghệ An sang Chiêm Thành lập Ung Minh Tá Đệp làm vua, bị chúa nó là Chế-bì-la-bút chống cự, Ung Minh Tá Đệp và Lý Mông đều bị chết (q.4, 10b).

(40) *Toàn thư* chép rằng: "Tháng 2 vua xuống chiếu cho Anh Vũ dẹp sơn lão Chàng Long, hàng được nó". Không rõ Chàng Long ở đâu.

(41) *Toàn thư* chua: Đại Hoàng nay là phủ Trường An (nay là huyện Gia Viễn, Ninh Bình). Tháng 11, ngày Đinh Mùi vua thân chinh, ngày Canh Tuất xuất quân, ngày Giáp Dần thắng được, ngày Bính Thìn ban sư, ngày Kỷ Mùi về đến kinh.

(42) *Toàn thư* chép là ở Nam thành Đại La.

(43) *Toàn thư* chép Chế-bì-la-bút dâng con gái của nó, vua thu nạp.

(44) *Toàn thư* chép Chiêm Thành tới cống. Theo *Tống sử* (q.489) và *Minh sử* (q.324) Chân Lạp còn có tên là Chiêm Lạp.

(45) Theo *Toàn thư*, mỗi thăng lúa giá 70 tiền (q.4, 12a).

(46) Ngự Thiên là tên huyện đời Lê vẫn là huyện Ngự Thiên, nay là huyện Hưng Hà, Thái Bình (*Cương mục*).

(47) *Toàn thư* chép là Nguyễn Quốc.

(48) Quốc Oai thuộc Hà Tây ngày nay.

(49) *Toàn thư* không chép các sự việc mà *Việt sử lược* chép trong hai năm 1155 và 1156. Từ năm Đinh Sửu (1157) hai sách lại chép giống nhau.

<sup>(50)</sup> *Toàn thư* (q.4, 12b) chép là "Đày Nguyễn Quốc lên trại đầu ở Thanh Hóa" (tức miền thượng du Thanh Hóa).

<sup>(51)</sup> *Toàn thư* thì chép vua đã triệu Quốc về.

<sup>(52)</sup> Xuy Vưu là tổ của người Tam Miêu, xưa sống ở lưu vực sông Dương Tử. Hoàng đế, tổ của Hán tộc đánh Xuy Vưu ở Trác Lộc.

<sup>(53)</sup> Chùa Pháp Vân (tục gọi là chùa Dâu) nay ở Khương Tự (Thuận Thành, Bắc Ninh).

<sup>(54)</sup> Theo *An Nam chí lược*, q.1, tại miền Thanh Nghệ Tĩnh, "các thuộc ấp thì nay gọi là "giang", "trường", "giáp", "xã".

<sup>(55)</sup> *Toàn thư* (q.4, 14a) chép vào năm Giáp Thân (1164). Nhưng theo *Tống sử* (q.34, q.488) chép vào năm đầu hiệu Thuận Hi đời Tống Hiếu Tông (1174) đúng như *Việt sử lược* chép.

Trước đó, Tống vẫn gọi là Giao Chỉ và phong vua ta làm Giao Chỉ quận vương.

<sup>(56)</sup> "Và bắt tù" (theo *Toàn thư*).

<sup>(57)</sup> *Toàn thư* chép vào tháng giêng năm sau (1175), tháng 4 Ất Mùi sai Tô Hiến Thành ẵm Thái tử lên cầm quyền chính.

<sup>(58)</sup> *Toàn thư* chép là vợ cả (thê).

<sup>(59)</sup> *Toàn thư* chép là Đỗ An Di (chữ "Di" và chữ "Thuận" tự dạng gần giống nhau). An Di được làm Thái sư.

<sup>(60)</sup> *Toàn thư* chép tóm tắt: "Các sách Tư Mông làm phản, vua tự làm tướng đi đánh" (q.4, 20a).

<sup>(61)</sup> Nay chưa rõ các địa điểm kể trên là ở đâu. Cầm đầu "sơn lão" là họ Đinh, vậy có lẽ là người Mường miền Hòa Bình, Ninh Bình chăng?

<sup>(62)</sup> *Toàn thư* chép là Kiến Khang vương Long Ích đi đánh sách Diêm, bình được.

<sup>(63)</sup> Sách in nhầm chữ "lang" ra chữ "túc".

<sup>(64)</sup> Huỳnh Hoặc là một tên khác của Hỏa Tinh.

<sup>(65)</sup> *Toàn thư* chép Cổ Hoàng, nay là huyện Hoàng Hóa (Thanh Hóa).

<sup>(66)</sup> Theo *Toàn thư*, Lê Văn là "bản giáp vệ nhân" (lính hầu người giáp đó).

<sup>(67)</sup> Trại Ngọc Sơn thuộc châu Vĩnh (Hải Ninh, Móng Cái).

(68) Bài tựa *Kinh Thi* chính ra viết là "đời loạn".

(69) Chim thước: chim bồ các. Chim cưu: chim tu hú.

(70) *Toàn thư* chép là Văn Bố Điền.

(71) Cơ La: sau gọi là Kỳ La. Nay là cửa Nhượng (Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh).

(72) Theo *Toàn thư* (q.4, 22b), năm Mậu Ngọ (1198), tháng 7: "Ngô Công Tín người hương Cao Xá, Diễn Châu chiêu tụ bọn vô lại cùng với người Đại Hoàng là Đinh Khả, Bùi Đô xưng là con cháu Đinh Tiên Hoàng đồng thời làm loạn. Sau đánh dẹp được". Đến nay người Đại Hoàng lại nổi dậy chống nhà Lý.

(73) *Toàn thư* chép hơi khác: "Người Đại Hoàng lại làm phản. Xưa người Đại Hoàng là Phí Lang. Bảo Lương tâu rằng Đàm Dĩ Mông có tội một nước hại dân. Dĩ Mông giận dữ, đánh bọn ấy bằng roi. Bọn Lương từ đó chất chứa oán hờn, nhân thiên hạ sầu khổ muốn loạn bèn làm phản" (q.4, 24a).

(74) *Toàn thư* chép là Trần Linh Hinh.

(75) *Toàn thư* chép là sông Lô Bố. Theo *Thiên hạ quận quốc lợi bệnh thư* nói thuộc huyện Ý Yên.

(76) *Toàn thư* chép họ Đỗ, trước đó (q.4, 19b) chép họ Lý. *Cương mục* chép là họ Lý.

(77) Đỗ Kính Tu từ kinh đô Thăng Long đi dẹp Đại Hoàng ở miền Ninh Bình. Vậy An Lão nói ở đây có lẽ là núi An Lão thuộc miền huyện Bình Lục tỉnh Hà Nam ngày nay. Vậy Chương Sơn cũng ở gần miền đó.

(78) Phú Lương: nay là huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

(79) Nay là huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

(80) Một vật hình tròn, giống quả cầu.

(81) Theo *Toàn thư* thì tháng 10 năm đó, "rợ Mán ở núi Tản Viên, châu Quốc Oai, làm giặc cướp, cướp bóc hương Thanh Oai, thanh thế rất thịnh, không thể chế ngự được" (q.4, 25a).

(82) *Toàn thư* chép việc Đoàn Thượng làm phản vào đời Huệ Tông, năm Nhâm Thân (1212) và nói rằng: "Mùa xuân tháng 2, vua sai em cùng vú nuôi (đồng nữ) là Đoàn Thượng mộ dân Hồng Châu để bắt giặc cướp. Bấy giờ thế nước suy kém, triều đình không

có chính sự hay, đói kém thường xảy ra, nhân dân khốn cùng. Thượng nhân dịp đó, thiện tiện ra uy phúc, người ta không dám nói. Sau tội trạng dần dần rõ rệt, bị quân thần đàn hặc, tống ngục để xét hỏi. Thượng tuốt kiếm khóa thân chạy về Hồng Châu tụ họp đồ đảng, đắp thành, xưng vương, cướp bóc lương dân, triều đình không thể chế ngự được" (q.4, 28b).

Đại Thông: miền Đan Phượng, Hoài Đức (Hà Tây) và miền dọc sông Đáy. Xem H.Maspéro, *La géographie politique de l'empire d'Annam sous les Lý, les Trần et les Hồ* (BEFEO XVI, 1916).

Nam Sách: nay là huyện Nam Sách thuộc Hải Dương.

Khả Liêu: không rõ nay thuộc đâu.

Phù Đái: là tên một hương, nay có xã Phù Đái. Ở miền huyện Vĩnh Lại, Vĩnh Bảo, Hải Dương, nay thuộc thành phố Hải Phòng.

Hồng Châu: đời Lê là hai phủ Thượng Hồng, Hạ Hồng. Nay là hai huyện Bình Giang, Ninh Giang thuộc Hải Dương.

<sup>(83)</sup> Theo *Cương mục* (q.5, 36a), Đoàn Thượng người Thung Độ, huyện Gia Lộc (Hải Dương).

<sup>(84)</sup> Theo *Toàn thư* (q.4, 25a). Tháng giêng, năm Mậu Thìn, vua lập hoàng tử Sảm làm hoàng Thái tử, cho ở Đông Cung.

<sup>(85)</sup> Tây Kết, hữu ngạn sông Hồng, đối diện với Đông Kết (Khoái Châu, Hưng Yên).

<sup>(86)</sup> Sông Đà Mạc, theo *Cương mục* (q.6), sông Thiên Mạc tức là hạ lưu sông Phú Lương (sông Hồng), ở châu Mạn Trù, huyện Đông Yên (Khoái Châu) tỉnh Hưng Yên. Theo *Đại Nam nhất thống chí* (Hưng Yên tỉnh cổ tích), "bãi Đà Mạc tức sông Thiên Mạc, là nơi Chủ Đồng Tử gặp Tiên Dung, nay là châu Mạn Trù (Mạn Trò)".

<sup>(87)</sup> Đằng Châu: miền huyện Kim Động (Hưng Yên). Sứ quân Phạm Bạch Hổ giữ Đằng Châu, nay ở xã Đằng Châu, huyện Kim Động còn có đền thờ Phạm sứ quân.

<sup>(88)</sup> Đây là nói Phạm Du từ Nghệ An trở về hương Cổ Miệt. Hương Cổ Miệt chắc là thuộc tỉnh Hưng Yên, giáp Hồng Châu và Đằng, Khoái Châu (tức miền Ân Thi, Phù Cừ, Tiên Lữ, Hưng Yên) song không rõ chắc ở chỗ nào.



<sup>(89)</sup> Đới Xá: Đới Sơn, huyện Duy Tiên, Hà Nam. *Toàn thư* chép vào tháng 7, sau việc giết Bình Di.

<sup>(90)</sup> Theo *Cương mục* (q.5, 32a, b), Phạm Du ngầm sai người đến kinh đô đem vàng bạc đút lót cho người trong nội, nói rằng Bình Di tàn ác giết hại người vô tội, lại kể lể tình oan, xin về kinh dọ tội. Vua tin lời nó nói, sai vời về kinh, và triệu cả Bình Di về kinh.

<sup>(91)</sup> *Toàn thư* (q.4, 25b) chép là ra Đông Bộ Đầu, tức bến Đông Tân sông Nhị Hà bây giờ. Sử chép Phạm Bình Di là một hoạn quan, không hiểu sao lại có con là Phụ.

<sup>(92)</sup> Đoạn này *Toàn thư* (q.4, 25b, 26a) chép khác hẳn: Quách Bốc "trở lại vào cung Vạn Diên, lập hoàng tử Thẩm làm vua".

*An Nam chí lược* (q.12) cũng nói rằng vua chạy lên Quy Hóa giang, nương nhờ nhà Hà Vạn. Anh em họ Trần tụ tập hương binh dẹp loạn rồi đón vua về.

<sup>(93)</sup> Tô Trung Tử, theo *Cương mục*, người thôn Lưu Gia, em vợ Trần Lý. *Toàn thư* và *Cương mục* đều chép là Từ. Còn *Việt sử lược* chép là Tự.

Theo *Cương mục*, Trần Lý người Tức Mặc, phủ Thiên Trường (Nam Định).

<sup>(94)</sup> Theo *Toàn thư* thì sau đó, anh em họ Trần họp hương binh bình được loạn, rước vua về kinh. Xe giá về cung, dẹp yên loạn Quách Bốc, xét tội, có phân biệt (q.4, 26a, b). Còn theo *Việt sử lược* thì vua vẫn ở kinh sư.

<sup>(95)</sup> Trần Tự Khánh sau này được phong làm Thuận Lưu bá. Vậy đây có lẽ là chỉ Trần Tự Khánh.

<sup>(96)</sup> Người Hồng Lộ: chỉ Đoàn Thượng.

<sup>(97)</sup> Công chúa Thiên Cự là vợ châu mục Lạng Châu Hoài Trung hầu. *Toàn thư* (q.5) lại chép công chúa Thiên Cự là Trần thị lấy Huệ Tông, bị giáng làm công chúa Thiên Cự, gả cho Thủ Độ và cho Lạng Châu làm thang mộc ấp.

<sup>(98)</sup> Có lẽ là chỉ Trần Tự Khánh và Quách Bốc. Hầu như bấy giờ có một sự đồng minh giữa Phạm Du và bọn Đoàn Thượng một bên, giữa Phạm Bình Di, Quách Bốc và anh em họ Trần một bên.

<sup>(99)</sup> *Toàn thư* hoàn toàn không chép gì về việc này.

<sup>(100)</sup> Có lẽ là đánh Quách Bốc.

<sup>(101)</sup> Theo *Toàn thư* (q.4, 26b), "mùa xuân, tháng 3, vua sai Thượng phẩm phụng ngự Đỗ Quảng đem binh đến nhà Tô Trung Từ đón hoàng Thái tử về kinh sư. Con gái (Lý) thì về nhà cha mẹ. Trần Lý bị bọn giặc cướp khác giết. Con thứ là Trần Tự Khánh thay Lý thống lĩnh quân chúng, còn làm Thuận Lưu bá".

<sup>(102)</sup> Hương Túc Mặc thuộc phủ Thiên Trường (Xuân Trường, Nam Định) là quê hương của họ Trần.

<sup>(103)</sup> *Toàn thư* chép là Đỗ Anh Triệt.

<sup>(104)</sup> *Toàn thư* chép thêm: "Vua vời Đỗ Kính Tu đến chịu lời cổ thác".

<sup>(105)</sup> *Toàn thư* chép là điện Thánh Thọ.

<sup>(106)</sup> Tế Giang: nay là huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

<sup>(107)</sup> Theo *Toàn thư* (q.4, 27b), "vua sai đem thuyền rồng đi đón Trần thị. Anh Trần thị là Trần Tự Khánh nói rằng hiện nay đang loạn lạc, chưa đưa đi ngay được".

<sup>(108)</sup> *Toàn thư* hoàn toàn không chép đến các việc này.

<sup>(109)</sup> *Toàn thư* (q.4, 28a) chép "tháng 2, vua sai Phụng ngự Phạm Bốc đi đón Trần thị".

<sup>(110)</sup> Theo *Toàn thư* sau khi Đỗ Quảng bị thua "vua sai Bốc và Trung Tự đón Trần thị vào cung, lập làm nguyên phi, lấy Trung Tự làm Thái úy phụ chính, phong làm Thuận Lưu bá, Trần Tự Khánh làm Chương Thành hầu" (q.4, 28a).

<sup>(111)</sup> Là một tướng nhỏ.

<sup>(112)</sup> Ở trên (tờ 21a) có chép tên là Nguyễn Đà La cùng với Nguyễn Tự. Không rõ Nguyễn Ma La có phải là người này không?

<sup>(113), (114)</sup> Sách là một đơn vị hành chính ở vùng đồng bào thiểu số, tương đương thôn. Sau này gọi là *bản* (dưới Mường).

Sơn lão ở miền Quốc Oai (Sơn Tây) chắc là chỉ người Mường.

<sup>(115)</sup> Thái tổ: chỉ Trần Thừa, bố Trần Cảnh, anh ruột Trần Tự Khánh.

<sup>(116)</sup> Theo những sự ghi chép về Thuận Lưu thì Thuận Lưu có lẽ thuộc Hưng Yên ngày nay, gần Văn Giang và Khoái Châu.

<sup>(117)</sup> *Toàn thư* lại chép việc giáng Trần thị làm ngự nữ vào năm Quý Dậu (1213).

<sup>(118)</sup> Hồng Châu (miền Bình Giang, Ninh Giang) cách Nam Sách bởi con sông Thái Bình.

<sup>(119)</sup> Phía bắc huyện Nam Sách qua sông Kinh Thầy có trái núi tên là núi Kiệt Đặc ở xã Kiệt Đặc, còn có tên là núi Phượng Hoàng. Có lẽ núi Kỳ Đặc là núi Kiệt Đặc? Và người ở phía nam đến đánh Nam Sách, người Nam Sách chạy trốn lên một trái núi ở phía bắc là rất hợp lí.

<sup>(120)</sup> Ngoài việc đón Trần thị về làm nguyên phi, những sự việc *Việt sử lược* chép vào năm Tân Mùi (1211) đều không có trong *Toàn thư*. Về năm Nhâm Thân (1212), *Toàn thư* chỉ chép việc Đoàn Thượng nổi loạn ở Hồng Châu.

<sup>(121)</sup> Lãnh Kinh: tức miền sông Cả Lỗ thuộc Thái Nguyên.

<sup>(122)</sup> Thượng Khố: chỉ miền Gia Lâm, Từ Sơn (Hà Nội, Bắc Ninh).

Na Ngạn: theo *Cương mục*, nay là miền Lục Ngạn (Bắc Giang).

Sông Bắc Giang: tức là sông Đuống (Bắc Giang đổi làm Thiên Đức Giang).

Kinh Ngạn: chắc là hai bên bờ sông Hồng thuộc kinh sư (Hà Nội).

Ô Diên: nay là huyện Hoài Đức, Hà Tây.

Theo *An Nam chí lược*, giặc ở châu Quốc Oai là Nguyễn Niên, xưng là Kim Thiên đại vương cùng người Hồng là Đoàn Ma Lôi làm phản. Trần (chỉ Trần Thừa) cùng em là Dư Quốc (chắc là Trần Tự Khánh) đánh không được bèn hòa với Ma Lôi hợp sức đánh Niên, bị thua. Sau Niên chết, loạn bèn yên (q.12).

<sup>(123)</sup> *Toàn thư* thì chép Tự Khánh được phong làm Chương Thành hầu từ năm Tân Mùi (1211).

<sup>(124), (126)</sup> Theo *Toàn thư* (*Bản kỷ*, q.1, 7b), Phạm Hạp (cùng với Đinh Diên, Nguyễn Bặc nổi lên chống Lê Hoàn) bị thua "chạy về hương Cát Lợi ở Bắc Giang" song không rõ đích ở nơi nào.

<sup>(125)</sup> Xem chú thích ở tờ 29a. Có lẽ là miền Cầu Giấy, phía tây Hà Nội.

(127) Tức là huyện Đông Ngạn; nay thuộc Đông Anh (Hà Nội).

(128) Chắc là huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, đời Minh thuộc phủ Phụng Hóa, đời Hồng Đức thuộc phủ Thiên Trường.

(129) Về năm Quý Dậu (1213), *Toàn thư* chỉ chép như sau: "Mùa xuân, tháng 2, Trần Tự Khánh đem binh phạm khuyết (*Cương mục* chép là vì Tự Khánh thấy nguyên phi Trần thị bị Thái hậu hành hạ khổ sở), xin đón xe giá. Vua nghi ngờ, xuống chiếu phát các đạo binh đi bắt Tự Khánh, giáng nguyên phi làm ngự nữ".

(130) Về việc Nguyễn Nộn, *Toàn thư* cũng chép khác hẳn *Việt sử lược*.

(131) Theo tờ 23b, Tự Khánh chia đất với Nguyễn Tự, từ Thượng Khối đến Na Ngạn (Lục Ngạn) thuộc về Tự Khánh, dọc bờ sông Đuống. Từ Đông Ngạn trở lên Ô Diên (Từ Liêm) thuộc về Tự. Vậy có thể đoán Thượng Khối là ở gần Hà Nội hay Kinh Bắc. Thế mà theo tờ 26a ở sau, thì Dī Mông ở Thiên Đức (Từ Sơn). Vậy Thượng Khối là ở gần bờ sông Đuống, thuộc Từ Sơn, song không rõ đích xác ở chỗ nào.

(132) Nay là Mễ Sở (huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Tây).

(133) Theo *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi, đời Lê còn có huyện Thần Khê (nay là huyện Hưng Hà, Thái Bình).

(134) Về năm Giáp Tuất (1214), *Toàn thư* (q.4, 29a) chỉ chép tóm tắt như sau: "Mùa xuân, tháng giêng, Trần Tự Khánh đem quân đến (bến) Triều Đông, tới cửa quân xin tạ tội, lại xin rước xe giá. Vua càng nghi ngại, bèn cùng Thái hậu và ngự nữ đi Trĩ Sơn ở Lạng Châu. Tự Khánh nghe tin xe vua chạy đi, ngự nữ lại bị Thái hậu làm khổ, lại phát binh xin rước xe giá như trước. Vua chưa tin, lại cùng Thái hậu và ngự nữ đi đến huyện Bình Hợp. Mùa hạ, tháng 5, Tự Khánh đánh Đình Khả, Bùì Đô ở châu Đại Hoàng, phá được".

(135) Phù Liệt: ta biết rằng sứ quân Nguyễn Siêu giữ đất Tây Phù Liệt. Ở huyện Thanh Trì, có xã Tây Phù Liệt. Lại có xã Đông Phù Liệt, nằm giữa sông Tô Lịch và sông Hồng. Vậy Phù Liệt là miền Thanh Trì (Hà Nội). Đối diện với Đông Phù Liệt, bên tả ngạn sông

Hồng, thuộc miền huyện Văn Giang (Hưng Yên) cũng có hai xã có tên Phù Liệt. Vậy có thể Phù Liệt lán sang miền Văn Giang thuộc tả ngạn sông Hồng.

<sup>(136)</sup> Nguyên văn là: "đạc đông bộ phủ lương nhi qui", tôi dựa theo ý ở tờ 25b nói bến Triều Đông có cầu Nối mà dịch ra như trên. Và có khi *Việt sử lược* chép Triều Đông Bộ, thì *Toàn thư* chép Đông Bộ. Vậy Triều Đông Bộ và Đông Bộ là một.

<sup>(137)</sup> Có lẽ là Nội Duệ thuộc Từ Sơn, Bắc Ninh.

<sup>(138)</sup> Thủ Độ giữ Lãng Ai, lại đánh nhau với người Hồng Châu (Bình Giang, Ninh Giang, Hải Dương), vậy Lãng Ai có lẽ ở miền đông Hưng Yên, giáp Hải Dương.

<sup>(139)</sup> Bần Ai: không rõ ở đâu, có phải là Bần Yên Nhân (Mỹ Hào, Hưng Yên) không?

<sup>(140)</sup> Có lẽ là dòng dõi họ Thân ở Động Giáp (Phượng Nhõn, Yên Dũng, Bắc Giang).

<sup>(141)</sup> Ở trên, ta thấy vua từ Thiên Đức (Từ Sơn) đi Lạng Châu (Bắc Giang và Lạng Sơn) qua hương Nhuế Duệ. Ở đây, ta thấy bọn họ Thân kéo quân ở miền Phượng Nhõn xuống đánh Nguyễn Nộn (bản doanh ở Phù Đổng) ở cánh đồng Nhuế Duệ. Vậy Nhuế Duệ là thuộc đất Bắc Ninh. Ngày nay trên đường Từ Sơn, Bắc Giang có tổng Nội Duệ và làng Nội Duệ (thuộc Từ Sơn). Có lẽ Nhuế Duệ là Nội Duệ: chữ "nhuế" và chữ "nội" tự dạng gần giống nhau.

<sup>(142)</sup> Cổ Lộng: theo *Toàn thư* (q.3, 27a), "tháng 5 (1039) huyện Liên, châu Lộng Thạch, châu Định Biên tâu là ở đó có mỏ bạc" mà trong hành trình của tướng Tống là Yên Đạt sang đánh ta (1076), khi Yên Đạt đánh chiếm Quảng Nguyên thì quân ta còn đóng quân ở động Hạ Liên và Cổ Lộng. Hoàng Xuân Hãn (*Lý Thường Kiệt* II, 273) đoán rằng huyện Liên cũng là Hạ Liên, Lộng Thạch (hay Thạch Lộng) cũng là Cổ Lộng. Châu Định Biên nay là Định Châu (Thái Nguyên). Hạ Liên là đất Ngân Sơn (Bắc Cạn). Vậy Cổ Lộng là ở miền nam Quảng Uyên, trên đường Cao Bằng - Thái Nguyên ngày nay.

<sup>(143)</sup> Vua và Thái hậu lên Lạng Châu, sau lui về bến Thang, thôn Tượng Nô rồi về Phượng Sơn, Nam Sách (Hải Dương). Vậy có lẽ bến Thang và thôn Tượng Nô là ở dọc sông Thương.

<sup>(144)</sup> Có lẽ là núi Phượng Hoàng ở huyện Chí Linh, bắc Nam Sách. Núi Phượng Hoàng, theo *Đại Nam nhất thống chí* (q.8) xưa thuộc Phượng Sơn, Kinh Bắc. Núi như hình chim phượng múa.

<sup>(145)</sup> Núi Đông Cứu: nay thuộc huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh (nam ngạn sông Đuống), còn có tên là núi Thiên Thai. Trên núi có chùa Thiên Thai, có tháp tục truyền do Cao Biền dựng lên, Đông Cứu giáp Hồng Châu, vậy bao gồm cả hai huyện Gia Bình và Lang Tài (nay hai huyện hợp nhất thành huyện Gia Lương).

<sup>(146)</sup> Cam Giá tức là Mía. Ở Sơn Tây, huyện Phúc Thọ, có tổng Cam Giá, làng Cam Giá (tục danh làng Mía) có họ Phan là một họ lớn. Nay thuộc thị xã Sơn Tây.

<sup>(147)</sup> Nghĩa Trú: địa điểm được nhắc đến nhiều lần (tờ 26b, 29a) một mặt gần miền sông Đáy, một mặt gần Bắc Giang. *Thiên uyển tập anh* (truyện sư Bản Tịch) nói hương Nghĩa Trú thuộc quận Bình Lạc. Theo tờ 25b sách này, Bình Lạc ở gần Quốc Oai. Vậy Nghĩa Trú là ở gần miền Đan Phượng, Hoài Đức (Hà Tây) ngày nay, song không rõ đích xác ở chỗ nào.

<sup>(148)</sup> Có lẽ là Cầu Giấy, phía tây Hà Nội.

<sup>(149)</sup> *Toàn thư* bỏ không chép năm Ất Hợi (1215). Việc TỰ KHÁNH đánh Đại Hoàng, *Việt sử lược* chép vào tháng 5 Ất Hợi (1215) thì *Toàn thư* đã chép vào tháng 5 Giáp Tuất (1214).

<sup>(150)</sup> Ta biết rằng TỰ KHÁNH giữ miền Nam Định (quê hương họ TRẦN), Thái Bình (miền Hải Ấp), Hà Nam (TỰ KHÁNH rước NGUYỄN VƯƠNG xuống LỖ NHÂN), Hưng Yên (miền Khoái Châu); còn NGUYỄN NỘN giữ miền Bắc Giang (Bắc Ninh). Nay TỰ KHÁNH sai đóng đồn ở CỨU LIÊN, CỨU ÔNG (Cửa Cao) để phòng ngự NỘN; vậy CỨU LIÊN, CỨU ÔNG phải là miền bắc Hưng Yên, nam Bắc Ninh (Gia Lâm). Nay ở phía bắc huyện Văn Giang, trên đường Hưng Yên, Gia Lâm, phía dưới ga Phú Thị còn có làng Cửu Cao. Điều suy đoán trên rất phù hợp với sách *Thiên uyển tập anh* (đời TRẦN). Trong truyện

thiền sư Thuần Chân, sách ấy chép: "Sư quê ở hương Cửu Ông, quận Tế Giang". Tế Giang nay là Văn Giang.

<sup>(151)</sup> Ta đã biết Phù Liệt thuộc Văn Giang (Hưng Yên), Thanh Trì (Hà Nội). Vậy An Diên là ở gần đó. Theo tờ 26a thì An Diên ở hữu ngạn sông Hồng. Hiện nay tại hữu ngạn sông Hồng có ba làng An Diên: một làng thuộc huyện Thường Tín, đối diện với Mạn Trù (Khoái Châu), hai làng thuộc huyện Thanh Trì, một ở trên, một ở dưới Phù Liệt.

<sup>(152)</sup> Ngô Chỉ Tác là "ngõ làm giấy", ở cầu Tây Dương, phía tây thành Thăng Long, vậy có lẽ là Cầu Giấy ngày nay. Cũng theo truyện Từ Đạo Hạnh trong *Thiền uyển tập anh*, sư ở Yên Lãng (làng Láng) cầm gậy, ném xuống sông Tô Lịch ở chỗ cầu Vu Quyết, "gậy trôi ngược dòng như rồng lội, đến cầu Tây Dương mới dừng lại". Vậy cầu Tây Dương là ở phía trên làng Láng, phù hợp với địa điểm Cầu Giấy ngày nay. Bấy giờ Tô Lịch còn là con sông lớn, đi thuyền được.

<sup>(153)</sup> Tức là đánh Phí Lang ở Ninh Bình.

<sup>(154)</sup> Tức là bãi Cơ Xá, thuộc Hà Nội.

<sup>(155)</sup> Theo *Cương mục*, Cảo Xá tức là xã Nhật Tảo (Từ Liêm, Hà Nội).

<sup>(156)</sup> Nguyên văn là vương tử công chúa, nhưng Huệ Tông không có con trai, lúc này mới chỉ có công chúa Thuận Thiên nên phải dịch như trên.

<sup>(157)</sup> Theo tờ 28a, Nguyễn Bát được phong tước là Ô Kim hầu. Lại nói Nguyễn Nộn đánh Bát ở ngoài cầu Tây Dương, ta đã đoán đó là miền Cầu Giấy. Vậy Ô Kim chắc là miền Hoài Đức. Và theo tờ 30a, khi Nguyễn Bát lại làm phản đánh ấp Hợp thì tướng là Đỗ Tế chạy về Đan Phượng. Hiện ở xã Tam Hiệp, Phúc Thọ (Hà Tây) có một văn bia đời Trần "Bình Hợp hương" có lẽ là chỉ đất này (ĐKT).

<sup>(158)</sup> Về năm Bính Tỵ (1216), *Toàn thư* (q.4, 29a, 29b) chép nhiều sự việc không có trong *Việt sử lược*, ngược lại không thấy chép nhiều chi tiết có chép trong *Việt sử lược*.

(159) Bia chùa Nả thời Mạc (thuộc huyện Ba Vi, Hà Tây) ghi thời Trần nơi đây thuộc hương Chân Na. Có thể là Chân Na này (DKT).

(160) Nay ở tỉnh Vĩnh Yên có huyện An Lạc; huyện đó có xã Cẩm Viên; theo Đào Duy Anh, đó là Cẩm Khê, nơi Hai Bà Trưng tử trận.

(161) Cự Kinh: vì lúc này vua vẫn ngự ở thảo điện tại Tây Phù Liệt nên gọi Thăng Long là Cự Kinh. Tờ 31a chép rõ: "Bến Triều Đông ở Cự Kinh".

(162) Theo *Cương mục* (q.5, 40a), Phù Ninh là quê của Nguyễn Nộn, thuộc huyện Tiên Du. Theo *Toàn thư*, Nguyễn Nộn là cư sĩ ở Phù Đổng, cũng thuộc Tiên Du. Nay ở bắc Phù Đổng, nam Đình Bảng còn có làng Phù Ninh.

(163) Về năm Mậu Dần (1218), *Toàn thư* chép khác *Việt sử lược*.

(164) Về năm Kỷ Mão (1219), *Toàn thư* chỉ chép một việc Tự Khánh xin tha cho Nguyễn Nộn và Nộn đi dẹp Quảng Oai.

(165) Không hiểu vì sao sách lại chép con khác họ bố.

(166) Dấu đóng khung chữ "Viêm" là ở bản in trong sách. Có lẽ là Tiên Hi Tộ đoán mà chép vào.

(167) Theo *Toàn thư* và *Cương mục*, Nguyễn Nộn và Đoàn Thượng đều còn sống sau khi Trần Cảnh lên ngôi.

(168) Theo *Cương mục* (q.5, 32, 33), sông Quy Hóa tức là sông Thao (sông Hồng) ở phía bắc huyện Tam Nông, Hưng Hóa (Phú Thọ).

(169) Tức là sông Lô (theo *An Nam chí nguyên*, q.1), trước đời Nguyễn, Tuyên Quang bao gồm cả tỉnh Hà Giang ngày nay.

(170) Thượng Nguyên lộ tức miền Thái Nguyên, Bắc Cạn.

(171) Miền Phú Thọ, Vĩnh Phúc.

(172) Về năm Canh Thìn (1220), *Toàn thư* chỉ chép một việc Nguyễn Nộn giữ hương Phù Đổng làm phản, xưng vương.

(173) Về năm Tân Tị (1221), *Toàn thư* chép: "Mùa xuân, tháng giêng, tìm thấy thuốc khắp trong nước để chữa bệnh cho vua mà không khỏi. Vua ở sâu trong chốn cung thất, giặc cướp hoành hành, nhân dân ở ngoài thành rất lưu li khổ sở".

(174) Về năm Nhâm Ngọ (1222), *Toàn thư* (q.4, 31a) chép: "Mùa xuân, tháng 2, chia trong nước ta làm 24 lộ. Lộ chia cho công chúa



ở, dùng bọn hoành nô, thuộc lệ cùng quân lính bản lộ đều chia thành giáp". Cho đến nay chưa rõ tên lộ ở đời Lý là để chỉ một khu vực như thế nào.

<sup>(175)</sup> Về năm Quý Mùi, (1223), *Toàn thư* chép như sau:

"Mùa đông, tháng 10: hạn hán, nạn hoàng trùng.

Tháng chạp, thanh thế quân của Nộn ngày càng phấn chấn.

Trần Tự Khánh chết, truy phong làm Kiến Quốc đại vương. Vua lấy Trần Thừa làm Phụ quốc thái úy, xướng lạy không phải nói tên" (q.4, 31a).

<sup>(176)</sup> Miền Bắc nước ta có hai núi tên là núi Phật Tích: một ở Sơn Tây tức là núi Sài Sơn (có chùa Thầy, thờ sư Đạo Hạnh), một ở Tiên Du, Bắc Ninh.

<sup>(177)</sup> Công chúa cả là Thuận Thiên đã gả cho Trần Liễu, con cả Thái úy Trần Thừa.

<sup>(178)</sup> *Việt sử lược* là do bề tôi của nhà Trần viết ra nên không chép đến những mưu mô của Trần Thủ Độ để cướp ngôi nhà Lý, lập nhà Trần. Về việc nhà Trần hay nhà Lý, *Toàn thư* chép khá chi tiết.

### HẾT QUYỂN III

### TRỌN BỘ

## PHỤ LỤC

### TRẦN TRIỀU KỈ NIÊN

THÁI TỔ (Theo <i>Toàn thư</i> và <i>Cương mục</i> , nhà Trần không có Thái Tổ, chỉ có Thái Tông. Trần Cảnh là vua đầu nhà Trần. Trần Thừa, bố Trần Cảnh được truy tôn là Thái Tổ. TQV)	- Kiến Trung năm đầu, cả thảy Ất Dậu (1225). - Thiên Ứng Chính Bình năm đầu, Nhâm Thìn (1232). - Nguyên Phong năm đầu, Tân Hợi (1251).	7 năm 19 năm 7 năm
THÁNH TÔNG ( <i>Trần Khoán</i> )	- Thiệu Long năm đầu, Mậu Ngọ (1258). - Bảo Phù năm đầu, Quý Dậu (1273).	15 năm 6 năm
NHÂN TÔNG ( <i>Trần Khâm</i> )	- Thiệu Bảo năm đầu, Kỷ Mão (1279). - Trưng Hưng năm đầu, Ất Dậu (1285).	6 năm 8 năm

<b>ANH TÔNG</b> ( <i>Trần Thuyên</i> )	- Hưng Long năm đầu, Quý Tị (1294).	-	21 năm
<b>MINH TÔNG</b> ( <i>Trần Anh</i> )	- Đại Khánh năm đầu, Giáp Dần (1314).	-	10 năm
	- Khái Thái năm đầu, Giáp Tỵ (1324).	-	5 năm
<b>HIỂN TÔNG</b> ( <i>Trần Vương</i> )	- Khai Hựu năm đầu, Kỷ Tị (1329).	-	12 năm
<b>DỰ TÔNG</b> ( <i>Trần Cao</i> )	- Thiệu Hưng năm đầu, Tân Tị (1341).	-	17 năm
	- Đại Tự năm đầu, Mậu Tuất (1358).	-	17 năm
	- Thiên Định năm đầu, Kỷ Dậu (1369).	-	1 năm
<b>THÁI VƯƠNG</b> ( <i>tức Nghệ Tông</i> <i>Trần Phủ</i> )	- Thiệu Khánh năm đầu, Canh Tuất (1370).	-	3 năm
<b>DUỆ TÔNG</b> ( <i>Trần Kinh</i> )	- Long Khánh năm đầu, Quý Sửu (1373).	-	4 năm
<b>VUA NAY</b> ( <i>Đế Hiện</i> )	- Xương Phù năm đầu, Đinh Tị (1377).	-	

## CÁC SÁCH THAM KHẢO CHÍNH ĐỂ CHÚ GIẢI "VIỆT SỬ LƯỢC"

### A. TÀI LIỆU CHỮ VIỆT:

1. *Lý Thường Kiệt I và II* Hoàng Xuân Hãn
2. *Lịch sử Việt Nam* Đào Duy Anh
3. *Việt Nam sử lược* Trần Trọng Kim
4. *Tri tân tạp chí*

### B. TÀI LIỆU CHỮ HÁN:

1. *Đại Việt sử kí toàn thư*  
(gọi tắt là *Toàn thư*) Ngô Sĩ Liên
2. *Đại Việt sử kí*  
(bản khắc đời Tây Sơn) Ngô Thì Sĩ
3. *Khâm định Việt sử thông*  
*giám cương mục* (gọi tắt  
là *Cương mục*) Quốc sử quán triều Nguyễn
4. *An Nam chí lược* Lê Tác (đời Trần)
5. *Thiên uyển tập anh* Đồi Trần  
(bản dịch của Đoàn Thăng)

6. *Viết điện u linh tập*                      Lý Tế Xuyên (đời Trần)
7. *Tiền Hán thư*
8. *Hậu Hán thư*
9. *Tam quốc chí (Ngô thư)*
10. *Tấn thư*
11. *Tống thư*
12. *Tề thư*
13. *Lương thư*
14. *Trần thư*
15. *Tùy thư*
16. *Cựu Đường thư*
17. *Tân Đường thư*
18. *Ngũ đại chí*
19. *Tống sử*
20. *Thủy kinh chú*                              Lịch Đạo Nguyên thế kỉ thứ VI

(bản dịch của Phan Duy Tiếp)

(Các sách chính sử Trung Quốc tôi dùng là ở trong *Tứ bộ bị yếu*, bản in của Thượng Hải ấn thư cục).

### C. TÀI LIỆU CHỮ PHÁP:

*Bulletin de l'École française*                      Tập san của Đông Phương  
*d'Extrême Orient* (gọi tắt là                      Bác cổ học viện.  
 B'EFEO)

# NGUYÊN BẢN CHỮ HÁN

Kí hiệu thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm: VHv 1521

李為阮阮與史不合案蔡薊安南志畧稱陳氏代立  
允李氏宗族及齊民姓李者皆令更為阮以絕民  
望則此書當為陳氏之臣所作薊志又載陳普嘗  
作越志蔡休嘗修越志俱陳太王辰人太王者陳  
日煚之謚則此書或即出普休二人手未可知也  
安南自漢迄唐並為州郡五季未為土豪竊據宋  
初始自立國此書自唐以前大抵全襲史文自丁  
邨領以下則出其國人之詞與史所載殊有同異

1987

欽定四庫全書提要

越史畧三卷不著撰人名氏紀安南國事上卷曰

國初沿革為趙佗以下諸王曰歷代守任為西漢

至石晉交州牧守姓名曰吳紀乃五代末吳權及

其子昌茂昌文等事蹟曰十二使君乃昌文沒後

才將杜景頤等事立事蹟曰丁紀則丁部領以下

諸王曰黎紀則黎恒以下諸王中卷下卷皆曰阮

紀則自李公蘊得國後諸王事蹟紀述特詳惟以

越史畧

1974

THU-VIEN  
KHOA-HOC  
TRUNG-UONG

1991

1986



蓋史臣但承赴告之辭故如薨卒之類往往較差  
一年至名號官爵或祇自行國中而不以通於大  
朝故亦有所錯互其收括之處頗可與正史相參  
證又史稱陳日尊自帝其國尊公蘊為太祖神武  
皇帝國號大越此書原題大越史畧蓋舉國號為  
名而所列公蘊至吳昱八王皆僭帝號不獨陳日  
尊一代則尤史所未詳又玉海記交趾天旣寶象  
神武彰聖嘉慶諸年號此書皆與相合特所列黎

阮諸王無不改元者而史家並未悉載則必當辰  
深自諱之故中國不能盡知耳書末又載陳日熒  
以下紀年一篇但錄所僭謚號改元而不具事蹟  
其中所稱太上者以史按之當為陳叔明其稱今  
上者當為陳煒而史載日熒至煒十二世此書乃  
僅得十世未詳其故又考廉州府志紀康熙十三  
年海濱得鐘題皇越昌符九年乙丑說者疑為宋  
辰李乾德以後僭號今此書稱今上昌符元年丁

已當明洪武十二年其九年正值乙丑則為陳煒  
僭號無疑是亦足資考證矣安南自宋以後世共  
職貢乃敢乘前代失馭之際輒竊號國中至著之  
簡策以妄自誇大寔悖謬不足採然吳楚僭王春  
秋絕之而作傳者亦不沒其寔故特依偽史例錄  
之以著其罪且以補宋元二史外國傳之所未備焉

越史畧卷一四庫全書原本

失名

金山錢熙祚錫之校

國初沿革

昔黃帝既建萬國以交趾遠在百粵之表英能統屬  
遂界於西南隅其部落十有五焉曰交趾越裳氏武寧  
軍寧嘉寧寧海陸海湯泉新昌平文文部九真日南  
懷驩九德皆禹貢之所不及至周成王辰越裳氏始  
獻白雉春秋謂之闌地載記謂之雕題至周莊王辰

北史卷之八

嘉寧却有異人焉能以幻術服諸部落自稱雄王都  
於文郎號文郎國以淳質為俗結繩為政傳十八世  
皆稱雄王越勾踐嘗遣使來諭雄王拒之周末為蜀王  
子泮所逐而代之泮築城於越裳號安陽王竟不與  
周通秦末趙佗據鬱林南海象郡以稱王都番禺  
國號越自稱武王辰安陽王有神人曰皋魯能造柳  
弩一張十放教軍萬人武皇知之乃遣其子始為質  
請通好焉後王過皋魯稍薄皋魯去之王女嫫珠

又其始私焉始誘媚珠求看神弩因毀其機馳使報  
武皇武皇復與兵攻之軍至王又如初弩折眾皆潰  
散武皇遂破之王銜生屏八水水為之開國遂屬趙

### 趙紀

### 武帝

諱佗姓趙氏漢真定人秦始皇三十三年已併天下  
畧定揚越以任翳為南海尉佗為龍川令至二世辰  
器死以佗代器秦滅佗并有桂林象郡之地自立為

南越王漢高祖既定天下遣陸賈奉璽綬往拜佗為  
南越王漢高后五年王自即皇帝位發兵攻長沙招  
撫甌駱閩越皆屬焉有地東西萬餘里御黃屋左纛  
漢文帝立復遣陸賈遺書問之賈至王慚謝請復為  
藩王長供貢職至漢武帝建元之年薨謚曰武帝在  
位十八年孫胡立是為文王

文王

諱胡武帝孫也漢武帝辰嘗遣子嬰齊八侍後王薨

謚曰文王子嬰齊立是為明王

### 明王

諱嬰齊明王子也初為太子八宿衛於漢在長安娶  
樛氏女生子興及文王堯至是即位立樛氏為后興  
為太子漢元鼎四年王堯謚曰明王子興立是為哀王

### 哀王

諱興明王子也初即位尊母樛氏為太后太后未嫁  
於明王辰嘗與霸陵人安國少季通及即位漢遣少

安國少季是也



李來諭王八朝太后復與少李通遂勸王八朝其相  
呂嘉教諫止王王不聽太后恐嘉不從置酒欲誅嘉  
嘉知之陰與大臣誅作亂漢武帝聞嘉不聽乃使韓  
千秋等將兵二千人以攻嘉嘉乃與其弟及國人攻  
弑王及太后盡殺漢使者迎明王長子荊陽侯立之  
而諡曰哀王

### 荊陽王

諱建德哀王廢兄也元鼎五年十一月其相呂嘉出

兵擊韓千秋等盡殺之禹封漢使節置境上元鼎六年漢以路博德爲伏波將軍出桂陽下湟水楊僕爲樓船將軍出豫章下橫浦以歸義侯二人爲戈船下瀨將軍出零陵下瀨水馳義侯因巴蜀罪人發夜郎兵下牂柯江同會番禺以攻嘉嘉及王道入海博德使人遣之擒王及嘉辰戈船下瀨兵未下而越地已平矣遂分其地爲九郡南海蒼梧今梧鬱林合浦今廣

州交趾九真

今清化府

日南

今大安府

珠崖儋耳

今儋州

右趙自武帝至衛陽王九五主始丁巳終庚  
午共七十四年而亡自漢武帝元封元年以  
後皆北人除授

歷代守任

石戴漢武帝辰人

周章漢昭帝辰人

魏朗子明漢宣帝辰人

蘇定漢光武帝辰人

馬援

後漢光武建武十六年薨冷縣人徵側雖將之女也  
嫁爲朱焉縣人詩索妻性甚雄勇所爲不法太守蘇  
定絕之以法側怒乃與其妹貳起莽州兵攻陷郡縣  
九真日南皆應之畧定漢南外六十五城自立爲王  
都薨冷十七年漢拜馬援爲伏波將軍以擊之十八  
年援緣海而進隨山刊道千有餘里至浪泊上與側  
戰側不能支退保禁溪十九年側並困遂走爲援所

趙州刺史

殺追擊其餘黨至居風降之乃立銅柱為極界分其地為封溪望海二縣授又築為蘭城其圓如蘭二十一年秋授還漢

周敬順帝辰為刺史

張裔

順帝永和三年象林蠻區隣反攻殺長吏以裔為刺史裔至慰諭並皆降散

夏方

桓帝延熹三年九真復反拜方為刺史冬十一月賊眾二萬餘人皆來降

劉操桓帝辰人

周馥靈帝辰人

朱儁

靈帝光和四年夏四月烏潁蠻為亂州人梁龍等因之以反有眾數萬人帝命儁擊破之以儁為刺史

賈琮

靈帝光和六年

趙史國史

靈帝中平元年州人屯兵執刺史帝以琮為刺史琮  
至為撫揖之州境皆安百姓歎曰賈父來晚使我先  
反今見清平更不敢反琮任事三年拜為議郎

阮進漢中平中為刺史

士燮

燮字彥威蒼梧廣信人父賜桓帝辰為日南太守燮  
少遊學漢東好左氏春秋為之註解又通尚書大義  
父喪闋舉茂材除巫令遷交州太守謙恭下士漢避

亂者多往依焉獻帝聞其賢賜璽書褒諭以為綏南  
中即將領交州太守如改建安未變遣子厥質於吳  
又以珠貝犀象及香果之珍美者遺孫權權嘉之封  
龍編侯弟三人壹緇武並為郡長變旣學問優博又  
達於從政處大亂之世保全一方二十餘年疆場無  
事民皆樂業威尊無上出入鳴鐘磬備衽儀若蕭鼓  
吹闐咽道路嘗有數十妻居輜中當辰貴重威震南  
蠻尉佗不足數也魏黃初七年王薨壽九十在位四



十餘年孫權聞王死折合浦以北屬廣州呂岱爲刺  
史合浦以南爲交州戴良爲刺史以陳辰代王爲太  
守王子徽等發兵共拒良後呂岱皆以計誅之傳首  
武昌

戴良吳人

呂岱吳人

陸允吳人

孫譚吳人

鄧荀

先是吳以孫譚貪暴爲民患故使荀督察之荀至擅  
調孔雀三十頭送建業民憚遠不去典郡吏吳興殺  
譚及荀

吳興

霍弋

馬融

楊稷

劉俊

陶璜

晉武帝泰始三年孫皓遣陶璜等攻楊稷不克遂襲董元營獲其寶物船載而歸以璜領州督璜又擊元殺之稷以其將王素代元璜又陷其州因以璜為刺史後璜見徵為武昌督辰吳王已降於晉晉詔璜復其本職封宛陵侯卒璜在州三十年息威交著及卒舉州號哭如喪父母

吾彥代璜為刺史

顧秘代吾彥為刺史

陶威璜子

陶叔威弟

陶綏叔子

陶侃

晉元帝大興元年十一月詔加侃廣州刺史都督交  
州諸軍事

王諒

晉元帝永昌元年以諒為刺史使收梁碩碩圍諒於  
龍編奪諒節諒不共乃斷右臂而取之諒死明帝太  
寧元年遣將軍高寶攻碩斬之

阮放晉成帝辰為刺史

阮敷穆帝辰為刺史

朱輔秦符堅辰為刺史

阮遷

杜瑗

晉孝武帝太元五年九真太守阮遜據州叛六年杜瑗斬遜州境乃平

杜惠度

瑗子也義熙七年永嘉太守盧循來降奔攻破合浦徑向州治晉帝以惠度為刺史惠度平府兵擊破之於石碕又與循戰於龍編南津惠度以雉尾炬燒其船夾岸射之循兵大潰循溺水死惠度取其屍斬之出

首詣建康孝武帝初元元年七月林邑入寇惠度擊破之林邑乞降惠度爲政民畏而愛之城門夜開道不拾遺

杜宏文惠度子

王徽代宏文爲刺史

檀和之

宋文帝元嘉二十三年命刺史檀和之討林邑南陽人宗慤性好武事嘗言願乘長風破萬里浪及和之

伐林邑毅然請行以慙爲振武將軍林邑王范陽邁  
聞軍出上表請還所掠地和之進軍圍林邑將范伏  
龍於區粟城宗慙擊破之五月拔區粟城斬伏龍乘  
勝入象浦陽邁傾國來戰以甲被象前後無際宗慙  
又爲獅子形以拒之象果驚走林邑兵大敗陽邁遁  
去二十四年和之還北

劉牧宋明帝刺史

劉勃



阮長仁宋明帝辰刺史

沈煥齊高帝辰刺史

阮叔猷

叔猷長仁之從子長仁卒叔猷代領州事以魏令未  
行求刺史於宋宋以沈煥為刺史以叔猷為武平新  
昌二郡太守叔猷既得朝命遂發兵守險不納煥  
煥停鬱林病卒齊高帝建元元年以叔猷為刺史叔  
猷既受命乃斷絕貢獻永明三年命劉楛為刺史以

討叔猷叔猷俱間道還朝

劉楷齊高帝辰刺史

旁法宗齊明帝辰刺史

伏登之

法宗長史也以法宗多病囚之別室而奪其權法宗好讀書在囚中求書觀之登之曰使君安居猶恐動疾豈可看書竟弗與齊以登之爲刺史法宗還過嶺而卒

阮凱齊明帝辰刺史

阮晏梁人凱叛晏斬之代爲刺史

侯諮梁武帝辰刺史

楊爔

初州人阮賁反據龍編城自稱南越帝置百官改元  
天德國號萬春梁武帝拜爔爲交州刺史陳霸先爲  
司馬以擊賁賁平眾三萬拒之敗於朱鳶又敗於蘇  
歷江口賁奔嘉寧城爔進軍圍之賁奔之新昌獠中

又平眾二萬出屯典澈湖大造船艦充塞湖中是夜  
江水暴漲霸先平所部兵隨流先進諸軍鼓譟以從  
賁不為備因大潰退保屈撩洞病卒餘黨畏霸先兵  
勢乃舉眾就降賁子天寶八九真霸先舉兵討平  
之以九真為愛州

陳霸先

以討阮賁之功授兵威將軍交州刺史尋徵還北

劉方

隋文帝仁壽二年州帥阮佛子據越王城作亂兄子  
大權據龍編文帝以方爲行軍總管以討佛子佛子  
懼請降煬帝大業中以林邑反帝改日南爲驩州以  
方爲驩州道行軍總管以討林邑方軍至閩梨江林  
邑兵皆騎巨象四面而至方乃多掘小坑草覆其上  
旣戰僞北林邑逐之象多陷死因以銳師繼之林邑  
大敗俘馘萬計方追之屢戰皆捷過馬援銅柱南八  
日至其國都林邑王梵志棄城遁方入城獲廟主十

八皆鑄金爲之方刻石紀功而還道病卒

卹和

唐高祖武德五年授和大總管爵諱國公和復奏置  
都督府主

劉延祐

唐高宗調露元年改交州刺史爲安南都護府以延  
祐爲都護蓋徂戶歲半租延祐責令全入思始怨延  
祐誅其渠李嗣僊餘黨遂叛圍府城殺延祐

曲覽

中尊辰爲都護以貪暴失眾心爲司錄甘猛所殺

張順肅宗辰爲都護

張伯儀

張順子肅宗至德二載改安南曰鎮南都護府以霸  
儀爲都護代宗大歷二年張伯儀更築羅城三年復  
爲安南都護府

高正平代宗辰爲都護

趙昌

代正平爲都護德宗貞元七年昌奏置柔遠軍

裴泰

代昌爲都護爲府人王季元所殺以趙均爲都護

趙均

李象古

憲宗辰爲都護爲府人楊清所殺

阮元喜

五



穆宗長慶二年以元喜為安南都護以城門有逆水  
恐州人多出反叛因卜令城辰方築小城相者卜曰  
店力不足修大城五十年後必有高人於此定都建  
府也至咸通中高駢乃增築羅城

韓約朗州武林人本名重華

文宗太和中廢州都督咸屬安南都護府以約為都護

武渾武宗辰人

裴元祐武宗辰人

阮涿宣宗辰為都護經畧使

王式

父起王楷之弟也擢進士第式巧於仕宦遷殿中侍  
御史大中中為晉州刺史徙安南都護

李鄂

宣宗大中十二年代王式為都護十二月土蠻引南  
詔兵襲本府陷之鄂奔武州二年鄂集土兵攻群蠻  
復取府城懿宗責其失守貶儋州司戶咸通中罷安

南都護府置行交州於海門鎮尋復之

王寬代鄂爲都護

蔡襲

懿宗咸通中南詔平蠻來寇懿宗以湖南觀察使蔡襲代王寬仍發單滑徐汴荆襄潭鄂諸道兵以擊之蠻遂引去辰嶺節度使蔡京忌襲功成罷戍兵襲以蠻寇未定兵疲食盡作十必死狀申於中書省辰相信京言終不省四年春正月南詔復平蠻兵五萬來

攻復陷府城援兵不至襲左右皆徒步力戰身中十  
矢歛下船不及溺水而死荆南虞侯元惟德謂其眾  
曰吾輩無船入水則死不若還向城與蠻人闘以一  
身易二蛮亦為有利遂自東羅門入蛮不為備惟德  
縱兵擊之殺二千餘人明日蠻將楊思進出戰惟德  
死之蠻所殺虜九五十萬人留兵二萬人懿宗召選  
諸道兵罷安南都護府置行交州於海門鎮以宋戎  
為交州刺史七月復置都護府咸通五年以容管

經畧使張茵身當安南軍府事茵逗遛不進夏侯薦  
高駢以代茵

### 高駢

駢字千里崇文之孫也世在軍中折節讀書好談論  
古人少事朱叔明有二鵬並飛引弓祝之曰我且貴  
當中之一發而二鵬俱貫眾大驚號落鵬侍御以功  
遷秦州防禦使辰南詔盡有交州地咸通五年駢以  
驍術將軍為安南都護府經畧招討使悉以張茵

所將兵委之九月駢至南峯州蠻眾五萬方獲秋稻  
駢掩擊大破之遂進攻南詔又破之殺其將改首遷  
及土蠻兵斬首三萬餘級乃廢都護府置靜海軍  
以駢為節度使駢據本州稱王自群蠻為寇殆十年至  
是乃安駢修築羅城周回一千九百八十丈零五尺  
高二丈六尺脚廣二丈六尺四面女牆高五尺五寸  
敵樓五十五所門樓五所甕門六所水渠三所踏道  
三十四所又築堤固回二千一百二十五丈八尺高

一丈五尺脚濶三丈又造屋五十餘間高駢以我州  
至邕廣海路多潛石覆舟漕運不通遂命長吏林諷  
等疏鑿夏四月五日起役踰月之間將款開達但中間  
值巨石綿亘者數丈坚硬如鉄刀下月卷斧拖柯  
折仗者相顧殆幾中止五月二十六日當晝黑雲滃  
興怒風暴作俄而轟雷大發連震數聲倏爾閉霽  
而巨石已破碎矣但餘雨至處六月二十一日復大震  
如初而巨石一辰尾裂事畢因命其處曰天威涇

九年懿宗以駢為石金吾大將軍加檢校尚書右僕射從天平節度使尋卒

### 高郢

駢之從孫懿宗朝駢以郢嘗為先鋒薦之代領我州

### 曾充

僖宗辰代高郢為節度使以撫字有聲州人呼曾尚書撰交州記一篇

朱全昱全忠兄代袞為節度使

一七



獨孤損

昭宗辰為宰相哀帝授靜海節度使以代全昱州人  
號為獾尚書

曲顯梁開平元年代損為節度使

曲全美

顯弟也明宗辰代顯為節度使後為南海將梁克  
真所執送南漢以阮進代之

阮進

後唐明宗長興元年南漢主劉龔遣其將梁克真等  
來伐我州擒節度使曲全美以其將阮進代之

楊廷藝

愛州人唐明宗長興中廷藝發兵攻阮進進逃歸  
廷藝自稱節度使晉天福二年爲矯公羨所殺

矯公羨

峯州人後晉高祖天福二年春三月羨殺廷藝而  
代之後爲吳王所殺

右歷代守任自西漢武帝元封元年辛未  
至石晉高祖天福三年戊戌九千四十八年  
而吳始興或北人除授或本國自稱無慮百  
餘人見記者八十三人

## 吳紀

### 前吳王

諱權姓吳氏先府之子也事楊廷藝爲將軍後晉祖  
祖天福三年冬十二月權自愛州舉兵攻公羨公羨

使人求救於南漢劉龔以其子萬王宏操爲靜海軍  
節度使將兵救公羨宏操舟師自白藤江入款攻權  
而權已殺公羨矣權聞宏操至於海口潛植鐵頭大  
杙及漲潮使以小舟挑戰而陽北宏操追之潮退杙露  
宏操拒戰不暇而潮落甚急舟盡礙於杙以權奮擊  
大破之溺死過半殺宏操權始稱王以晉出帝開運  
元年王薨在治九七年

楊平王

諱主將姓楊氏前吳王家臣也吳王薨自立爲王吳  
王子昌定奔茶鄉范令公家主將以其弟昌文爲己  
子昌文弟南興乾興皆幼久之主將使人將兵至令  
公家索昌定令公惧匿昌定於洞中後漢隱帝乾祐  
三年主將遣昌文及楊杜二使將兵攻太平唐阮二  
村行至慈廉昌文謂二使曰我先王之德洽於民心  
不幸違棄群臣主將自行不義罪甚大焉今又使我  
往伐無辜之邑幸而勝之彼終不服爲之奈何二使

曰唯命是聽遂反兵襲平王克之昌文以平王其已  
有恩乃降於張陽使食其邑平王在位七年

### 後吳王南晉天策

南晉諱昌文吳王權之第二子也以漢乾祐三年廢  
楊平王而自立稱南晉至周太祖廣順元年遣使迎  
其兄昌胤與之更相爲政胤稱天策辰有華閭洞人  
丁部領負谿山險固不修臣職二王歆討之部領懼  
遣其子璉入貢璉至二王責其不庭執璉而往征之渝

月不克王乃懸璽竿上謂部領曰不降卽殺之部  
領怒曰大丈夫豈以兒子之故累大事耶遽命十餘  
弓射璽二王驚異乃班師焉辰天策擅作威福而南  
晉不復預政矣顯德元年天策薨南晉王遣使於漢  
劉鋹以王為靜海節度使宋太祖乾德三年王平師  
攻太平唐阮二村王舶工觀戰為伏弩所中而薨辰  
十二使君並起各據州郡自治天策在位三年南  
晉十三年顯德周世宗年號

右前吳王至後吳王九三主始戊戌終乙丑共  
二十八年而亡

十二使君

矯三制名公桿據莽州

阮太平名寬一名記據阮家

陳公覽名日慶據唐林

杜景公名景碩據杜洞

阮遊奕名昌識據王槁



阮郎公名珪據超類

阮令公名守捷據仙遊

呂左公名擴據細江

阮右公名超據扶列

矯令公名順據泗湖

范防遏名白虎據藤州

陳明公名覽據江布口

右十二使君始乙丑終丁卯九三年而丁先

王始併

丁紀

先王

諱部領姓丁氏華閩洞人少孤共母媪五人居山神祠  
側門外有山荷叢葉上蝸迹成天子字王爲兜辰  
共群童牧牛於山野皆推爲眾鬼長以君臣禮事  
之相共嬉戲則共交手爲椅以捧王又取蘆花爲前  
導以左右引象天子隊仗暇日羣兒相率摘柴以供

從課晚歸其母母見之喜為烹豚以饗之御中父老  
李甘曰  
皆相戒曰此兒器宇非常必能濟世安民我輩若不早  
附翼異日乃悔其晚平子弟往從之居於沽澳柵其  
叔獨據柵不從王平眾攻之不勝奔至潭家灣橋壞  
陷於潭叔歆刺之見二黃龍覆其上叔惧而退乃降  
辰境內無主王聞陳明公賢而無嗣乃以其子往依  
焉明公一見為器重之養為己子盡付所部兵使攻  
十二使君皆平之戊辰明公卒京府吏民多往歸之

王以趙宋太祖開寶元年稱皇帝於華閣洞起  
宮殿制朝儀置百官立社稷尊號曰大勝明皇帝置  
大鼎於庭養虎於檻下令曰有犯法者受烹噬之罪  
人皆懾伏不敢違命

己巳二年閏五月封長子璉為南越王

庚午三年改元曰太平元年。宋封王為安南郡王

立王后五人

有年號自此始

辛未太平二年置文武僧道階品以劉棻為都護府太

師既匄為定國公黎桓為十道將軍宋聞王稱尊號  
使遺王書其畧曰中夏之於蛮貊猶人之有四肢也苟心  
腹未安四體庸能治乎叢爾交州遠在天末唐李多  
難未遑區處令聖朝益覆萬國太平之業亦既成矣  
俟爾至止康乎帝躬爾母向隅為我小患俾我為絕  
蹠斷節之計用屠爾國悔其焉追

壬太平三年封子璿為衛王立季子項郎為太子  
中命阮子猷如宋修好

甲太平五年王得讖曰杜釋弑了了黎家出聖明競  
頭多橫死道路絕人行

丙太平七年

卯太平十年春越王璉使人殺太子項郎。冬十一  
月王夜晏為福侯宏杜釋所弑及越王璉等先是  
釋為桐關吏夜馭橋上見流星八口釋以為休徵遂萌  
弑逆之心王既遇害釋潛入宮中匿於雷下踰三日  
渴甚以手盛雨水而食宮女見之告定國阮佃收斬

之共其將軍黎桓奉術王璿ヨシハ卽皇帝位追尊王爲先  
王母爲太后王在位十一年壽五十五改元者一

### 術王

諱璿先王次子也先王爲杜釋所弑阮匄黎桓共奉  
術王卽皇帝位

二年秋七月宋人伐我累以璿幼弱共推黎桓爲帝  
降璿爲術王

石丁先王至術王共二主始戊辰終庚辰九

十三年而亡

黎紀

大行王

諱桓姓黎氏長州人也父覓母鄧氏初懷娠夢腹生蓮花俄而結貫收之分與人食及寤莫識其故以天福元年七月十五日生王母見其手色異常語人曰此兒長成恐吾不得享其祿矣逾數年而父母俱亡本州有黎觀察者見而異之養爲己子王遇冬寒覆



春而叔觀察視之見有黃龍覆其上由是益奇之及  
長事南越王璉先王嘉其勇智累遷至十道將軍殿  
前指揮使太平十年先王遇弒術王尚幼王乃攝行  
國政稱爲副王阮匄王佃以王將不利於孺子乃相  
平起兵王出師攻之斬佃於陣執匄送京師殺之術  
王二年宋太常博士侯仁寶請兵伐本國宋以仁寶  
爲交州路轉運使領諸軍來攻辰諒州聞兵至以狀  
聞太后南柵人范巨備爲大將軍出師拒之師出之

日巨備直入省中謂王曰令主上幼弱未知我輩勤勞脫有尺寸之功其誰知之十如先策十道爲天子然後出師軍士聞之咸呼萬歲太后見人情悅服使以龍袞加王躬請卽位庚辰之年王卽位封父爲長興王母鄧氏爲太后

辛巳天福元年春三月侯仁寶軍至浪山陳欽祚至西結劉澄至白藤江王自將拒之植杙捍江宋兵退保寧江王令詐降以誘仁寶北軍敗擒斬之欽祚等聞軍

敗引退 上尊號爲明乾應運神武昇平至仁廣

孝皇帝

<sup>壬午</sup>天福二年立五王后王遣徐穆等使占城爲所執  
王怒自將討之斬其主篋眉稅於陣俘馘不可勝數  
獲宮妓數百人遷其重器收金寶貨以萬數滅其城

池毀其宗廟是歲還京。大饑

<sup>癸未</sup>天福三年初王征占城經銅鼓山至婆和以海路險阻  
難於去來使開渠由是舟楫乃通

甲天福四年造百寶千歲殿於火雲山其樹裏以金  
中銀東建風流殿西建榮華殿左建蓬萊殿右建極樂殿  
次構火雲樓連起長春殿其側起龍祿殿蓋以銀瓦  
乙天福五年秋七月丁巳王之誕辰也使造舟江中以竹  
作做山於舟上號南山遂設競渡禮

丙天福六年宋授王靜海軍節度使

丁天福七年王初耕籍田於隊山得金銀甕一耕於畹  
悔山得甕一名其地曰金銀殿

戊子天福八年

己丑天福九年管甲楊進祿以驩爰二州附占城王親征

擒之復取二州封第三子爲南封王

庚寅興統元年春正月改元曰興統宋命左正言宋錫  
來封王

辛卯興統二年封弟之子爲禦蛮王居峇州

壬辰興統三年春王御乾元樓觀燈

甲午興統五年封第十子爲竹軍王居北岸吉覽州

未<sup>己</sup>應天元年正月改元命杜亨使於宋。封義子為扶蒂王居扶蒂

丙應天二年王親征麻黃大發舟波三洞拔之

丁應天三年秋七月王親征杜洞江賊擒之。大水

戊應天四年

己應天五年王親討何洞之十九州平之

庚應天六年討峯州賊鄭航擒之命劉紹如宋

辛應天七年征莒隆賊見王張弩注矢欵射之矢尋

陸再舉絃斷俱而退王御樓船入窮江追之賊陳於兩岸共王拒戰王兵陷於江術王璿中流矢死王呼天三聲賊自敗

壬寅應天八年造銀亮鑿數十餘頂頒賜軍人

癸卯應天九年王幸驪州鑿多蓋港直至暗州

甲辰應天十年王拽曾得巨蛇忽然逆流而去。遣行軍王如宋

乙巳應天十一年王薨於長春殿謂之大行王因為廟號

在位二十七年壽六十五改元者三葬長州德陵

### 中宗

諱龍鉞大行第三子也母初侯姨女九歲封南封王  
大行初薨王與東城王中國王開明王爭立九閱月  
國中無主東城王敗奔占城爲所殺元年正月王卽  
位九三日爲開明王所弑號中宗壽二十五

### 叡朝王

諱龍廷大行第五子也中宗母弟興統三年封開明



王篡中宗而立

丙午元年王卽位尊號曰開天應運聖文神武則天崇  
道大勝明光孝皇帝王性好殺人有臨刑用茅纏以  
火燒之又使優人廖守心持鈍刃而解之以遲其死  
如此數日其人哀號痛切守心戲曰汝不慣受死王  
大笑以爲樂九征討所獲虜俘則押赴江岸潮退令  
人作水牢驅入其中潮漲則呵呷而亡又使登高木  
從下伐之王又幸支寧江江多蛟乃繫人於舟側往

策中流令蛟害之九牲宰將供庖廚先使人牽八手  
刺殺之然後付廚人又削牛蔗於僧統菑卯頭上陽  
爲失手傷卯頭流血王大笑或黃夜殺猫賜諸王食  
食畢以猫頭示之諸王皆嘔吐每視朝則使優人喋  
喋其口以亂執政之奏事又以守宮爲贈以其人相爭而  
食諸王叛王討平之伐禦蛮王克之改峯州爲太  
平府尊母氏爲興國廣聖太后  
丁未二年定文武官制一遵於宋

戊申三年正月改元景瑞元年王親征都良渭龍二州  
俘蠻人及馬數百匹使人擊蠻因痛甚蠻大呼誤犯  
大行諱王大笑再命擊之蠻人復呼屢犯王甚悅又  
討爰州俘其人作圍寘其中而笑之

己酉景瑞二年秋七月王征驩唐何石等州。冬十月辛  
亥王薨於寢殿號故朝王王有痔疾故以視朝年二十  
二卽位在位四年年二十五改元者一

右黎自大行至故朝共三主始庚辰終己酉九三十年而亡

越史畧卷二

阮紀

太祖

諱蘊姓阮氏北江古法人也母范氏以太平五年二月  
十七日生幼而聰睿器宇恢豁遊學於六祖寺僧  
萬行見而異之曰此非常人也彊壯之後必能濟世  
安民爲天下主及長慷慨有大志不事產業好涉獵  
經史應天中事尊及中宗爲故朝所弑群臣皆奔

亡惟王獨抱尸而哭，以朝嘉其忠，舛左親衛殿前，指  
揮使王所居，卿中有木綿樹，爲雷所震，其迹成文，云  
樹根杳杳，木表青青，禾刀木落，十八子成，震宮現日  
兌宮隱星，六七日間，天下太平，萬行乃謂王曰：「臣近見  
讖文之異，知黎當亡而阮當興也。」阮氏無若公之寬慈  
仁恕，頗得眾心，臣年七十有餘，但以不及見盛治爲恨  
耳。王恐語泄，使萬行匿於芭山。景瑞二年，故朝堯嗣  
王幼冲王年三十六，將隨龍軍五百人入宿衛。辰

在內祇候陶中沐揣知王有欲受禪之意遂以間微  
激之曰主冥上頑多行不義天厭其德弗克壽終嗣  
子幼冲未堪多難庶事煩擾百神靡依下民敬敬  
欲求其主親術蓋因此辰遠追湯武之迹近蓋楊  
黎所行上順天心下徇人望而猶守區區之小節耶王  
雖內悅其言而疑有奸謀乃陽罵之曰公何爲敢出  
是言吾必執以送官甘沐徐曰臣見天辰人事如此  
故敢啟之今欲送官誠不辭死王曰吾安患告公但

恐語泄而併誅耳甘沐復謂王曰國人皆謂阮當代  
黎圖讖已見不可掩也轉禍爲福令其辰矣親術尚  
何疑乎王曰吾觀公志共萬行不異誠如此言計將  
安出甘沐曰方今百姓疲弊民不堪命親術若撫以  
恩德彼必翕然從之猶水之就下堯能禦之甘沐知  
事急恐變生乃語朝中卿士即日皆會於朝堂謀曰  
今者億兆異心上下離德人怨先王之苛虐不歛歸徙  
嗣君咸有推戴親術之志吾輩不因此辰立親術爲

天子倉卒有變得保其首領耶於是共扶王正殿  
立爲天子百官皆呼萬歲

元年冬十一月王卽位大赦天下焚網羅獄具群臣  
上尊號曰奉天至理應運自在聖明龍見睿文英武  
崇仁廣孝天下太平欽明光宅昭彰萬邦顯應符感  
威振蕃蠻睿謀神功聖治則天道政皇帝追尊考曰  
顯慶王母明德太后冊王后六立長子瑪爲太子餘  
皆侯爵王女十三人皆公主以長女安國公主嫁於



陶甘沐封為義信侯王兄某為武威王弟為翊聖王  
陳鎬為相公吳丁為樞密使歸碩輔為太保鄧文孝  
為太傅裴車螯為左金吾譚坦為左武衛杜間為右  
武衛。初古法鄉應天寺犬生一白子背上黑毛成天  
子字至是王以甲戌生

庚戌二年正月改元順天元年初王以葦閣城湫隘乃  
遷都大羅城初遷辰泊舟城下黃龍見於御船因號  
昇龍改葦閣為長安府北江曰天德 古法曰天德

府昇龍京內起朝元殿左置集賢殿右置講武殿左  
起飛龍門右起丹鳳門正陽殿高殿階曰龍墀墀內  
翼以迴廊周匝四面乾元殿後置龍安龍瑞二殿左  
建日光殿右建月明殿後有翠花宮城之四面殿四  
門東曰祥符西曰廣福南曰大興北曰曜德又於城  
內起興天寺五鳳星樓離方創勝嚴寺

辛  
順天二年王親征愛州苦隆賊平之是歲又於城  
內起太清宮萬歲寺鎮福藏城外建四天王寺衣錦

寺龍具聖壽寺又起含光殿於灑東步。占城國進獅子  
至順天三年建龍德宮於城外以居太子款其周知民  
事。十二月神人留迹於東南峯盤石上長廣三尺深  
一尺。真臘國來貢。王征演州

癸丑順天四年御含光殿觀競渡。冬十月王征涓龍州  
蛮克之

甲寅順天五年命翊聖王討蛮將杜長惠於金華步克  
之斬首萬計俘獲士馬不可勝數。羅州獻麒麟

改應天府為南京。真獵來貢

丙辰順天七年大燕木三十結直錢七十文賜境內三年  
租起天光天德二寺及塑四天帝像。地震。望諸名  
山。度京師人千餘為僧道

丁巳順天八年乾元敕震。宋真宗封王為南平王

戊午順天九年使阮清道如宋求三藏經得之

庚申順天十一年命王子討占城克之。初乾元敕震視  
朝於東殿今又震視朝於西殿

二

辛酉 順天十二年春二月戊子以王誕日爲天成節築萬歲南山於廣福門外多作飛禽走獸之狀羅列其上

壬戌 順天十三年命翊聖王作大光歷

癸亥 順天十四年改潮陽鎮爲永安州

甲子 順天十五年命太子伐奔輪州開國王伐都金州築

昇龍城

乙丑 順天十六年僧萬行化身。真臘來貢。詔立番寨於驩州南界

丙寅順天十七年命太子討濱州。遣使如宋

丁卯順天十八年命太子討上源州東征王討文州

戊辰順天十九年春二月王不豫三月戊戌薨於龍安殿  
壽五十六廟號太祖葬天德府壽陵在位二十年改  
元者一

### 太宗

諱德政名佛瑪太祖長子也母黎氏太祖卽位封開天  
大王又立爲太子順天十一年奉命平諸蛮賊有功

太祖薨群臣奉遺詔詣龍德宮請卽位辰翊聖武德  
諸王皆伏兵於廣福門外欲襲王王自祥符門入至  
乾元殿三府兵攻並急王命既仁義擊之三府兵敗  
武德王爲黎奉曉所殺是日王卽位於樞前大赦改  
元以順天十年爲天成元年上尊號曰開天統運尊道  
貴德聖文廣武崇仁上善政理民安神符龍現體元  
御極億歲功高應真實歷通元至奧興隆大定聽  
明慈孝皇帝。初王生於長安府府中民家牛

無數自換其角占者曰女生人爲天子言訖不見至  
是王以且年生。開國王據長安府以叛王親征之  
開國王降詔免其罪。五月神人現迹於萬歲寺以  
梁任文爲太師吳尚丁爲太傅陶虜忠爲太保阮道  
紀爲樞密阮徹爲左參知政事廖嘉真中書侍郎  
矯蓬爲右參知政事何遠爲諫議大夫歸文雷爲左腹  
心阮仁義爲右腹心置殿前築軍十衛一曰廣聖二曰  
廣武三曰御龍四曰捧日五曰澄海每衛各分左右。



六月以王誕日爲天聖節築萬歲山於龍墀有五峯  
中峯立長壽仙幘左右皆有白鶴山上爲飛仙鳥獸  
之狀山腰又有神龍蟠繞開植旌旗懸金璽使伶兒  
在嵒中弄笛吹笙歌舞爲樂

已天成二年以諒州牧申紹泰尚平陽公主愛州但  
乃甲叛王親征擒之。神人現迹於天勝寺。龍現  
於乾元殿基王曰其殿已圯惟基獨存令龍現之意  
其龍勝之地乎乃增廣其規模而重修之改名曰天安

殿殿左起宣德殿右起延福殿前曰龍墀東置文明  
殿西置廣武殿墀之左右對曰鐘樓以登聞寃獄  
之事前安奉天殿上建正陽樓爲掌漏刻之處後起  
長春殿上建龍閣其外築城曰龍城。秋八月驪州獻  
麒麟二。冬十月萬歲寺前雨白米成堆

庚天咸三年起天慶殿後架鳳凰樓。冬十月王幸烏  
路省欽命大僚班黎倭佺使於宋。大燕  
未天咸四年驪州叛王討平之。造寺觀九一百五十

處

壬申天成五年釋迦寺優曇樹開花。四月王幸杜洞  
江耕籍是田獻九穗禾詔改其田曰應天

癸酉天成六年春定源州叛王討平之。九月晁源州叛  
王討之

甲戌天成七年四月改元通瑞元年詔群臣奏事於王  
前者稱王曰朝廷。秋九月幸仙遊山重先寺詔起  
重興殿。古法州雲寺僧上言寺中放光教道隨光

掘之得石函一函內有銀函銀函內有金函金函內  
有琉璃瓶瓶中有舍利

乙通瑞二年天慶殿前生芝草封王子日中爲承  
乾王。起造西市及長廊建太和橋於蘇涇江。夔州  
叛王親征克之王在夔州竹宮宴群臣密指定勝將  
阮慶曰此必反矣左右問其故曰此人瞻視異常動止  
失節見我有慙色是故知之其年果反

丙通瑞三年春三月以峯州收黎順宗尚慶城公主四

月置驩州行宮。都金常新平原等州叛

丁通瑞四年以開皇王爲元帥討都金等州克之烏  
路桑園中古佛湧。設競渡禮。大水

戊通瑞五年辛布海口耕籍田。秋八月王御含光  
殿觀競渡。九月神人現迹於天勝寺。宋仁宗封  
王爲南平王。占城王子地婆刺等來朝

己通瑞六年春正月廣源州首領儂存福叛稱昭聖  
皇帝封長子智聰爲南衙王改其州曰長其國王親

討之師渡冷浮津白魚八王舟至廣源州存福焚其  
部落而道縱兵追之獲存福其子智高脫身而走執  
存福歸京斬之。夏五月廣源州獻生金一塊重一百  
十二兩。六月改元爲乾符有道元年。冬十二  
月真臘國來貢。遣使於宋

庚辰乾符有道二年春正月朔日有食之

辛巳乾符有道三年夏五月定宮女階品。六月敕前

指揮使丁祿馮律等誅叛事覺伏誅。冬十一月以

明威侯知又安州儂智高其母阿儂自雷火洞復  
據儂猶州改其州曰大曆國王命討之生擒智高王  
憐存福旣被誅因原其罪卑以廣源雷火平娑思浪  
等州

壬午乾符有道四年春三月王幸茹覽海口耕籍田。

地震。交州叛冬十月改元明道元年。詔中書省刪  
定律書。十一月詔諸路各置亭侯以便四方之觀聽。  
凡老弱及有大功已上犯罪者得贖銅。

鑄

明道錢。梁茂材使於宋

癸未明道二年夏四月愛州叛。五月以開皇王爲都  
統大元帥討愛州奉乾王爲都統元帥討文州文州  
平。夏四月壬辛武寧州松山寺見其額殿中有石  
柱歛壓上慨然有重修之意石柱忽然復正因命儒  
臣作賦以紀其異。秋九月使魏徵如廣源州賜智高  
郡王印仍拜太保。詔造艦數百艘皆作龍鳳魚蛇虎  
鸚鵡之形。冬十月長春殿御首自動



甲明道三年二月御育復動。癸卯親征占城以開皇  
甲為留守甲申發自京師乙巳次大惡海口辰波濤  
帖息大軍利涉自大安至姑山紫雲捧日至碣灣有片  
雲覆王舟隨其行止至思明海口白魚八舟王聞占城  
王先列象陣於五湖江以待官軍遂詔軍士捨舟登  
陸王乃部分士卒建旗鳴鼓欲擊之賊見兵威甚  
盛遂先潰王追斬三首郭嘉懿斬其王仁斗以獻  
獲象三十頭生擒五千人餘為亂兵所殺者無數

為惻然下詔有殺占城人者斬。秋七月大軍入佛  
誓城俘其宮女妻妾。八月班師至長安府黃龍見  
於王舟。九月王至自占城。冬十月改元天感聖武  
元年。大燕。十二月置懷遠驛於嘉林以館四  
方客使。 太保懷智高來朝

乙酉天感聖武二年春三月立大內碑。夏五月造太平  
車以黃金為飾

丙戌天感聖武三年夏五月起銀漢宮於後苑以居占城

宮人

丁天感聖武四年置望國鎮及歸德保康宣化清平永  
通感化安民七驛各立碑侯以爲蛮夷歇宿之處占  
城來貢詔流其使於真登州以其王雍尼不恭故也  
戊天感聖武五年儂智高以勿惡洞叛命武威侯及  
太子尉子邦盛謚討之交戰之日天地晦冥俄而轟雷震  
於洞中其酋長支體磔裂舉洞驚駭遂降。三月立  
杜壇於長廣門外以爲四辰祈穀之處。秋七月開瓊

林勝景春光三園。冬十二月詔定打春牛法

范去了謀反事覺劓其肉於東西市

己天感聖武六年春三月改元崇興大寶元年秋八月鑿御溝於鳳城外又開金鳴萬歲池初鑿池辰中鏗然有聲掘之得黃金一塊重五十兩因以名又築石山三峰於池上建舞鳳橋

庚寅崇興大寶二年置決旱大發文湘洞於宋境西平州界。懷智高據宋界安德州勿陽洞以其洞為南

天國改元景瑞愛州五縣江龍池甲叛

辛卯崇興大寶三年開瑞清沼應明池於勝景園。置內  
外隨龍軍命左驍衛將軍陳稔將五縣人鑿个凍港  
壬辰崇興大寶四年智高請附於宋宋不納乃寇於宋  
五月智高攻破宋橫山寨遂陷邕州以其州為大南  
國自稱仁惠皇帝

癸巳崇興大寶五年宋伐智高使梁珠來乞師詔以殿  
前指揮使武珣為招討使以授之是月宋狄青敗智

高於歸仁智高奔大但國三月鑄鐘置龍拜令民之  
有冤抑不達者聽撞其鐘以聞。宋石鑑從特磨道  
製智高母阿儂阿儂年已六十餘矣大但人誣智高  
首獻於宋斬阿儂於都市由是諸儂遂滅

<sup>甲</sup>年崇興大寶六年九月戊寅王不豫冬十月辛卯薨  
於長春殿壽五十四在位二十六年。此下當有改元  
者六四字  
莖天德府壽陵

聖宗

諱日尊太宗第三子也母梅氏太宗夢月入后懷因  
有娠以順天十四年二月二十五日生於龍德宮天  
成元年立爲太子及長通經傳曉音律尤長於武畧  
太宗命征伐所向皆克太宗薨奉遺詔卽位於柩前  
十月改元以崇興大寶六年爲龍瑞太平元年尊母  
梅氏曰靈感太右上尊號曰法天應運崇仁至德英  
文睿武慶感龍祥孝道聖神皇帝。詔焚網羅獄具  
出翠花宮女。賜東宮文武臣僚爵各有差以表嘉祐

爲文明殿大學士范彝爲左威衛陳改爲右威衛劉  
慶爲左清道王行爲右清道改神衛匡聖都爲拱聖  
廣德都爲忠武廣武都爲昭武及增置左右龍翼  
都各一百人。丙午堊太宗立后八人以阮道成爲  
太師郭擊日爲太尉。建永壽殿

乙未龍瑞太平二年修大內諸殿。癸丑以王生日爲乾  
興節。占城來貢。秋八月王御水晶殿觀競渡冬  
十月大寒王謂左右曰我居深宮之中御獸炭襲狐



裘冷氣猶且如此况國圖之中縲絃之苦曲直未分  
腹之不充形之不益一為寒風所逼豈不死於無辜  
我甚憫之其令有司發府庫衾席賜之仍日給二飯  
賜境內今年稅錢之半造東林寺及東究山靜應  
寺。宋仁宗封王為郡王。遣使於宋。

慮

丙龍瑞太平三年設羅漢會於天安殿。秋八月真  
臘來貢造崇慶報天寺發府銅一萬二千斤鑄鐘  
於其寺王為親製銘文。冬十月己酉下勸農詔。

改大首領爲刺史

丁酉龍瑞太平四年春三月起大勝資天寶塔於崇慶  
報天寺高數十丈其制爲三十層。夏四月王使員  
外郎梅元清以麒麟二遺於宋。甲午黃龍自瓊林  
園見於長春殿前。安州道叛。冬十月王幸道大旁  
海口黃龍見於金鳳舟因改爲祥龍。十二月起天福  
天壽二寺以黃金鑄梵王帝釋像以安置

占城來貢

戊戌龍瑞太平五年起壺天八角殿於金鳴池。三月  
闕祥符門起樓其上。夏五月黃龍自龍德宮見於永  
壽殿。六月起靈光殿左立建禮殿右立崇儀殿殿前  
構獨柱六角蓮花鐘樓。秋九月王辛波洛海口因辛  
塗巧築塔處

己巳龍瑞太平六年春三月王蒐於諒州南平江因辛  
駙馬甲景元第造崇嚴報德寺於武寧州。夏六月  
黃龍見於永壽殿。癸未改元以龍瑞太平六年爲

彰聖嘉慶元年。秋八月丁丑御水晶殿視賜群臣戴  
僕頭者靴自此始。丙戌黃龍見於長春殿賜塗山塔  
號曰祥龍塔。選京師諸色人男爲黃男。造延興  
土恒門。占城來貢

庚子彰聖嘉慶二年禁御船火拱聖火隨龍火及內庖  
人出八御堦不得與在內小祇候相語及通信物往來  
違者死罪遇赦不原。二月壬申王辛酉源州捕象  
獲象白三。夏六月諒州牧申紹泰以兵入宋界西

平州如整縣捕本州逃亡人虜其指使楊侶才及男女  
牛馬不可勝數宋遣吏部侍郎余靖赴邕州議其事  
王命裴嘉祐等赴邕會議靖厚賂嘉祐及附書乞還侶  
才王不省。秋八月王幸交海口黃龍見於迎春舶因改  
交海口天符海口。王親飜占城樂曲及節鼓音使  
樂工歌之。冬十月造行宮於密潭以觀魚

占城來貢。渭龍州獻白象

且年彰聖嘉慶三年羅順州獻白象。沙蕩洞叛王親征

克之。愛州五縣江叛。祈嗣於芭山黃龍見於壇

丙

壬寅彰聖嘉慶四年嘉林郡進六眸三足龜。秋九月  
使人採金於武健洞採銀於下連縣

癸卯彰聖嘉慶五年夏六月起桐仙宮於大內之東。

獻白龜王命起寺於芭山以爲祈嗣之處獲其珠以獻。  
冬十二月起銀河門。朝賀日指使唱聖躬萬歲福軍  
士應聲唱喏。占城來貢

上

甲辰彰聖嘉慶六年春二月日有重光。夏五月造布海口行宮。冬十月麻沙洞叛王討克之黃龍見於清瀾船。  
。宋英宗加王同平章事

乙巳彰聖嘉慶七年春二月觀魚於扶龍潭。丙午幸布海行宮耕籍田。夏六月王御天慶殿聽訟辰王女洞仙公主侍側王顧公主謂獄吏曰吾之愛吾子亦猶天下父母之愛其子也百姓無知自腎典憲吾甚憫焉應自令罪無輕重一徒寬宥。

秋七月忙貫

州叛王討降之。八月開上林園丙辰黃龍自大明殿見於會元殿又見於布海行宮癸未幸宛瀾行宮魏其宮曰景興窰潭行宮曰旣春宮。冬十二月黃龍見於曜靈殿又見於遊蟾閣倚蘭元妃所居。占城

來貢白犀一

丙午彰聖嘉慶八年春二月改元為龍彰天嗣元年。

三月黃龍見於太子宫中。甲申都曹陶池獻白雀九月蠲橫柳稅。甲子王使郎將郭滿築塔於仙遊

十七



山。冬十一月辛啟瑞行宮省飲。平陽公主男申

道元尚天成公主

丁龍彰天嗣二年以員外郎魏仲和鄧世資爲都護士  
師書家十人爲按獄吏賜仲和世資每月俸錢各五十  
貫永各二百結并鹽魚等書家各二十貫永一百結以  
止其受賂之心。夏六月辛亥黃龍見於位仁行宮

辛卯王幸位仁省飲及觀競渡

戊天貺寶象元年春正月真登州獻白象二几郎州獻  
申

白象一。黃龍見於曜靈殿。二月都臘縣獻白象及白雀。黃龍見於啟瑞行宮。夏五月又見於會仙殿。修戰艦。秋八月龍舟無故自動離本處三尺。

九月黃龍見於永春清瀾二船。宋神宗封王為南平王加開府儀同三司。遣使如宋。

己神武元年春二月戊戌詔親征占城國。丁未盟於龍墀庚寅發駕丁巳至又安州黃龍見於金鳳舟庚申次南界海口黃龍又見於金鳳舟。

二十

乙丑使大僚

班黃捷等攻日麗海口克之。己巳度大長沙庚午次  
思容海口。三月癸酉夜龍見於景勝船丙午次尸喇皮  
奈海口有二鳥並飛隨王舟如導從之狀大軍前進次  
須毛江岸見其將布皮陀囉等陣於江岸官軍縱  
擊斬布皮陀囉占城死者不勝數其主第矩聞軍敗  
乃携妻子夜遁是夜引軍傅佛誓城至同羅津佛  
誓人降。夏四月元帥阮常傑俘獲第矩於真臘  
界。夏五月王宴群臣於占城王殿又觀舞育擊

毳於其堦。王命徧數佛誓城內外人家九二千五百六十餘區並焚之。是月班師癸巳次思明海口。是夜黃龍見於御船。六月己巳渡海黃龍見於金鳳舟。戊申渡市政海口大小磊磊山龍舟觸石而破。辛酉王至自占城。次朝東洋詔有司甫軍容盛陳儀衛。上御寶車群臣皆騎馬導引占城王第矩戴麻骨冠著白氎衣以絹繫腰令兵武都五人牽之繫其黨屬以徙。秋七月秦捷於太廟。丙辰黃龍見於寶

車。冬十一月丁丑赤羽夾日。真獵來貢

煥神武二年夏春三五月造紫神殿。五月黃龍見於長春宮龍光殿。秋七月乙卯黃龍見於位仁宮。九月造東南二天王寺

辛神武三年春正月御書佛字長丈有六。自春至夏不雨。定贖杖刑銅數。冬十二月王不豫詔有司誤入官職都左石廂者杖八十

壬神武四年春正月庚寅王疾亟薨於會仙殿壽五十

廟號聖宗在位十九年改元者五葬天德府壽陵

### 仁宗

諱乾德聖宗長子也母倚蘭元妃黎氏以龍彰天嗣  
元年正月生王於洞仙宮卽日立爲太子王爲人日  
昇龍顏手垂過膝尤通音律九樂工所習歌曲皆王  
所親製以神武四年春正月卽位於樞前尊母倚蘭  
元妃爲太妃上尊號曰憲天體道聖文神武崇仁懿  
義純誠明孝皇帝以上陽太后同聽政。夏四月八日

行浴佛禮王御天安殿視朝是日以大僚阮常傑爲  
檢校太尉阮日成爲兵部侍郎以下各有差。赦都護  
府囚諒州牧楊景通獻白鹿群臣上表稱賀拜賜景  
通爲太保。真臘來貢。秋七月黃龍見於永壽殿。  
。莖聖尊。群臣上中元節賀表。王幸密潭行宮。  
。蠲占城白氎賦。迎法雲佛赴京師祈晴。祀傘  
圓山。閣使魏徵以年老致仕詔賜几杖。詔達送  
諸僧有投獻詩及僧官之職文字者隸爲書家以

補其職之缺。徙捧日坊於南市。王御天安殿群  
臣上賀立表造長廣門太平門上水河門迎秋祠  
歸仁驛九五處以王生日爲壽天節。立后二人  
癸丑二年正月改元曰太寧元年尊太妃爲太后。靈  
仁太后性嫉妬以嫡母而不得預政因謂王曰老母  
劬勞以有今日及富貴而他人是居將寘老母於何  
地乎王雖冲幼頗知莖上陽太后子乃幽上陽水后  
及其侍女七十二人於上陽宮逼令殉聖宗葬。占



城國來貢。秋七月黃龍見於遊蟾閣。八月峯州  
獻白鹿。宋神尊封主宥郡王。

甲太寧二年拱聖都火頭江曳家火延燒大興門。

夏四月重修大興門黃龍見。白雀效質於禁庭。

秋九月黃龍見。宋王安石秉政有獻言者謂我國  
已為占城所破餘眾不滿萬人可計日以取於是  
以沈起劉彝知桂州起彝乃集溪洞土丁為保甲又於  
海濱造舟艦教水戰禁州縣不與我邊貿易王知之

乃先發諸道兵十萬人分爲二道使阮常傑領水軍  
出永安攻欽廉宗亶領陸軍出永平攻邕州我師所  
向無前常傑攻陷欽廉二州復與宗亶會圍邕宋廣  
西監張守節率兵救之至崑崙開常傑迎戰大破之  
斬守節知州蘇緘以城固守我爲飛梯以臨城彼施  
以火炬飛梯不能近又以毒矢射之城上人馬死者  
相枕被以神臂弓發我之象軍多有殪者城高而堅  
攻之四十餘日不能下獲宋人教以土囊傳城而登

常傑徙之城遂陷蘇緘奔還州廨先殺其家屬三十  
六人後乃縱火自焚軍士求緘不得乃盡殺吏民五萬  
餘人是役也所殺獲邕欽廉三州人無慮十萬

乙卯太寧三年春正月奏捷。占城來貢

丙辰太寧四年春三月王觀扞水城黃龍見於王舟

青龜負圖以見。秋七月宋以廣南宣撫使郭遠趙  
高為招討使總九將軍來伐我國王命阮常傑領  
軍拒之昭文宏真二侯皆溺死如月江兩軍相持月餘

常傑知宋軍力困夜渡江襲擊大破之宋兵死者  
什五六遂退取廣源州。冬十月改元爲英武昭勝  
元年。十二月以內給事黎文盛爲兵部侍郎

丁亥武昭勝二年夏五月詔仁王會於天安殿。秋九  
月築堤於如月江長六萬七千三百八十步。冬十月  
幸符仁省歛遂幸龍水海口龍見於王舟

占城來貢

戊亥英武昭勝三年閏正月修大羅城。二月朔詔罷秋

筵宴禮。使員外郎陶宗元領馴象五遣於宋請還  
廣源蘇茂等州宋人徵還所掠三州民兵。

大水入城內

己未 英武昭勝四年諒州獻白象。雨雹。五月大燕  
天成公主獻六眸三足龜。冬十月黃龍自常春  
園見於其宮

庚申 英武昭勝五年春三月王幸窮江觀魚。夏四月  
巴多神龜負圖五月唐人林瓊獻紫芝。秋八月廿

露降。王御靈光殿觀競渡。閏月設秋筵宴禮。

王幸符仁省歛

辛酉英武昭勝六年冬十一月日有重光。占城來貢王  
還三州人丁於宋宋亦以廣源等州還於我。使員  
外郎梁用津如宋請大藏經

壬戌英武昭勝七年春二月降欽聖公主於渭龍州收何  
彝。冬十二月祇侯宏阮波斯謀反伏誅。

占城來貢

癸亥英武昭勝八年春二月王御天慶殿闕定京城黃  
男爲三等三月送美女爲萬延宮女。夏五月黃龍  
飛自紫宸殿見於會仙殿。五月造洞仁宮。六月  
御車火。秋九月麻沙洞叛。冬十月親討克之。

觀競渡。占城來貢

甲子英武昭勝九年夏六月使兵部郎中黎文盛如水  
平寨議疆界事宋以文盛爲龍圖閣待制。冬十一  
月詔國中造瓦屋。占城來貢

乙丑英武昭勝十年春二月丁亥改元廣祐元年。秋八月以黎文盛爲太師。占城來貢

丙寅廣祐二年春正月阮遠獻六眸龜胸有圖書。二月真臘來貢婆羅二人。冬十一月起大覓山寺競渡。占城來貢

丁卯廣祐三年夏五月起造書閣。冬十月幸覓山夜宴群臣於山上王製覽山夜宴詩二首留題。宋哲宗加王同平章事。占城來貢



戊辰廣祐四年秋九月戊申置十大書家。冬十月築  
覽山塔。十二月景靈宮成。占城來貢。

己巳廣祐五年二月造冷湓徑。宋兵入石屏州。

占城來貢

庚午廣祐六年春二月合歡宮成。宋哲宗封王爲南  
平王遣使如宋

辛未廣祐七年春二月王幸諒州觀捕象。見官黎全  
義獻五色龜黎文盛獻白象一。占城來貢。競渡。

壬申廣祐八年夏五月造啟瑞竹宮。大燕。十二月改

元會豐元年

癸酉會豐二年冬十月朔日有食之。優曇樹開花

甲戌會豐三年秋九月覽山寺成賜名景隆同慶寺王書篆額。占城來貢。遣員外郎阮利用如宋

乙亥會豐四年夏五月詔諸侯子八朝。六月聖極后薨。真臘占城來貢

丙子會豐五年冬十一月王觀魚於密潭辰王御小舟

侍衛甚少太師黎文盛久蓄姦謀因以幻二十八起大煙霧潭  
中晝冥俄而王聞櫓聲稍近意其有變以戈挺之煙霧  
隨戈而歛見文盛舟已迫果石簣具使人擒之詔流文  
盛於梁江頭初文黎家有大理奴善爲幻術文盛師  
事之至是乃反

丁會豐六年秋八月白日星見。赦都護府囚人。

冬十一月禁百姓造瓦屋大舟。占城來貢。競渡。

戊寅會豐七年秋八月地震。羣見。起陸地鰲山設競

渡禮。九月造崇淵殿於方蓮池左置暉陽殿來鳳  
亭右立映瞻殿過雲亭前起長鳴樓後跨玩花橋  
遣員外郎阮文信如宋乞三藏經。占城來貢

巳會豐八年捧日都猷六眸龜。秋九月起安老山  
寺。冬十月禁京城婦女不得效宮妝。占城來貢。  
庚會豐九年夏四月造僊遊山永福寺。秋七月以矯  
文思爲上林國士師。十二月大疫

辛巳龍符元化元年春正月改元。二月王觀魚於

窮江遂幸應豐省耕。夏六月王幸符仁省種。秋七月賜百官秋衣設宴禮。造開元觀。九月王觀魚於窮江黃龍見於翔龍舸。冬十一月慶雲見王御象柵觀捕象黃龍見。十二月改驩州爲大安府造起延祐寺

壬午龍符元化二年春二月王幸應豐行宮省耕。冬十二月立春瑞雪降。造開元太陽北帝三觀。造瑞雲車。大水。呂城來貢。遣員外郎杜英厚使於宋

癸龍符元化三年春正月詔京城內外皆築堤捍水  
二月太后發府錢贖諸貧家女之典命者嫁與鰥夫  
秋八月置龍翔都。冬十月玄鹿來。競渡

甲龍符元化四年春三月闕左右與男勇健兵為玉階  
都御龍兵為興聖廣武都百姓之大族者為武勝兵  
改田兒為鐵林兵。秋九月朔延成侯以笏擊忠義侯  
於天安殿。占城來貢。競渡

乙龍符元化五年春正月菖蒲生花。二月祠高禰。

夏六月太尉阮常傑卒。秋九月築延祐寺白菴塔  
二築覽山石塔三。冬十月東梁州湧生金

十一月朔日食過半。占城來貢。大疫

丙戌龍符元化六年春三月王幸塗山。夏五月彗星見。  
秋七月造銀羅城。十一月王將有事於宋造永隆二

腹船及造戰船。員外郎魏文相使於宋

占城來貢。天成公主進白象二

丁亥龍符元化七年夏六月王幸章山黃龍見。冬十一

月地震。十二月造都護府

戊龍符元化八年春正月築章山塔。築堤於機舍  
港。昭聖后薨。占城來貢

己龍符元化九年夏四月王聽逆黨蘇厚祀崇訟厚  
訟皆上木馬。冬十二月造洞靈臺

庚會祥大慶元年春正月設廣昭燈會於大興門外  
三月婦人黃氏獻鳳雛毛羽具五色九苞是月參政  
徐文通獻白虎。白馬生距檳榔一本生十二株



獻白雀。秋八月占城國獻異象所居有神光見。

遣員外郎陶彥使宋

卯辛會祥大慶二年夏四月清化府獻檳榔一本生九株獻  
白龜。白雀至禁庭。日重輪。大燕。留守張廸福獻  
白雀。冬十一月日重輪。占城來貢

壬辰會祥大慶三年春正月甘露降。二月清化人言海  
邊有異兒年方三歲解言語自称皇帝的子號曰覺  
皇凡王所動止無不先知王命中使往問之所言皆驗

乃迎以歸居於報天寺王以其靈異愛之愈隆辰王無  
嗣歆立爲太子群臣不可乃止遂設齋會於禁中歆  
令覺皇投八爲已子有佛跡山僧徐路道行者聞之而  
不悅乃使其姊徐氏赴會密以數結珠印投之曰至會  
所則挿在簷端勿令人知見徐氏如其言覺皇忽  
嬰病遂語人曰所見編滿國界皆有鐵網羅罩無  
路得入託宮中王命大索乃獲徐氏所藏數珠遂  
收路繫於興聖廊歆寘於辟崇賢侯八朝路哀呼

曰願賢侯拯救貧僧僧幸得脫則入為侯子以報其德侯許諾八見王百般營救謂覺皇寔有神力而為路所阻解是路勝於覺皇明矣臣謂莫若賜路之託生也王原之覺皇疾亟囑曰我死後宜造浮屠於僊遊山而葬之。夏四月獻芝草優曇花及白鵝。

秋九月黃龍見於永光殿。冬十月黑龍見於

宮中

癸巳會祥大慶四年秋八月黃龍見於大明殿。獻白鹿。

甲會祥大慶五年春正月瑞雪降。三月黃龍見於章山塔繞三匝獻白雀六眸龜。冬十月以內常侍黎伯玉爲大理寺造勝嚴寺置善法堂四面建千佛樓安千佛寶相。競渡。員外郎陶信厚齋象。頭使於宋

乙會祥大慶六年春二月進茹花結三果。三月超類御崇福寺成。夏六月日重輪。秋七月獻金龜

丙會祥大慶七年春正月設廣照燈於大興門外製木

僧繫鐘。夏四月獻橫柳珠。六月僧道行化身神尊。

冬十一月獻三足六眸龜。占城來貢。競渡。

丁酉會祥大慶八年春正月獻白鹿玄鹿。三月上幸

章山黃龍見。夏四月獻三足六眸龜胸有善帝二字。

司農州獻赤馬生距黃龍於洞靈祈壽寶臺秋七月猗

蘭太后薨謚曰符聖靈仁太后。八月莖靈仁

太后大莖太后是夜龍見。冬十一月立崇賢侯子楊

煥為太子

詢者三人

戊會祥大慶九年春二月真臘占城來貢。冬十一月  
甘露降。禁家奴不得身上刺龍。員外郎阮伯慶  
賣象犀於宋

己亥會祥大慶十年冬十月盟國人於龍墀。下詔伐  
麻沙洞軍出之日黃龍隨船而行。成慶侯獻六眸  
龜胸有玉字。王擊麻沙洞破之。宋徽宗加王守  
司空

庚子天符膺武元年春正月改元。夏六月獻白雀。

秋九月黃龍見。冬十月構忍僊臺。占城真臘米

三十四

貢。競渡

造僊遊山廣教寺。競渡

天符睿武三年春二月隊山崇善延齡寶塔成。

慶安使宋

天符睿武四年春正月誕聖節新製推輪舞亭。

秋八月設秋筵宴禮。冬十月辛應豐行宮造飛橋通  
波刺江築通霄臺。真臘來貢。大燕

甲辰天符睿武五年冬十月築鬱羅臺。大旱禱之乃雨。

乙巳天符睿武六年夏四月瑞聖公主獻六眸龜胸有團  
土安寧四字。六月壬辛應豐黃龍見於行宮冬十一

月黃龍見於洞靈宮以內常侍牟都俞為中相

丙午天符睿武七年春正月禁春不得伐木。二月壬  
御天安殿觀諸王侯蹴毬於龍墀。夏五月黃龍見



於永光殿。秋八月神龜見中有道定王閣。延寧公主八字。冬十一月使令書家嚴常徐延等使於宋。至桂州見其經畧司謂常延曰。今年京東湖南等處並已調發兵馬。拒大金國未審歸期。在何日。此間鋪馬斷絕。在在更少。請使領還禮物。大金元帥等以是歲執宋徽欽二帝北歸。宋國大亂。

丁未天符慶壽元年冬十二月王薨於永光殿。壽六十二。在位五十六年。廟號仁尊。改元者八。葬天德府。

越史畧卷三

神尊

諱楊煥聖尊之孫崇賢侯子也母杜氏生三歲仁宗  
養於宮中立爲太子以天符慶壽元年十二月卽位  
於樞前躋仁尊於壺天殿癸未成服乙酉王御天安  
殿視朝卽日除服因辛那岸觀宮女上火壇殉仁尊葬。  
戊申大順元年辛卯詔以國哀禁國中不得騎馬。庚子  
王初御經筵。以武衛黎伯玉爲太尉內人火頭劉波

楊珣為太傅中丞卒都俞為諫議大夫。癸卯使賈書於宋訃仁尊之喪及告以王初即位辰宋高宗避金人已渡江都臨安矣

真臘寇乂安州。乙丑上尊號曰順天廣運欽明仁孝皇帝。庚午王御天安致盟國人於龍墀。六月以王生日為瑞天節。立后三尊義母宸妃為太后二月真臘寇乂安命太傅阮平公討之擒其將而還

巳大順二年春正月設慶成八萬四千寶塔會於天符

閣。甲午尊父崇賢侯為太上王母杜氏為太后居洞  
仁宮。秋七月仁尊靈位燈生兩跋。  
青竹蛇蟠

於寶辰

庚大順三年夏五月獻白雀。太上王薨謚恭王

六月旱禱而雨。占城來貢。競渡。遣使於宋

辛大順四年春三月詔家奴不得娶百姓女。

宋高宗封王為郟王

壬大順五年春三月黃龍見於麗光宮。  
秋八月真臘占

城寇又安州詔太尉楊英珥討克之。  
阮承恩使

於宋

癸丑天彰寶嗣元年春正月改元。二月大明殿延命燈發  
花寶幡舞。馬生距。夏六月黃龍見於永光殿。

冬十月造延生五岳觀

甲寅天彰寶嗣二年春二月真臘占城來貢。自春至夏  
不雨。冬十二月古法堂枯樹生花

乙卯天彰寶嗣三年春正月古銅鐘見。神龜見胸有一天

永聖四字

丙辰天彭寶嗣四年春二月又安州地震江水如血。

九月詔京城內外三家爲一保。真臘將蘇破校寇入安州命太傅阮公平擊敗之。

丁巳天彭寶嗣五年夏五月丙午災獻生金一塊重六十六兩。秋九月五不預薨於永光殿壽二十一在位十年廟號神宗改元者二莖天德府

英宗

諱天祚神宗第二子也母感聖夫人姓黎氏王為人隆  
準龍顏仁慈寬恕年方三歲卽位於柩前上尊號曰  
體天順道睿文神武純仁顯義徽謀聖智御民育物  
群靈丕應大孝至明皇帝改元以天彰寶嗣五年秋九  
月爲紹明元年尊號感聖夫人爲太后。黃龍飛  
入城。冬十月己酉黃龍夜自太清宮飛入禁內乙卯盟  
國人於龍墀

戊紹明二年夏四月以王生日爲壽寧節。宋高宗封

王為郡王。立右一

己紹明三年翁甲利自稱仁宗之子據上源州以叛僭  
未紹明三年翁甲利自稱仁宗之子據上源州以叛僭  
魏平皇有眾千餘人二月詔諫議大夫劉禹偁擊之  
為利所敗利出據西儂州攻破富良府欲向京師命  
太尉杜英武討之至曠驛與利相遇大戰利軍大敗死  
者不可勝數利奔隆令州十月英武攻隆令州破之俘  
二千餘人利奔諒州為太傅蘇靈成所擒送京師  
斬之

四



庚申大定元年正月改元。二月獻白蟾蜍。冬十二月詔諸典賣燕田二十年內聽贖之九相爭田地五十年外不得申訟諸賣田地已有契不得贖。自春至夏不雨王禱之乃雨

辛酉大定二年秋八月丙寅黃龍夜見於永壽殿後橙樹。  
壬戌大定三年春二月富良州首領楊嗣明尚韶容公主二月馬四足生距。夏五月太尉杜英武獻白龜辛都俞獻白雀以都俞為太師

癸 太定四年夏四月獻六辟龜胸有以行法公四字秋  
八月宋妖人譚友諒八思琅州自號呂先生平眾寇  
廣源州。構廣慈宮太后居之。夏淫雨禱之有驗。

黃龍見於永壽殿

甲 子 大定五年夏四月孳見。秋七月造天資庫六所

乙 丑 大定六年秋八月象放光群臣上表稱賀。九月獻  
白鵝。太后薨謚昭孝。書家阮昭獻白鵝

丙 寅 大定七年春二月幸蓓仁耕籍田

五

丁卯大定八年夏四月王御龍墀觀捕象

戊辰大定九年春二月獻赤馬生距。秋九月真臘寇大

安州。王聽太尉杜英武獄徒英武為昇田宏初王冲  
幼政無小大皆委英武而英武又私於太后因益驕  
恣居朝廷則攘臂厲聲命官吏則頤指氣使眾皆  
側目而不敢言駙馬楊嗣明等共殿前指揮使武帶  
平軍士詣越城門外大呼曰英武出入掖庭恣行凶穢  
聲聞於外臣等請除之毋貽後患因收英武繫於

具聖廟太后令入選酒食而密置金以賂帶等辰具  
聖都火頭阮揚言於眾曰汝等欲貪其賂我與汝必  
不免於英武之手不如殺之以紓吾禍執戈欲刺之  
左具聲譚乃奪其戈止之曰殿前謂我英武罪雖死  
必當先稟上命揚怒詔之曰殿前是武吉非武帶也  
何其貪人之賂而不顧公議耶言訖赴井而死英武  
既得罪太后憂悶思所以復英武職任者英武累蒙  
赦宥復為太尉輔政如之而寵任益隆由是得擅禍福

之柄常歛思報前悉乃私以百餘人爲奉術都九  
有罪者悉委本術都捕之英武密言於王曰往者武  
芾等擅以兵入禁庭其罪莫大請除之王可其奏英  
武遂命奉術都捕芾等下吏治之獄成詔降智明  
王爲侯內侍杜乙等五人上木馬玉堦火頭八人等斬  
於西市殿前指揮使武芾等二十人梟於江頭駙  
馬楊嗣明等三十人流惡水餘並徒爲田宏犒甲  
果如阮揚所言是歲禁闈寺不得擅入宮中朝士不得往

來王侯家諸犯入奉術都地分者杖八十八廊內者死  
罪。中書火阮伯猷赤麒麟。夏旱禱而雨

巳大定十年夏五月檳榔一本生二十八株。

秋八月王幸廣慈宮觀競渡

庚午大定十一年春二月猷六眸龜胸有籀文王以八萬

四字。夏四月朔地震。五月天雨黃沙。冬十月殿

試。占城雍明疊來朝請王封命王遣阮蒙以兵

五千如占城 雍明疊為占城王

二

辛未大定十二年

壬申大定十三年春正月撞龍山獠叛。大黃山獠儂可來叛王親征之。九月築園丘壇於城南門以爲郊天之處。占城制皮囉筆來貢。

癸酉大定十四年秋八月競渡。大水地震。冬十月歲星犯太白。十一月占城來貢。十二月地震。

甲戌大定十五年春三月天雨黃沙。冬十二月御庫火。米價騰湧。造御天宮延富閣賞花亭。

乙大定十六年宋高宗封王為南平王至是又遣外郎阮國以賫送禮物宋高宗賜王衣帶鞍馬

丙大定十七年秋杜英武獻白孔雀。冬十月起國威行宮及孔子祠。十一月起長廊自千秋門至客樓。宋高宗加王檢校太師

丁大定十八年夏六月乙未日月相闕。詔新定律令若干條諸殿前使及官職都火頭不得服私家祿違者杖八十諸色人著青衫者杖八十徒為犒甲諸



權勢家不得擅受百姓色人等。諸王侯夜間不得來  
往城內諸侯家奴不得刺龍形於胸。

袂王章清

海行宮。大魚出東步其形如牛

戊寅大定十九年夏五月左司阮國以宋使回言臣到宋  
國見庭中有銅匱以受四方之章疏臣請陛下倣其  
制以達天下之情王然之爲置案於朝廷下令曰有  
欲言事者裁書投之旬月之間書疏填有暗投無名  
書一道曰太尉杜英武欲起兵八宮作亂得書者以

告英武英武曰公爲予奏按之久不得其人英武誣  
奏曰此必立案之人爲之王以爲然命收國以及其  
弟儀下吏治之誣服乃流國以於歸化寨未幾王歆  
召國以英武使人以醜送國以服此藥可以辟瘴氣  
國以知不免服藥而死。冬十月造真教寺。

詔以府金塗梵王帝釋像置天符天祐二寺

已卯大定二十年詔內明寺及大僚班稱呼太傅郎將工  
制崇班供奉侍禁殿直稱呼太保無官者稱呼管

甲祇侯火頭稱呼奉御掃宏呼主都。天符天祐  
寺柱流血

庚辰大定二十一年起二女及蚩尤祠於布蓋坊。

占城來貢

辛巳大定二十二年秋七月起古州法雲寺。太后薨謚靈  
照。平隆場叛命少師費公信攻破之

壬午大定二十三年詔六十以上為老劣十七至十九為  
第二等十六以下為黃男。詔自割勢者杖八十刺左

博二十三字還本色。仲夏地震。秋造眾仙臺上層蓋以金瓦下層蓋以銀瓦

癸未政隆寶應元年正月改元。禁天下不得服用假珍珠。五月宋孝宗卽位使贖禮物國書至欽州王遣使迎之

甲申政隆寶應二年春三月重修天安寺殿。芒貫江弄洛查叛命蘇憲誠討破之

乙酉政隆寶應三年春築廣照延命燈臺。秋試學生

詔徙朝東門大羅城却七十五尺築以磚石以避江水  
衝嚙。占城來貢

丙政隆寶應四年春三月辛景靈宮觀浴道浴道禮  
自此始。六眸玉字綠文龜見又獻六眸紅龜項有赤  
文腹下具五色尾端有距。獻白黑孔雀。

冬大僚阮恩獻六眸龜胸有天子萬世萬又世七字。  
獻白鵝

丁政隆寶應五年重修大興門。  
天極公主歸於諒

州牧懷忠侯

戊子政隆寶應六年獻優曇花

巳丑政隆寶應七年

庚寅政隆寶應八年季夏迎蟾宮火。占城來貢

卯辛政隆寶應九年罷浴道禮。永光殿無故自動。

孟夏詔修文宣王廟及右土祠。造太白閣。

秋七月地震

壬辰政隆寶應十年冬造貞靈夫人祠於西陽橋外

癸巳政隆寶應十一年重修太和橋。宋致書買象以備南郊函簿命大僚班尹子充費象十頭如宋

甲午天感至寶元年正月改元。宋以我越為安南國王為國王立國號自此始。降太子龍祖為保國王立

龍幹為太子龍祖性好色宮中有寵幸者皆私通焉王且惡其無禮元妃徐氏有寵后乃使祖密傳私情以惑之歆徐氏自此見疎徐氏具以其狀白王因怒廢之一日王出視朝乳母抱高宗從之高宗啼不止王脫冠

寇之乃止王奇之曰吾成業者必此兒十一月立爲太子降相爲王

乙未天感至寶二年秋七月王不豫右請復立保國王王曰爲人子而不敬其親爲人君而能愛其民乎甲辰疾大漸謂太子曰國家山奇水秀人傑地靈珠玉寶貝靡不生焉他國莫比也宜慎守之乙巳王薨於瑞光殿壽四十一廟號英宗在位三十九年改元者三塋天德府



高宗

諱龍幹英宗第六子也母瑞珠后姓杜氏王方二歲以天感至寶二年七月卽位於柩前尊母瑞珠后曰照天至理太右上尊號曰應乾御極宏文憲武靈瑞照符彰道至仁愛民理物脣謀神智化感政醇敷惠示慈綏猷建美功全業盛龍見神居聖明光孝皇帝王方冲幼政無巨細悉委太傅蘇憲誠太右有廢立意伺憲誠之出使以金帛賂其室呂氏使語憲誠憲

誠曰吾身居相位受先王顧託以輔幼主今受人之  
賂而謀廢立天下其謂我何縱使眾人皆塗其耳目  
而無知者則將何辭以對先王於地下乎太后知其  
謀之不濟然意終不改乃召憲誠謂之曰公於國家  
可謂忠矣然公之齒亦已向暮而事冲幼之君公之  
所爲其誰知之不如立長君則彼將德公之賜而長  
保富貴豈不避歟憲誠曰不義而富且貴非忠臣義  
士所樂爲况先王遺囑言猶在耳其如公議何臣不

敢奉詔遂趨而出太后乃遣促召保國公王保國且  
驚且喜遂以小舟由蘇歷江而入憲誠乃召左右官  
職都諭之曰先王以吾共爾曹戮力王室無貳厥心  
故以幼主付託令保國王以太后命謂廢主上而自  
立汝等宜盡其忠竭其力以聽吾約束用吾命者賞  
延於世違吾命者顯戮於市汝其勉之官職都皆翕  
然聽命頃之保國王至銀河門太后召並急保國歛  
入官職都止之曰未聽詔旨不敢奉命王苟自彊入

其犯之者非我也。兵也。保國聞之，漸懼而退。季秋，以太后弟安順爲開內憲國侯，以憲誠爲太尉。

太覽山神光見。孟冬，盟國人於龍墀。

丙寅，貞符元年。宋孝宗賜王安南國王之印。太尉蘇

憲誠獻白雀殿前，指揮使黃國獻白鹿。

丁酉，貞符二年。占城人入乂安州界。獻六眸龜，項有

朱文。上源州首領楊倚叛。

戊寅，貞符三年。仲夏，以生日爲乾興節。

丁酉

己貞符四年孟春地震。仲夏增修真教寺詔以其  
寺爲英宗忌辰行香所。六月甲辰兩日並見。己酉  
太尉蘇憲誠卒輟朝七日清膳三日初憲誠寢疾  
唯參知政事武贊唐夙夜侍側諫議大夫陳忠佐以  
事務煩劇不暇存省及疾篤太后問疾曰如有不諱  
其誰代之憲誠曰平日所知唯忠佐而已太后曰贊  
唐日侍湯藥而公言不及何也對曰陛下問其可否  
故臣言及忠佐如問其侍養非贊唐而誰太后雖嘉

其忠竟不用其言乃以杜安順聽政。禁魚鹽鐵器  
不得至源頭博易。王與太后觀僧官子弟試誦  
般若經又御鳳鳴殿黃男辨寫古人詩及運算。

孟冬又御崇章殿試三教子弟辨寫古詩及賦詩  
經義運算等科。戊戌獻三足六眸龜

子庚貞符五年詔三教修大內碑文定王侯八朝例  
夏以令書家阮午為副行譴。孟秋大水永光會仙  
二敷地震。冬以渭龍州首領何公輔尚華陽公主

辛  
貞符六年夏四月癸亥入南斗。大饑<sup>十五</sup>民死殆半  
貞符七年春三月以玉堦員外郎蕭汝翼為評  
簿司。夏杜安順進白鴉。以中書火朱遂良為中書  
省令書家以杜安順為太師輔政長人畏其威允  
有獄訟胥吏追不逮者安順命中車兒追之即立至  
長優人戲以一人為刑部尚書差胥追獄不至曰汝  
何不稱為太師中車兒乎如其言果獲。冬十二  
月壬寅王初御經筵。禁不得殺牛不得以黃線

避衣裳

卯發貞符八年春蟲結窠子於二林寺木上色如金銀  
甲貞符九年冬司蒙柵鄭柵烏米柵叛王命太傅王  
仁慈討之仁慈以州人范品屯翁仲陞張顏范杜屯  
沛鄉設松屯可老仁慈直攻蕩沛萬米二柵拔之至  
羅旌寨為獠所襲官軍大敗仁慈奔至安檜山陷於  
海為獠所刺而死山獠相謂曰今日有一婦人為我  
所刺亡卒知仁慈已死徧求山澤間果得其屍仁慈



宦官也故似婦人。雨黑水。猷連穗禾穞長七尺

五寸

己貞符十年春建寧王龍孟帥兵一萬二千餘人伐  
靈柵山獠以報羅鯨之役軍於杜家村使招諭之首  
軍丁武宮卽丁創等皆降龍孟盡擒之武等哀叫從  
人阮多錦以武等既被拘囚必當恐懼遂詬辱之而  
溺於口獠性兇悍遂嚙其陰莖多錦以手擊之武失  
口多錦亦仆地幾死於是龍孟使官職作木魚符武

等口杖殺之而脯其屍。季夏暴風大起二寺門地裂

丙午貞符十一年夏四月獲白象賜名天資象乃改元

為天資嘉瑞元年。附馬郎保貞侯杜直獻玄鹿

丁未天資嘉瑞二年仲夏太廟震。秋西域僧至王閭

其所能曰能降虎王命祇候奉御祭能長館之遣人

捕虎以試其術旬餘僧謂能長虎可伏矣能長以聞

王命築檻於永平閣使僧入檻僧方禹步誦咒向虎

前以扣其頭虎格執其杖僧因奏曰有惡人解臣咒

術請復加持然後行之王從其請僧復加持久之王歎  
窮其術一日命僧復入檻虎乃跳梁搏噬僧恐懼退却  
莫知所為倚檻而死。仲冬熒惑見

戊申天資嘉瑞三年春二月丁卯朔日有食之。獻白鴉。

夏造聖儀宮。季夏地震。大暴風。太師杜安順卒  
以太傅吳履信輔政。秋古宏甲叛

己酉天資嘉瑞四年春二月朔日有食之。夏日月色赤  
如血。地震。王命太傅吳履信都官郎中黎能長

按少師莫顯績訟能長等畏顯績不敢推究國人朝之曰吳輔國是蘭黎都官是擘按一訟莫績但弱躋而已辰王尚幼顯績通於太后故當辰畏之蘭擘二狂人名。大俚僧惠明戒日等來朝

庚戌天資嘉瑞五年春二月太后薨謚靈道。三月地震詔流莫顯績於歸化寨。太傅吳履信卒以太傅譚以蒙輔政

辛酉天資嘉瑞六年真臘國來貢 以都官郎中黎能

長爲左輔鄧秀父爲參知政事。冬十二月熒惑

犯太白

壬子天寶嘉瑞七年春正月清化古宏甲叛初甲人先見  
牛跡緣於菴羅樹尋跡視之見白牛在樹上復以他  
岐而下入於江中因忽不見州人占曰牛在下之物而  
在本上乃下而在上之象因相率以反是夏詔譚以  
蒙發清化府兵擊古宏甲以蒙命多伐蕉江中以礙  
賊船賊縱橫不復成陣以蒙急攻大破之擒其長蔡

晚等極歸京師詔晚等上木馬。冬十二月

迎蟾火疏蘇歷江。築石塘。演州胡燦叛以

蒙討擒之

癸丑天資嘉瑞八年

甲寅天資嘉瑞九年春真登州首領何黎叛命譚以蒙  
討擒之。仲夏永壽敝金龍頭發火光。秋七月以金  
銀塗梵王帝釋像安置於二寺。設競渡宴禮於後  
宮。冬觀魚於梅是日雨雹大如馬頭死者甚眾

占城真臘來貢

乙卯天資嘉瑞十年春二王御大興門設廣照燈會已  
巳御天安殿設春筵宴禮。地震。五月地又震真  
臘來貢。大疫

丙辰天資嘉瑞十一年孟秋戊寅朔明離閣震。孟冬  
試三教子弟辨寫古人詩運算賦詩經義等科賜及  
第出身有差

丁巳天資嘉瑞十二年春三月幸龍水海口造迎蹕宮及

行宮百餘所。秋詔國子入學。○進諱以蒙

將為列侯

戊午天資嘉瑞十三年諱以蒙言於王曰方令僧徒願  
共杖夫相半自結伴侶妄立師資聚類群居多為穢  
行或於戒場精舍公行酒肉禪房淨院私自姦淫晝  
伏夜行有如狐鼠敗俗傷教漸漸成風此而不禁久必  
滋甚王可其奏以蒙召集境內僧徒畱於穀倉度其  
知名者數十人為僧餘悉湮手還俗。王幸錦潭



觀魚。秋左武勝廊震。王御天慶殿治判上林院  
獄。孟冬輔國太傅譚以蒙決都護府獄於盡開外  
諒州產白錫綠銅大青

己未天資嘉瑞十四年春二月壬辛清化府觀捕象。

夏地震。秋省試學生。後宮火。以蒙獻白鴉白雀。

庚申天資嘉瑞十五年仲春壬辛玉山寨觀捕象。

李夏地震。秋設競渡燕禮

辛酉天資嘉瑞十六年

壬戌天資寶祐元年春正月改元群臣請王加尊號

夏六月地震。冬十月王幸海清行宮每夜則命樂工  
彈婆魯唱調擬占城曲其聲怨清哀切左右聞之皆  
泣下僧副阮常曰吾見詩序云亂國之音怨以怒  
其政乖亡國之音哀以思其民困今主上巡遊無度政  
教乖離下民愁困至此愈甚而日聞哀怨之音無乃  
亂亡之兆乎吾知車駕此還不再幸其宮矣後境以  
大亂果如其言

癸亥天資寶祐二年正月造新宮於寢殿西中置天瑞  
殿左起陽明殿右起瞻光殿前安正儀殿上構敬天  
殿堦曰麗瑤中啟永嚴門右起越城門堦曰銀紅後  
啟勝壽殿上構聖壽閣左構日金閣右構月寶閣周  
圍設廊廡堦曰金晶月寶閣右置涼石座閣西起浴  
堂後構富國閣堦曰鳳簫後起透垣門養魚池池上  
構玩漪亭亭三面樹以奇花異木池水通於江其雕  
飾之工土木之麗古未有也初敬天閣成有鵲巢其上

而產雛群臣因之諫曰昔魏明帝始構凌霄閣有鵲巢焉高堂隆曰詩云維鵲有巢維鳩居之今宮室初成而鵲巢之臣愚以爲有異姓居之臣願陛下遠登高堂隆之言先務克己修德後乃興其工役可也王默然良久以問宦官范東莢范東莢曰閣成而鵲巢有產其雛者此天賜陛下本支百世之休徵也王悅命促修之百姓由是益困。秋七月知义安州殿前指揮使杜清及州牧范延等上言占城國王布池

爲其叔布由所逐以備瀾二百餘隻載其妻子寓於  
几羅海口款以求救八月王命輔國太傅譚以蒙桓  
密使杜安等往議其事以蒙至几羅杜安曰布池有  
船二百隻狼子野心不可盡信諺云蟻孔潰堤寸煙  
燒屋今布池之眾豈特蟻孔寸煙之謂也願公思  
之以蒙以語清廷使爲之備清廷曰彼以難而求救  
於我宜推誠相恤今乃反見疑資無乃不可乎以蒙  
怒遂引軍還清廷相謂曰我等已忤輔國之心必有

後患不如反襲布池以爲自全之計謀泄反爲布池所覺池惧乃謂其眾曰我等以難而未求救於大國既無卹憐之義反欲虜我爲囚痛莫甚焉因伺間以誘清廷清廷使人繫舟於占城備濶以守之占城人夜以竹炬置檣區船中一夜守者疲困撤備而取占城因燒火炬投於其舟守者驚起莫知所爲皆投於水爲占城所殺及溺死者二百餘人清廷軍大潰而布池率眾亡歸其國。 九月大黃人費郎反

先是大黃人築大城門闡林邑陀渠某邑已叛遂率  
眾逃歸而反。上將軍阮保良吏部尚書徐英珥劾奏  
以蒙靈國害民莫此爲甚詔降以蒙爲大僚班初保良  
造聖日閣稽期以蒙怒命笞之保良佯爲痛甚不  
能起以蒙叱起之保良曰杖痛如此安能起乎中心  
積怨。乙未以祗候奉御陳馨爲元帥領兵討大黃  
仍命吏部尚書徐英珥平清化府兵以討之。甲寅  
英珥次路沛江口陳馨與費郎遇兩軍交戰英珥救

之皆敗為郎所殺

甲子天資寶祐三年命輔國太保杜敬修討大黃敬修  
怯懦不敢深入乃屯於越灣分軍進攻諸道而敬修  
但往來章山安老間而已又上書言盛夏暑熱師老  
糧絕王乃召還。五月又命關內侯杜英允討之又  
不克引退。黃龍見於聖日閣八月又見於聖壽殿  
飛繞御寢門及於天瑞殿御座遺爪跡殆百餘所又  
見於後宮者三引其宮女蔡娘置於殿頭。十月命



以蒙將諸道兵築壘自婆溝徑以北沿路江口抵文雷寨以禦大黃人。大風

乙未天資寶祐四年初以蒙築壘成作樓船數十艘命富良弼手居其上以長索船尾令之曰賊至則撐船過江而射之如有不利則挽其船以回及以蒙被召還京大黃人率其黨屯於北岸戍人如以蒙所教大黃人岸上鼓譟挽船卒見其勢甚盛各自驚怖棄索而走船薄賊岸而弼手盡爲所殺官軍大潰費郎

等恃其數勝遂平志王蠻獠官錐等攻拔一帶鄉村  
焚應豐宮行及倉穀部落屋宇殆盡後至蜺洞爲洞  
人邀擊大破之。秋八月王命侍衛都火頭阮謂往  
招諭大黃人謂至費卽共其豪長一百七十餘人出  
降。九月壬辰改元爲治平龍應元年是月覽山崩  
黃龍見於勝壽殿。天瑞殿成賜群臣三日燕以落  
之王願徇於貨利以賣官糶粥獄爲事諸兩人相爭田  
地產物而一人進緦者不問其情理曲直皆以沒官政

府庫財貨山積而百姓咨怨盜賊遂起

二十五

丙寅治平龍應二年春正月王御敬天閣觀拋飛圈。

二月壬子朔日有食之。三月奉天宮火。夏五月造聖勳寺。冬十月重修真教寺。是歲境內既亂而王頗好遊幸道塗梗阻無所可適乃於應明池別為應豐海清行宮日平近臣宮女以遊觀為樂又以巨舟為御舶以小舟為兩隊使宮女伶人發橈而引其左右以倣行幸之儀又以蠟封匹帛及海物之類

沉於池中令人入水取之以爲龍宮所獻群臣見其  
遊蕩無度皆畏懼莫敢言伶人武高詐謂上品奉御  
鄭寧曰適高通透池邊見一異人執手導池而行至  
菴羅樹下忽引入水高惧其溺不敢前頃之水忽自  
裂行至一處見其宮殿頭敞侍衛甚嚴高問是誰所  
居其人曰卽吾所居以管攝於此池也遂具杯盤共  
高對飲酒闌高謝求歸其人惠以欖柳送至菴羅樹  
下因忽不見其人而手中欖柳以化爲石矣乃知池

中有神物也寧驚異具奏於王王雖聞其言畧無畏懼乃使以鐵厭之至冬月池水涸王謂左右曰有能以江水漲溢於此者吾必厚賞佞臣陳宿曰臣能之王以爲然使行其法竟不驗一日王幸於此池聞城外有爲剽掠者所呼而尚耽於遊逸佯爲不聞王性雷畏每見於動止之間使生驚怖近臣阮餘自言有降雷之術會雷鳴命餘降之餘仰天誦咒而雷聲愈厲王詰之餘曰臣戒之久矣豈意彼猶彊暴如此

丁卯治平龍應三年大黃人費卽復反攻雜字邑。三月國威州賊旣可列王滿反。夏四月譚以蒙復輔政。秋八月旣尚旣主反王命大發兵攻之譚以蒙出大通道保貞侯出南冊道上品奉御范東彝出可了道祇侯火頭陳磬出扶帶道教會攻尚尚密遣人賂上品奉御范猷請以其眾歸猷猷爲力請於王王遣使召以蒙等軍還尚遂得脫自是以蒙東彝共猷有隙是歲王見盜賊盜起乃追悔前過因下詔曰

朕幼膺大業深處九重不知民事之艱難六十七自綑小人  
之言以取怨於下民既得怨朕將疇依令其改過自  
新與民更始諸有地產業之沒於官者悉還之

戊辰治平龍應四年大饑餓死者相枕。冬十月大水  
十二月宋祿州人韋智明剛攻諒州。以范猷知又安  
州軍事猷言於王曰方今天下擾亂姦賊輩起或有  
與臣妬寵私為暴亂雖臣之首領不能自保况陛下  
之恩德乎願少加聖慮容臣使得選其壯勇以自備

廢免不虞之禍王然之於是猷乃招緝亡命鳩聚盜賊號曰侯人公行劫掠無所忌憚盜賊因之蠡起而國威人亦平其徒屯於西結文雷寨人屯於拖幕江自此道路阻絕舟船不通王命上品奉御范秉彝將藤州人禦之而猷又歸古茂鄉共烘火尚主等會攻藤州藤州人請秉彝攻猷不克乃還

已治平龍應五年春正月秉彝復師藤人快人攻猷秉彝數敗秉彝怒斬其走者以徇它日復戰克之猷



奔於烘東葬籍其家而焚之猷共東葬愈增怨惡。猪洞人阮破鄰領其部曲夜盜隊舍官府財物。宋韋智剛復攻諒州。戊辰日夜見。三月日晷忽異移辰復見。丁未東葬又攻烘人尚主於術橋烘人潰主陷於淨爲何文雷所刺。王命祗候奉御陳馨微猷歸京師。秋七月東葬至京師將入奉事有止之曰王既先入猷言怒公未鮮東葬曰吾事上盡忠而反爲人譖耶况有君命吾其焉逃遂入王使執之

及其子輔囚於水院歛加以刑其將竒卜等聞之領  
兵鼓譟而入至大成門省闈者所拒卜等剖其扉而  
入王聞事急促召秉彝八金鼎堦涼石處俄而猷與  
其弟京等皆自御堂出以御槍殺秉彝及輔卜等  
聞秉彝死遂使軍士突入涼石處以王所御中車卑  
秉彝屍以御席裹輔屍由越城門出下朝東步旣而  
復入萬延宮逆王子忱王子昂歸於海邑壬寅我元祖  
大帥舟師詣京師逆王子昂母元妃譚氏及同母

妹二人歸於海邑段氏家遂於其家奉王子忱卽位  
長昆家臣劉紹就元祖及遼溱人范愚言曰忱雖長  
子庶也昆雖少嫡也唯二公圖之元祖遂與愚逆昆  
歸茫仁卽位徽稱勝王降忱爲王頃之昆復歸於  
海邑寓劉家村館以我元祖仲女爲元妃以譚以蒙  
爲太尉阮正吏爲參知政事元祖爲明字愚爲上品  
奉御蘇忠嗣爲殿前指揮使餘各有差。王命猷往  
烘路訓練軍士欲伐順流人會烘人未迎及期而猷

尚與天極公主私不覺移辰遂與烘人相失猷乃登  
舟由江路而去次古州步陸行至麻浪阿景社爲北  
江人阮稱阮乃所執送於王子昂殺之。秋八月順  
流快以乘彝之死大率舟師攻京師前軍泊於東步  
由左掖門直入禁中盜取寶物大軍泊天河步欲從  
千秋門入至雨師觀爲列侯高舸伏於軫圍射一卒  
中乳舸爲之撫掌喧譟士卒奔北而還船人疑有官  
軍來攻皆撐船離岸遇北風疾吹盡爲漂散二軍聞

舟船已失皆自奔潰京城人追殺之死者三百餘人  
庚治平龍應六年春正月勝嚴寺地震。蘇忠嗣自  
午以私受王子昂封爵恐罪及已乃勸兵攻快人因就海  
邑執王子昂等歸於京師丁未王命上品奉御杜廣  
如忠嗣家逆王子昂王子昂署官者皆逃去以蒙竄  
於安朗卿因共其屬謀捕諸受王子封爵者以贖其  
罪因移檄募諸道兵分爲五隊以攻之以蒙領若人  
及清化府人攻卽墨卿爲其所敗於是諸道兵聞之

皆引退。秋七月以蒙收所受王子封爵者二十人  
人以獻杜英允當門教之曰汝為國大臣既懷無  
君之心私受賊子封爵今反共吾並列吾雖不才復  
何顏與汝相見以蒙慚懼而退。彗星出。冬十月  
王不預壬午王寢疾忽見二青衣執杖立座側王問  
執杖者為誰左右曰無所見是夜王薨於勝壽殿年  
三十七廟號高宗在位三十六年葬天德府壽  
陵改元者四

## 惠宗

諱昊，高宗第三子也。母元妃譚氏。以治平龍應六年十月卽位於樞前，尊號曰資天統御欽仁宏孝皇帝。尊母譚氏爲太后，同聽政。十一月殯高宗於崇陽殿，王與太后及群臣皆除服。己酉，順流明字陳嗣慶帥諸師次細江，步請其舅蘇忠嗣同赴高宗之喪。忠嗣亦相疑資嗣慶，乃回軍。是月，王使迎陳仲女嗣慶，不應。以太傅杜敬修爲太尉。十二月，祗候。

奉御杜廣等執敬修送於嗣忠況之大通步以敬修  
謀殺嗣忠故也。丁巳忠嗣聞開內侯杜世規與祗  
侯奉御杜廣小侍衛人火頭費例謀廢立因引軍  
至興聖菴遇廣例欲襲之以廣例軍眾乃陽與謀曰  
主上初喪民情未定盍各屏兵甲自詣朝省同謀協力  
以匡王室不亦善乎廣例以爲然遂許諾會日暮約  
以明早是夜忠嗣更增軍士多於前日欲圍廣例明  
日廣例如約先會於秘書閣以待忠嗣忠嗣至四達



亭先遣裨將陶判將兵由右掖門入屯沙墀龍墀使  
阮字阮拖羅屯千秋門辰例方飯見列侯高舸命  
之食舸曰事急矣食可乎例問故曰忠嗣軍士倍於  
前日款圖子矣例乃投箸而起執戈就龍門窺之見  
陶判軍鼓譟而八例進擊殺一人退保門內又聞千  
秋門有屯軍遂由越門出延其門爲判軍所追例以  
戈擊之又殺一人判軍少止例至千秋門遂脫判引  
軍襲世規世規竄於高宗樞下求之弗獲忠嗣執其

守殯闔豎問世規所在豎猶畏世規乃佯以手加額  
而指之隨指而求乃獲世規忠嗣命斬於東市先斫  
二脛次解胸脊及臂世規神色自若後剖其腹乃死  
是日忠嗣收小侍衛人譚入殺於長廣門外以八附  
於王子忱杜廣亦殺寄班武利於門外。己未以忠  
嗣忠招討大使譚以蒙為太尉。辛未詔斬杜英先  
尹亭阮元阮仁於封坡。進以蒙王爵

辛未建嘉元年春正月王復使迎陳仲女嗣慶不應。

乙丑送文臣為都護府士師。癸酉復迎陳仲女嗣  
慶使內殿直馮佐周其禪將潘隣阮硬送仲女於  
京師會忠嗣與廣戰於朝東門乃泊於大通步。己  
卯忠嗣假兵於隣硬廣軍大潰閏月護廣等。庚寅  
立陳仲女為元妃。辛丑王與太后御景廵門聽杜廣  
訟廣等七人皆斬。三月以招討大使關內侯蘇忠  
嗣為太尉。夏四月葬高宗。阮字偏將阮毗告  
忠嗣曰字欵殺公女壻阮麻邏因而反忠嗣怒奪字

兵權字俱奪國威。六月忠嗣夜如嘉林第與天樞  
公主私通爲其夫開內侯王尚所殺辰字聞忠嗣已  
死乃還京師夜帥部黨恣御府貨物王怒召捕字  
字甚急字竄於枯柵山獠數月衣食窘乏將謀歸嗣  
慶至灘邑邑中父老遠道請留曰此地困於山獠久矣  
明公苟能少留則一帶邑皆蒙全活其德公者不少  
字乃決意居之大會邑人屠牛軟血而盟喻以利害  
眾皆許諾字以其得眾乃引兵攻破山獠斬首而還

又爲莽人數十餘各執火炬夜置山撩柵使人守之  
戒曰汝瀋見山燎屋火起則速燃其炬而誼課夜半使  
阮局焚山撩屋守者見火發亦燃其炬而課山撩驚起  
倉皇欲拒戰疑前後兵眾不敢出俱向柵前而射又  
恐字引兵至乃降自此一帶郡縣皆爲字有阮麻  
邏以忠嗣之死往說我太祖請進兵安輯快諸邑麻  
邏與其妻蘇氏登舟歆如順流道遇忠嗣將阮貞爲  
所殺遂虜蘇氏以歸蘇氏使訴於太祖太祖怒貞非

義遂謀圖貞嗣慶莖忠嗣於獲卿太祖次海邑使  
召貞貞不至乃使蘇氏誘以殺之。烘人攻黃點隘  
嗣慶使賴靈率兵共快將阮堂拒之堂為守隘人所  
擒以致於烘嗣慶怒決江水灌諸邑而還快人失望  
歸附於烘尚與文雷乃譖嗣慶於王曰嗣慶將發兵  
赴京師欲圖改立王怒秋七月詔諸道兵討嗣慶降  
元妃陳氏為御女。烘人改尚改文雷引兵會師詔  
進尚侯爵。太傅戶翊罷詔譚以蒙復聽政。 嗣

慶引兵伐麻雷人丁感敗之而還。冬十月三十五年嗣慶復伐其邑先敗隊山殺獲甚多感奔山獠。烘人攻南冊范武等降之使其將改持耒守之持耒不能招集其眾為武所襲殺持耒於芮邑烘人又平眾渡江攻南冊南冊人竄於奇特山武縊而死南冊人使求救於嗣慶嗣慶使其將丁瑰將兵擊烘烘人敗走又經畧諒州至三崎山盡有其地十二月嗣慶大發兵次細江步太后聞軍至疑有廢立意嗣慶乃剪髮誓天

又使天貞公主奏言已意無他太后亦不之信太后夜  
令收仁國王及王子第六郎第七郎並沉於御堂  
井以杜改立之萌既而使舁其屍積於琳光宮門外  
侍臣皆畏太后不敢視惟小官鄭道哭之甚哀曰先  
君焉往使三子如是乎高宗初薨童有謠曰高宗莖  
未畢三屍積為一

壬建嘉二年春正月王及太后幸冷涇洲百官就其  
洲迎駕還宮。順流明字陳嗣慶與阮字會於朝東



步誓爲刎頸交盡忠報國共平禍亂乃分大江之  
兩岸各自統平自上塊至那岸沿北江道及陸路鄉  
邑屬於嗣慶自京岸至烏鶯屬於字期以三月會攻  
烘人。庚戌進嗣慶侯爵謚彰誠。以太右弟譚  
經邦聽政。嗣慶還細江步。丁瑰攻諒州降之掠天  
極公主家財物而去。二月宇攻吉利人吳賞于武  
高爲流矢所中乃還西居陽巷旬餘誤其婦人合  
毒氣復發而卒王使人招撫其眾爲其佐阮苟所殺

王大怒自將討苟于西陽城外至普喜巷官軍大敗  
失王所御寶劍王策馬而還至窰作巷乃脫王與太  
右幸東岸大僚班杜賞第欲幸諒州嗣慶聞之乃引  
軍至京師使其將賴靈潘鄰等兵至賞第迎車駕  
還宮王驚疑是夜幸諒州靈鄰等執鞍叩頭請留乃  
止明日彰誠侯陳嗣慶次東岸步迎之乃還駐駕於  
慈詞步嗣慶使人洒掃聖儀宮車駕居其宮王與太  
右詣佛前誓曰朕以菲德忝嗣瑤圖致遭亂離將墜

前業以至宮駕屢為播遷令歆遜於天位以讓賢  
德言訖引刀歆剪其髮嗣慶及群臣皆叩頭流涕乃  
止。庚午車駕還宮。彰誠侯嗣慶次於鶴橋是日  
命文武百僚皆聽命於彰誠。夏四月嗣慶攻烘人  
於池邑。冬十二月譚經邦等以內明字庄信翊罪  
狀聞於嗣慶嗣慶怒發兵傅龍城使殿前指揮使阮  
硬將官職都入禁中大呼曰信翊阿護上意濁亂國  
經出八樞庭不明名分臣請除之毋污清議信翊大

懼乃竄於香閣上硬突入捕送於嗣慶繫鐵索五重  
送於美祿館

癸酉建嘉三年春正月太后密遣小侍衛火頭王常微  
扶樂道將潘世北江道吳乃等約以是月甲寅共發  
兵襲嗣慶甲寅常世等進襲嗣慶軍於大興門外款  
因之遂入後宮擒其母蘇氏范市知其謀乃潛將蘇  
氏踰城登舟而道辰軍中不設備見乃至皆奔潰嗣  
慶在大通步不之知。辛酉嗣慶引軍入禁中焚翫

蹇橋回軍大通步。嗣慶使人如北江召其將阮嫩  
嫩至繫以鐵索五重。壬戌王命上塊營太尉王以  
蒙及烘侯改尚皆來會王命尚及以蒙攻嗣慶。二  
月王自將擊嗣慶於米所。嗣慶攻國威州降之。

三月王與太后還聖儀宮。乙丑嗣慶縱信翊歸京  
師因厚賂而謂之曰公此歸善為吾言於白宮明其  
始終臣節勿聽小人之言使余得以保全性命。信翊  
至京王問嗣慶信翊言嗣慶有篡逆之心王與太后

並忌之。庚午王太后還大內。夏四月王命以蒙  
往并州調三帶江諸軍以攻嗣慶。五月丁卯越城  
門震。六月正儀殿震。秋七月以戶信翊復爲太  
傅進侯爵。南柵人范以等擊丁瑰走之。九月嗣  
慶開阮嫩鐵索嫩爲人狀貌瑰異襟量倜儻雖居縲  
紲神色自若見勇士跳距帶鐵索跳之過於勇士嗣  
慶見而異之復以爲將以母姨之女妻之仍授以神  
漢介晏二邑嗣慶將丁瑰反嗣慶執而殺之

甲戌建嘉四年正月彰誠侯嗣慶會諸道兵盟於東扶  
列杜太尉祠歆攻京師嗣慶分水陸二道潘鄰阮嫩  
將國威兵由平樂道攻陸路嗣慶自領舟師次拖幕  
江我太祖及嗣慶攻瀘江右岸陳守達陳猷琛阮硬  
攻瀘江左岸王犁阮改攻朝東步浮梁王自將討嗣  
慶會大霧黑昏舟人莫辨至米所遇犁改軍未交戰  
犁改鼓譟勅兵官軍自潰軍士皆棄舟登陸而走犁  
改獲龍舟我太祖歆進攻瀘江右岸至安沿步遇譚以

蒙及安仁王領北江道諸軍來悉以銳師逆戰二軍  
皆敗守度猷琛等乘勝進至慈調步又克之隣等  
遂至榔市遇烘將段禁武忽等擊之皆敗走度東步  
浮梁而歸辰王在茶亭聞諸軍皆敗大懼命駕入禁中  
迎太后共上船歎奔諒州當過天德大室以蒙慟哭  
止之曰諒州道路遼遠地多瘴氣非其所安今陛下  
避難而道彼譬如逃熱而趨火有何益乎願少留於  
此使臣等平烘人復共彼戰以爲後圖萬一不利然



後行幸亦未為晚王從之以蒙召烘人不至因奔於  
烘上深以為憂己卯幸諒州車駕至芮曳御阮順第  
少歇是夜又行至多感鄉鄭農家農造饌食畢又去  
宿朱麻洞陶年第嗣慶在鶴橋分命將帥招撫諸道  
新集兵賴靈守義住潘鄰守超類守度守朗陞范若  
守貧陞阮嫩守北江辰守度遇烘人改尚改文雷改  
可如兵共戰烘人奔北王聞嫩守北江遂命安鐵將  
申長申芎等拒於芮曳原並為嫩所殺王乃與太后

奔於牧寓開內侯王尚第數日嗣慶乃剪髮使人以  
獻於王及具言已意謂臣見小群在側壅遏忠良蔽  
惑聖聰民情鬱抑無由上達故因國人之怒起兵以  
討此輩翦除禍根以慰眾心耳至于君臣之分不敢  
少犯豈意深負專征之罪致使車駕播遷自揆臣身  
罪當萬死願陛下少霽威怒返駕京師以副人望王不  
省。嗣慶又使譚經邦平百官備法駕迎王還京王  
欲從之群臣皆喜信翊言於太后曰彼人久蓄異心

欵設計以俘囚耳何謂迎耶願陛下再三思之四十一太后  
然之明日王命駕還入白太后太后曰王以國家之  
重不得不歸老母將何歸乎王知太后無還意遂與  
之幸古弄經邦等皆遮道攀馬首涕泣曰京師方所  
觀望也舍此不歸欵將何往又曰臣觀嗣慶之心忠  
赤無二陛下何疑焉王油然下駕謂群臣曰國家不  
幸遭此多故今太后遠涉艱險朕其敢離朝夕之省  
聞哉促駕而行辰扈駕者多散去惟內侍判首陳欣

等三十人共俱王與太后登舟辛三峙山寓黃伍舍  
久之以水土不便乃退次湯步是夜脫駕於象奴村  
二月辛未車駕入鳳山旬餘復還南冊。戊申彰誠  
侯嗣慶召諸王及百官議改立乃使人迎英宗子惠  
文王赴鶴橋立之。是日收太后族譚經邦等並加  
鐵索囚於美祿。癸亥盟國人於龍蟠三月惠文王  
卽位於大安殿改元乾寧號元王是日大雷雨。洪  
人改軟攻北江東定山東究人不設備見軟來以爲

大軍齊至遂大潰軟素勇悍得勝益驕四十一遂焚屋舍  
殺掠鷄犬殆盡因解甲登山寺撞鐘爲臬辰諸寺戍人  
皆撞鐘嫩聞鐘以兵邀而擊之殺軟等嫩乘勝追之  
至法橋爲洪人改宜伏於橋下以戈擊之透鐵甲傷  
背引兵而退初嫩以東宛共烘接境恐烘人掩襲救  
之不及預戒戍卒曰見烘人則各撞寺鐘以爲警急  
令嫩聞而來救至是軟誤撞寺鐘故爲所敗。夏四  
月廿歲將軍潘具反嗣慶囚之於美祿廿歲將軍杜

備反嗣慶使潘隣捕之為其所敗復使賴靈往救之  
又敗太祖以二軍之敗乃自將擊之不克而退。北  
江阮嫩反嗣慶因歸其妻嗣慶殺義信王於密澤以  
其共嫩通謀是日嗣慶發兵畧官府金銀貨物因迎  
元王赴利仁行宮使賴靈焚京都宮室十九所。嗣  
慶次大通步築壘於義住。嗣慶將潘隣欲舉兵應  
嫩謀泄嗣慶斬於大通州。六月嗣慶攻嫩於聖儀  
宮焚其宮。丙午王其太后自南冊回宿於太室是

日以北江道將軍阮嫩爲侯。丁未至大內四十三太后密  
詔扶樂道將軍潘世誘烏金侯阮八殺之擊八傷頰  
賴士卒急救遂免。秋七月戊辰詔築壘自萬春城  
門至葢市以禦嗣慶。八月北江侯嫩攻烏金侯八  
於西陽橋。己酉嗣慶使譚弼獻土物。九月嗣慶  
使阮硬送經邦還京師具言已意無他王聞硬至益  
懼遂幸番琴巷尹播家硬去乃還宮。壬寅試僧官  
子弟。癸未左輔阮正吏擅取武庫器械詔捕之正

史俱奔北江。丁亥嗣慶引兵犯闕王與太后率兵  
會。是日嗣慶縱軍士虜御府財物。因焚其宮室。及京  
城人家殆盡。己未王與太后還京師。見宮室盡為  
焚蕩。遂次泰和橋。側祝聖祠。使築茅屋居之。

乙亥建嘉五年春正月詔曰陳嗣慶聚兇黨寇掠京師  
水陸戰攻痛關宗社爰於去冬慮敵逾熾平彼師徒  
肆行貪虐虜掠我財物焚蕩我宮室以至京城巷陌  
化成灰燼朕因億兆臣庶之怒賴一祖六尊之靈躬



舉兵六師親行征討。咨爾將帥之眾，士卒之徒，咸聽  
詔言，各盡乃心，用塞朕意。嗣慶引軍屯宛，連分其  
將士屯九皋。宛翁以禦，嫩仍遣快路將軍阮堂阮訛  
守地民堂，訛復與嫩通謀以攻嗣慶。嗣慶又使賴靈  
守安沿扶列，自往攻堂，訛及嫩。王使人攻安沿扶  
列，克之。二月，封北江侯嫩為王。義住人朱停以  
其邑附嫩。三月，嗣慶攻快，擄之。堂與其子吐吐  
降。於是嗣慶遣堂，訛築黃壘，安刺築安家壘，楊慈

築公主壘。嫩又攻制及堂。毗皆克之。嗣慶聞堂敗，乃引兵救之。仍使其將守慶，獻琛、陶、判屯於欄橋。攻嫩將費探敗之。五月，嗣慶以其妹陳三娘妻於堂。王謂群臣曰：朕欲遜於位，卿等以爲何如？群臣皆涕泣止之。王不聽，乃與太后引刀剃髮。是日，王自秦和營幸張耕鄧老第，回駕西陽橋，紙作巷，內寄班杜安宅。嗣慶大黃軍潰，其將阮堂溺死。秋七月，嗣慶焚洞仁宮。王使迎靈仁太后神主歸於祝聖祠。冬十

月聽上林院獄。十一月嗣慶送還平天冠。十二  
月構草殿於杜安宅

丙建嘉六年春正月王與太后御草殿視朝嗣慶還  
子金椅。三月雨雹王命捕劫人於機舍巷爲杲將杜  
乙所擊王命召乙乙不應命顯信王入討乙乙終不  
服。五月杲將杜苒攻王。戊午王幸外寨因遣使  
請兵於嗣慶以討苒苒奔於嫩。己巳徒列侯杜苒  
爲犒甲。甲辰王與夫人陳氏夜如順流軍歸嗣慶

王大怒自將討蜀于西陽城外至普喜巷官軍大敗  
失王所御寶劍王策馬而還至窰作巷乃脫王與太  
右幸東岸大僚班杜賞第欲幸諒州嗣慶聞之乃引  
軍至京師使其將賴靈潘鄴等兵至賞第迎車駕  
還宮王驚疑是夜幸諒州靈鄴等執鞵叩頭請留乃  
止明日彰誠侯陳嗣慶次東岸步迎之乃還駐駕於  
慈調步嗣慶使人洒掃聖儀宮車駕居其宮王與太  
右詣佛前誓曰朕以菲德忝嗣瑤圖致遭亂離將陞

丹鳳。冬十二月進我太祖爵列侯馮佐四十一周賴靈並  
開內侯以嗣慶為太尉贊拜不名太祖長子柳為開  
內侯嗣慶長子海為王又以太祖為內侍判首每大  
宴禮賜坐局天安殿

丁建嘉七年夏四月太尉分諸軍為六道討嫩嫩引  
兵出其不意擊范思思軍陷於冷徑注潭口為嫩所殺  
者五十餘人嫩乘勝復襲隘道遇太尉軍交戰嫩軍  
遂潰。王御涼石座聽范思思敗軍訟敗思小侍衛人

杖八十。仲夏烘人改尚舉眾降封尚為王。太尉引兵攻峰州真那其皆拔之。丁卯峯州諸屬邑皆出降。太尉復引軍攻顯信王八克之八奔安樂柵。自此一帶鄉邑悉平。起萬歲山五峯。未壽殿火。

孟冬甲寅夜地震。王觀魚於隊山

戊寅建嘉八年仲春以麻論柵山撩明字白浪為列侯。孟夏幸宛連州觀捕魚。戊寅幸舊京食荔支。詔諸獄案成先令審刑院官預加考訂然後聞奏。己

未地震。我太祖領諸道兵圍嫩於北江北江仍命決其  
隄以灌諸鄉邑賴靈隨其水勢攻之嫩軍大潰獲嫩  
妻子嫩以百餘人退保扶寧是日太尉引兵至弩驛  
歇坐戲指木上小枝謂左右曰吾爲君等射中此枝  
一發而中眾皆驚服坐頃其驛爲額壓覆太尉眾大  
惧撒尾木以出之而太尉無恙。以闕內侯賴靈知  
父安州事太祖與太尉嗣慶以其妹陳三娘嫁烘侯  
跋文雷文雷勇敢有智畧能得眾心故烘人多歸之

七月大水

乙卯建嘉九年春二月丙辰雨雹。乙丑王聽都護府  
訟降上林院士師阮宣及其子鄧分盛為書家。夏  
六月以劉國為上林院士師。乙丑王幸蓋京朝東  
步觀諸軍攻嫩不克。南冊范以卒初太尉使王犁  
等將兵向南冊共以會謀共伐嫩會以疾篤嗣慶使  
醫石章往治之未至而卒乙巳嗣慶發兵往南冊道  
遇犁等遷怒其不當欲刑之因使將軍阮改阮木引



兵徑至平槁辰嫩已先據其邑改木力戰爭之嫩兵  
自潰太尉自陸路向安丁橋遇將軍自挑謂嫩兵已  
傳於安丁洞太尉使攻之不克太尉復攻平槁南冊  
將黃个卒阮利皆出降南冊平。仲秋王御長廣門  
觀秋社。冬十二月嫩病篤太尉軍於朝東步而嫩  
已死庚午嫩將費探送太后及王子公主等於太尉  
以降嫩大將阮盈竄於侍降險林逾五日自度計窮  
乃獻名馬以降北江平

庚辰建嘉十年春正月以上品奉御陳豹為關內侯陳  
琛為列侯阮佐辰知審刑院事。李春雨雹。三  
月後宮震。夏四月太尉嗣慶與太祖等發兵攻歸化  
寨何高分為二道太尉及太祖由歸化江賴靈潘具  
由宣光江兩道俱進具陷於澤為高將阮乃所斬高  
聞太尉軍四面圍之最急遂與其妻子俱縊而死自  
是上源路三帶江等皆平太尉以潘具死國請追封  
明信王。六月己未朔兩日並見。

仲秋新宮成

冬十一月壬辛扶列步闕舟

巳<sup>年</sup>建嘉十一年季夏惠文王薨卽王位也輟朝五日  
清饘三日。秋九月戊申辛美祿太尉第

壬<sup>年</sup>建嘉十二年秋八月彗星見於西南方。孟冬王  
與太后御天安殿觀太尉子顯道王海緝昏書。九

月大水

癸<sup>年</sup>建嘉十三年春正月太尉使人收贖信侯賴靈靈  
縊而死。孟冬太尉伐蒙柵山篠。十二月己卯輔

國太尉陳嗣慶卒於扶列第五王與太后臨其喪哭之甚哀謚建國王。己丑地震。是冬虎入諸村邑

甲建嘉十四年春正月丁未葬建國王於美祿是春以太祖爲輔國太尉馮佐周爲內侍判首進上品侯陳豹爵爲王謚顯誠。季秋自上源頭至京師江水赤如血。冬十二月外寨佛跡山裂長三十丈

乙建嘉十五年命太祖討又安州降之。王御大興門觀設藏龜詔境內淑女觀之。夏彗星見。六月

王遜位於第二昭聖公主謚昭王尊王為太上王改  
元天彰有道。己卯盟國人於龍坪。冬十二月上  
王以女王而幼為憂召馮佐周謀曰朕以不德獲戾  
於天絕無繼嗣傳位於女以一陰而御群陽眾所不共  
必致悔亡以吾觀之莫若遠法唐堯近體仁祖擇其  
賢者而授之今所見太尉仲子某年雖冲幼相貌非  
常必能濟世安民欲以為子而主神器仍以昭王配  
之卿等為朕言於太尉太祖亦未之信左輔阮正更

謂太祖曰阮氏之有國也賢君六七作其餘德遺澤  
入人也深一旦遽以異姓爲嗣意其試之以觀我何  
何如耳苟因而受之天下必謂太尉寔有篡逆之志  
太祖欲從之上品奉御陳守度曰左輔之言非也假  
如上王有子反欲遜於二郎揆之於義則不可奉詔  
今以無嗣欲擇賢而付之此乃上王遠法堯舜之真  
讓又何疑哉况天位不可久曠而上王遜避之意已  
決別選他姓爲嗣雖欲不臣事之其可得乎且上

王以二郎爲嗣乃天意也天其不取反受其咎願太  
尉燕思之冬十二月命內侍判首馮佐周內行遣左  
司郎中陳智宏將內外文武臣僚領龍舟備法駕赴  
屋置府迎我太祖以是年十二月初一日受禪卽位  
於天安殿尊順貞王后爲太后降昭王爲昭聖王后  
改元建中太上王與其母譚太后出居扶列寺號惠  
光禪師以建中二年八月丙戌薨於善教寺廟號惠  
尊在位十五年有奇改元者一曰建嘉九十五年壽

三十三殯於安葬府寶光寺

石阮朝自太祖至惠宗九八主始庚戌終乙酉共二百一十六年而亡

越史畧卷三終



附陳朝紀年

太祖

建中元年乙酉

九七年

天應政平元年壬辰

九十九年

元豐元年辛酉

九七年

紹隆元年戊午

九十五年

聖宗

寶符元年癸酉

九六年

紹寶元年己卯

九六年

仁宗

重興元年乙酉

九八年

英宗

興隆元年癸巳

九二十一年

明宗

大慶元年甲寅

九十年

開泰元年甲子

九五年

憲宗

開祐元年巳巳

九十二年

裕宗

紹興元年辛巳

九十七年

大治元年戊戌

九十一年

天定元年巳酉

九一年

太王

紹慶元年庚戌

九三年

睿宗  
今王

隆慶元年癸丑  
昌符元年丁巳

九四年  
五十三



## MỤC LỤC

<i>Mấy lời của người dịch</i> .....	5
<i>Tứ khố toàn thư tổng mục đề yếu</i> .....	13

## VIỆT SỬ LƯỢC

*Quyển I*

<b>NHỮNG SỰ THAY ĐỔI TRONG NƯỚC BUỔI ĐẦU</b> .....	17
--	----

### NHÀ TRIỆU

- Vũ Đế .....	20
- Văn Vương .....	21
- Minh Vương .....	21
- Ai Vương .....	21
- Thuật Dương Vương .....	22

<b>CÁC QUAN CẠI TRỊ CÁC ĐỜI</b> .....	24
---------------------------------------	----

### NHÀ NGÔ

- Tiên Vương Ngô .....	47
- Dương Bình Vương .....	48

- Hậu Ngô Vương:  
Nam Tấn Vương và Thiên Sách Vương ..... 48

**THẬP NHỊ SỬ QUÂN..... 50**

**NHÀ ĐÌNH**

- Tiên Vương ..... 53
- Vệ Vương ..... 56

**NHÀ LÊ**

- Đại Hành Vương..... 59
- Trung Tông..... 64
- Ngoại Triều Vương ..... 65

**VIỆT SỬ LƯỢC**

*Quyển II*

**NHÀ NGUYỄN (NHÀ LÝ)**

- Thái Tổ ..... 71
- Thái Tông ..... 78
- Thánh Tông ..... 88
- Nhân Tông..... 99

**VIỆT SỬ LƯỢC**

*Quyển III*

- Thần Tông ..... 139
- Anh Tông ..... 142

- Cao Tông .....	154
- Huệ Tông.....	177

• *Phụ* lục **TRẦN TRIỀU KỶ NIÊN**

• Các sách tham khảo chính để chú giải "Việt sử lược"..	219
• Nguyên bản chữ Hán.....	221
• Mục lục.....	468

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN DUY TỜ

Chịu trách nhiệm bản thảo:

LÊ VĂN ĐIỂM

Biên tập:

LÊ VĂN

Trình bày:

PHẠM THỊ PHƯỢNG

Vẽ bìa:

VĂN SÁNG

Sửa bản in:

NGUYỄN HOÀI THANH

---

Tổng đại lý phát hành:

Nhà sách Đông Tây • 62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội.

ĐT/Fax: (04) 7733041

---

## VIỆT SỬ LƯỢC

Trần Quốc Vượng *phiên dịch và chú giải*

Đình Khắc Thuần *đôi chiếu, chỉnh lý*

Nhà xuất bản Thuận Hóa, 33 Chu Văn An - Huế

Trung tâm VHNN Đông Tây, 8/91 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội

*Việt sử lược* là bộ sách lịch sử vào loại xưa nhất do người Việt Nam viết còn lưu truyền được đến nay, nó đóng góp những tư liệu quý giá cho việc nghiên cứu lịch sử nước nhà, nhất là lịch sử buổi đầu tự chủ, được GS.Trần Quốc Vượng dịch ra tiếng Việt từ những năm 50 thế kỷ trước. Trong thời gian thực hiện tái bản bộ sách thì giáo sư qua đời (ngày 8-8-2005). Công trình này là nén tâm nhang tưởng niệm một con người có nhiều cống hiến cho nền sử học Việt Nam.

---

In 700 cuốn khổ 14.5x20.5 cm tại Công ty cổ phần in thiết bị  
giáo dục khuyến học

Giấy phép xuất bản số: 26/41/XB-QLXB cấp ngày 14/1/2001

In xong và nộp lưu chiểu tháng 9 năm 2005



# Việt sử lược

TRẦN QUỐC VƯỢNG  
*địch*

DESIGNED BY VANSANG

Giá: 55.000đ